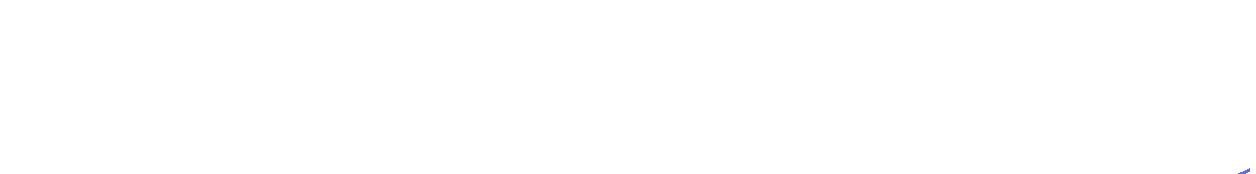
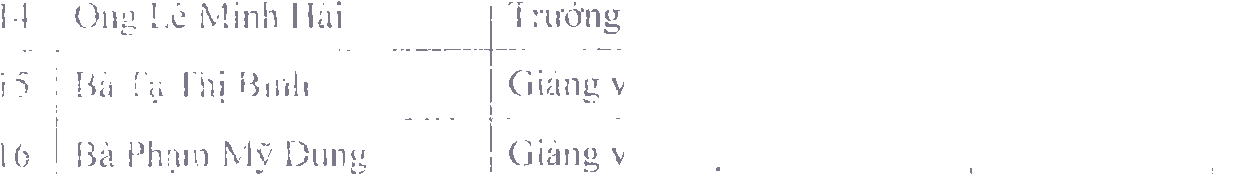
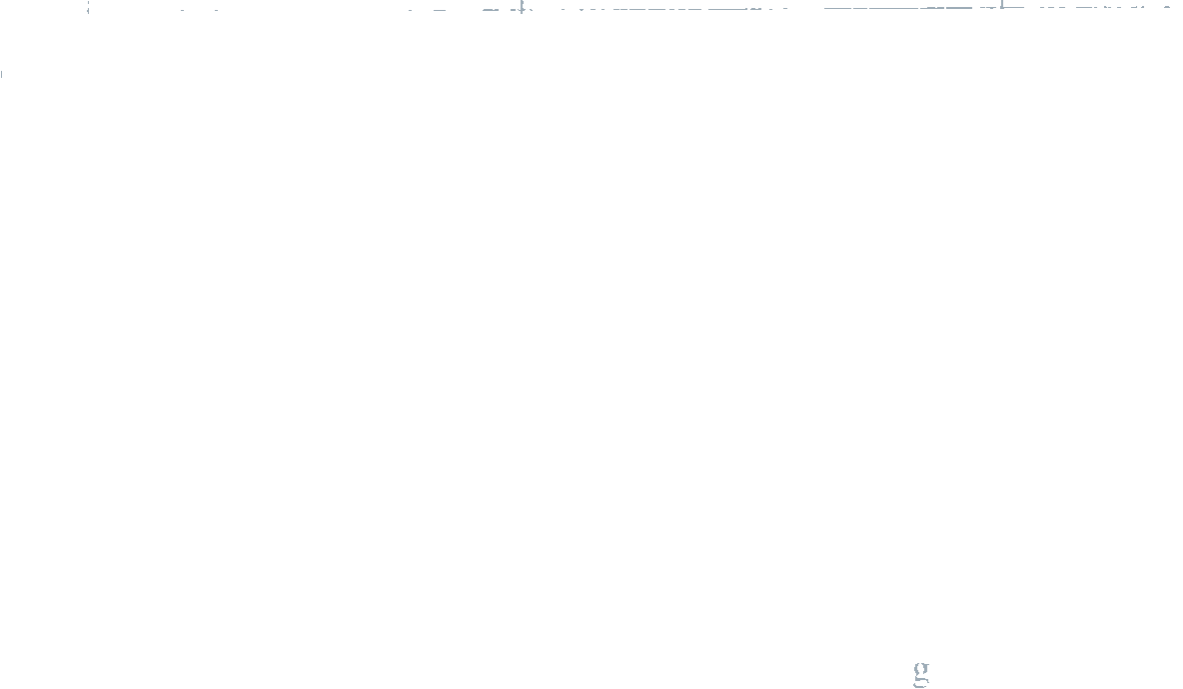
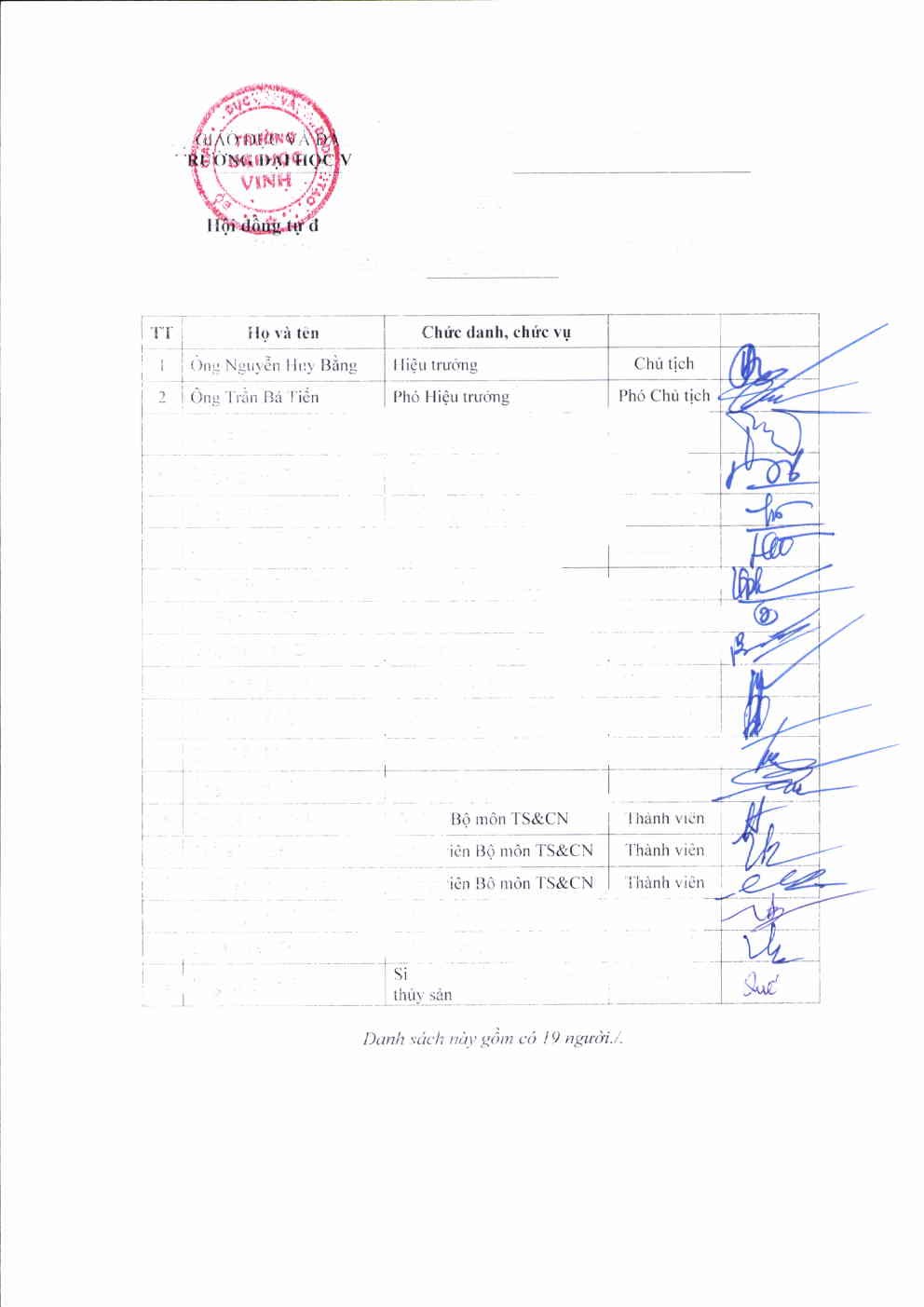
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

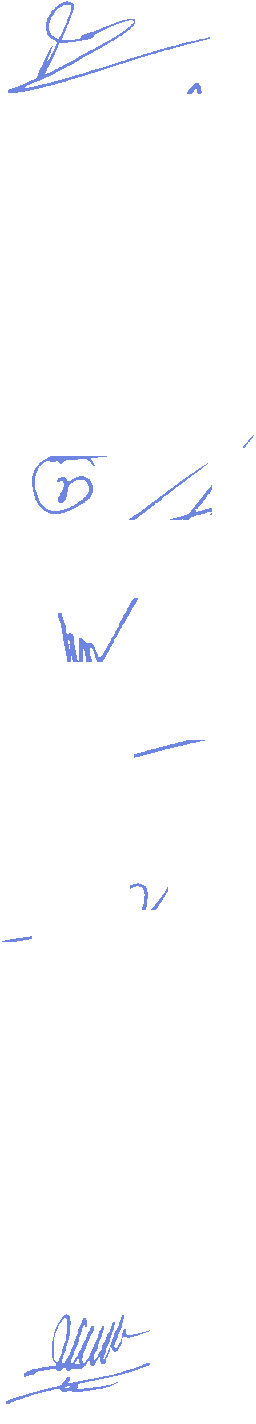
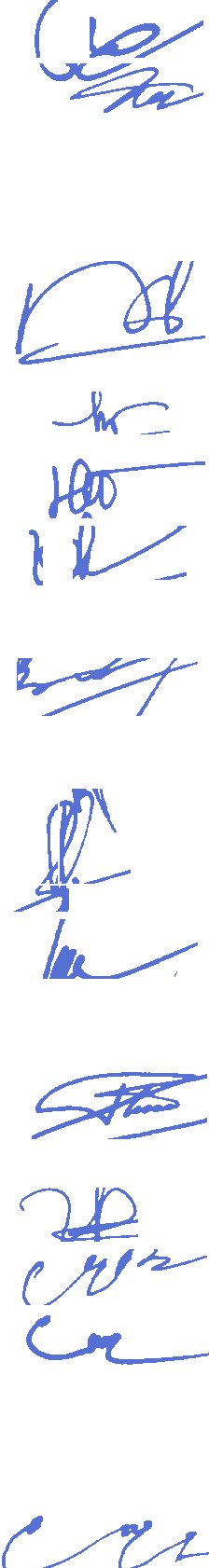
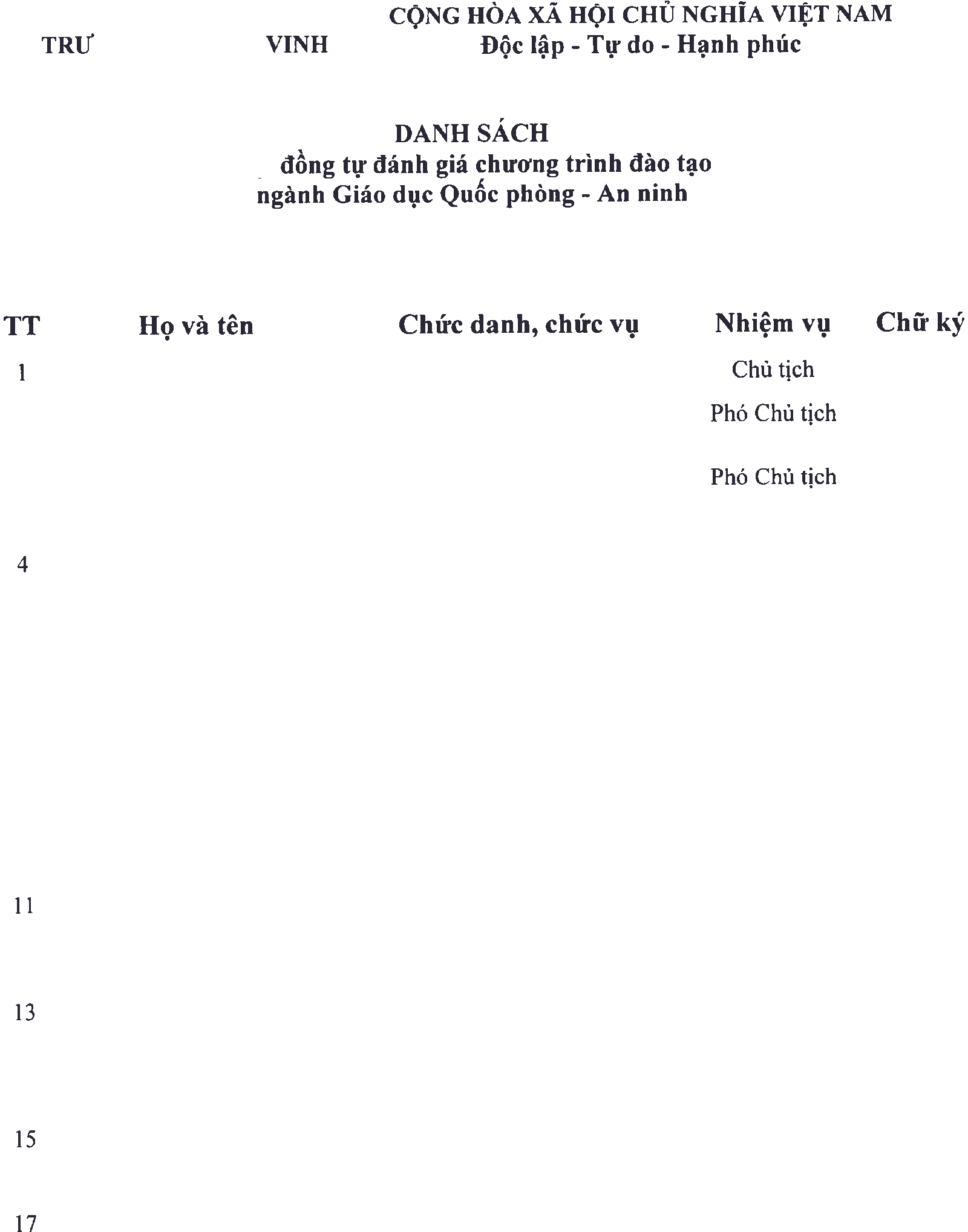
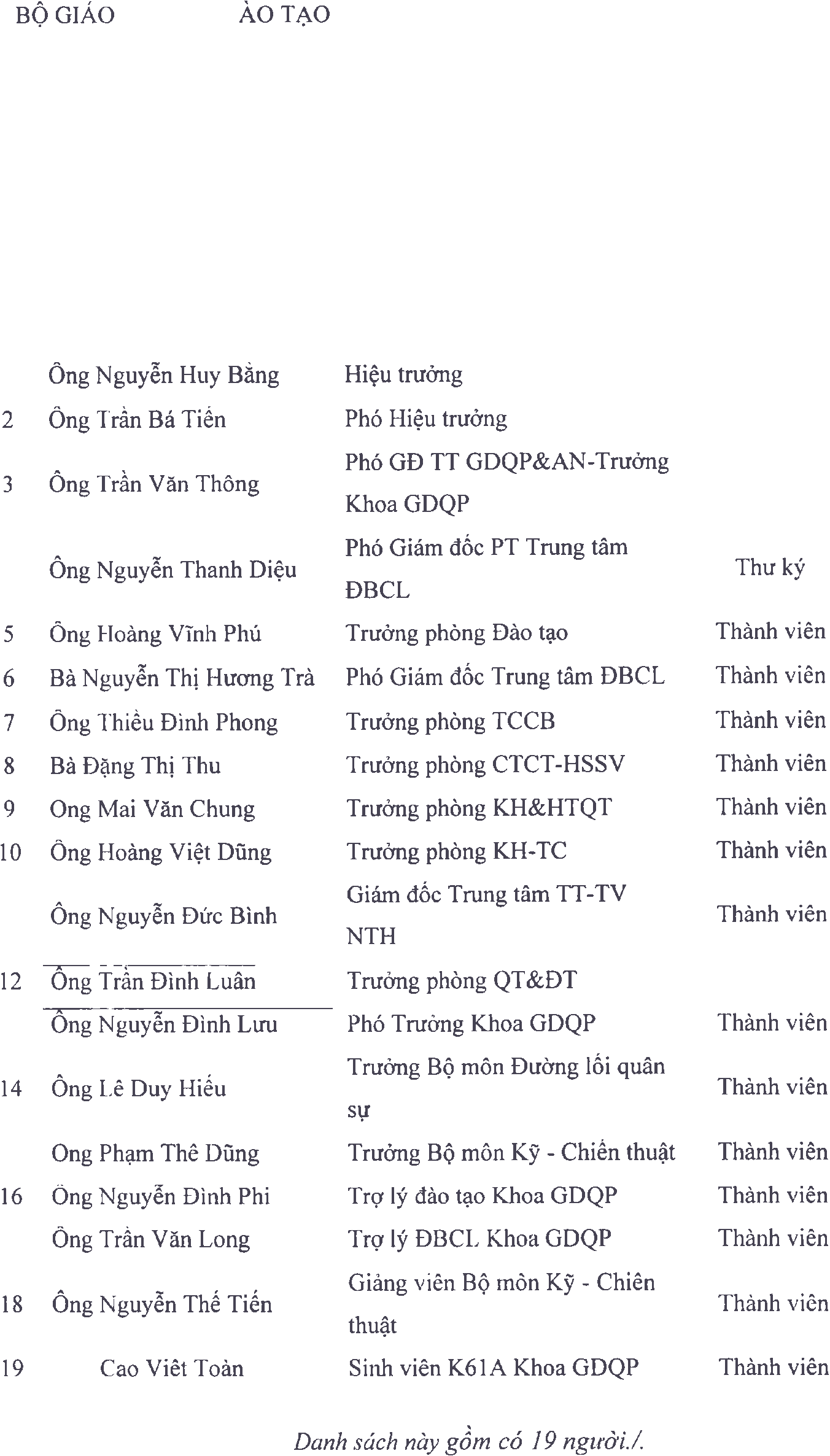
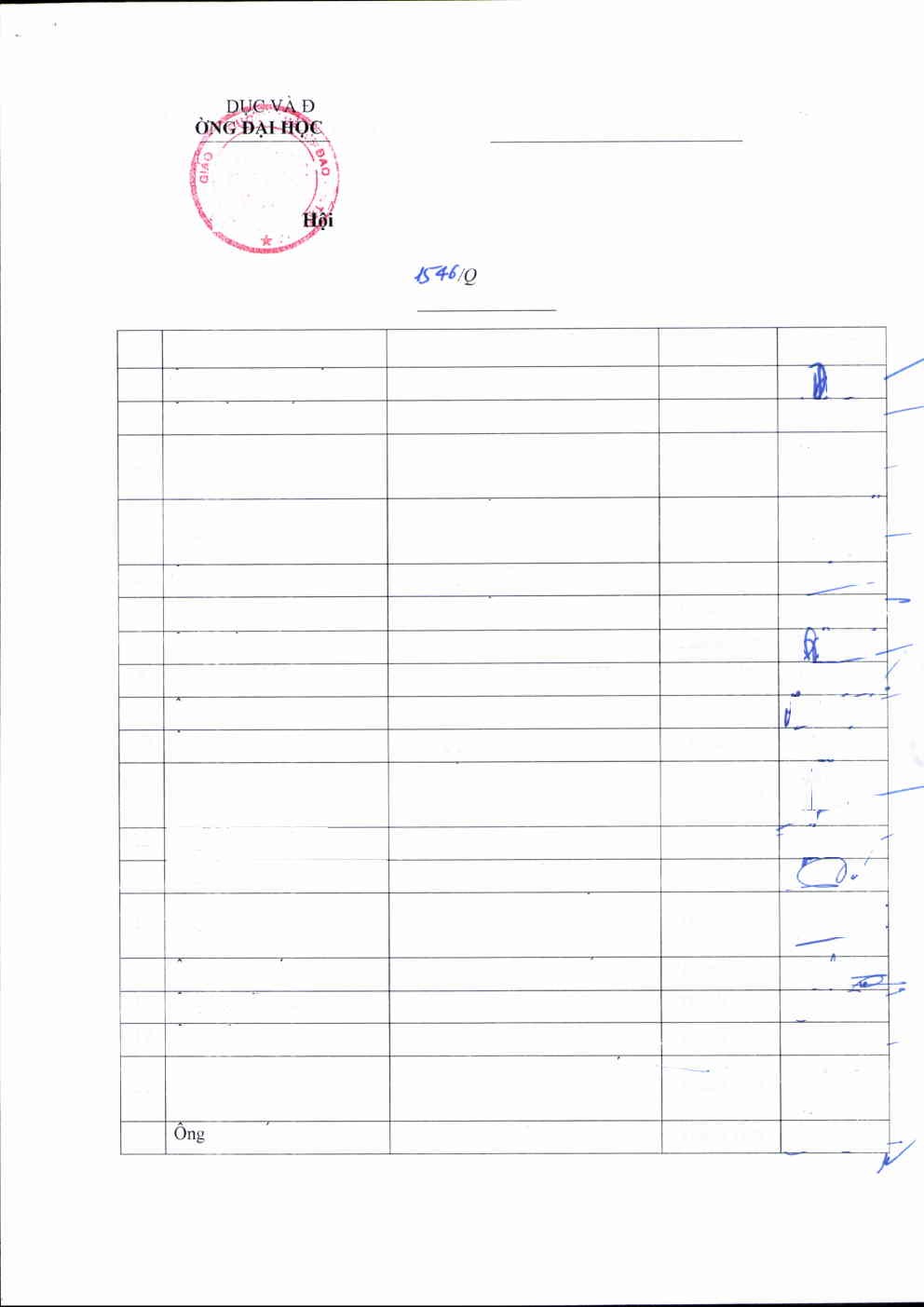
**NGÀNH GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG - AN NINH**

**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC GIAI ĐOẠN 2019-2023**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo**

**của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**Nghệ An, tháng 6 năm 2023**



**MỤC LỤC**

NỘI DUNG TRANG

[DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT ix](#_Toc136438745)

[PHẦN I. KHÁI QUÁT 1](#_Toc136438746)

[1. Đặt vấn đề 1](#_Toc136438747)

[2. Tổng quan chung 5](#_Toc136438748)

[PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ 11](#_Toc136438749)

[Tiêu chuẩn 1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo 11](#_Toc136438750)

[Mở đầu 11](#_Toc136438751)

[Tiêu chí 1.1. 11](#_Toc136438752)

[Tiêu chí 1.2. . 13](#_Toc136438753)

[Tiêu chí 1.3. 17](#_Toc136438754)

[Tiêu chuẩn 2. Bản mô tả chương trình đào tạo 21](#_Toc136438755)

[Mở đầu 21](#_Toc136438756)

[Tiêu chí 2.1. 21](#_Toc136438757)

[Tiêu chí 2.2. 25](#_Toc136438758)

[Tiêu chí 2.3. 28](#_Toc136438759)

[Kết luận về Tiêu chuẩn 2 31](#_Toc136438760)

[Tiêu chuẩn 3. Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học 33](#_Toc136438761)

[Mở đầu 33](#_Toc136438762)

[Tiêu chí 3.1. 33](#_Toc136438763)

[Tiêu chí 3.2. 37](#_Toc136438764)

[Tiêu chí 3.3. 41](#_Toc136438765)

[Kết luận về tiêu chuẩn 3 44](#_Toc136438766)

[Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy học 45](#_Toc136438767)

[Mở đầu 45](#_Toc136438768)

[Tiêu chí 4.1: 45](#_Toc136438769)

[Tiêu chí 4.2. 48](#_Toc136438770)

[Tiêu chí 4.3.. 52](#_Toc136438771)

[**K**ết luận về Tiêu chuẩn 4 55](#_Toc136438772)

[Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập và người học 56](#_Toc136438773)

[Mở đầu 56](#_Toc136438774)

[Tiêu chí 5.1: 56](#_Toc136438775)

[Tiêu chí 5.2. 59](#_Toc136438776)

[Tiêu chí 5.3.. 62](#_Toc136438777)

[Tiêu chí 5.4. 66](#_Toc136438778)

[Tiêu chí 5.5. 69](#_Toc136438779)

[Kết luận về tiêu chuẩn 5 71](#_Toc136438780)

[Tiêu chuẩn 6. Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên 72](#_Toc136438781)

[Mở đầu 72](#_Toc136438782)

[Tiêu chí 6.1:. 72](#_Toc136438783)

[Tiêu chí 6.2: 80](#_Toc136438784)

[Tiêu chí 6.3:. 86](#_Toc136438785)

[Tiêu chí 6.4: 90](#_Toc136438786)

[Tiêu chí 6.5:. 94](#_Toc136438787)

[Tiêu chí 6.6: 98](#_Toc136438788)

[Tiêu chí 6.7: 102](#_Toc136438789)

[Kết luận về Tiêu chuẩn 6 106](#_Toc136438790)

[Tiêu chuẩn 7. Đội ngũ nhân viên 109](#_Toc136438791)

[Mở đầu 109](#_Toc136438792)

[Tiêu chí 7.1. 109](#_Toc136438793)

[Tiêu chí 7.2. 114](#_Toc136438794)

[*T*iêu chí 7.3. 117](#_Toc136438795)

[Tiêu chí 7.4. 121](#_Toc136438796)

[Tiêu chí 7.5. 123](#_Toc136438797)

[Kết luận về Tiêu chuẩn 7 127](#_Toc136438798)

[Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học 128](#_Toc136438799)

[Mở đầu 128](#_Toc136438800)

[Tiêu chí 8.1:. 128](#_Toc136438801)

[Tiêu chí 8.2: 132](#_Toc136438802)

[Tiêu chí 8.3: 135](#_Toc136438803)

[Tiêu chí 8.4: 139](#_Toc136438804)

[Tiêu chí 8.5: 142](#_Toc136438805)

[Kết luận về tiêu chuẩn 8 145](#_Toc136438806)

[Tiêu chuẩn 9. Cơ sở vật chất và trang thiết bị 146](#_Toc136438807)

[Mở đầu 146](#_Toc136438808)

[Tiêu chí 9.1: 147](#_Toc136438809)

[Tiêu chí 9.2: 150](#_Toc136438810)

[Tiêu chí 9.3: 155](#_Toc136438811)

[Tiêu chí 9.4: 157](#_Toc136438812)

[Tiêu chí 9.5: 160](#_Toc136438813)

[Kết luận về Tiêu chuẩn 9 164](#_Toc136438814)

[Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng 165](#_Toc136438815)

[Mở đầu 165](#_Toc136438816)

[Tiêu chí 10.1: 166](#_Toc136438817)

[Tiêu chí 10.2: 169](#_Toc136438818)

[Tiêu chí 10.3: 171](#_Toc136438819)

[Tiêu chí 10.4: 175](#_Toc136438820)

[Tiêu chí 10.5: 179](#_Toc136438821)

[Tiêu chí 10.6: 182](#_Toc136438822)

[Kết luận về Tiêu chuẩn 10 185](#_Toc136438823)

[Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra 186](#_Toc136438824)

[Mở đầu 186](#_Toc136438825)

[Tiêu chí 11.1. 187](#_Toc136438826)

[Tiêu chí 11.2. 191](#_Toc136438827)

[Tiêu chí 11.3. 195](#_Toc136438828)

[Tiêu chí 11.4. 199](#_Toc136438829)

[Tiêu chí 11.5. 203](#_Toc136438830)

[Kết luận Tiêu chuẩn 11 206](#_Toc136438831)

[PHẦN III. KẾT LUẬN 207](#_Toc136438832)

[1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy 207](#_Toc136438833)

[2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo 212](#_Toc136438834)

[3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng 213](#_Toc136438835)

[4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT 214](#_Toc136438836)

[Phụ lục 6a. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo 215](#_Toc136438837)

[PHẦN IV. PHỤ LỤC 218](#_Toc136438838)

# DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

|  |  |
| --- | --- |
| **Chữ cái viết tắt** | **Ý nghĩa** |
| CĐR | Chuẩn đầu ra |
| CTCT&HSSV | Công tác chính trị, học sinh, sinh viên |
| CTDH | Chương trình dạy học |
| CTĐT | Chương trình đào tạo |
| ĐBCL | Đảm bảo chất lượng |
| ĐCCT | Đề cương chi tiết |
| ĐH | Đại học |
| GDĐH | Giáo dục đại học |
| GD&ĐT | Giáo dục và đào tạo |
| GDQP&AN | Giáo dục quốc phòng và an ninh |
| GV | Giảng viên |
| GVC | Giảng viên chính |
| GVCC | Giảng viên cao cấp |
| HTSV | Hỗ trợ sinh viên |
| KĐCLGD | Kiểm định chất lượng giáo dục |
| KH&HTQT | Khoa học và hợp tác quốc tế |
| KHCN | Khoa học công nghệ |
| KTCĐBB | kỹ thuật chiến đấu bộ binh |
| NCKH | Nghiên cứu khoa học |
| NH | Người học |
| PPDH | Phương pháp dạy học |
| QĐNDVN | Quân đội nhân dân Việt Nam |
| QP-AN | Quốc phòng – an ninh |
| QS | Quân sự |
| SV | Sinh viên |
| ThS | Thạc sĩ |
| THPT | Trung học phổ thông |
| THTN | Thực hành thí nghiệm |
| TS | Tiến sĩ |

# PHẦN I. KHÁI QUÁT

## 1. Đặt vấn đề

***1.1. Tóm tắt Báo cáo tự đánh giá***

“Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam năm 2011 - 2020” do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt ở QĐ số 711/QĐ-TTg ngày 13 tháng 6 năm 2012; chương trình hành động của ngành Giáo dục (triển khai kết luận số 51-KL/TW ngày 29/10/2012 Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI và chỉ thị 02/CT-TTg ngày 22/1/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế) xác định. Nâng cao chất lượng đào tạo đại học là vấn đề có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong công cuộc đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay. Đáp ứng những quan điểm định hướng nêu trên, công tác xây dựng, đánh giá, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo đóng vai trò quan trọng, ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đào tạo của một trường đại học. Giáo dục Quốc phòng - An ninh là một trong các ngành đào tạo sư phạm của Trường ĐH Vinh. Trước yêu cầu đổi mới cơ bản và toàn diện giáo đục đại học Việt Nam nói chung và yêu cầu trong công tác đào tạo giáo viên đáp ứng với chương trình giáo dục phổ thông mới Trường Đại học Vinh đã tiến hành tự đánh giá CTĐT ngành GDQP-AN theo Công văn số 2085/QLCL ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo, công văn 774 /QLCL của Cục Quản lý chất lượng, ngày 10/06/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục của Công văn 2085/QLCL-KĐCLGD.

Việc tự đánh giá CTĐT ngành GDQP-AN đã giúp Nhà trường, Trung tâm GDQP&AN tự rà soát, đánh giá thực trạng đào tạo của Ngành làm cơ sở để điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng của CTĐT, là điều kiện cần thiết để Nhà trường đăng ký đánh giá ngoài và đề nghị công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT, thể hiện tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của Nhà trường trong toàn bộ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định.

Để triển khai kế hoạch tự đánh giá CTĐT, ngành GDQP-AN, Trường ĐH Vinh đã căn cứ vào các tiêu chí trong bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT (ban hành tại Công văn số 2085/QLCL ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý chất lượng về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo; Công văn số 774 /QLCL của Cục Quản lý chất lượng, ngày 10/06/2021 về việc điều chỉnh một số phụ lục của Công văn số 2085/QLCL-KĐCLGD) để tiến hành xem xét, tự đánh giá và làm rõ thực trạng CTĐT; phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định, chỉ ra điểm mạnh, tồn tại và kế hoạch hành động phát huy điểm mạnh, khắc phục tồn tại.

Công tác tự đánh giá CTĐT ngành GDQP-AN đòi hỏi có sự tham gia tích cực của các bên liên quan trong và ngoài trường. Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành GDQP-AN được thành lập theo Quyết định số 1546-QĐ/ĐHV ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng trường ĐH Vinh gồm Ban giám hiệu, cán bộ GV Trung tâm GDQP&AN, cán bộ các phòng, ban, trung tâm trong trường. Các bên liên quan như SV, cựu SV, giảng viên, nhà tuyển dụng...là nguồn cung cấp thông tin quan trọng phục vụ cho việc tự đánh giá. Ban giám hiệu (BGH) chỉ đạo chung, Trung tâm Đảm bảo chất lượng (ĐBCL) của Trường tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật; các tiểu ban phối hợp với các phòng, ban, trung tâm trong trường hoàn thiện báo cáo tự đánh giá kèm hồ sơ minh chứng.

Cấu trúc của báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành GDQP-AN bao gồm 4 phần:

**+ Phần I:** Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự đánh giá. Đồng thời, mô tả sự tham gia của các bên liên quan (Trung tâm, ban, phòng, giảng viên, nhân viên, người học,...) cũng như cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT.

**+ Phần II:** Tự đánh giá CTĐT ngành GDQP-AN theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục là: *(1) Mô tả hiện trạng- phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Điểm mạnh; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch hành động và (5) Tự đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu của tiêu chí.*

**+ Phần III:** Kết luận, tóm tắt những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những điểm tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch hành động và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

**+ Phần IV:** Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo Công văn số 2085/QLCL ngày 31/12/2020 của Cục Quản lý Chất lượng về hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài chương trình đào tạo, cơ sở dữ liệu gồm kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

CTĐT ngành GDQP-AN được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, chuẩn đầu ra, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung chương trình dạy học và phương pháp tiếp cận trong dạy – học; Tiêu chuẩn 5 đánh giá về kết quả học tập của người học; Tiêu chuẩn 6, 7 hướng đến việc tự đánh giá về đội ngũ cán bộ giảng viên và đội ngũ nhân viên; Tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; Tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về cơ sở vật chất và trang thiết bị; Tiêu chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong nâng cao chất lượng CTĐT và NCKH; Tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đầu ra của sinh viên ngành GDQP-AN trong chu kỳ đánh giá.

Mỗi tiêu chí sẽ có một hệ thống các thông tin, minh chứng đi kèm. Minh chứng được mã hóa theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT tại Phụ lục 8, Công văn số 774 ngày 10/06/20221.

***1.2. Mục đích, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá***

***Mục đích tự đánh giá:***

Đánh giá tổng thể các hoạt động của ngành theo Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ GDĐHcủa Bộ GD&ĐT, ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016.

Đây là quá trình nhằm giúp cho Trung tâm GDQP&AN tự xem xét, nghiên cứu để báo cáo về tình trạng chất lượng đào tạo, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề liên quan khác. Từ đó, Nhà trường và Trung tâm tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt tiêu chuẩn chất lượng đào tạo, từng bước xây dựng Trung tâm GDQP&AN trở thành cơ sở hàng đầu trong đào tạo ngành GDQP-AN của cả nước.

Đánh giá các điểm mạnh, điểm yếu của Trung tâm GDQP&AN Trường ĐH Vinh trong công tác đào tạo, NCKH nhằm đề ra kế hoạch, biện pháp cụ thể để từng bước cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo ngành GDQP-AN.

Hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và trách nhiệm giải trình của Trung tâm toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Nhà trường.

Ngoài ra, tự đánh giá sẽ phân tích, so sánh kết quả hoạt động của ngành GDQP-AN theo các tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng ngành đào tạo và xác định mức độ đạt được đối với từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định.

***Quy trình tự đánh giá:*** quy trình tự đánh giáđược thực hiện gồm các bước chính như sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDQP-AN

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDQP-AN

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin, minh chứng thu được

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá.

Quá trình viết báo cáo tự đánh giá được thực hiện từ tháng 14 tháng 12 năm 2022 đến 20 tháng 12 năm 2022. Phần tự đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chuẩn từ 1 đến 11. Trong từng tiêu chuẩn, các đánh giá được trình bày theo thứ tự các tiêu chí. Trong mỗi tiêu chí lại trình bày theo các nội dung chính: *1. Mô tả hiện trạng; 2. Điểm mạnh; 3. Điểm tồn tại; 4. Kế hoạch hành động; 5. Tự đánh giá.*

Theo Quyết định số 1546-QĐ/ĐHV ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hiệu trưởng trường ĐH Vinh về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT, các nhóm chuyên trách tự đánh giá CTĐT ngành GDQP-AN phụ trách các tiêu chuẩn cụ thể như sau:

+ Nhóm 1 do ThS Nguyễn Đình Lưu làm nhóm trưởng phụ trách Tiêu chuẩn 1, 2;

+ Nhóm 2 do ThS Trần Văn Thông làm nhóm trưởng phụ trách Tiêu chuẩn 3, 4;

+ Nhóm 3 do ThS Lê Duy Hiếu làm nhóm trưởng phụ trách Tiêu chuẩn 5, 8;

+ Nhóm 4 do ThS Nguyễn Thế Tiến làm nhóm trưởng phụ trách Tiêu chuẩn 6, 7;

+ Nhóm 5 do Trung tá Phạm Thế Dũng làm nhóm trưởng phụ trách Tiêu chuẩn 9;

+ Nhóm 6 do ThS Trần Văn Long làm nhóm trưởng phụ trách Tiêu chuẩn 10, 11.

+ Nhóm 7 do ThS Nguyễn Đình Phi làm nhóm trưởng phụ trách viết báo cáo tự đánh giá, lập danh mục minh chứng và cơ sở dữ liệu kiểm định chương trình đào tạo.

Sau khi tham gia tập huấn viết báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT, Trung tâm GDQP&AN đã lên kế hoạch chi tiết để thực hiện đánh giá CTĐT ngành GDQP-AN, tiến hành họp cán bộ toàn ngành, liên quan để phổ biến kế hoạch và phân công công việc rõ ràng theo những mảng công việc chính như: *Thu thập thông tin liên lạc, xác định cỡ mẫu từ SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, giảng viên, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng…* Các cán bộ chia thành các nhóm và hoàn thành công việc trên cơ sở giao việc của nhóm trưởng. Trung tâm GDQP&AN giao cho một cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định làm đầu mối xử lý thông tin và giúp Ban GĐ Trung tâm cập nhật báo cáo. Quá trình viết báo cáo có sự thống nhất và tham gia, nỗ lực hoàn thành công việc của tất cả các thành viên trong ngành GDQP-AN.

***Phương pháp và công cụ tự đánh giá****:*Việc tự đánh giá CTĐT ngành GDQP-AN được thực hiện theo phương pháp mô tả, phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu...Trên cơ sở thu thập thông tin liên lạc, xác định cỡ mẫu từ sinh viên (SV) năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, giảng viên, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo báo cáo; Lưu giữ minh chứng… Các cán bộ phụ trách chính công tác kiểm định đã tổng hợp thông tin, xử lý thông tin và phân tích thông tin đã thu thập và hoàn thiện báo cáo.

***Phạm vi đánh giá***: Chương trình đào tạo trình độ đại học chính quy ngành GDQP-AN của Trường Đại học Vinh từ năm 2017 đến 2022

## 2. Tổng quan chung

Tr­ường Đại học Vinh là đơn vị hành chính sự nghiệp, trực thuộc Bộ GD&ĐT, có t­ư cách pháp nhân, có tài khoản, có con dấu và biểu tượng riêng.

Trường Đại học Vinh mà tiền thân là Phân hiệu Đại học Sư phạm Vinh được thành lập theo Nghị định số 375/NĐ ngày 16/7/1959 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Sau đó ba năm, Phân hiệu ĐH Sư phạm Vinh được Bộ trưởng Bộ Giáo dục ký Quyết định số 637/QĐ ngày 29/2/1962, chuyển thành Trường Đại học Sư phạm Vinh. Ngày 25/4/2001 Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg về nhiệm vụ của Trường Đại học Vinh là đào tạo giáo viên có trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành đào tạo khác phù hợp với khả năng của Nhà trường và nhu cầu nhân lực của xã hội, NCKH phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. Trường Đại học Vinh đã xác định mục tiêu là xây dựng Trường thành một cơ sở đào tạo cán bộ khoa học kỹ thuật đa lĩnh vực và là trung tâm nghiên cứu, tiếp thu và chuyển giao tiến bộ Khoa học – Công nghệ của khu vực Bắc Trung Bộ; đào tạo giáo viên và cán bộ khoa học đa ngành, đa cấp; đẩy mạnh NCKH – Công nghệ gắn với đào tạo; thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống xã hội; hỗ trợ, tư vấn về học thuật và bồi dưỡng cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ cho các trường đại học, cao đẳng, trung học, dạy nghề và các cơ sở khác trong khu vực. Với khẩu hiệu hành động: “Đoàn kết – Đổi mới – Hội nhập – Phát triển*”* quyết tâm xây dựng Trường Đại học Vinh thành Trường đại học trọng điểm quốc gia, có một số ngành đạt tiêu chuẩn quốc tế, là thành viên chính thức của Hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á, với phương châm: đón đầu, hiệu quả, đồng bộ và hiện đại.

Ngày 25/4/2001, Trường Đại học Sư phạm Vinh được Thủ tướng Chính Phủ ký Quyết định số 62/2001/QĐ-TTg đổi tên thành Trường Đại học Vinh. Để phù hợp với giai đoạn phát triển mới, đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực của khu vực Bắc Trung bộ, phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Nhà trường đã tuyên bố sứ mạng: “Trường Đại học Vinh là trường đại học đảm bảo có uy tín trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên các cấp học, ngành học, các chuyên gia giáo dục và cán bộ kỹ thuật với chất lượng cao, là trung tâm NCKH và chuyển giao công nghệ của cả nước, đặc biệt là các tỉnh Bắc Trung bộ*”*.

Ngày 11/07/2011, Thủ tướng Chính phủ có Công văn số 1136/TTg-KGVX đưa Trường Đại học Vinh vào danh sách xây dựng thành trường đại học trọng điểm quốc gia. Với vai trò, vị trí mới, Nhà trường đã điều chỉnh sứ mạng như sau: ***“***Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học theo hướng nghiên cứu và ứng dụng, đào tạo đa ngành, đa cấp và đa hệ; cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, thích ứng nhanh với thế giới việc làm, phục vụ tốt sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của vùng Bắc Trung bộ và cả nước***”***.

Như vậy, Sứ mạng của Trường được trình bày rõ ràng, mang tính chiến lược, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường. Sứ mạng cũng là lời tuyên bố, cam kết về những trọng trách mà Nhà trường coi là chủ yếu nhất của mình đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo.

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, tình hình kinh tế- xã hội của khu vực và đất nước có nhiều biến chuyển. Nghị quyết số 26-NQTW của Bộ Chính trị về phương hướng nhiệm vụ phát triển Nghệ An đến năm 2020 chỉ rõ: “Xây dựng Nghệ An trở thành tỉnh khá trong khu vực phía Bắc, tạo cơ sở đến năm 2020 cơ bản trở thành một tỉnh công nghiệp; là trung tâm tài chính, thương mại, du lịch, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học – Công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao, công nghiệp công nghệ cao của vùng Bắc Trung bộ; có hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc xứ Nghệ; quốc phòng, an ninh vững mạnh, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo”. Như vậy, Nghệ An phải đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do đó, vấn đề tạo nguồn nhân lực phục vụ cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An nói riêng và cả nước nói chung là rất cần thiết.

Thực hiện Nghị quyết số 29/NQ-TW Hội nghị Trung ương 8 khóa XI đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo (năm 2013), Nhà trường đã điều chỉnh sứ mạng thành: “ *Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm nghiên cứu khoa học; ứng dụng và chuyển giao công nghệ*”. Trước sự thay đổi nhanh chóng của đất nước, theo Quyết định số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30 /12/2019, Nhà trường xác định sứ mạng: “*Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học;* Tầm nhìn là *“ Trường Đại học Vinh trở thành Đại học Vinh trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN”.* Tiếp đến, để thực hiện sự phát triển giáo dục đại học theo định hướng mới của đất nước giai đoạn 2021-2025, Hội đồng Trường đã ban hành Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 18/10/2022 về sứ mạng: “ *Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế”;* Tầm nhìn là “ *Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng tốp 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến tốp 1000 đại học hàng đầu thế giới năm 2045”*.

Trong thời gian qua, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá lần đầu vào năm 2005, được đánh giá ngoài vào năm 2006 và được Hội đồng quốc gia kiểm định chất lượng giáo dục công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục năm 2009. Từ kết quả tự đánh giá lần đầu, đặc biệt là kết luận của Đoàn đánh giá ngoài năm 2006, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động nhằm khắc phục các tồn tại mà các báo cáo tự đánh giá cũng như báo cáo đánh giá ngoài chỉ ra. Đến nay, Trường đã chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn được Chính phủ đưa vào danh sách các trường đại học trọng điểm. Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá nhằm thấy được bức tranh toàn cảnh về một Trường Đại học Vinh đa ngành được đánh giá chân thực, toàn diện các lĩnh vực hoạt động của Nhà trường, từ đó xây dựng kế hoạch hành động nhằm cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, hoàn thành trọng trách trước Nhà nước, trước Bộ GD&ĐT và trước xã hội.

Cụ thể, ngày 6/12/2022 Trường Đại học Vinh đã hoàn thành đợt đánh giá ngoài chu kỳ 2 Cơ sở giáo dục, Nhà trường đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Quốc gia Hà Nội đã nhìn nhận, đánh giá sự cải tiến của Nhà trường so với chu kỳ trước, đã đưa ra các điểm mới đã và đang tiến hành phát triển Trường ĐH Vinh thành ĐH thông minh theo Tầm nhìn, Sứ mạng đặt ra đến 2030. Đồng thời, đến năm 2022, Nhà trường có ngành Sư phạm Toán học và Quản trị kinh doanh được xếp hạng 5 sao do Viện đổi mới sáng tạo UPM công nhận (2021), Trường Sư phạm và Trường Kinh tế được xếp hạng 5 sao Viện đổi mới sáng tạo UPM công nhận (2022).

***Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Vinh*** (Trung tâm GDQP&AN) là đơn vị trực thuộc Trường Đại học Vinh, được thành lập theo Quyết định số 2685/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 13/6/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đứng chân tại cơ sở 2 của nhà trưởng trên địa bàn Xã Nghi Ân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Cơ cấu tổ chức, bộ máy của Trung tâm GDQP&AN hiện tại bao gồm:

- Giám đốc do Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh kiêm nhiệm

- Khoa GDQP với 2 tổ bộ môn: Tổ đường lối quân sự và Tổ kỹ - chiến thuật

- Tổ Đào tạo và Quản lý sinh viên

- Tổ Hành chính

- Tổ Hậu cần- Kỹ thuật- Tài chính

Tổng số cán bộ toàn trung tâm hiện tại : 19 Cán bộ viên chức

Trung tâm GDQP&AN có 08 giảng viên là sĩ quan biệt phái, 9 giảng viên được đào tạo chuyên ngành Sư phạm Giáo dục quốc phòng và an ninh, trong đó có 1 giảng viên có trình độ tiến sĩ, 11 giảng viên có trình độ thạc sỹ, 6 cử nhân trong đó có (02 đồng chí đang học cao học).

*Trung tâm GDQP&AN Trường Đại học Vinh có chức năng:*

- Thực hiện chương trình đào tạo giáo viên Giáo dục quốc phòng - an ninh có trình độ đại học.

- Giáo dục quốc phòng - an ninh cho người học để cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng theo quy định của pháp luật

- Một số dịch vụ khác liên quan đến quốc phòng, an ninh được Nhà trường cho phép.

*Trung tâm GDQP & AN Trường Đại học Vinh có các nhiệm vụ sau*:

- Xây dựng kế hoạch đào tạo hàng năm và giai đoạn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tiếp nhận sinh viên các khoa của Nhà trường và người học của đối tác; tổ chức học tập, rèn luyện phù hợp với kế hoạch đào tạo của Trung tâm GDQP&AN. Tiến hành các thủ tục bàn giao đúng quy định về con người và kết quả học tập, rèn luyện cho đối tác khi kết thúc khoá học (đợt học).

- Tổ chức dạy học, kiểm tra, thi, đánh giá kết quả học tập, cấp chứng chỉ theo quy định.

- Tổ chức nghiên cứu khoa học sư phạm quân sự, đổi mới phương pháp giảng dạy; biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo về giáo dục quốc phòng - an ninh.

- Tổ chức đào tạo giáo viên Giáo dục quốc phòng - an ninh theo kế hoạch tuyển sinh của Trường.

- Chăm lo bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên, cán bộ quản lý; tạo điều kiện thuận lợi để giảng viên, cán bộ được học tập nâng cao trình độ.

- Tổ chức, bảo đảm đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, giảng viên, nhân viên Trung tâm; bảo đảm tốt các điều kiện ăn, ở, sinh hoạt, học tập, rèn luyện của người học.

- Tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường về công tác quốc phòng, quân sự theo quy định của cơ quan quân sự địa phương, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và triển khai thực hiện sau khi được phê duyệt.

Trung tâm GDQP&AN hiện nay, trước đây là khoa GDQP của Trường ĐH vinh là 1 trong những đơn vị đầu tiên được Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ đào tạo GV GDQP, bắt đầu từ đào tạo cấp chứng chỉ GVGDQP (6 tháng) theo chỉ thị số 08/2002/CT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 20 tháng 3 năm 2002. Từ năm 2002 đến 2014 đã tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ 18 khoá giáo viên GDQP-AN hệ ngắn hạn, với tổng số 1.102 giáo viên được đào tạo

Năm 2004 Nhà trường mở mã ngành đào tạo ghép môn *Cử nhân s­ư phạm Giáo dục thể chất-Giáo dục quốc phòng*; *Giáo dục chính trị-Giáo dục quốc phòng.* đã tuyển sinh đào tạo 7 khóa và tốt ngiệp ra trường 354 sinh viên.

Từ năm 2011 bằng sự nỗ lực cố gắng nhà trường đã xây dựng chương trình và được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở mã ngành đào tao Cử nhân sư phạm ngành GDQP-AN -4 năm (là trường đầu tiên trong cả nước có mã ngành này), đến nay nhà trường đã tuyển sinh đào tạo 12 khóa. Từ năm 2021 dưới sự chỉ đạo của nhà trường Trung tâm GDQP&AN thành lập nhóm nghiên cứu đề tài trong điểm cấp Trường tiến hành nghiên cứu đề tài “Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá CTĐT ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh theo tiếp cận CDIO” và đào tạo theo tiếp cận CDIO đã được áp dụng giảng dạy từ khóa tuyển sinh khóa 62 của ngành GDQP-AN

Bản báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo ngành GDQP-AN được hoàn thành bởi công sức và trí tuệ của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Trung tâm GDQP&AN, các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá và Ban thư kí, có sự đóng góp ý kiến của các bên liên quan, các tập thể và cá nhân trong và ngoài trường.

# PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

# Tiêu chuẩn 1.

# MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### Mở đầu

Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh theo tiếp cận CDIO được xây dựng với mục tiêu, chuẩn đầu ra, khung chương trình đào tạo và các học phần giảng dạy theo đồ án, dự án dựa trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh tại Trường Đại học Vinh trong những năm qua và thông qua kết quả tham vấn ý kiến các bên liên quan phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu chiến lược của Trường Đại học Vinh và đáp ứng chuẩn nghề nghiệp theo yêu cầu của việc làm và xã hội

### Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học

*1. Mô tả hiện trạng*

Căn cứ vào trình độ bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam [H1.01.01.01], điểm b, khoản 2, điều 5 - Luật Giáo dục đại học 2012 [H1.01.01.02]; điều 39 về mục tiêu Giáo dục đại học của Luật Giáo dục 2019 [H1.01.01.03] và sứ mạng, tầm nhìn của Trường Đại học Vinh [H1.01.01.04]. Khoa Giáo dục Quốc phòng đã xây dựng chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh. Trong chu kỳ đánh giá (từ năm 2019-2023), CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh có các phiên bản 2017 [H1.01.01.05]; phiên bản 2019 [H1.01.01.06] và phiên bản 2021 [H1.01.01.07]. Mục tiêu của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được xác định rõ ràng ở các phiên bản trong bản mô tả CTĐT với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và có sự điều chỉnh theo từng giai đoạn phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường Đại học Vinh, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học. Tính rõ ràng của mục tiêu của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được thể hiện qua mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, Từ mục tiêu chung, Khoa Giáo dục Quốc phòng đã xây dựng mục tiêu cụ thể đảm bảo sự tương thích và làm *nền tảng để thiết kế CĐR* của CTĐT. Trên cơ sở mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể hiện mong muốn của Trường Đại học Vinh về những nội dung mà CTĐT có thể mang lại cho người học gồm cả kiến thức, kỹ năng, thái độ và được thể hiện ở mục tiêu cụ thể của CTĐT. Mục tiêu này được xây dựng, rà soát, chỉnh sửa và bổ sung tùy theo nhu cầu của xã hội, thể hiện qua nội dung CTĐT qua các thời kỳ. Theo đó, có 4 mục tiêu cụ thể (*Program objectives viết tắt* ***PO***) được xếp vào 3 nhóm: kiến thức, kỹ năng, thái độ. Sự tương thích, nhất quán giữa mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể được thể hiện qua bảng đối sánh 1.1.1 ở phiên bản 2021 [H1.01.01.08]. CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được xây dựng theo Quy trình của Nhà trường [H1.01.01.09], các văn bản hướng dẫn về xây dựng và phát triển CTĐT của Trường Đại học Vinh [H1.01.01.10]. Kể từ năm 2017, CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực dựa trên 4 trụ cột của CDIO, gồm (1) kiến thức và lập luận ngành, (2) phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, (4) năng lực thực hành nghề nghiệp (năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến) [H1.01.01.05] [H1.01.01.06] [H1.01.01.07]. Trên cơ sở khảo sát nhu cầu của thị trường lao động đối với ngành nghề mà sinh viên có thể làm sau khi ra trường. Khoa Giáo dục Quốc phòng đã tổ chức hội thảo lấy ý kiến của GV, cán bộ quản lý trong và ngoài trường, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan về CTĐT và CĐR, do vậy CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được xây dựng một cách bài bản, thể hiện rõ ràng, cụ thể cấu trúc hợp lý và có hệ thống, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, yêu cầu về năng lực mà sinh viên có thể đạt được sau khi tốt nghiệp, vì vậy đã phản ánh được nhu cầu của thị trường lao động và các bên liên quan khác [H1.01.01.11].

*Bảng 1.1.1. Đối sánh mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Giáo dục QP-AN năm 2021*

|  |  |
| --- | --- |
| Mục tiêu tổng quát: Sinh viên tốt nghiệp chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức, có sức khỏe; có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, khoa học giáo dục và kiến thức chuyên sâu về giáo dục quốc phòng và an ninh; Có năng lực tổ chức dạy học, giáo dục và phát triển chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh ở trường phổ thông; Có khả năng nghiên cứu, sáng tạo để phát triển bản thân, đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục và yêu cầu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân | |
| Mục tiêu cụ thể: | |
| PO1: | *Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, kiến thức cơ bản về quốc phòng, an ninh, kiến thức chuyên sâu lập luận ngành vào lĩnh vực Giáo dục quốc phòng và an ninh.* |
| PO2: | *Thể hiện kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp vào các hoạt động nghiên cứu và giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh.* |
| PO3: | *Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác và kỹ năng làm việc nhóm đáp ứng được sự thay đổi của bối cảnh nghề nghiệp.* |
| PO4: | *Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành các giải pháp cho hoạt động dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và yêu cầu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân.* |

Mục tiêu CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh năm 2021 được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và đã ban hành để phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn đã được công bố của Nhà trường qua các giai đoạn. Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường Đại học Vinh được ban hành kèm theo Quyết định số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30 /12/2019 cụ thể: Sứ mạng: “*Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học;* Tầm nhìn là *“ Trường Đại học Vinh trở thành Đại học Vinh trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN*”. Khi xây dựng mục tiêu của CTĐT, các thành viên soạn thảo gồm các chuyên gia, nhà nghiên cứu, giảng viên của ngành đã lồng ghép tinh thần của Sứ mạng và Tầm nhìn của Nhà trường, cũng như định hướng kế hoạch phát triển trong giai đoạn tới của Nhà trường vào mục tiêu của CTĐT. Dựa vào Bảng đối sánh 1.1.2 nhận thấy mục tiêu của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đã cụ thể hóa sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường [H1.01.01.12].

*Bảng 1.1.2. Đối sánh sứ mạng, tầm nhìn của Trường Đại học Vinh với mục tiêu CTĐT ngành Giáo dục QP-AN năm 2021*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Sứ mạng** | **Tầm nhìn** | **Mục tiêu CTĐT** |
| Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học; | Trường Đại học Vinh trở thành Đại học Vinh trọng điểm quốc gia, thành viên của Mạng lưới các trường đại học ASEAN | **PO1.** Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, kiến thức cơ bản về quốc phòng, an ninh, kiến thức chuyên sâu lập luận ngành vào lĩnh vực Giáo dục quốc phòng và an ninh.  **PO2.** Thể hiện kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp vào các hoạt động nghiên cứu và giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh.  **PO3.** Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác và kỹ năng làm việc nhóm đáp ứng được sự thay đổi của bối cảnh nghề nghiệp.  **PO4.** Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành các giải pháp cho hoạt động dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và yêu cầu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. |

Năm 2022, Nhà trường đã ban hành Sứ mạng, Tầm nhìn của Nhà trường theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 18/10/2022 về Sứ mạng: “*Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, dẫn dắt sự phát triển giáo dục và đào tạo khu vực Bắc Trung Bộ; là trung tâm nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và quốc tế*”; Tầm nhìn là “ *Trường Đại học Vinh trở thành đại học thông minh, xếp hạng tốp 500 đại học hàng đầu châu Á vào năm 2030, hướng đến tốp 1000 đại học hàng đầu thế giới năm 2045*” [H1.01.01.13]. Năm 2023, Nhà trường ban hành Bộ chuẩn ĐBCL CTĐT phiên bản 1.0, trong đó có hướng dẫn các bước xây dựng mục tiêu của CTĐT ở tiêu chí 1.1 để phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường (***bước 1: Yêu cầu phân tích về tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường và bước 3 đối sánh mục tiêu của chương trình đào tạo với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường***) [H1.01.01.14]. Hiện nay, Khoa Giáo dục Quốc phòng đang rà soát, chỉnh sửa, bổ sung mục tiêu CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh để phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng mới ban hành.

Mục tiêu CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh năm 2021 phù hợp với với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại điểm b, khoản 2, điều 5 - Luật Giáo dục đại học 2012; điều 39 về mục tiêu Giáo dục đại học của Luật Giáo dục 2019 và được thể hiện qua bảng đối sánh 1.1.3 [H1.01.01.15].

*Bảng 1.1.3. Đối sánh mục tiêu giáo dục đại học trong Luật giáo dục đại học 2012, Luật giáo dục 2019 với mục tiêu CTĐT ngành Giáo dục QP-AN năm 2021*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mục tiêu CTĐT** | **Mục tiêu giáo dục đại học Luật giáo dục đại học 2012** | **Mục tiêu giáo dục đại học Luật giáo dục 2019** |
| **PO1.** Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, kiến thức cơ bản về quốc phòng, an ninh, kiến thức chuyên sâu lập luận ngành vào lĩnh vực Giáo dục quốc phòng và an ninh.  **PO2.** Thể hiện kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp vào các hoạt động nghiên cứu và giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh.  **PO3.** Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác và kỹ năng làm việc nhóm đáp ứng được sự thay đổi của bối cảnh nghề nghiệp.  **PO4.** Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành các giải pháp cho hoạt động dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và yêu cầu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. | Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên-xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo | (1) Đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế;  (2) Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ, đào tạo, có sức khỏe, có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc, có ý thức phục vụ nhân dân |

Mục tiêu này cũng phù hợp với mục a, điểm 2 Điều 1 Quyết định số 1982 về phê duyệt Khung trình độ Quốc gia [H1.01.01.01].

Bên cạnh đó, khi tiến hành đối sánh mục tiêu CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh của Trường Đại học Vinh với một số trường đại học trong nước có đào tạo ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh cho thấy mục tiêu CTĐT có nhiều điểm tương đồng [H1.01.01.16].

Mục tiêu CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được cụ thể hóa thành tiến trình đào tạo, kế hoạch điều chỉnh, cập nhật và phát triển chương trình theo hướng hiện đại hóa, quốc tế hóa, đáp ứng nhu cầu xã hội, nâng cao hiệu quả của phương thức đào tạo và quy mô phát triển của Khoa, của Trường. Trên cơ sở này, hàng năm, Khoa Giáo dục Quốc phòng đã đều có rà soát, chỉnh sửa, cập nhật và ban hành theo quy trình của Nhà trường [H1.01.01.10] và công bố trên website để cho sinh viên, cựu sinh viên, GV và các các bên liên quan khác có thể nắm rõ [H1.01.01.17].

*2. Điểm mạnh*

Mục tiêu CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được xác định rõ ràng qua mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, định hướng để Khoa Giáo dục Quốc phòng xây dựng CĐR và CTĐT, được xây dựng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của giáo dục Đại học.

Khi xây dựng mục tiêu, CĐR và CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh, Khoa Giáo dục Quốc phòng đã tiến hành khảo sát về nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động và tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan, được cập nhật theo quy trình.

*3. Điểm tồn tại*

Chưa đảm bảo tính đại diện của các đối tượng tham gia hội thảo của Khoa Giáo dục Quốc phòng về xây dựng mục tiêu, CĐR và CTĐT; thời gian cho các BLQ thảo luận tại các đợt cập nhật CTĐT chưa nhiều.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc điểm phục tồn tại | Từ năm 2024, Khoa Giáo dục Quốc phòng đảm bảo tính đại diện của các đối tượng tham gia hội thảo về xây dựng CĐR và CTĐT; tăng thời gian cho các BLQ thảo luận tại các đợt cập nhật CTĐT trong các lần cập nhật sau. | Khoa GDQP /Phòng ĐT/TT ĐBCL | Định kỳ hằng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Định kỳ rà soát, chỉnh sửa và bổ sung Mục tiêu đào tạo và CĐR của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh | Khoa GD QPAN/Phòng ĐT/TT ĐBCL | Định kỳ hằng năm |  |

*5. Tự đánh giá: Đạt (5/7)*

### Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

1. *Mô tả hiện trạng*

CĐR của CTĐT là cam kết của Nhà trường với người học và xã hội về chất lượng của ngành đào tạo, xác định được những kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị và trách nhiệm nghề nghiệp mà SV ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đạt được khi tốt nghiệp. CĐR của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được xây dựng dựa trên các yêu cầu chung của Bộ GD&ĐT [H1.01.02.01]; tuân thủ theo quy định/quy trình của Nhà trường [H1.01.02.02] và các văn bản hướng dẫn về xây dựng và phát triển CTĐT của Trường Đại học Vinh [H1.01.02.03]. Trong chu kỳ đánh giá từ năm 2019-2023, CĐR ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh của Trường Đại học Vinh được thể hiện trong bản mô tả CTĐT và có các phiên bản 2017 (*số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017*) [H1.01.02.04], phiên bản 2019 (*số 2381/QĐ-ĐHV ngày 04/09/2019*) [H1.01.02.05] và phiên bản 2021 (*số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/09/2021*) [H1.01.02.06]. CĐR chương trình đào tạo (CTĐT) (ký hiệu PLO) ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được xây dựng dựa theo đề cương CDIO, khung trình độ quốc gia, chuẩn CTĐT, năng lực nghề nghiệp và yêu cầu của các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu người học, nhà tuyển dụng, chuyên gia). Đồng thời, các PLO cần được xây dựng phù hợp với Tầm nhìn và Sứ mạng của Trường Đại học Vinh. Kể từ năm 2017, CĐR ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực dựa trên 4 trụ cột của CDIO, gồm (1) kiến thức và lập luận ngành, (2) phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, (4) năng lực thực hành nghề nghiệp (năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến).

Năm 2023, Nhà trường đã Bộ chuẩn ĐBCL chương trình đào tạo phiên bản 1.0, trong đó hướng dẫn cụ thể hơn trong việc xây dựng CĐR thể hiện mức độ quan trọng trong việc xây dựng CĐR để làm cơ sở cho việc xây dựng CTDH. Việc xây dựng CĐR được thực hiện theo 7 bước, quy định ở tiêu chí 1.2 Bộ chuẩn ĐBCL chương trình đào tạo [H1.01.03.07]. Hiện nay, Khoa Giáo dục Quốc phòng đang rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CĐR CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh theo quy trình Nhà trường mới ban hành [H1.01.03.07].

***CĐR của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An*** ***được xác định rõ ràng thể hiện ở các điểm sau***:

1. CĐR CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh phiên bản 2017, 2019, 2021 được xây dựng bài bản, cấu trúc hợp lý và có hệ thống, đo lường được, thể hiện yêu cầu của các bên liên quan và được mô tả chi tiết, cụ thể, rõ ràng ở 9 CĐR cấp độ 2, 27 CĐR cấp độ 3 (*đối với năm 2021 từ khóa 62*) [H1.01.02.04] [H1.01.02.05] [H1.01.02.06]. Các CĐR đặc thù về lĩnh vực Giáo dục Quốc phòng-An ninh yêu cầu sinh viên đạt được những kiến thức, kỹ năng, thái độ, giá trị và trách nhiệm nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp được thể hiện cụ thể ở CĐR cấp độ 3 của ngành.

CĐR CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thànhCTĐT của Trường Đại học Vinh*. Bảng 1.2.1.* mô tả mối quan hệ CĐR của CTĐT năm 2021 với các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên ngành mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT, trong đó: (*i*) các yêu cầu chung sẽ ánh xạ đến các CĐR kỹ năng và CĐR phẩm chất; (*ii*) các yêu cầu chuyên ngành ánh xạ đến các CĐR kiến thức và CĐR năng lực. Các yêu cầu chung được phân nhiệm cho các học phần dạy học dựa trên đồ án, trong khi các yêu cầu chuyên ngành được phân nhiệm cho toàn bộ các học phần của CTĐT.

*Bảng 1.2.1. Phân lớp CĐR theo yêu cầu chung và yêu cầu chuyên ngành*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phân lớp CĐR** | **CĐR của CTĐT** | | | | | | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **2.2** | **3.1** | **3.2** | **4.1** | **4.2** |
| Yêu cầu chung |  |  |  | √ | √ | √ | √ |  |  |
| Yêu cầu chuyên ngành | √ | √ | √ |  |  |  |  | √ | √ |

2*.* CĐR CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh tương thích và phản ánh được mục tiêu của CTĐT đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, yêu cầu về năng lực mà sinh viên có thể đạt được sau khi tốt nghiệp và được thể hiện qua *bảng 1.2.2 mô tả mối quan hệ giữa các mục tiêu và CĐR của CTĐT* [H1.01.02.08].

3. CĐR CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được xây dựng tương thích và phù hợp với 4 nhóm trụ cột của CDIO theo các chủ đề: có 3 chuẩn kiến thức (PLO1.1-PLO1.3), 2 chuẩn về kĩ năng (PLO2.1-PLO2.2), 02 chuẩn năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, sáng tạo (PLO3.1-PLO3.2) và 2 CĐR Năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành (PLO4.1-PLO4.2) [H1.01.02.09].

4. CĐR CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh phù hợp với khung trình độ quốc gia Việt Nam với những kiến thức, những kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm mà sinh viên tốt nghiệp cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT và triển vọng việc làm trong tương lai và được thể hiện qua *bảng* *đối sánh 1.2.3. với CĐR* ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh *với CĐR trình độ bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia* [H1.01.02.10].

5. Ngoài ra, CĐR CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được xác định rõ ràng còn thể hiện ở việc dựa trên các CĐR của CTĐT. Khoa Giáo dục Quốc phòng đã xây dựng *bảng ma trận phân nhiệm CĐR các PLO cho các học phần* [H1.01.02.11].

6. Các giảng viên Giáo dục Quốc phòng-An ninh căn cứ vào số tín chỉ và đặc điểm của học phần (hình thức tổ chức dạy học, *độ khó của các chủ đề PLO*, cơ sở vật chất và người học) để thiết kế đề cương chi tiết học phần phù hợp cả về nội hàm và mức độ đáp ứng CĐR các PLO của CTĐT [H1.01.02.04] [H1.01.02.05] [H1.01.02.06].

*Bảng 1.2.2. Mô tả mối quan hệ giữa các mục tiêu và CĐR của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh năm 2021*

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu cụ thể** | **Chuẩn đầu ra của CTĐT** |
| **PO1.** Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, kiến thức cơ bản về quốc phòng, an ninh, kiến thức chuyên sâu lập luận ngành vào lĩnh vực Giáo dục quốc phòng và an ninh. | **PLO 1.1.** Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội nhân văn, kiến thức chuyên sâu và vững chắc của chuyên ngành vào việc tổ chức hoạt động giáo dục quốc phòng và an ninh.  **PLO 1.2.** Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục cốt lõi, để giải quyết những nhiệm vụ trong quá trình giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh.  **PLO 1.3.** Vận dụng kiến thức nâng cao về khoa học cơ bản và khoa học giáo dục để giải quyết các nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh |
| **PO2.** Thể hiện kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp vào các hoạt động nghiên cứu và giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh. | **PLO 2.1.** Thực hiện các kỹ năng lập luận, phân tích, tư duy hệ thống và kỹ năng thực hành nghề nghiệp giải quyết vấn đề trong giáo dục quốc phòng và an ninh, trong hoạt động xã hội.  **PLO 2.2.** Thể hiện tinh thần yêu nước, phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và tác phong công tác trong thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh. |
| **PO3.** Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác và kỹ năng làm việc nhóm đáp ứng được sự thay đổi của bối cảnh nghề nghiệp. | **PLO 3.1.** Vận dụng được các kĩ năng hợp tác và làm việc nhóm để nghiên cứu, đổi mới, sáng tạo trong quá trình thực hiện các hoạt động dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh.  **PLO 3.2.** Vận dụng được các kĩ năng giao tiếp trong quá trình thực hiện các hoạt động dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh |
| **PO4.** Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành các giải pháp cho hoạt động dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và yêu cầu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân | **PLO 4.1.** Nhận biết bối cảnh xã hội, vai trò vị trí của giáo dục quốc phòng và an ninh trong nhà trường.  **PLO 4.2.** Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành các giải pháp cho hoạt động dạy học giáo dục quốc phòng, an ninh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới. |

CĐR của CTĐT được cụ thể hóa thành CĐR của từng học phần trong CTĐT, tăng tính khả thi của các CĐR của CTĐT cũng như lý giải được giá trị của mỗi CĐR. Các CĐR này cũng được tổ chức dưới dạng các nhóm kiến thức, kỹ năng và thái độ. Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp vào việc thực hiện CĐR của CTĐT thể hiện qua ma trận kỹ năng trong CTĐT [H1.01.02.11], và làm cơ sở cho việc xây dựng ĐCCT học phần của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh [H1.01.02.04]. [H1.01.02.05] [H1.01.02.06].

*Bảng 1.2.2: Đối sánh với CĐR cấp độ 2 ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh năm 2021 với CĐR trình độ bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Khung TĐQG | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) | | | | | | | | |
| 1.1 | 1.2 | 1.3 | 2.1 | 2.2 | 3.1 | 3.2 | 4.1 | 4.2 |
| Kiến thức | | | | | | | | | |
| Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo |  | *√* |  |  |  |  |  | *√* |  |
| Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật | *√* | *√* |  |  |  |  |  |  |  |
| Kiến thức công nghệ thông tin đáp ứng được yêu cầu công việc |  |  |  | *√* |  |  |  |  |  |
| Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Kỹ năng | | | | | | | | | |
| Kỹ năng cần thiết có thể giải quyết các vấn phức tạp |  |  |  | *√* |  |  |  |  |  |
| Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và người khác |  |  |  |  |  |  | *√* |  |  |
| Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi |  |  |  |  |  | *√* |  |  |  |
| Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam |  |  |  |  |  |  | *√* |  |  |
| Mức tự chủ và trách nhiệm` | | | | | | | | | |
| Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm các nhân và làm việc đối với nhóm |  |  |  |  |  |  |  |  | *√* |
| Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định |  |  |  |  | *√* |  | *√* |  |  |
| Tự định hướng, đưa ra những kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân |  |  |  |  |  |  |  |  | *√* |
| Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải tiến hiệu quả các hoạt động |  |  |  |  |  |  |  |  | *√* |

***CĐR của CTĐT nêu được cụ thể kiến thức. kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm đối với người học tốt nghiệp và triển vọng việc làm trong tương lai***

Từ các yêu cầu chung của Bộ GD&ĐT. Nhà trường đã ban hành Quy trình xây dựng/điều chỉnh và công bố CĐR CTĐT để xây dựng và điều chỉnh CĐR. Quy trình này gồm các bước xây dựng CĐR và các bước cập nhật cải tiến CĐR và CTĐT [H1.01.02.02], có đối chiếu với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và thể hiện sự tương tích, phù hợp với những kiến thức, những kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm mà sinh viên tốt nghiệp cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT và triển vọng việc làm trong tương lai và được thể hiện qua *bảng* *đối sánh CĐR cấp độ 2 ngành* Giáo dục Quốc phòng-An ninh *với CĐR trình độ bậc 6 trong Khung trình độ quốc gia* [H1.01.02.10]. Ngoài ra trong quá trình xây dựng CĐR, Khoa có thực hiện đối sánh CĐR với đề cương CDIO [H1.01.02.09]; Đối sánh với CĐR cùng ngành của các trường đại học khác trong nước [H1.01.02.12].

Về mặt kiến thức có 3 CĐR nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản vững chắc về kiến thức xã hội; kiến thức vững chắc về cơ sở ngành và chuyên ngành. Về kỹ năng có 4 CĐR, rèn luyện các kỹ năng mềm cùng các kỹ năng nghề nghiệp vững vàng. Có 2 CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm của sinh viên trong lĩnh vực chuyên môn, giúp sinh viên có được đạo đức nghề nghiệp đúng đắn. Những trang bị về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm của CTĐT giúp sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh có khả năng làm việc ở các vị trí công việc sau: Làm giáo viên giảng dạy bộ môn GDQP&AN tại các trường THPT, Trung cấp chuyên nghiệp, Cao đẳng, Đại học, các Trung tâm GDQP&AN; Làm việc ở các cơ quan, tổ chức, địa phương trong hệ thống chính trị; Làm cán bộ chuyên trách về QP&AN ở các cơ quan, đơn vị địa phương; Có thể tiếp tục học tập nghiên cứu nâng cao trình độ lên Thạc sỹ, Tiến sĩ trong các lĩnh vực về GDQP&AN.

Việc xây dựng, thẩm định và ban hành cũng như cập nhật cải tiến CĐR của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được thực hiện theo Quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo của nhà trường, có khảo sát nhu cầu của thị trường lao động và tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan [H1.01.02.13].

*2. Điểm mạnh*

CĐR của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, thể hiện rõ ràng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm mà sinh viên tốt nghiệp cần đạt sau khi hoàn thành CTĐT và triển vọng việc làm trong tương lai, làm cơ sở cho việc xây dựng CTDH.

CĐR của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được xây dựng, điều chỉnh bao quát được cả các yêu cầu chung theo hệ thống giáo dục Việt Nam và các quy trình của Nhà trường và yêu cầu chuyên biệt mà sinh viên cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

*3. Điểm tồn tại*

Khoa Giáo dục Quốc phòng mới thực hiện rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT theo ý kiến khảo sát của các bên liên quan, tuy nhiên chưa chủ động tiến hành công việc này thường xuyên theo từng năm học

*4.Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2024, Khoa Giáo dục Quốc phòng sẽ tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan hàng năm (gồm GV, sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng) và phân tích và sử dụng thông tin khảo sát về CĐR của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh để có cơ sở cải tiến, cập nhật. | Khoa GD QP;  Phòng ĐT | 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Định kỳ thực hiện rà soát,cập nhật, CĐR của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh làm cơ sở cho việc cải tiến CTDH. | Khoa GD QP;  Phòng ĐT | 2024 |  |

*5.Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

### Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai

*1. Mô tả hiện trạng*

CĐR của CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh là bản cam kết của Trường Đại học Vinh với người học, với xã hội về trình độ tối thiểu mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp về kiến thức, kỹ năng, thái độ và năng lực thực hành nghề nghiệp. CĐR của CTĐT phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan và có sự tham gia đóng góp ý kiến của các bên liên quan trong quá trình xây dựng cũng như trong quá trình rà soát, cập nhật, cải tiến. Việc xây dựng, rà soát, cập nhật và cải tiến CĐR của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh tuân thủ theo quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo (trong đó có quy trình xây dựng và phát triển CĐR) [H1.01.03.01] và các hướng dẫn của Trường Đại học Vinh[H1.01.03.02].

Giai đoạn xây dựng CĐR và CTĐT: Khoa Giáo dục Quốc phòng, Phòng ĐT đã thực hiện theo đúng các bước của Quy trình. Theo Quy trình, việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi để xây dựng CĐR và CTĐT được xác định với các bước: Thành lập tổ soạn thảo xây dựng CĐR/CTĐT; Xây dựng dự thảo CĐR/CTĐT; Tổ chức khảo sát thu thập thông tin các bên liên quan; Hoàn thiện Dự thảo CĐR/CTĐT; Hoàn thiện phê duyệt và công bố CĐR/CTĐT. Trong đó có bước 3 là tổ chức khảo sát thu thập thông tin các bên liên quan. Ở bước này tổ soạn thảo thực hiện các nội dung sau:

1. Thiết kế phiếu khảo sát các bên liên quan.

2. Lập kế hoạch, xác định các đối tượng, dự toán kinh phí khảo sát, tổ chức thảo luận, xin ý kiến chuyên gia về các công việc cần làm để thu thập thông tin nhằm hoàn thiện CĐR/CTĐT.

3. Tổ chức khảo sát thu thập thông tin:

- Tổ soạn thảo tập huấn cho cán bộ thực hiện khảo sát.

- Tổ chức khảo sát các bên liên quan.

- Xử lý số liệu khảo sát.

Sản phẩm của bước này là ***Phiếu khảo sát thu thập thông tin*** và ***Bảng tổng hợp kết quả khảo sát thu thập thông tin của các bên liên quan***  [H1.01.03.01].

CĐR được kết cấu dựa trên quá trình hệ thống hoá quan điểm của các bên liên quan sau khi khảo sát nhằm đưa ra một bảng danh mục CĐR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như tính chất chuyên môn của lĩnh vực ngành. Trong quá trình xây dựng CĐR và CTĐT, Nhà trường và Khoa đã tổ chức các Hội nghị tham vấn, khảo sát ý kiến đóng góp của các bên liên quan về CĐR của CTĐT bằng hình thức trực tuyến và trực tiếp, chính thức và không chính thức [H1.01.03.03]. Trên cơ sở dự thảo CĐR của CTĐT được xây dựng, các bên liên quan được xin ý kiến tham vấn về sự cần thiết và mức độ đáp ứng đối với người học khi tốt nghiệp CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh.

Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh CĐR/CTĐT, Khoa Giáo dục Quốc phòng đã khảo sát và thu thập ý kiến các bên liên quan gồm: các nhà quản lý, giảng viên, SV, cựu SV, các chuyên gia và nhà tuyển dụng về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục CĐR, cấu trúc CTĐT [H1.01.03.03]. Giai đoạn rà soát, điều chỉnh CĐR và CTĐT được thực hiện định kỳ theo quy trình thông qua Hội đồng KHĐT của Khoa, Trường và thông qua việc lấy ý kiến của các bên liên quan để có những hiệu chỉnh phù hợp. Ở cấp độ đơn vị đào tạo, sau khi CĐR và CTĐT được ban hành và triển khai áp dụng, theo quy định chung của Nhà trường, Khoa bắt đầu triển khai các bước của Quy trình rà soát, đánh giá, cập nhật CĐR và CTĐT. Phối hợp với phòng ĐT, Trung tâm ĐBCL khảo sát ý kiến các bên liên quan, sử dụng các kết quả khảo sát để cập nhật, cải tiến CĐR và CTĐT. Ngoài ra, Khoa còn thu thập các thông tin từ các buổi họp GV, họp Khoa, để xây dựng và điều chỉnh CĐR và CTĐT, giúp Khoa điều chỉnh CĐR và CTĐT sao cho hiệu quả nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo của ngành [H1.01.03.04]. Đồng thời, Khoa Giáo dục Quốc phòng đã tham khảo CĐR của CTĐT cùng ngành với một số trường đại học (ĐH) có đào tạo ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh ở Việt Nam và phân tích dựa trên bảng đối sánh CTĐT của Trường Đại học Vinh nhằm đưa ra một bản danh mục CĐR phù hợp với thực tiễn xã hội cũng như chuyên môn của ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh [H1.01.03.05]. CĐR của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đã phản ánh được cơ bản yêu cầu của tất cả các đối tượng có liên quan, thông qua danh mục các CĐR về mặt kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc, cơ hội nghề nghiệp khi tốt nghiệp và hệ thống mục tiêu cụ thể của từng học phần [H1.01.03.06] [H1.01.03.07] [H1.01.03.08].

Trong giai đoạn đánh giá CTĐT (2019-2023), CĐR của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đã được rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện ít nhất 02 năm một lần theo kế hoạch của Nhà trường [H1.01.03.02]. Kết quả của việc thực hiện rà soát, cập nhật, đánh giá CĐR và CTĐT trong 5 năm giai đoạn đánh giá là CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đã qua đợt xây dựng chương trình giáo dục năm 2017 (*số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017*) về việc ban hành CTĐT tiếp cận CDIO) [H1.01.03.06]. Nhà trường triển khai nghiên cứu và vận dụng tiếp cận CDIO vào việc phát triển CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh và được xây dựng mới theo quy trình chặt chẽ với sự tham gia của các bên liên quan, chú trọng cập nhật xu thế mới của quốc tế trong phát triển năng lực giáo viên. CTĐT được xây dựng theo hướng tiếp cận năng lực dựa trên 4 trụ cột của CDIO, gồm (1) kiến thức và lập luận ngành, (2) phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, (4) năng lực thực hành nghề nghiệp (năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, cải tiến). Năm 2019, Nhà trường cập nhật, chỉnh sửa CTĐT (*số 2381/QĐ-ĐHV ngày 04/09/2019*) [H1.01.03.07]. Năm 2021, CĐR CTĐT tiếp tục được rà soát, chỉnh sửa, bổ sung theo hướng cụ thể hóa một số năng lực nhằm thể hiện được năng lực của Sinh viên khi tốt nghiệp, đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng, phù hợp với triết lý giáo dục của UNESCO (*số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/09/2021*) [H1.01.03.08]. Kết quả của các lần rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CĐR của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh là số lượng chuẩn đầu ra được rút gọn, súc tích, định lượng được, năng lực chuẩn đầu ra đảm bảo, bám sát vào các yêu cầu kết quả khảo sát của các bên liên quan. CĐR cấp độ 3 năm 2021 được điều chỉnh về 9 CĐR cấp độ 2 và 27 CĐR cấp độ 3 (áp dụng từ K62). Việc rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CĐR và CTĐT hàng năm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan góp phần làm tăng tỷ lệ xếp loại tốt nghiệp của sinh viên ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh qua các năm [H1.01.03.09]. Năm 2023, Nhà trường tiếp tục hướng dẫn rà soát, chỉnh sửa, bổ sung CĐR và CTĐT thông qua việc ban hành bộ chuẩn ĐBCL CTĐT phiên bản 1.0 [H1.01.03.10].

CĐR và CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh sau khi xây dựng và điều chỉnh đã được hội đồng chuyên môn cấp Khoa, cấp Trường thông qua, nghiệm thu và được Trường Đại học Vinh phê chuẩn, ra quyết định thực hiện và được công bố công khai rộng rãi tới các CB, GV, người học, nhà sử dụng lao động và các bên liên quan khác trên Website của Trường, subweb của Trung tâm GDQP&AN, trên bảng tin của Khoa, thông qua tài liệu tư vấn tuyển sinh, các tờ rơi quảng bá tuyển sinh, sổ tay sinh viên, đợt gặp mặt sinh đầu khóa và bản in về CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh [H1.01.03.11].

Như vậy, trong giai đoạn đánh giá (từ 2019 - 2023), CĐR của CTĐT đã được xây dựng và thường xuyên rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật dựa trên yêu cầu của các bên liên quan, xu hướng của thế giới và thực tiễn giáo dục, được công bố công khai và rộng rãi, thể hiện sự cam kết của nhà trường về chất lượng đào tạo của chương trình. Việc xây dựng, cập nhật và công khai CĐR của CTĐT là cơ sở để nhà trường cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

*2. Điểm mạnh*

Khoa Giáo dục Quốc phòng đã tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan về CĐR và CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh khi xây dựng cũng như khi triển khai CTĐT theo quy trình Nhà trường đã ban hành với các biểu mẫu rõ ràng.

CĐR và CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh sau khi được ban hành và triển khai đã được rà soát, điều chỉnh theo yêu cầu của các bên liên quan và công bố công khai trên Website và các trang tin của Trường và của Giáo dục Quốc phòng-An ninh.

*3. Điểm tồn tại*

Khoa Giáo dục Quốc phòng đã tiến hành hoạt động tìm hiểu nhu cầu nhân lực của thị trường lao động nhưng số lượng nhà sử dụng lao động được khảo sát còn hạn chế.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2024 Khoa Giáo dục Quốc phòng tiếp tục hoàn thiện công tác nghiên cứu nhu cầu của thị trường lao động, mở rộng số lượng nhà sử dụng lao động cần khảo sát để đảm bảo cho CTĐT của Khoa đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, đạt hiệu quả cao. | Khoa GDQP/Phòng ĐT/TT ĐBCL | Năm 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | -Rà soát biểu mẫu, tăng cường tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan về CĐR và CTĐT  - Tăng cường rà soát, điều chỉnh định kỳ CĐR và CTĐT theo yêu cầu của các bên liên quan và công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau. | Khoa GDQP/Phòng ĐT/TT ĐBCL | Năm 2024 |  |

*5. Tự đánh giá: Đạt (5/7).*

**Kết luận về Tiêu chuẩn 1:**

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Mục tiêu CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được xác định rõ ràng qua mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, định hướng để Giáo dục Quốc phòng xây dựng CĐR và CTĐT, được xây dựng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và phù hợp với mục tiêu của Luật giáo dục Đại học. Khi xây dựng mục tiêu, CĐR và CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh, Khoa đã tiến hành khảo sát về nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động và tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan, được cập nhật theo quy trình.

CĐR CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT, thể hiện rõ ràng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm của sinh viên khi tốt nghiệp, làm cơ sở cho việc xây dựng CTDH. CĐR của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được xây dựng, điều chỉnh bao quát được cả các yêu cầu chung theo hệ thống giáo dục Việt Nam và các quy trình của Nhà trường và yêu cầu chuyên biệt mà sinh viên cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

Khoa đã tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan CĐR CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh khi xây dựng cũng như khi triển khai CTĐT theo quy trình Nhà trường đã ban hành với các biểu mẫu rõ ràng. Sau khi được ban hành và triển khai, CĐR ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đã được rà soát, điều chỉnh theo yêu cầu của các bên liên quan và công bố công khai trên Website, và các trang tin của Trường và của Khoa.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Chưa đảm bảo tính đại diện của các đối tượng tham gia hội thảo của Khoa Giáo dục Quốc phòng về xây dựng mục tiêu, CĐR và CTĐT; thời gian cho các BLQ thảo luận tại các đợt cập nhật CTĐT chưa nhiều.

Khoa mới thực hiện rà soát và điều chỉnh CĐR của CTĐT theo ý kiến khảo sát của các bên liên quan, tuy nhiên chưa chủ động tiến hành công việc này thường xuyên theo từng năm học.

Khoa Giáo dục Quốc phòng đã tiến hành hoạt động tìm hiểu nhu cầu nhân lực của thị trường lao động nhưng số lượng được khảo sát còn hạn chế.

**Tiêu chuẩn 2.**  **BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### Mở đầu

Bản mô tả CTĐT là tài liệu chính thức của Nhà trường nhằm cung cấp thông tin đầy đủ và cần thiết về mỗi CTĐT cho người học, người dạy, nhà tuyển dụng, nhà quản lí, cho các đối tượng trong hoạt động tuyển sinh và các bên liên quan khác. Bản mô tả CTĐT được xây dựng và ban hành theo biểu mẫu quy định thống nhất của Nhà trường và phù hợp với các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, với đầy đủ các thông tin theo quy định, phù hợp với các quy định, sứ mạng của Nhà trường, có cấu trúc cân đối giữa các khối kiến thức trong tổng thể CTĐT, được định kỳ rà soát bổ sung. Các học phần trong CTĐT đảm bảo tính lôgic, hợp lý, cân đối phù hợp với tổng thể đáp ứng nhu cầu người học trong bối cảnh thực tiễn. Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần thể hiện CTĐT được thiết kế rõ ràng, có cấu trúc đảm bảo logic và chứng minh tính khả thi của việc thực hiện các mục tiêu và CĐR, tạo điều kiện cho người học và người dạy cũng như các nhà quản lí dễ dàng triển khai thực hiện, kiểm tra đánh giá và cải tiến CTĐT.

### Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật

1. *Mô tả hiện trạng*

Bản mô tả CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được xây dựng dựa trên các yêu cầu của các văn bản pháp lý của Nhà nước [H2.02.01.01], tuân thủ theo quy định/quy trình của Nhà trường [H2.02.01.02] và các văn bản hướng dẫn về xây dựng và phát triển CTĐT của Trường Đại học Vinh [H2.02.01.03].

Trong chu kỳ đánh giá từ năm 2019-2023, Bản mô tả CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh của Trường Đại học Vinh có các phiên bản 2017 (s*ố 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017*) [H2.02.01.04], phiên bản 2019 (*số 2381/QĐ-ĐHV ngày 04/09/2019*) [H2.02.01.05] và phiên bản 2021 (*số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/09/2021*) [H2.02.01.06].

Bản mô tả CTĐT phiên bản năm 2017, năm 2019 và năm 2021 của ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh có đầy đủ các nội dung, bao gồm:

1. Cơ sở giáo dục: Tên cơ sở đào tạo và cấp bằng là Trường Đại học Vinh.
2. Tên gọi văn bằng: Cử nhân Sư phạm Giáo dục quốc phòng - an ninh

3. Chương trình đào tạo: Giáo dục quốc phòng và an ninh (Defense and security education).

4. Thời gian đào tạo: 4 năm.

5. Mục tiêu: bao gồm mục tiêu tổng quát và 4 mục tiêu cụ thể.

6. CĐR của CTĐT: Được mô tả theo 4 trụ cột của CDIO bao gồm: (1) kiến thức và lập luận ngành; (2) kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp; (3) kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp; (4) năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và phát triển ý tưởng liên quan đến lĩnh vực Giáo dục quốc phòng và an ninh.

7. Tiêu chí tuyển sinh: áp dụng theo quy chế tuyển sinh hàng năm của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh đại học của Trường Đại học Vinh.

8. Cấu trúc chương trình dạy học (CTDH): được thể hiện qua khung chương trình và kế hoạch dạy học dự kiến và mô tả vắn tắt môn học.

9. Ma trận kỹ năng ITU, ma trận phân nhiệm các CĐR của CTĐT cho từng môn học/học phần.

10. Đề cương các môn học/học phần.

1. Thời điểm thiết kế/ điều chỉnh bản mô tả CTĐT.

Ngoài những nội dung trên, Bản mô tả CTĐT còn thể hiện một số nội dung khác như: khả năng đáp ứng cơ hội nghề nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp của NH [H2.02.01.04] [H2.02.01.05] [H2.02.01.06].

Bản mô tả CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thay đổi công nghệ, cập nhật theo các xu hướng đào tạo và nghiên cứu mới trên thế giới hoặc những văn bản pháp quy hiện hành về lĩnh vực của ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh. Từ khi CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được ban hành, việc cập nhật bản mô tả CTĐT được thực hiện định kỳ. Từ năm 2017 đến nay, Trường đã trải qua 1 lần xây dựng vào năm 2017, có rà soát, chỉnh sửa năm 2019 và cập nhật, bổ sung năm 2021 [H2.02.01.03] [H2.02.01.07]. Tất cả các lần rà soát, điều chỉnh và cập nhật CTĐT, các giảng viên của ngành đều được Nhà trường tổ chức tập huấn và hướng dẫn cụ thể [H2.02.01.08].

Việc rà soát, cập nhật và đánh giá bản mô tả CTĐT được thực hiện thông qua quá trình cập nhật CTĐT và CĐR gồm 5 bước: *Bước 1:* Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTDH/CTĐT; *Bước 2:* Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTDH/CTĐT; *Bước 3:* Đánh giá và xây dựng đánh giá về tính hiệu quả của CTDH/CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với CĐR và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy…); *Bước 4:* Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CTDH/CTĐT và trình Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét thông qua; *Bước 5:* Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật CTDH/CTĐT và trình Hiệu trưởng ban hành CTDH/CTĐT sửa đổi, bổ sung [H2.02.01.02].

*Bản mô tả CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh năm 2017, 2019* (từ khóa 58- khóa 61) trở về trước được Nhà trường xây dựng có những nội dung như: Mô tả thông tin quy định cụ thể CĐR của CTĐT. CĐR CTĐT năm 2017, 2019 gồm 17 CĐR cấp độ 2 và 73 CĐR cấp độ 3. CĐR được truyền tải vào CTĐT và các học phần thông qua ma trận tích hợp CĐR (hay còn gọi là ma trận kỹ năng) nhằm góp phần đạt được CĐR của CTĐT, ma trận tích hợp phương pháp dạy và học với CĐR của CTĐT, khối lượng kiến thức toàn khóa gồm (*132 tín chỉ với 41 học phần*). Phần mô tả về CTDH, danh sách đội ngũ GV, CSVC phục vụ học tập (bao gồm: hệ thống phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy; thư viện; danh mục giáo trình, tập bài giảng), hướng dẫn thực hiện chương trình. Các nội dung này được trình bày theo một tuần tự logic và rõ ràng, giúp cho người đọc hiểu được những vấn đề cốt lõi của một quá trình đào tạo từ mục tiêu tổng quát đến chi tiết, từ CĐR mong muốn đến nội dung chương trình và cấu trúc chương trình đáp ứng CĐR, từ yêu cầu đối với NH đến cam kết về CSVC và đội ngũ GV [H2.02.01.04] [H2.02.01.05].

*Bản mô CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh năm 2021* (áp dụng từ khóa 62) trở điđãđược cập nhật mới, thể hiện được thông tin chú trọng: Rút gọn theo hướng tinh lọc các CĐR của CTĐT còn xuống 9 CĐR cấp độ 2 và 27 CĐR cấp độ 3 theo 4 trụ cột CDIO; Bảng phân nhiệm cho PLO cho học phần được thiết kế chi tiết hơn đến từng chương trong học phần và phân nhiệm CĐR về kỹ năng nghề nghiệp (CĐR về CDIO) cho các học phần dự án [H2.02.01.06], cải tiến giảm số tín chỉ từ 132 tín chỉ xuống còn 126 tín chỉ, giảm số lượng học phần từ 41 học phần xuống còn 38 học phần, cập nhật các học phần mới. Bổ sung 7 môn học sang học phần dự án bao gồm (*Nhập môn ngành sư phạm; Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự; Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và biển đảo Việt Nam; Ứng dụng ICT trong giáo dục; Đường lối quân sự; Lý luận, phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh và thực tế phổ thông; Hiểu biết chung về quân, binh chủng*). Ngoài ra bản mô tả CTĐT đã bổ sung đầy đủ các rubric đánh giá, qua đó đã cập nhật các yêu cầu về nội dung và hình thức nhằm tăng tính logic giữa CĐR CTĐT, phân nhiệm cho các học phần, chất lượng các sản phẩm liên quan; tăng tính gắn kết nội dung dạy học của một số học phần với mục tiêu học phần và CĐR học phần; đa dạng hình thức tổ chức dạy học, thể hiện nổi bật các hoạt động dạy học tích cực, phát huy năng lực người học thông qua làm việc nhóm, học tập trải nghiệm, học tập bằng phương pháp đồ án, dự án ; CTĐT được tăng thời lượng thực hành, thực tập nghề…,[H2.02.01.06]. Qua các lần rà soát, các nội dung CĐR và khung CTĐT được đối sánh với một số CTĐT cùng ngành ở các trường khác trong nước, qua đó cập nhật các năng lực cần thiết vào CĐR của CTĐT [H2.02.01.09] [H2.02.01.10], đối sánh CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh giữa các năm với nhau [H2.02.01.11].

*Bảng 2.1.1: Điểm thay đổi trong các Bản mô tả CTĐT*

*ngành* *Giáo dục Quốc phòng-An ninh*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Khóa 58**  **(2017 -2021)** | **Khóa 61**  **(2020-2024)** | **Khóa 62**  **(2021 -2025)** |
| Thời gian đào đạo | 4 năm | 4 năm | 4 năm |
| Mục tiêu và chuẩn đầu ra, ma trận | Theo 4 trụ cột của CDIO gồm 3 cấp độ | Theo 4 trụ cột của CDIO gồm 3 cấp độ | Theo 4 trụ cột của CDIO gồm 3 cấp độ |
| Ma trận ITU, ma trận phân nhiệm CĐR của CTĐT cho từng học phần | Ma trận ITU, ma trận phân nhiệm CĐR của CTĐT cho từng học phần | Ma trận kỹ năng, ma trận phân nhiệm CĐR của CTĐT cho từng học phần |
| Số tín chỉ | 132 tín chỉ | 126 tín chỉ | 126 tín chỉ |
| Số học phần | 41 học phần | 38 học phần | 38 học phần |

Năm 2023, Nhà trường ban hành Bộ chuẩn ĐBCL CTĐT phiên bản 1.0 [H2.02.01.12], hướng dẫn cụ thể về xây dựng CTĐT với quy trình chặt chẽ từ việc có các bước xây dựng mục tiêu CTĐT, xây dựng CĐR phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường, cũng như hướng dẫn đối sánh CĐR của CTĐT với đề cương CDIO, Khung trình độ quốc gia,…hướng dẫn thiết kế và phát triển CTDH dựa trên CĐR theo mô hình tương thích kiến tạo, quy trình thiết kế ngược và mô hình CFB. Bên cạnh đó, việc đánh giá người học theo CĐR được thiết kế chi tiết hơn qua kết quả đánh giá bao gồm điểm số và điểm năng lực của CĐR. Đề cương học phần có đầy đủ thông tin về ma trận đề thi, rubric đánh giá theo CĐR và kế hoạch dạy học được thiết kế theo 03 giai đoạn (Pre-class, During class, Post class),…. [H2.02.01.12]. Hiện nay, Khoa Giáo dục Quốc phòng đang thực hiện cải tiến và hoàn thiện CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh theo quy trình và hướng dẫn của Nhà trường mới ban hành [H2.02.01.12].

Ngoài ra, việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật CTĐT còn dựa trên cơ sở tiếp thu những ý kiến thu thập được từ báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan (NSDLĐ, NH và cựu NH, CBVC, chuyên gia…) [H2.02.01.13]. Các ý kiến của các bên liên quan, ý kiến đóng góp của các thành viên trong Khoa, hội đồng Khoa, Hội đồng thẩm định, Hội đồng khoa học và đào tạo [H2.02.01.14] là cơ sở quan trọng để Khoa chỉnh sửa, điều chỉnh dự thảo CTĐT, Bản mô tả CTĐT phù hợp, đầy đủ nội dung, được Hội đồng khoa học và đào tạo nghiệm thu và trình Hiệu trưởng ký ban hành [H2.02.01.15].

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận với bản mô tả CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An, nội dung văn bản này được Nhà trường đăng tải trên Website của Phòng đào tạo và của Khoa Giáo dục Quốc phòng, được cập nhật trong các tài liệu quảng bá, sổ tay sinh viên của Nhà trường, phổ biến trong buổi lễ Khai giảng đầu khoá của tân sinh viên,... [H2.02.01.16].

*2. Điểm mạnh*

Bản mô tả CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đầy đủ các nội dung và thông tin, qua đó, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận với CTĐT.

Bản mô tả CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được cập nhật định kỳ hàng năm và theo giai đoạn cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển của Việt Nam và thế giới.

*3. Điểm tồn tại*

Nội dung góp ý cho việc cập nhật và công bố thông tin về bản mô tả CTĐT từ các Nhà tuyển dụng chưa được Khoa thực hiện kịp thời theo từng năm học.

1. *Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm học 2024, Khoa Giáo dục Quốc phòng sẽ tiến hành cập nhật nhanh chóng tất cả các nội dung của các Nhà tuyển dụng cần cập nhật và công bố thông tin về bản mô tả CTĐT | Khoa GD QP-AN/Phòng ĐT | Năm 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Rà soát định kỳ Bản mô tả CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh và phổ biến để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận với CTĐT.  Cập nhật theo giai đoạn Bản mô tả CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển của Việt Nam và thế giới. | Khoa GD QP-AN/Phòng ĐT | Năm 2024 |  |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

### Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật.

*1.Mô tả hiện trạng*

Căn cứ vào quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H2.02.02.01]; Quy định về đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Vinh [H2.02.02.02]; tuân thủ theo Quy định/quy trình về xây dựng và phát triển CTĐT [H2.02.02.03] [H2.02.02.04] và các văn bản hướng dẫn của Trường Đại học Vinh về xây dựng, rà soát, chỉnh sửa, cập nhật CTĐT [H2.02.02.05]. Trên cơ sở đó, GV Khoa Giáo dục Quốc phòng xây dựng bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh. Trong chu kỳ đánh giá (từ 2019-2023), Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh có các phiên bản 2017 (*số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017*) [H2.02.02.06] [H2.02.02.07] phiên bản 2019 (*số 2381/QĐ-ĐHV ngày 04/09/2019*) [H2.02.02.08] [H2.02.02.09]và phiên bản 2021 (*số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/09/2021*) [H2.02.02.10] [H2.02.02.11]. ĐCCT các học phần là bản mô tả quá trình giảng dạy và đóng vai trò quan trọng giúp GV và sinh viên thực hiện đúng trách nhiệm của mình. CĐR chi tiết của từng học phần luôn gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng. ĐCCT học phần đảm bảo thể hiện được CĐR của môn học, PPGD để có thể đạt được các CĐR đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh giá hiệu quả giảng dạy. Qua mỗi đợt rà soát, điều chỉnh, Trường Đại học Vinh đều ban hành kế hoạch và hướng dẫn xây dựng ĐCCT học phần để hướng dẫn các đơn vị xây dựng/điều chỉnh đề cương theo mẫu thống nhất [H2.02.02.05].

100% ĐCCT HP CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh năm 2017, 2019 và 2021 có đầy đủ các nội dung theo quy định của Bộ GD&ĐT, bao gồm:

(1) Thông tin tổng quát về học phần: tên chương trình đào tạo, thông tin về giảng viên, thông tin chung về học phần: tên học phần bằng tiếng Việt và tiếng Anh, mã số học phần, phân loại học phần trong các khối kiến thức, số tín chỉ và số giờ phân bổ cho các hoạt động dạy học, các học phần tiên quyết, học phần song song hay nối tiếp.

(2) Mô tả vắn tắt học phần: nêu vị trí học phần trong tổng thể CTĐT, các nội dung cơ bản và những kĩ năng chính được đề cập trong học phần, đóng góp của học phần vào sự phát triển năng lực của người học.

(3) Mục tiêu và CĐR học phần: các mục tiêu của học phần được tham chiếu với các CĐR của CTĐT kèm theo thang năng lực mong đợi. Trên cơ sở các mục tiêu của học phần, các chuẩn đầu ra được mô tả tương ứng kèm theo phân nhiệm ITU, giúp giảng viên và SV đều nắm được.

(4) Đánh giá học phần: mô tả rõ các thành phần đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ, tham chiếu với các CĐR của học phần tương ứng với từng phương thức đánh giá và tỷ lệ (trọng số) đánh giá. Đánh giá quá trình mỗi học phần thường bao gồm 3 thành phần: i) Chuyên cần, thái độ; ii) Hồ sơ học phần; iii) Đánh giá giữa kỳ; iv) Đánh giá cuối kỳ.

(5) Nội dung và kế hoạch dạy học:; bao gồm i) Nội dung giảng dạy được trình bày theo chương mục, tham chiếu với các CĐR và các bài đánh giá tương ứng; ii) Kế hoạch giảng dạy được mô tả từng tuần, nêu rõ các nội dung và hình thức tổ chức dạy học, nội dung tự học và nghiên cứu của SV, tham chiếu với các CĐR và các bài đánh giá, iii) Phương tiện hỗ trợ dạy học: nêu rõ các trang thiết bị, điều kiện đặc thù để thực hiện các bài dạy học của học phần.

(6) Học liệu: bao gồm 2 giáo trình chính và các tài liệu, học liệu tham khảo, mang tính cập nhật.

(7) Quy định học phần;

(8) Phụ trách học phần: đơn vị được Nhà trường phân công phụ trách học phần.

(9) Thông tin phê duyệt đề cương chi tiết học phần [H2.02.02.07] [H2.02.02.09] [H2.02.02.11].

Đề cương đã đảm bảo 03 nội dung quan trọng: nội dung giảng dạy, PPGD/học tập và phương pháp đánh giá để đạt yêu cầu của CĐR. Từng học phần có số tín chỉ xác định và được ký hiệu bằng một mã số học phần riêng do Trường quy định.

ĐCCT HP CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh năm 2017, 2019 (từ khóa 58 đến khóa 61) (có *132 tín chỉ với 41 học phần)* [H2.02.02.07] [H2.02.02.09]*.*

ĐCCT HP CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh năm 2021 (có 1*26 tín chỉ với 38 học phần)*, trong đó khối kiến thức giáo dục đại cương có 15 học phần bắt buộc tương ứng 49 tín chỉ; khối kiến thức cơ sở ngành có 3 học phần tương ứng 11 tín chỉ, khối kiến thức ngành có 19 học phần tương ứng với 72 tín chỉ [H2.02.02.11].

Năm 2023 Trường Đại học Vinh ban hành Bộ chuẩn ĐBCL chương trình đào tạo, trong đó có hướng dẫn cụ thể về việc xây dựng đề cương chi tiết học phần (*hướng dẫn xây dựng bản đề cương chi tiết học phần ở tiêu chí 2.1 và mẫu đề cương học phần ở phần phụ lục*) [H2.02.02.04]. Đề cương học phần có đầy đủ thông tin về ma trận đề thi, rubric đánh giá theo CĐR và kế hoạch dạy học được thiết kế theo 03 giai đoạn (Pre-class, During class, Post class),…,. Hiện nay, Khoa Giáo dục Quốc phòng đang thực hiện xây dựng ĐCCT HP ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh theo quy trình và hướng dẫn của Nhà trường mới ban hành [H1.01.02.04].

Khi xây dựng ĐCCT học phần, các giảng viên phụ trách học phần bám vào ma trận kỹ năng phân nhiệm cho học phần để đảm bảo sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT [H2.02.02.12]. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa và thể hiện ở các mục tiêu của từng học phần. Trong đề cương chi tiết học phần có thể hiện rõ từng CĐR học phần đó tương ứng với CĐR nào của CTĐT, chỉ số đo lường việc đạt CĐR của CTĐT. Trong nội dung chi tiết học phần, ứng với từng bài, có ghi rõ số tiết lý thuyết, thực hành; phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; bài học này đáp ứng CĐR nào của học phần. Phương pháp đánh giá bao gồm điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần; trọng số của mỗi điểm thành phần; đáp ứng CĐR nào của học phần; mức độ đóng góp của học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT. Những nội dung này giúp GV lượng hóa được việc đạt được CĐR của học phần mình đảm nhiệm [H2.02.02.07] [H2.02.02.09] [H2.02.02.11].

100% Đề cương các môn học trong CTĐT được định kỳ rà soát, bổ sung cập nhật theo kế hoạch và hướng dẫn của Nhà trường [H2.02.02.05] [H2.02.02.13]. Đề cương môn học được định kỳ rà soát, chỉnh sửa hai năm một lần. Đề cương học phần được chuẩn hóa trong toàn bộ CTĐT. Việc xây dựng đề cương học phần theo CĐR được rà soát, cập nhật. Trong giai đoạn đánh giá, các chương trình đào tạo của Nhà trường đã hoàn thành 1 chu kỳ đổi mới theo tiếp cận CDIO, do vậy, Nhà trường đã triển khai rà soát, cập nhật các chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO giai đoạn 2. Đề cương học phần được rà soát, cập nhật thông tin về môn học, bổ sung CĐR, danh mục tài liệu, một số đề cương học phần dạy học theo dự án được xây dựng bao gồm (*Nhập môn ngành sư phạm; Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự; Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và biển đảo Việt Nam; Ứng dụng ICT trong giáo dục; Đường lối quân sự; Lý luận, phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh và thực tế phổ thông; Hiểu biết chung về quân, binh chủng*). Đề cương chi tiết có đầy đủ các thông tin cần thiết giúp cho đơn vị chức năng dễ dàng trong việc quản lý chất lượng và phục vụ đào tạo đáp ứng các yêu cầu của môn học, đồng thời giúp cho các bên liên quan có thông tin đầy đủ và minh bạch về môn học để giám sát quá trình đào tạo của chương trình. Bên cạnh việc chú trọng biên soạn nội dung, Trường Đại học Vinh cũng đã nhận thức được sự cần thiết của việc rà soát, điều chỉnh, cập nhật ĐCCT học phần. Việc cập nhật ĐCCT học phần được triển khai theo cả 2 hướng là cập nhật số mục trong mỗi đề cương và cập nhật nội dung đề cương. Thứ nhất, về số mục trong mỗi đề cương, các đơn vị tiến hành soạn thảo dựa theo hướng dẫn của Trường. Giữa các lần rà soát, điều chỉnh thì ĐCCT học phần năm 2021 so với năm 2017 và năm 2019 đã có thay đổi khi được bổ sung nhiều mục. Quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT các năm đều được Phòng ĐT phối hợp với Khoa lấy ý kiến của các bên liên quan về CĐR để làm căn cứ xây dựng, cập nhật, sửa đổi ĐCCT học phần và được thực hiện theo quy trình chặt chẽ từ việc xây dựng, hoàn thiện đến nghiệm thu ĐCCT học phần [H2.02.02.14]. Khoa thực hiện báo cáo việc sử dụng thông tin khảo sát để cải tiến chất lượng CTĐT, CĐR và ĐCCT học phần [H2.02.02.15].

Các đề cương học phần đều tuân thủ quy định của trường, Khoa có thực hiện đối sánh đề cương chi tiết học phần các phiên bản 2017, 2019, 2021 với nhau [H2.02.02.16], và có tham chiếu, so sánh, tiếp thu và cập nhật từ những đề cương học phần trong các CTĐT cùng ngành của trường đại học khác trong nước [H2.02.02.17].

Tất cả CTĐT, các ĐCCT học phần, các kế hoạch giảng dạy được Hiệu trưởng phân cấp cho Trưởng Khoa phê duyệt, ký ban hành bằng bản mềm và bản cứng, được công bố công khai trên Website của Phòng ĐT, của Khoa Giáo dục Quốc phòng,… và gửi trực tiếp qua hệ thống Elearning của Trường đến từng GV, sinh viên, được đóng tập để sử dụng và lưu trữ theo từng khóa, từng ngành [H2.02.02.18], [H2.02.02.19].

*2. Điểm mạnh*

100% ĐCCT các học phần của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh thể hiện đầy đủ các thông tin theo quy định của Bộ GD&ĐT, đặc biệt mức độ đóng góp của học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT; tính kết nối các nội dung học phần với phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm đạt CĐR của học phần, để có thể lượng hóa chính xác năng lực đáp ứng CĐR CTĐT mà sinh viên cần đạt được sau khi học xong học phần.

Tất cả các ĐCCT học phần của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được rà soát, đánh giá và điều chỉnh định kỳ hàng năm. Đặc biệt các CĐR của học phần được rà soát lại để có thể lượng hóa chính xác năng lực đáp ứng CĐR của CTĐT. ĐCCT học phần được cập nhật phương pháp đánh giá Rubric qua đó góp phần việc đánh giá học phần được cụ thể, rõ ràng, khoa học và công bằng hơn.

*3. Điểm tồn tại*

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về các nội dung trong đề cương học phần chưa được Khoa, Bộ môn và các giảng viên tiến hành một cách đồng bộ và thống nhất; do vậy, thông tin để cải tiến điều chỉnh nội dung cụ thể và kế hoạch dạy học của từng học phần còn hạn chế.

*4.Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Chuyên ngành định kỳ thực hiện khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về các nội dung trong đề cương học phần để làm cơ sở cho các điều chỉnh | Khoa GD QP-AN /Phòng ĐT | Năm 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Cập nhật đề cương học phần thường xuyên để phù hợp với mục tiêu và CĐR của CTĐT | Khoa GD QP-AN /Phòng ĐT | Năm 2024 |  |

*5. Tự đánh giá:*  Đạt 5/7 điểm

### Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận.

*1.Mô tả hiện trạng*

Bản mô tả CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh sau khi được được phê duyệt chính thức, và ban hành đã được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau, giúp các bên liên quan (cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, GV, sinh viên, cựu sinh viên,...) tiếp cận một cách dễ dàng và thuận tiện nhất [H2.02.03.01].

Cùng với việc công bố công khai Bản mô tả CTĐT, toàn bộ đề cương trong CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh cũng được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau để GV, NH và đối tượng quan tâm khác có thể dễ dàng tiếp cận và tìm hiểu [H2.02.03.02].

Tùy đối tượng mà Nhà trường và Khoa Giáo dục Quốc phòng chọn hình thức công bố thích hợp để các bên liên quan tiếp cận một cách thuận tiện nhất, sử dụng, lựa chọn thông tin cho mục đích của từng đối tượng. Cụ thể như: Trường Vinh đã chọn kênh thông tin có độ phủ rộng rãi là công bố công khai trên website chính thức của Phòng ĐT và website của Khoa Giáo dục Quốc phòng [H2.02.03.03], Ngoài ra, Bản mô tả CTĐT và ĐCCT còn được công bố công khai bằng các hình thức khác như: trong các buổi “Gặp mặt sinh viên đầu khoá”, " Các đợt sinh hoạt chính trị đầu khóa học", Sổ tay sinh viên, tờ rơi, LMS, Learning Management System, fanpage, …[H2.02.03.04].

Đối với GV, Trong chu kỳ đánh giá. Tùy từng giai đoạn, Giảng viên Khoa Giáo dục Quốc phòng đã sử dụng bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần bản mới được phê duyệt gần nhất để giúp GV chuẩn bị kế hoạch giảng dạy cũng như nắm được nội dung giảng dạy của các học phần khác để phối hợp tạo nên sự liên thông giữa các học phần, giữa các năm học. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh còn là cơ sở để Khoa Giáo dục Quốc phòng và đội ngũ GV thảo luận và nghiên cứu về chương trình hiện hành và chương trình mới nhằm đảm bảo có cùng một cách hiểu về CĐR ra của chương trình. Bản mô tả CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh giúp nhà trường đảm bảo các CĐR của chương trình được thiết kế rõ ràng và sinh viên tốt nghiệp có thể đáp ứng CĐR, đồng thời chứng minh khả năng đạt được chúng. Bản mô tả CTĐT là tài liệu tham khảo cho hoạt động rà soát nội bộ và giám sát các hoạt động của CTĐT [H2.02.03.01] [H2.02.03.02].

Đối với sinh viên, Trường và Khoa Giáo dục Quốc phòng đã tận dụng các kênh thông tin khác nhau để đảm bảo sinh viên luôn tiếp cận được với bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần; giúp sinh viên có được cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh, tiếp cận và nắm được CĐR của CTĐT. Các hình thức công bố công khai cho người học như công bố trên website của Phòng ĐT và của Khoa Giáo dục Quốc phòng [H2.02.03.03], công bố trên trang đăng ký học của sinh viên, giới thiệu cho sinh viên trong buổi Lễ khai giảng và buổi sinh hoạt đầu khóa Ngay từ buổi học đầu tiên, hướng dẫn cách tiếp cận thông tin CTĐT trong sổ tay sinh viên. Hàng năm, khi tiếp đón tân sinh viên, Khoa Giáo dục Quốc phòng tổ chức gặp mặt và giới thiệu về các CTĐT cũng như truyền thống lịch sử phát triển của Khoa, qua đó CTĐT được truyền thông một cách hiệu quả. Bản mô tả CTĐT các phiên bản và 100% đề cương chi tiết của các học phần đều được cung cấp cho người học theo đúng quy định. Các thông tin liên quan đến Đề cương học phần đã được tích hợp và quản lý trên hệ thống quản lí học tập (LMS), nhằm chuyển tải đến người học một cách thuận tiện và chính xác nhất [H2.02.03.04]. Theo quy định của Nhà trường, ĐCCT của học phần phải được giảng viên cung cấp và giới thiệu cụ thể cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần, qua đó sinh viên nắm rõ thông tin học phần và nhận thức đầy đủ mục tiêu, CĐR và các nội dung hoạt động dạy học, nhiệm vụ học tập cũng như các sản phẩm học tập trong hồ sơ học phần của mình cần đạt được [H2.02.03.04]. Bên cạnh đó, thông qua các cuộc họp định kỳ của chủ nhiệm cũng giúp NH dễ dàng tiếp cận và nắm được đầy đủ, chính xác các thông tin về Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần. Ngoài ra, trong các học phần giảng dạy, các GV cũng dành thời gian trình chiếu Slide giới thiệu tới NH về ĐCCT học phần được giảng dạy [H2.02.03.05]. Việc công khai Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh bằng nhiều hình thức khác nhau tạo điều kiện thuận lợi giúp cho NH nắm được các học phần đăng ký học và có thể xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm học và cả khóa học, nâng cao chất lượng học và đạt KQHT tốt hơn.

Đối với các bên liên quan khác (bao gồm; Cựu sinh viên; Nhà tuyển dụng; chuyên gia; Nhà quản lý giáo dục Cơ quan quản lý,…), Khi xây dựng và phát triển CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh, bản mô tả CTĐT và các ĐCCT học phần của ngành khi được xây dựng và định kỳ được rà soát, điều chỉnh, cập nhật dựa trên việc thu thập ý kiến của các bên liên quan. Thông qua việc thu thập ý kiến này, nội dung của bản mô tả CTĐT và đề cương học phần trong CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được phổ biến tới các bên liên quan. Sau khi hoàn thành dự thảo bản mô tả CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh và ĐCCT học phần đã được gửi tới các chuyên gia trong và Ngoài trường để được phản biện, tiếp đó được thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa Giáo dục Quốc phòng. Ngoài ra, các bên liên quan khác như: cơ quan quản lý, Nhà sử dụng lao động, cựu sinh viên đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần một cách dễ dàng và thuận tiện nhất bằng cách truy cập vào Website của Nhà trường giúp những người quan tâm và các bên liên quan nắm bắt được các thông tin về CTĐT và kiến thức truyền tải của các học phần trong CTĐT. Từ đó, Nhà trường có thể tạo cơ hội tăng cường hợp tác, gắn kết giữa Trường và các đơn vị sử dụng lao động trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng các yêu cầu của các nhà sử dụng lao động [H2.02.03.01], [H2.02.03.02], [H2.02.03.03].

*2. Điểm mạnh*

Bản mô tả CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh và ĐCCT các học phần được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và sử dụng, tạo cơ hội tăng cường quản lý nhà nước; tăng cường cơ hội hợp tác, gắn kết giữa Trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

Nhà trường đã đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quá trình lưu trữ và công khai các dữ liệu liên quan đến CTĐT bao gồm Bản mô tả CTĐT và Đề cương học phần như đăng tải lên website của nhà trường, hệ thống phần mềm CMC, hệ thống LMS để sinh viên, giảng viên, các nhà quản lý, doanh nghiệp và xã hội có thể dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu phục vụ cho quá trình làm việc, giảng dạy và học tập.

*3. Điểm tồn tại*

Việc truyền thông để phổ biến CTĐT cụ thể và chi tiết đến các đơn vị sử dụng lao động còn chưa hiệu quả. Một số nội dung đổi mới trong CTĐT chưa được cập nhật và lan tỏa đến cộng đồng các nhà tuyển dụng.

1. *Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | - Đa dạng hóa, lồng ghép tổ chức các hoạt động liên quan truyền thông về CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh  - Xây dựng mạng lưới cựu sinh viên để quảng bá và lan tỏa CTĐT | Khoa GD QP-AN /Phòng ĐT | Năm 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quá trình lưu trữ và công khai các dữ liệu liên quan đến CTĐT | Khoa GD QP-AN /Phòng ĐT | Năm 2024 |  |

*5. Tự đánh giá:*Đạt 5/7 điểm

## Kết luận về Tiêu chuẩn 2

Bản mô tả CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đầy đủ các nội dung và thông tin, qua đó, các bên liên quan dễ dàng tiếp cận với CTĐT. Bản mô tả CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được cập nhật định kỳ hàng năm và theo giai đoạn cho phù hợp với nhu cầu của thị trường lao động và xu hướng phát triển khoa học công nghệ của thế giới.

100% ĐCCT các học phần của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh thể hiện đầy đủ các thông tin theo quy định của Bộ GD&ĐT, đặc biệt mức độ đóng góp của HP vào việc đạt CĐR của CTĐT; tính kết nối các nội dung học phần với phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá nhằm đạt CĐR của học phần, để có thể lượng hóa chính xác năng lực đáp ứng CĐR CTĐT mà sinh viên cần đạt được sau khi học xong học phần. Tất cả các ĐCCT học phần được rà soát, đánh giá và điều chỉnh định kỳ hàng năm. Đặc biệt các CĐR của học phần được rà soát lại để có thể lượng hóa chính xác năng lực đáp ứng CĐR của CTĐT.

Bản mô tả CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh và ĐCCT các học phần được công bố công khai rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận và sử dụng, tạo cơ hội tăng cường quản lý nhà nước; tăng cường cơ hội hợp tác, gắn kết giữa Trường và doanh nghiệp trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

Nhà trường đã đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quá trình lưu trữ và công khai các dữ liệu liên quan đến CTĐT bao gồm Bản mô tả CTĐT và Đề cương học phần như đăng tải lên website của nhà trường, hệ thống phần mềm CMC, hệ thống LMS để sinh viên, giảng viên, các nhà quản lý, doanh nghiệp và xã hội có thể dễ dàng tiếp cận, tìm hiểu, nghiên cứu phục vụ cho quá trình làm việc, giảng dạy và học tập.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Nội dung góp ý cho việc cập nhật và công bố thông tin về bản mô tả CTĐT từ các Nhà tuyển dụng chưa được Khoa thực hiện kịp thời theo từng năm học.

Việc lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan về các nội dung trong đề cương học phần chưa được Khoa, Bộ môn và các giảng viên tiến hành một cách đồng bộ và thống nhất; do vậy, thông tin để cải tiến điều chỉnh nội dung cụ thể và kế hoạch dạy học của từng học phần còn hạn chế.

Đa dạng hóa, lồng ghép tổ chức các hoạt động liên quan truyền thông về CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh. Xây dựng mạng lưới cựu sinh viên để quảng bá và lan tỏa CTĐT.

# Tiêu chuẩn 3. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

## Mở đầu

Cấu trúc của CTĐT trình độ đại học ngành GDQP-AN được thiết kế hợp lý và hệ thống, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Nhà trường với các yêu cầu chặt chẽ về hình thức, mục tiêu, yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng và năng lực hoạt động nghề nghiệp liên quan đến ngành GDQP-AN trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Các PP dạy và học, KTĐG kết quả học tập được sử dụng hiệu quả nhằm đảm bảo người học đạt được CĐR của từng học phần và CĐR của CTĐT. Chủ đề và nội dung các học phần được cấu trúc khoa học, logic, theo trình tự từ thấp lên cao và mang tính tích hợp, linh hoạt, thể hiện tính khoa học của toàn bộ CTĐT. Đồng thời, CTĐT của ngành GDQP-AN liên tục được rà soát định kỳ 2 năm/ lần nhằm đảm bảo tính phù hợp và cập nhật ở từng học phần cụ thể cũng như CTĐT tổng thể. CTĐT bao gồm mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể. Mục tiêu tổng quát nhấn mạnh việc đào tạo SV có kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành; có khả năng hình thành ý tưởng, xây dựng, thực hiện và phát triển các hoạt động nghề nghiệp liên quan đến GDQP-AN trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Mục tiêu tổng quát được thể hiện thông qua 4 mục tiêu cụ thể: (1)Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, kiến thức cơ bản về quốc phòng, an ninh, kiến thức chuyên sâu lập luận ngành vào lĩnh vực Giáo dục quốc phòng và an ninh (PO1); (2)Thể hiện kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp vào các hoạt động nghiên cứu và giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh(PO2); (3)Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác và kỹ năng làm việc nhóm đáp ứng được sự thay đổi của bối cảnh nghề nghiệp(PO3); (4) Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành các giải pháp cho hoạt động dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và yêu cầu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân(PO4)

## *Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên CĐR*

*1.Mô tả hiện trạng*

CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được xây dựng dựa theo các văn bản do Bộ Giáo dục và Đào tạo [H3.03.01.01]. Quy định về đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Vinh [H3.03.01.02]; tuân thủ theo Quy định/quy trình về xây dựng và phát triển CTĐT [H3.03.01.03] [H3.03.01.04] và các văn bản hướng dẫn của Trường Đại học Vinh về xây dựng, rà soát, chỉnh sửa, cập nhật CTĐT [H3.03.01.05].

Trong chu kỳ đánh giá (từ 2019-2023), CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh có các phiên bản 2017 (*số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017*) [H3.03.01.06], phiên bản 2019 (*số 2381/QĐ-ĐHV ngày 04/09/2019*) [H3.03.01.07] và phiên bản 2021 (*số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/09/2021*) [H3.03.01.08].

CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được xây dựng dựa trên hướng tiếp cận CDIO [H3.03.01.09], trong đó CĐR của CTĐT là cơ sở để thiết CTDH, các hoạt động giảng dạy, kiểm tra và đánh giá phù hợp để đạt được CĐR của CTĐT.

Trên cơ sở mục tiêu và CĐR, và quy trình hướng dẫn về thiết kế CTDH tương thích với CĐR [H3.03.01.03]. Chương trình dạy học (CTDH) bao gồm Chuẩn đầu ra PLO, khung CTDH, ma trận phân nhiệm các PLO cho các học phần, sơ đồ mô tả cấu trúc và trình tự các học phần, đề cương học phần. Chương trình dạy học được thiết kế theo mô hình tương thích kiến tạo, quy trình thiết kế ngược và mô hình CFB.

- Mô hình tương thích kiến tạo (CAM - Constructive Alignment Model) là mô hình này dựa trên thuyết kiến tạo (Constructivism) và mô hình tương thích (Alignment Model). Theo mô hình này, CTDH được thiết kế nhằm đảm bảo sự tương thích giữa 3 trụ cột (Chuẩn đầu ra, Phương pháp dạy học và Kiểm tra đánh giá) tương ứng với 3 cấp độ từ cơ bản đến nâng cao (Hình 3.1.1). CTDH của Trường Đại học Vinh định hướng thiết kế CTDH theo mô hình tương thích kiến tạo ở cấp độ nâng cao, tương ứng với CĐR ở mức năng lực cao (Mức 4, 5); phương pháp dạy học chủ động, độc lập nghiên cứu; hoạt động kiểm tra đánh giá hướng tới các sản phẩm có tính sáng tạo. Để đảm bảo tính tương thích này, Nhà trường chú trọng việc triển khai các hình thức dạy học tích cực, trọng tâm là dạy học dự án (Project Based Learning- PBL), với trọng số tối thiểu 25% tổng số tín chỉ trong toàn CTDH.

*Hình 3.1.1. Mô hình tương thích kiến tạo (CAM) trong phát triển CTDH*

**A diagram of a diagram

Description automatically generated**

- *Quy trình thiết kế ngược*: quy trình thiết kế CTDH được xuất phát từ CĐR của ngành đào tạo (PLO), từ đó triển khai thiết kế theo tuần tự: *Khung CTDH; Phân nhiệm các PLO cho các học phần (HP)*; *CĐR học phần* (CLO); *Bài đánh giá theo ma trận các CLO; Kế hoạch dạy học* theo ma trận bài đánh giá (Hình 3.1.2).

*Hình 3.1.2. Quy trình thiết kế ngược đối với CTDH*

**Kế hoạch dạy học**

**Bài đánh giá theo ma trận CLO**

**CLO**

**Phân nhiệm PLO/HP**

**Khung CTDH**

**CĐR CTĐT (PLO)**

- *Mô hình CFB* (**C**DIO-**F**lipped- **B**lended Learning) là mô hình tích hợp giữa các mô hình: CDIO, dạy học đảo ngược (Flipped Learning) và dạy học kết hợp (Blended Learning).

Theo đó, ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đã tập trung để phát triển CTDH theo tiếp cận CDIO. Nguyên tắc thiết kế CTDH được thực hiện theo quy trình của Nhà trường và cập nhật các yêu cầu bổ sung làm cơ sở cho việc đánh giá mức độ đạt được CĐR của người học, đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, yêu cầu về năng lực mà sinh viên có thể đạt được sau khi tốt nghiệp. Với nguyên tắc thiết kế CTDH theo quy trình được thiết kế dựa trên CĐR [H3.03.01.06] [H3.03.01.07] [H3.03.01.08] [H3.03.01.10].

Việc thiết kế CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được thực hiện theo quy trình do Nhà trường ban hành bao gồm 7 bước, trong đó các bước 1,2 và 5 thể hiện rõ CTDH được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm: (1)Thành lập nhóm xây dựng, nghiên cứu CTDH/CTĐT (mục tiêu, CĐR, tổ chức thực thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng, các hướng phát triển chương trình....); (2) Xây dựng dự thảo CTDH/CTĐT lần 1; (3)Triển khai khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan; (4) Hoàn thiện CTDH/CTĐT lần thứ nhất; (5) Tổ chức xây dựng CĐR và đề cương chi tiết các học phần của Dự thảo CTDH/CTĐT lần thứ 2; (6) Tổ chức hội thảo hoàn thiện Dự thảo CTDH/CTĐT lần thứ 2; (7) Hoàn thiện phê duyệt và công bố CTDH/CTĐT [H3.03.01.03].

Tất cả các phiên bản CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đều có CĐR. Cụ thể CTDH phiên bản 2017, 2019 có (17 CĐR cấp độ 2, 73 CĐR cấp độ 3). Phiên bản 2021 được rút gọn theo hướng tinh lọc các CĐR của CTĐT còn xuống 9 CĐR cấp độ 2 và 27 CĐR cấp độ 3.

CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh có kế hoạch phân bố các học phần theo từng học kì, có tiến trình đào tạo để thể hiện quá trình thực hiện giảng dạy. Cụ thể thời gian đào tạo là 4 năm (8 học kì) bao gồm cả thời gian làm Đồ án hoặc thực tập tốt nghiệp. CTDH được thiết kế gồm các khối kiến thức: *khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở ngành và khối kiến thức chuyên ngành.*

*Bảng 3.1.3. Bảng tỉ lệ phần trăm các khối kiến thức, kĩ năng,  
các học phần bắt buộc, tự chọn trong cấu trúc CTDH*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối kiến thức** | | **Số tín chỉ bắt buộc** | **Số tín chỉ tự chọn** | **Tổng số tín chỉ** | **Tỉ lệ (%)** |
| Giáo dục Đại cương | 1. Chính trị, khoa học xã hội nhân văn | 20 | 4 | 24 | 20% |
| 2. Tin học | 4 | 0 | 4 | 3% |
| 3. Tiếng Anh | 7 | 0 | 7 | 5% |
| Giáo dục chuyên nghiệp | 4. Cơ sở ngành | 24 | 0 | 24 | 19% |
| 5. Chuyên ngành | 53 | 2 | 55 | 44% |
| Thực tập, kiến tập, tham quan thực tế | 12 | 0 | 12 | 9,5% |
| **Tổng** | | **118** | **8** | **126** | **100%** |

CTDH đều được thiết kế dựa trên CĐR, điều đó thể hiện rõ qua **Bảng phân nhiệm CTĐT và các học phần** [H3.03.01.10]. CTDH được thiết kế dựa trên CĐR được thể hiện chi tiết, khoa học hơn, rõ ràng, cụ thể trong các học phần. Mỗi học phần trong CTDH đã thể hiện được đóng góp của các CĐR từng học phần vào việc đạt được CĐR của CTĐT. 100% các học phần xây dựng đảm bảo chi tiết CĐR về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm [H3.03.01.10]. Mỗi CĐR của học phần thể hiện rõ đóng góp vào đạt được CĐR của CTĐT. Đồng thời, nội dung của các chương/mục trong mỗi học phần cũng kết nối với các CĐR của học phần [H3.03.01.10]. Cụ thể:

Các học phần *khối kiến thức đại cương*, trong đó có (Tin học; Tiếng Anh,…) tập trung vào việc giúp NH đạt các CĐR về kiến thức về lý luận chính trị, ngoại ngữ, … phù hợp với trình độ đại học của ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh, CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm, trang bị cho người học kỹ năng nghiên cứu; Các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành cung cấp những kiến thức nền tảng về cơ sở ngành, tập trung trang bị cho NH kiến thức cơ bản và mở rộng về các nguyên lý về ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh; Các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành bắt buộc và chuyên ngành tự chọn hướng đến việc đạt các CĐR về kiến thức ngành, kỹ năng nghề nghiệp và năng lực tự chủ và trách nhiệm. Các học phần thực tập, đồ án tốt nghiệp giúp NH đạt một số CĐR ở mức độ cao hơn. Điều này được thể hiện qua: Hồ sơ giảng dạy của GV [H3.03.01.11]; Bản mô tả CTĐT, Bản mô tả môn học/ học phần; Ma trận kỹ năng, CĐR của CTĐT; tài liệu bài giảng [H3.03.01.06] [H3.03.01.07] [H3.03.01.08] [H3.03.01.10].

Tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập sinh viên của 100% các học phần trong CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được GV lựa chọn phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR.

Dựa trên CĐR, GV xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của sinh viên đảm bảo 100% các học phần trong CTDH phải phù hợp, góp phần đạt được CĐR [H3.03.01.06][H3.03.01.07] [H3.03.01.08].

100% CTDH đã xây dựng việc dạy và học thể hiện rõ trong ĐCCT của các học phần. Tất cả các CĐR HP được bố trí trong các chương mục/bài. Mỗi chương mục/bài có một số phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với CĐR của học phần đảm nhiệm. Phương pháp thuyết giảng được áp dụng đối với tất cả học phần; các phương pháp được áp dụng phù hợp với các học phần cơ sở ngành, học phần chuyên ngành trong đó có các phương pháp dạy học tích cực như nghiên cứu tình huống; phương pháp thực hành, thực tế áp dụng với thực tập, luận tốt nghiệp; phương pháp làm việc nhóm áp dụng khi GV giao bài tập, thảo luận nhóm, bài tiểu luận theo chủ đề; phương pháp tự nghiên cứu áp dụng để hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu của NH. Các PPGD được mô tả theo từng chương/mục trong đề cương chi tiết học phần thể hiện sự phong phú, phù hợp góp phần đạt được CĐR [H3.03.01.06][H3.03.01.07] [H3.03.01.08].

Trong quá trình đào tạo, CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh định kỳ được rà soát [H3.03.01.05]. Từ đó, có những điều chỉnh CĐR và khung chương trình theo hướng tăng cường các môn thuộc khối kiến thức thực hành, thực tập nghề nghiệp cũng như bổ sung các học phần đồ án (hoặc học phần giảng dạy dự án), các môn tự chọn đáp ứng CĐR đã công bố. Mặt khác, Trường ĐH Vinh cũng đã triển khai rà soát lại CĐR theo hướng tích hợp, tăng cường năng lực trải nghiệm, kỹ năng và thái độ; rà soát CTDH trong đó bổ sung các học phần đồ án để tối thiểu ít nhất 1 học kỳ có 1 đồ án và đưa vào áp dụng đào tạo tất cả các khối ngành trong đó có ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh từ K62 tuyển sinh năm 2021[H3.03.01.05][H3.03.01.06][H3.03.01.07] [H3.03.01.08]. PPDH các học phần trong CTDH không tập trung vào một PPDH duy nhất mà phối kết hợp nhiều phương pháp và hình thức dạy học khác nhau. Tuy nhiên, phương pháp và hình thức dạy học chủ yếu tập trung theo 2 phần, phần cơ sở lý thuyết được thiết kế thành các bài giảng E-learning để tổ chức dạy học trên hệ thồng LMS và phần trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, thái độ tuỳ theo đặc thù từng môn học, giảng viên lựa chọn phần trải nghiệm này trên lớp học, trải nghiệm ở phòng thực hành, ….

Nhà trường cũng đã thành lập nhóm nghiên cứu CDIO nhằm nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn dạy học của Nhà trường cũng như những khuyến nghị của hiệp hội CDIO thế giới để cải tiến và phát triển CTDH dựa trên CĐR [H3.03.01.12]. Tiến hành triển khai thực hiện các đề tài KHCN trọng điểm cấp Trường các năm 2017, 2018, 2019, 2021 nhằm mục đích xây dựng, rà soát CTDH, đổi mới về nội dung, PP dạy học và đánh giá các khối kiến thức theo tiếp cận năng lực. Các đề tài này nhằm giúp hoàn thiện CTDH nói chung và CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh nói riêng [H3.03.01.13].

Các phương pháp dạy học ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được xây dựng phù hợp để đạt được CĐR được thể hiện rõ trong các *Ma trận phương pháp dạy học và CĐR*

*Bảng 3.1.4. Ánh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động giảng dạy và học tập** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)** | | | | | | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **2.2** | **3.1** | **3.2** | **4.1** | **4.2** |
| Thuyết trình | X | X | X | X | X |  |  |  |  |
| Vấn đáp | X |  | X | X | X |  |  |  |  |
| Hướng dẫn | X |  | X | X | X |  |  | X | X |
| Tự học | X | X | X | X | X |  |  | X | X |
| Thảo luận | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| Thực hành |  |  | X | X | X | X | X | X | X |
| Hoạt động nhóm |  | X | X | X | X | X | X | X | X |
| Nghiên cứu tình huống |  | X |  | X | X | X | X | X | X |
| Học dựa trên đồ án |  | X | X | X | X | X | X | X | X |

Phương thức kiểm tra, đánh giá của học phầnthể hiện trong ĐCCT học phần đảm bảo sự linh hoạt, phù hợp với tính chất học phần. ĐCCT học phần có ma trận liên kết phương pháp đánh giá học phần với các CĐR cần đạt được của học phần. Kiểm tra/đánh giá cũng đã cải tiến đáng kể qua việc thay đổi nhiều hình thức kiểm tra linh động (trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, chấm đồ án/dự án…). Trước đây, điểm đánh giá học phần được chia thành (chuyên cần 10%, giữa kỳ 20%, hồ sơ học phần 20%, đánh giá cuối kỳ 50%) và ấn định việc đánh giá giữa kỳ bằng hình thức trắc nghiệm khách quan. Từ năm 2021, cải tiến điểm đánh giá học phần bao gồm 2 nhóm điểm (đánh giá thường xuyên 50% và đánh giá cuối kỳ 50%) trong đó điểm đánh giá thường xuyên linh động hình thức đánh giá hơn có sự chủ động của giảng viên giảng dạy. Tổ hợp các PPDH, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học còn có sự hỗ trợ của các phần mềm dạy học và quản lý học tập. Việc kiểm tra đánh giá học phần cũng được quy định rõ ràng với từng CTDH, CTDH thường xuyên điều chỉnh để phù hợp hơn với CTĐT, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt CĐR. Trong ĐCCT của học phần ghi rõ tương ứng với từng loại kiểm tra đánh giá, GV ghi rõ loại hình kiểm tra, bài kiểm tra, và đáp ứng CĐR nào của học phần [H3.03.01.05] [H3.03.01.06][H3.03.01.07] [H3.03.01.08].

Hình thức đánh giá bài giữa kỳ phong phú, gồm bài tập cá nhân, thảo luận, bài tập nhóm, bài kiểm tra viết trên lớp, bài tiểu luận. Bài thi kết thúc học phần nhằm mục đích đánh giá tổng hợp, khái quát kiến thức, những kỹ năng thu được của NH trong học phần đó, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến cách dạy của GV và cách học của NH [H3.03.01.06][H3.03.01.07] [H3.03.01.08]. Tuy nhiên, thi cuối kỳ trong các học phần vẫn tập trung vào hình thức thi tự luận, chưa phát huy được năng lực thực hành của NH. Đối với GV, trong quá trình giảng dạy, GVsử dụng sổ ghi nhật ký giảng dạy, sổ theo dõi học tập và giảng dạy trên lớp để ghi lại những nội dung giảng dạy, thay đổi trong quá trình giảng dạy cũng như những lưu ý về NH trong học phần để đảm bảo đúng tiến độ và kế hoạch giảng dạy.

Đối với mỗi học phần, GV lựa chọn tổ hợp phương pháp giảng dạy và phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với học phần. Trong ĐCCT học phần thể hiện rõ:

*- Ví dụ về phương pháp dạy học: Thuyết trình, bài tập, thảo luận, làm việc nhóm, nghiên cứu tình huống, thực hành, đồ án/dự án, tự học/tự nghiên cứu…*

*- Ví dụ về phương pháp đánh giá:**Trắc nghiệm, tự luận, vấn đáp, thực hành, biểu diễn, bài tập lớn, phỏng vấn, quan sát, hồ sơ học tập, chấm đồ án/dự án…*

Đồng thời để góp phần hỗ trợ hiệu quả đạt được CĐR, GV phải đưa ra các phương pháp kiểm tra đánh giá, ứng với từng loại điểm thành phần GV phải ghi rõ điểm đánh giá quá trình hay điểm thi kết thúc học phần đáp ứng với với CĐR nào của học phần dựa vào bảng mô tả các tiêu chí đánh giá theo các cấp độ khác nhau trên cơ sở các yêu cầu, mục tiêu cần đạt của học phần. Điều này được thể hiện rõ trong ĐCCT các học phần. Mỗi CTDH đều lập bảng “*Ma trận phương pháp đánh giá các học phần của CTDH phù hợp* *CĐR*” để thấy mối tương quan logic giữa Phương pháp dạy học - Kiểm tra đánh giá - CĐR [H3.03.01.06][H3.03.01.07] [H3.03.01.08].

Khi thiết kế cũng như khi rà soát CTDH, CĐR và ĐCCT học phần ngoài các thành phần Nhà tuyển dụng, sinh viên, cựu sinh viên,… [H3.03.01.14] ý kiến đóng góp của thành phần GV đóng vai trò rất quan trọng [H3.03.01.15]. GV giảng dạy CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh là những người tham gia soạn thảo ĐCCT học phần trong chương trình và cũng là những người xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của sinh viên của tất cả các học phần trong CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR.

*2. Điểm mạnh*

CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm của sinh viên.

GV của Khoa Giáo dục Quốc phòng đã lựa chọn tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên của tất cả các học phần trong CTĐT hợp lý, phù hợp, linh hoạt và có thể lượng hóa được góp phần đạt CĐR.

*3. Điểm tồn tại*

CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh thiết kế các hoạt động gắn kết với đơn vị sử dụng lao động, các đơn vị ngoài Trường giúp đạt được CĐR nhưng hoạt động ghi nhận sự phản hồi của các đơn vị khi tham gia trong CTDH chưa được thể hiện đầy đủ.

*4.Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2024, Khoa Giáo dục Quốc phòng sẽ phối hợp chặt chẽ với Phòng ĐT, Trung tâm DV,HTSV&QHDN ghi nhận đầy đủ nội dung phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động tham gia vào CTDH nhằm tăng hiệu quả đạt được CĐR. | Khoa GD QP-AN/Phòng ĐT | Năm 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục thường xuyên cập nhật kịp thời, tiếp tục khảo sát và có những thay đổi CTDH phù hợp với CĐR đã công bố. | Khoa GD QP-AN/Phòng ĐT | Năm 2024 |  |

5. *Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

### Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR là rõ ràng

*1. Mô tả hiện trạng*

Trong chu kỳ đánh giá (từ 2019-2023), CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh có các phiên bản 2017 (*số 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017*) [H3.03.01.01], phiên bản 2019 (*số 2381/QĐ-ĐHV ngày 04/09/2019*) [H3.03.01.02] và phiên bản 2021 (*số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/09/2021*) [H3.03.01.03].

100% ĐCCT các học phần trong CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được biên soạn theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, và đều có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR và được thể hiện ở ma trận kỹ năng mô tả liên hệ từng học phần với CĐR của CTĐT [H3.03.02.04]. Mỗi ĐCCT của từng học phần đều mô tả đầy đủ, chi tiết bao gồm đơn vị đào tạo, thông tin về học phần, GV, về tổ chức dạy và học, mục tiêu, CĐR của học phần, nội dung, PPGD, kiểm tra đánh giá học phần, danh mục tài liệu học tập. Cấu trúc thời lượng các học phần đều nêu rõ thời lượng (số giờ) dành cho phần lý thuyết, thực hành, thảo luận, tự học và tự nghiên cứu. ĐCCT các học phần đều có mục tiêu cụ thể và CĐR của học phần. CĐR học phần được thể hiện rõ ràng gồm yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và năng lực tự chủ và trách nhiệm của sinh viên. Việc giảng dạy thực tế theo nội dung ĐCCT được Khoa và các đơn vị đào tạo kiểm tra thường xuyên nhằm đảm bảo hiệu quả đào tạo đạt CĐR [H3.03.02.01] [H3.03.02.02] [H3.03.02.03].

CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ khối kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành. Trong đó, những chuỗi môn học được sắp xếp hợp lý qua 8 học kỳ, đầy đủ các cấp độ, theo trình tự logic và khoa học đảm bảo được tính kế thừa, bổ sung và nâng cao để giúp sinh viên đạt được CĐR [H3.03.02.01] [H3.03.02.02] [H3.03.02.03].

Hiện nay, ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đang áp dụng CTĐT ban hành năm 2021 với 38 học phần, 126 tín chỉ [H3.03.02.03]. Việc lựa chọn các học phần cụ thể cần thiết hay không cần thiết trong khung chương trình đảm bảo được tính cần thiết, hợp lý của việc lựa chọn các học phần trong chương trình. Căn cứ ma trận tích hợp học phần với CĐR của chương trình [H3.03.02.04], CĐR của học phần được xác định và nó làm cơ sở thiết kế CTDH của học phần. Mỗi CĐR của học phần được chỉ rõ đóng góp với việc đạt các CĐR của CTĐT đã phân nhiệm cho học phần. Điều này đã làm rõ sự cần thiết của các nội dung đồng thời thể hiện tính logic trong việc đạt được mức độ của CĐR qua các học phần trong tiến trình đào tạo. Khi xây dựng danh mục CĐR của CTĐT, mỗi học phần đóng một vai trò nhất định trong khối kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm mà sinh viên tiếp nhận. Mỗi đề cương khi được xây dựng, chỉnh sửa đều được nghiệm thu nhằm đảm bảo sự tương thích về mặt kiến thức theo chiều dọc giữa các học phần theo tiến trình đào tạo, hỗ trợ các học phần khác trong cùng học kỳ giảng dạy và phù hợp với CĐR chung của ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh. Việc bố trí các học phần trong bảng ma trận học phần thể hiện có sự tương thích về nội dung và sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Đồng thời các CĐR có sự phát triển xuyên suốt quá trình học tập của sinh viên với mức độ đáp ứng tăng dần theo thời gian học và theo mức độ chuyên sâu của học phần, nó cũng phản ánh vai trò của mỗi học phần trong việc đạt được CĐR của CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh [H3.03.02.03], [H3.03.02.04].

Thứ tự các học phần trong CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được sắp xếp một cách khoa học, từ các học phần cơ bản đến các học phần nâng cao nhằm đảm bảo cho sinh viên tiếp nhận được toàn bộ kiến thức theo đúng trình tự logic theo trình tự mạch kiến thức, và tăng dần mức độ đạt được của CĐR tạo nên một khối kiến thức liền mạch.

***Học phần thuộc khối kiến thức đại cương*** được xây dựng để giúp sinh viên nâng cao lý luận và kỹ năng mềm. Để đạt được CĐR, chương trình được thiết kế với các học phần (*lý luận chính trị, khoa học xã hội nhân văn)* cung cấp cho người học những kiến thức về tư tưởng đạo đức, về tình hình chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước, về ngành sư phạm. Học phần *Tiếng Anh, Tin học* cung cấp cho người học kiến thức về ngoại ngữ, tin học. Sau khi hoàn thành khối kiến thức chung trong CTDH, người học có hiểu biết hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ động tích cực giải quyết các vấn đề GDTC, chính trị, xã hội theo đúng chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước và ngành Giáo dục, đạt CĐR về ngoại ngữ, tin học theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03].

Đối với *khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành*, các học phần được cấu trúc thành hai loại: *học phần tự chọn* và *học phần bắt buộc*.

***Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành***, để đạt CĐR, chương trình được thiết kế với các học phần (*Học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự, Lịch sử, truyền thống của Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam, Pháp luật về quốc phòng, an ninh, Tâm lý học, Giáo dục học)* cung cấp cho người học những kiến thức cơ sở mang tính chất tiền đề của ngành học. Người học sẽ có những hiểu biết ban đầu về ngành học và quản lí ngành học, tâm sinh lí lứa tuổi; kiến thức và kĩ năng tổ chức hoạt động giáo dục học. Cũng ở khối kiến thức này, người học được trang bị hiểu biết căn bản về NCKH, biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu; biết cách tiến hành NCKH [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03].

Tất cả các học phần bắt buộc trong chuyên ngành sẽ giúp cho sinh viên xây dựng được nền tảng để để sinh viên theo đuổi ngành nghề sau này, các học phần tự chọn sẽ giúp cho sinh viên nâng cao tư duy, mở rộng tầm nhìn của mình hơn về nghề nghiệp. Chiều sâu kiến thức bảo đảm bởi mối liên hệ dọc xuyên suốt cả các khối kiến thức và trong từng khối kiến thức riêng biệt của CTDH. Đồ án tốt nghiệp được lồng ghép với các học phần lý thuyết theo mức độ tăng dần giúp người học không chỉ được trang bị nền tảng kiến thức vững chắc mà còn có đầy đủ các kỹ năng về chuyên môn nhằm đảm bảo CĐR của CTĐT [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03].

***Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành***, để đạt CĐR, chương trình được thiết kế với các học phần cung cấp kiến thức về hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nên quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thành thạo điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật và các kỹ năng quân sự phổ thông với các học phần như (*Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và biển đảo Việt Nam; Đường lối quân sự; Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Công tác quốc phòng, quân sự địa phương; Hiểu biết chung về quân, binh chủng; Công tác bảo đảm hậu cần, quân y; Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ; Vũ khí bộ binh; Địa hình quân sự; Kỹ thuật bắn súng bộ binh và ném lựu đạn; Chiến thuật bộ binh)* [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03].

***Học phần thuộc khối kiến thức*** *(kiến tập, thực tập, rèn luyện NVSP)*, người học được đi thực tế nhà trường, đơn vị, kiến tập 1 đợt; Thực tập sư phạm đợt và Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm(Tập giảng). Đây là cơ hội để người học thực hành, vận dụng những kiến thức đã học, đồng thời cũng là cơ hội để học hỏi kinh nghiệm từ những giáo viên có kinh nghiệm giảng dạy. Qua đợt kiến tập, thực tập sư phạm, ngoài việc được dự giờ thăm lớp, thực hành dạy học, người học còn được thực tập các hoạt động giáo dục cũng như làm quen với môi trường làm việc tương lai [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03].

Các môn học trong CTĐT ngoài cung cấp kiến thức chuyên môn còn hỗ trợ cho sinh viên những kỹ năng như kỹ năng giao tiếp; kỹ năng làm việc nhóm; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng nghề nghiệp cho SV xuyên suốt từ học kỳ đầu tiên đến khi ra trường và được thể hiện thông qua mục tiêu, khung năng lực và CĐR của CTĐT. Nhìn chung, CTĐT được thiết kế theo các khối kiến thức, kế hoạch đào tạo cụ thể cho từng học kỳ, đi từ đại cương đến chuyên ngành nên các mức độ đạt chuẩn đầu ra cũng tăng dần theo từng học kỳ (từ kỳ 1 đến kỳ 8) [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03].

100% các học phần trong CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh khi xây dựng được Khoa Giáo dục Quốc phòng xác định rõ tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CĐR. PPGD và kiểm tra, đánh giá NH được thiết kế khoa học, được trình bày trong ĐCCT học phần và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ. Các CĐR của CTĐT gồm kiến thức, kỹ năng, và năng lực tự chủ và trách nhiệm được phân bổ cho các học phần và CĐR của học phần cũng được xác định tương ứng. Điều này có ảnh hưởng tới việc lựa chọn PPGD và đánh giá NH. Trong mỗi học phần, tương ứng với nội dung chi tiết, PPGD được lựa chọn phù hợp để đảm bảo việc đạt được CĐR của học phần. PPKTĐG đa dạng như (*bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, thuyết trình, bài tiểu luận, bài kiểm tra viết, bài thi tự luận...*) nhằm giúp NH đạt được CĐR. CTDH được thực hiện có tính khoa học, hợp lý theo tiến độ được phê duyệt và ban hành. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá dựa trên CĐR, phù hợp với chương trình đào tạo tiếp cận CDIO, tương thích với hình thức tổ chức dạy học kết hợp. Để đánh giá người học đạt được CĐR của mỗi học phần, thì bên cạnh điểm thi kết thúc học phần (chiếm trọng số 50%) kết quả học tập còn chú trọng đến đánh giá quá trình (chiếm trọng số 50%, bao gồm điểm đánh giá hàng tuần qua LMS và điểm đánh giá trực tuyến/trực tiếp trong quá trình học tập, thảo luận đóng góp trong học tập, thí nghiệm, thực hành, dự án học tập, kiểm tra thường kỳ…) đáp ứng CĐR môn học. Riêng các học phần như thực tập, đồ án … được quy định trong đề cương chi tiết học phần. Hình thức kiểm tra, đánh giá, trọng số điểm các lần kiểm tra của từng học phần được tuân thủ theo quy định về thi, kiểm tra đánh giá người học và đề cương chi tiết học phần. Bên cạnh đó, việc đánh giá cũng linh hoạt với các học phần và phương pháp đánh giá cho điểm tương ứng, đánh giá được đầy đủ và tương đối hoàn thiện trên cách thức thể hiện của người học dù ở phương thức nào (*chuyên cần, thực hành, báo cáo, bài tập lớn, thi giữa kỳ và cuối kỳ, đồ án/dự án…*) [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03] [H3.03.02.05] [H3.03.02.06].

Trong giai đoạn từ 2017 đến 2023, Nhà trường và Khoa Giáo dục Quốc phòng đã định kỳ rà soát CTDH, các lần điều chỉnh và cập nhật CTDH, ĐCCT các học phần đều được tham khảo ý kiến của các bên liên quan. Việc lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về nội dung, PPGD, kiểm tra, đánh giá các học phần được thực hiện. Khi xây dựng các ĐCCT học phần, Khoa có thực hiện lấy ý kiến góp ý bằng văn bản đối với GV, nhà khoa học,…. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến chưa mở rộng đối tượng và chỉ tập trung vào các học phần chuyên ngành do Khoa đảm nhận, ý kiến đóng góp của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, cựu NH đối với các học phần trong việc đảm bảo và mức độ đảm bảo đạt CĐR của ngành là còn ít, chưa thực sự rõ ràng, chủ yếu là những góp ý về về cấu trúc nội dung ĐCCT học phần [H3.03.02.07]. Ngoài ra, Hội đồng khoa học và đào tạo Trung tâm Giáo dục Quốc phòng-An ninh đã điều chỉnh thông qua các cuộc họp về rà soát đề cương môn học [H3.03.02.08] và đối sánh chương trình đào tạo các trường trong nước [H3.03.02.09].

Bên cạnh đó, dựa trên Quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan Trường Đại học Vinh, Nhà Trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan trong đó có nội dung việc tìm hiểu đánh giá của NH đối với việc đạt các CĐR của CTDH, đánh giá của NH đối với chất lượng giảng dạy của GV,…. Hằng năm, Trung tâm ĐBCL phối hợp với Phòng CTCT&HSSV và các đơn vị liên quan tiến hành khảo sát lấy ý kiến NH về "hoạt động giảng dạy của GV". Sau đó, Nhà trường tiến hành phân tích, đánh giá dữ liệu và tổng hợp kết quả trong một báo cáo khảo sát lấy ý kiến NH về "hoạt động giảng dạy của GV" để đánh giá một phần nội dung của học phần có thể hiện việc đạt được CĐR của CTDH hay không [H3.03.02.10].

Tất cả các thông tin liên quan đến CĐR, CTĐT và các quy định, quy chế của Trường được phổ biến rộng rãi, công khai tới các bên liên quan, đặc biệt sinh viên, qua đó cung cấp tài liệu học tập cho sinh viên, tạo điều kiện cho sinh viên cập nhật kiến thức mới một cách liên tục, đáp ứng nhu cầu trong công tác chuyên môn cho sinh viên ở hiện tại và tương lai. Đối với GV, Khoa Giáo dục Quốc phòng và Phòng ĐT thông báo cho từng GV qua địa chỉ email của họ cung cấp. Ngoài ra, GV có thể tìm hiểu những thông tin này qua website của Khoa Giáo dục Quốc phòng và Phòng ĐT. Đối với sinh viên, thông qua website của Khoa, tài khoản cá nhân trong phần mềm quản lý sinh viên hay qua hoạt động tư vấn của Phòng ĐT để tìm hiểu và nắm rõ các thông tin này [H3.03.02.11].

*2. Điểm mạnh*

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH và toàn bộ ĐCCT học phần của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được thiết kế theo quy trình, biểu mẫu rõ ràng và dựa trên CĐR. Qua ma trận các học phần, ma trận kỹ năng cũng như qua việc lựa chọn các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của GV Khoa Giáo dục Quốc phòng đã thể hiện sự đóng góp cụ thể, rõ ràng của các học phần để đạt được CĐR của CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh.

*3. Điểm tồn tại*

Khoa Giáo dục Quốc phòng chỉ mới phân tích, đánh giá việc sinh viên có đạt được CĐR hay không dựa vào kết quả học tập từng học phần, chưa tổ chức phân tích đánh giá một cách bài bản ở góc độ CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh.

*4.Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2024, Khoa Giáo dục Quốc phòng sẽ thực hiện phân tích đánh giá việc đạt được CĐR của CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh một cách hệ thống. | Khoa GD QP-AN/Phòng ĐT | Năm 2024 |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục rà soát từng học phần trong CTDH và toàn bộ ĐCCT học phần của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh, để phù hợp và thể hiện sự đóng góp cụ thể, rõ ràng của các học phần để đạt được CĐR | Khoa GD QP-AN/Phòng ĐT | Năm 2024 |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 4/7 điểm

### Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật và có tính tích hợp

*1. Mô tả hiện trạng*

CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh các phiên bản 2017, 2019, 2021 được xây dựng và cấu trúc rõ ràng gồm: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, CĐR của CTĐT và CĐR đối với ngành học và mỗi học phần, nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đào tạo toàn khóa và thời lượng mỗi học phần [H3.03.03.01] [H3.03.03.02] [H3.03.03.03].

Hiện nay, cấu trúc của CTDH được thiết kế gồm 38 học phần với tổng số 126 tín chỉ. Các học phần trong CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được cấu trúc có sự gắn kết và liền mạch giữa các học phần kiến thức chung (kiến thức đại cương), cơ sở ngành và chuyên ngành, đảm bảo chương trình trở thành một khối thống nhất. Trong đó, khối kiến thức chung, trong đó có môn (*Tin học và Tiếng Anh (Tiếng Anh 1 và Tiếng Anh 2)*) chiếm tổng số 11 tín chỉ, còn lại là khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành [H3.03.03.03].

Sự sắp xếp các khối kiến thức trong CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh năm 2021 thể hiện ở Bảng 3.3.1 sau:

*Bảng 3.3.1. Cấu trúc chương trình dạy học ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh**năm 2021*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khối kiến thức** | | **Số tín chỉ bắt buộc** | **Số tín chỉ tự chọn** | **Tổng số tín chỉ** | **Tỉ lệ (%)** |
| Giáo dục Đại cương | 1. Chính trị, khoa học xã hội nhân văn | 20 | 4 | 24 | 20% |
| 2. Tin học | 4 | 0 | 4 | 3% |
| 3. Tiếng Anh | 7 | 0 | 7 | 5% |
| Giáo dục chuyên nghiệp | 4. Cơ sở ngành | 24 | 0 | 24 | 19% |
| 5. Chuyên ngành | 53 | 2 | 55 | 44% |
| Thực tập, kiến tập, tham quan thực tế | 12 | 0 | 12 | 9,5% |
| **Tổng** | | **118** | **8** | **126** | **100%** |

Các học phần thuộc các khối kiến thức được sắp xếp đảm bảo tính logic về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm cần trang bị cho sinh viên trong suốt quá trình đào tạo. Các khối kiến thức được sắp xếp theo hệ thống, cấu trúc hợp lý, cân đối đáp ứng linh hoạt nhu cầu học tập của sinh viên nhằm giúp cho sinh viên có thể tiếp thu được những kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành, cũng như khả năng nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.03], [H3.03.03.04].

Trình tự các học phần được sắp xếp logic, đảm bảo NH có thể tiếp thu kiến thức hiệu quả trong thời gian học tập. 100% các học phần trong CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được bố trí hợp lý về *học phần điều kiện, thời lượng cho mỗi học phần, thời điểm/học kỳ thực hiện,…*. Các học phần được thiết kế trong CTDH theo trình tự hợp lý, logic và khoa học, liên kết chặt chẽ với nhau, từ lý thuyết đến thực hành, từ cơ bản đến chuyên sâu. NH có thời gian phù hợp để học tập trên giảng đường cũng như thời gian thực tế và cũng như hoạt động nghiên cứu. Cấu trúc CTDH được thể hiện qua sơ đồ tiến trình đào tạo [H3.03.03.05].

Qua hình sơ đồ tiến trình đào tạo cho thấy CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được Khoa Giáo dục Quốc phòng thiết kế theo trật tự kiến thức từ cơ bản, cơ sở đến chuyên ngành và được giảng dạy trong 8 học kỳ.

Cấu trúc các học phần được thiết kế và xây dựng hợp lý, đảm bảo CĐR của ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh. NH tốt nghiệp đảm bảo được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp theo CĐR ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh. CĐR của CTĐT được phân nhiệm rõ ràng cho các học phần. CTDH đảm bảo sự gắn kết, liền mạch giữa các học phần tạo kiến thức lý thuyết nền tảng và chuyên sâu về chuyên môn ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh với các học phần trang bị kỹ năng làm việc [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.03]. Nội dung của Thực tập và Đồ án tốt nghiệp giúp NH tổng hợp, vận dụng các kiến thức và kỹ năng chuyên môn hình thành sản phẩm khoa học cuối khóa mang tính hệ thống, sáng tạo [H3.03.03.06].

*Học phần kiến thức đại cương* được xây dựng để giúp sinh viên nâng cao lý luận và kỹ năng mềm. Học kỳ 1 được bố trí 5 học phần gồm có (*Nhập môn ngành sư phạm; Cơ sở văn hóa Việt Nam; Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ; Lịch sử văn minh thế giới; Triết học Mác – Lênin*). trong đó, học phần Triết học đảm bảo cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng về lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn; hiểu biết về đường lối cách mạng Việt Nam trước và trong thời kỳ đổi mới; xác lập thế giới quan duy vật và phương pháp nghiên cứu biện chứng cho sinh viên; góp phần bồi dưỡng bản lĩnh chính trị, nâng cao đạo đức, củng cố niềm tin và lập trường vững vàng cho sinh viên. Để đạt được CĐR, chương trình được thiết kế với các học phần (*lý luận chính trị, khoa học xã hội nhân văn)* cung cấp cho người học những kiến thức về tư tưởng đạo đức, về tình hình chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước, về ngành sư phạm. Học phần *Tiếng Anh, Tin học* cung cấp cho người học kiến thức về ngoại ngữ, tin học. Sau khi hoàn thành khối kiến thức chung trong CTDH, người học có hiểu biết hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ động tích cực giải quyết các vấn đề GDTC, chính trị, xã hội theo đúng chủ trương đường lối của Đảng, Nhà nước và ngành Giáo dục, đạt CĐR về ngoại ngữ, tin học theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.03] [H3.03.03.05].

***Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành***, chương trình được thiết kế với các học phần (*Học thuyết Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự, Lịch sử, truyền thống của Quân đội và Công an nhân dân Việt Nam, Pháp luật về quốc phòng, an ninh, Tâm lý học, Giáo dục học)* cung cấp cho người học những kiến thức cơ sở mang tính chất tiền đề của ngành học. Người học sẽ có những hiểu biết ban đầu về ngành học và quản lí ngành học, tâm sinh lí lứa tuổi; kiến thức và kĩ năng tổ chức hoạt động giáo dục học. Cũng ở khối kiến thức này, người học được trang bị hiểu biết căn bản về NCKH, biết cách tìm hiểu, sàng lọc và phát hiện các vấn đề cần nghiên cứu; biết cách tiến hành NCKH [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.03].

***Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành***, chương trình được thiết kế với các học phần cung cấp kiến thức về hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nên quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thành thạo điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; có hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam; có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự; biết cách phòng tránh địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao. Thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật và các kỹ năng quân sự phổ thông với các học phần như (*Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và biển đảo Việt Nam; Đường lối quân sự; Bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; Công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam; Công tác quốc phòng, quân sự địa phương; Hiểu biết chung về quân, binh chủng; Công tác bảo đảm hậu cần, quân y; Điều lệnh quản lý bộ đội và điều lệnh đội ngũ; Vũ khí bộ binh; Địa hình quân sự; Kỹ thuật bắn súng bộ binh và ném lựu đạn; Chiến thuật bộ binh)* [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.03]. Các học *phần kiến thức cơ sở và chuyên ngành* bao gồm các học phần bắt buộc và các học phần tự chọn. *Các học phần bắt buộc* trong CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh bao gồm các nội dung kiến thức chính theo quy định của Bộ GD&ĐT sẽ giúp cho sinh viên có đủ kiến thức nền tảng để theo đuổi ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh trong trương lai. *Các học phần tự chọn* trong CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được Khoa Giáo dục Quốc phòng thiết kế chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết để sinh viên có thể tự chọn nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.03].

*Học phần tốt nghiệp* của sinh viên sẽ thực hiện gồm (*Thực tập và Đồ án tốt nghiệp*) vói 8 tín chỉ, dưới sự hướng dẫn của GV trong Khoa Giáo dục Quốc phòng. Đồ án tốt nghiệp là một công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên nhằm giúp sinh viên áp dụng kiến thức một cách tổng hợp và bước đầu làm quen với việc thực hiện một dự án của ngành tích hợp với các kỹ năng nghiên cứu độc lập, kỹ năng viết báo cáo và thuyết trình [H3.03.03.06].

Mỗi học phần trong CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đều thể hiện rõ ở trong ĐCCT học phần, trong đó ghi rõ: *thời lượng,* *có bao nhiêu tín chỉ lý thuyết, bao nhiêu tiết thảo luận/bài tập, bao nhiêu tín chỉ thực hành, bao nhiêu tiết tự học, phương pháp dạy học, phương pháp đánh giá,…* Việc bố trí qua 8 học kỳ trên bảng ma trận học phần thể hiện rõ các học phần điều kiện, tiên quyết, học phần học trước, học phần được học ở học kỳ tiếp theo, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên có thể chủ động tốt nghiệp trước thời hạn trong quy định cho phép. Các học phần giữa các khối kiến thức của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh có sự hỗ trợ lẫn nhau, có tính kế thừa, đảm bảo quá trình phát triển có tính hệ thống của sản phẩm đào tạo cả về kiến thức và kỹ năng [H3.03.03.01],[H3.03.03.02], [H3.03.03.03].

CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh thường xuyên được xem xét và cập nhật thông qua các việc rà soát, cập nhật CTĐT được thực hiện dựa trên các mục tiêu cụ thể từ thực tiễn đặt ra và theo quy định/quy trình nhà trường đã được ban hành [H3.03.03.07]. Trường và Khoa đã tiến hành xây dựng CTDH tiếp cận CDIO năm 2017, có rà soát năm 2019. Năm 2021, được cập nhật, bổ sung và hoàn thiên hơn. Quá trình rà soát, điều chỉnh CTĐT diễn ra nghiêm túc và hiệu quả bám sát với mục tiêu. CTDH được rà soát và hoàn thiện với sự đóng góp trí tuệ và công sức của nhiều nhà khoa học, nhằm mục tiêu đảm bảo cơ hội học tập công bằng cũng như khả năng phát triển năng lực của NH, khuyến khích tinh thần nghiên cứu, học tập, có trách nhiệm của NH [H3.03.03.08] [H3.03.03.09]. Trên cơ sở đó, ĐCCT học phần cũng được điều chỉnh và cập nhật vào CTDH [H3.03.03.01],[H3.03.03.02], [H3.03.03.03].

Trong quá trình rà soát, điều chỉnh và bổ sung CTDH, Khoa cũng đã lấy ý kiến đóng góp của GV, chuyên gia, NH, cựu NH và NSDLĐ. Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy tất cả đều đánh giá CĐR và khung CTĐT đáp ứng yêu cầu của xã hội. Đó là sự phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ và chiến lược phát triển của Trường [H3.03.03.10] [H3.03.03.11] [H3.03.03.12].

CTDH sau khi thực hiện rà soát, điều chỉnh đã tăng cường thêm các học phần phát triển kĩ năng cho NH trong khung CTĐT. Trong CTDH của ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh hiện nay đã bổ sung, cập nhật một số nội dung như ma trận kỹ năng, các phương pháp kiểm tra, đánh giá, PPGD và học tập. Trường và Khoa đã thực hiện đầy đủ các quy trình theo đúng quy chế đào tạo, quy định của Trường và triển khai trong kế hoạch giảng dạy hàng năm [H3.03.03.04].

Khi thiết kế, điều chỉnh CTDH, Trường đều thực hiện những đối sánh cần thiết như đối sánh giữa CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh của Trường với CTĐT của các trường khác [H3.03.03.13]. Tuy nhiên, quá trình rà soát và cập nhật CTDH, Khoa chưa tham khảo CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh của nhiều trường đại học trên thế giới. Nhưng về cơ bản, CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh tuân thủ theo chương trình khung do Bộ GD&ĐT quy định về cấu trúc, thời lượng các khối kiến thức và số tín chỉ và khá tương đồng với CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh của các trường ở Việt Nam.

Hàng năm, Phòng ĐT công bố biểu đồ kế hoạch năm học và thời khóa biểu cho Khoa. Từ đó, Khoa Giáo dục Quốc phòng sẽ gửi thời khóa biểu và kế hoạch giảng dạy cho GV đầu mỗi học kỳ để triển khai thực hiện theo kế hoạch [H3.03.03.04]. Các thông tin về học tập cũng được gửi trực tiếp đến từng sinh viên thông qua elearing của Trường và qua hệ thống cổng thông tin điện tử. Tại đây, sinh viên nắm được sự phân bổ CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh toàn khóa học, dễ dàng theo dõi tiến độ học tập, chủ động đăng ký môn học. Mọi cập nhật của CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đều được Khoa công bố công khai để các bên liên quan sử dụng và đánh giá góp ý [H3.03.03.14].

*2. Điểm mạnh*

CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh có cấu trúc theo hướng tích hợp, các học phần trong CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được sắp xếp theo trình tự logic từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Các môn học kết nối và hỗ trợ lẫn nhau. Các kỹ năng được tích hợp chặt chẽ vào các môn học.

CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được định kỳ rà soát, cập nhật. Khi điều chỉnh có tham khảo các CTDH của các trường ĐH về thời gian đào tạo, số tín chỉ của các khối kiến thức.

*3. Điểm tồn tại*

Khoa Giáo dục Quốc phòng có đối sánh CTDH với các trường khác, tuy nhiên chưa phân tích sâu về việc sử dụng thông tin phản hồi từ sau đối sánh để cải thiện CTDH.

*4.Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2024, Khoa Giáo dục Quốc phòng sẽ nâng cao chất lượng công tác đối sánh, sử dụng kết quả đối sánh để cải thiện CTDH. | Khoa GD QP-AN/Phòng ĐT | Năm học 2023-2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tăng cường rà soát cấu trúc CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh.  Khi điều chỉnh CTDH cần có tham khảo đa dạng hơn các CTDH của các trường ĐH khác trong và ngoài nước về thời gian đào tạo, số tín chỉ của các khối kiến thức. | Khoa GD QP-AN/Phòng ĐT | Năm 2024 |  |

5. *Tự đánh giá:* Đạt 4/7 điểm

**Kết luận về tiêu chuẩn 3**

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng và mức độ tự chủ và trách nhiệm sinh viên; GV đã lựa chọn tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên của tất cả các học phần trong CTĐT hợp lý, phù hợp, linh hoạt và có thể lượng hóa được góp phần đạt CĐR.

Nội dung chi tiết của toàn bộ ĐCCT học phần được thiết kế theo quy trình, biểu mẫu rõ ràng và dựa trên CĐR. Qua ma trận các môn học, ma trận kỹ năng cũng như qua việc lựa chọn các phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá của GV đã thể hiện sự đóng góp cụ thể, rõ ràng của các học phần để đạt được CĐR của CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh.

CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh có cấu trúc theo hướng tích hợp, các học phần trong CTDH được sắp xếp theo trình tự logic từ kiến thức đại cương đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành. Các môn học kết nối và hỗ trợ lẫn nhau. Các kỹ năng được tích hợp chặt chẽ vào các môn học. CTDH được định kỳ rà soát, cập nhật. Khi điều chỉnh có tham khảo các CTDH của các trường khác về thời gian đào tạo, số tín chỉ của các khối kiến thức.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh thiết kế các hoạt động gắn kết với đơn vị sử dụng lao động, các đơn vị ngoài Trường giúp đạt được CĐR nhưng hoạt động ghi nhận sự phản hồi của các đơn vị khi tham gia trong CTDH chưa được thể hiện đầy đủ.

Khoa Giáo dục Quốc phòng chỉ mới phân tích, đánh giá việc sinh viên có đạt được CĐR hay không dựa vào kết quả học tập từng học phần, chưa tổ chức phân tích đánh giá một cách bài bản ở góc độ CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh.

Khoa Giáo dục Quốc phòng có đối sánh CTDH với các trường khác, tuy nhiên chưa phân tích sâu về việc sử dụng thông tin phản hồi từ sau đối sánh để cải thiện CTDH.

# Tiêu chuẩn 4. PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN TRONG DẠY HỌC

### Mở đầu

Trong đào tạo trình độ đại học, PP tiếp cận có vai trò quan trọng. Ngành GDQP-AN cũng như nhiều ngành đào tạo khác trong Trường Đại học Vinh chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động kiến tập, thực tập đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các PP dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động, sáng tạo trong học tập của SV. Kể từ năm 2017, khi Nhà trường áp dụng việc đào tạo theo định hướng năng lực đối với tất cả các ngành đào tạo trình độ đại học thì CTĐT ngành GDQP-AN đã nhấn mạnh đến PP tiếp cận mới trong dạy học. Trong đó nhấn mạnh việc dạy và học như thế nào để đạt được CĐR theo 4 nhóm mục tiêu chính: (1)Áp dụng các kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật, kiến thức cơ bản về quốc phòng, an ninh, kiến thức chuyên sâu lập luận ngành vào lĩnh vực Giáo dục quốc phòng và an ninh (PO1); (2)Thể hiện kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp vào các hoạt động nghiên cứu và giảng dạy Giáo dục quốc phòng và an ninh(PO2); (3)Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác và kỹ năng làm việc nhóm đáp ứng được sự thay đổi của bối cảnh nghề nghiệp(PO3); (4) Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành các giải pháp cho hoạt động dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và yêu cầu xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân(PO4)

Tiêu chí 4.1: Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan

*1. Mô tả hiện trạng*

Triết lý giáo dục được Nhà trường xây dựng và ban hành chính thức qua Quyết định số 3719/QĐ-ĐHV ngày 30 tháng 12 năm 2019 về Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu tổng quát, giá trị cốt lõi và triết lý giáo dục. Năm 2022, Nhà trường đã ban hành Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045 theo Nghị quyết của Hội đồng Trường số 18/NQ-HĐT ngày 26 tháng 12 năm 2022, với triết lý giáo dục được giữ nguyên [H4.04.01.01]. Nội dung của Triết lý giáo dục là “***Hợp tác - sáng tạo***” được diễn dải cụ thể như sau:

“*Trường Đại học Vinh xác định* ***Hợp tác*** *(Collaboration) trong môi trường học thuật, đa văn hóa là sự kết nối, tương tác và cộng hưởng năng lực giữa các cá nhân và giữa các đơn vị, tổ chức để tạo nên sự phát triển. Hợp tác là tôn trọng sự khác biệt, sự phát triển tự do của mỗi con người, thể hiện tính nhân văn.*

*Trường Đại học Vinh coi* ***Sáng tạo*** *(Creativity) là năng lực cốt lõi nhất của mỗi cá nhân, đảm bảo cho sự thành công trong nghề nghiệp và cuộc sống trong bối cảnh thay đổi và sự vận động của Cách mạng công nghiệp 4.0, đảm bảo khả năng học suốt đời. Sáng tạo là tạo ra những tri thức và giá trị mới. Sáng tạo là dám nghĩ, dám làm, say mê nghiên cứu, khám phá và không ngừng cải tiến. Nhà trường đào tạo người học trở thành người lao động sáng tạo thông qua quá trình “Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Vận hành” trong các hoạt động nghề nghiệp, có khả năng thích ứng cao trong thế giới việc làm*”.

Triết lý giáo dục của nhà trường được công bố rộng rãi trên Website Trường ([*https://www.vinhuni.edu.vn/truong-dai-hoc-vinh-gioi-thieu-c01l0v0p0a33.html*](https://www.vinhuni.edu.vn/truong-dai-hoc-vinh-gioi-thieu-c01l0v0p0a33.html)), trong các ấn phẩm giới thiệu về Trường (brochure) cho các bên liên quan biết góp ý xây dựng [H4.04.01.02].

Triết lý giáo dục cũng được Trường, Khoa gửi đến tất cả CB-GV, sinh viên trong Trường giúp mọi thành viên hiểu rõ và thực hiện.

Triết lý giáo dục “*Hợp tác - Sáng tạo*” được đăng tải trên website chính thống của Nhà trường tại địa chỉ vinhuni.edu.vn. Đồng thời, Triết lý giáo dục được phổ biến tại các sự kiện liên quan đến hoạt động đào tạo của Nhà trường và trong khuôn viên của Nhà trường [H4.04.01.02].

Đối với CB-GV, Triết lý giáo dục của Nhà trường là “Hợp tác - Sáng tạo”, được chuyển tải vào chương trình dạy học, cụ thể:

*Bảng 4.1.1: Triết lý giáo dục được chuyển tải vào chương trình dạy học*

|  |  |
| --- | --- |
| **Triết lý giáo dục** | **Nội dung chuyển tải vào chương trình dạy học** |
| **Hợp tác** | Được chuyển tải vào các CĐR về kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác, giao tiếp, trách nhiệm với bản thân và trách nhiệm với xã hội, từ đó triển khai vào hoạt động dạy học cho các học phần (đặc biệt là các học phần dạy học dự án - Project Based Learning) |
| **Sáng tạo** | Được chuyển tải vào các CĐR về kỹ năng tư duy sáng tạo, khám phá tri thức, thích ứng với sự thay đổi và hướng tới khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Đồng thời, “Sáng tạo” còn yêu cầu một số CĐR cần hướng tới mức độ nhận thức cao nhất (mức 5 - sáng tạo) trong thang đo CĐR. Ưu tiên việc chuyển tải triết lý “Sáng tạo” vào các học phần dạy học dự án |

+ “*Hợp tác - Sáng tạo*” chuyển tải vào chu trình dạy học CDIO (Hình thành ý tưởng - Thiết kế - Triển khai - Vận hành) về kiến tạo “sản phẩm, quy trình, hệ thống, dịch vụ” của ngành đào tạo. Tất cả các CTĐT đều có PLO gắn với chu trình dạy học CDIO. Tùy thuộc vào đặc điểm ngành học và học phần, giảng viên lựa chọn “sản phẩm, quy trình, hệ thống, dịch vụ” cụ thể để thiết kế hoạt động dạy học theo chu trình CDIO có thể được thiết kế theo chuỗi các học phần (đối với kiến tạo “sản phẩm” cấp CTĐT) hoặc chuỗi các hoạt động trong phạm vi một học phần (đối với kiến tạo “sản phẩm” cấp học phần).

- Trên cơ sở Triết lý giáo dục của Nhà trường và Triết lý CDIO, giảng viên thiết  
kế các CLO và thể hiện vào đề cương học phần.

Triết lý giáo dục giúp Khoa Giáo dục Quốc phòng - An ninh thiết kế CTDH và lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp với CTDH để đạt CĐR, Triết lý giáo dục được cụ thể hóa trong mục tiêu đào tạo của Khoa Giáo dục Quốc phòng - An ninh và được thể hiện trong CĐR chương trình đào tạo tiếp cận CDIO thể hiện rõ trong mục tiêu, CĐR và đề cương chi tiết học phần. Quá trình tổ chức dạy học và triển khai hệ thống các phương pháp, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học học phần đều nhằm thực hiện mục tiêu học phần, mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh và triết lý giáo dục của trường Đại học Vinh. Trong đó, CĐR của ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh đặt ra là người học cần đạt được các yêu cầu của CĐR CTĐT [H4.04.01.03].

*Đối với sinh viên*: Ngay từ khi sinh viên nhập học, Triết lý giáo dục được phổ biến tới sinh viên trong buổi lễ Khai giảng đón chào tân sinh viên, nhằm giúp sinh viên hiểu rõ hơn về vai trò chủ động tích cực của chính mình trong quá trình học tập nhằm đáp ứng được mục tiêu đào tạo chung của Nhà trường. Ngoài ra, Khoa Giáo dục Quốc phòng - An ninh cũng tổ chức buổi gặp gỡ và giao lưu giữa tân sinh viên của Khoa Giáo dục Quốc phòng - An ninh cùng với BCN Khoa nhằm cung cấp các thông tin về CTĐT, phương pháp học tập, các hình thức kiểm tra đánh giá, giới thiệu các Câu lạc bộ học thuật hiện có của Nhà trường, của Khoa các hoạt động hướng nghiệp,…giúp các sinh viên hiểu rõ hơn về Khoa, về ngành và tiềm năng ngành học mà mình đã chọn để gắn bó nghề nghiệp trong tương lai và về phương pháp học tập chủ động trong quá trình học tập tại Trường [H4.04.01.04].

Triết lý giáo dục của Nhà trường được phổ biến tới các bên liên quan trong và ngoài trường bằng nhiều hình thức khác nhau như Qua góp ý khi xây dựng, qua các buổi tập huấn, diễn đàn, trong các hội thảo, hội nghị, các văn bản hướng dẫn,… phổ biến trên website và qua các phương tiện truyền thông khác, cụ thể:

*Đối với giảng viên*: Triết lý giáo dục và CĐR được các giảng viên quán triệt trong quá trình xây dựng CTĐT, tập huấn xây dựng CĐR của CTĐT trình độ đại học tiếp cận CDIO, xây dựng logic của những học phần bắt buộc và tự chọn, xây dựng đề cương học phần và trong hội nghị cán bộ, viên chức.

*Đối với sinh viên*: Ngay từ năm thứ nhất nhập trường, triết lý giáo dục được phổ biến tới sinh trong đón tiếp nhập học, đồng thời giới thiệu về ngành đào tạo và mục tiêu đào tạo của ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh trên website của Trường/Khoa và các trang thông tin điện tử khác. Đồng thời, mỗi giảng viên khi bắt đầu giảng dạy môn học của mình, đều dành thời gian phổ biến tới người học triết lý giáo dục của nhà Trường. Các giảng viên và cố vấn học tập sẽ phổ biến triết lý giáo dục của Trường và Khoa trong qua các buổi dự giờ sinh hoạt hoạt lớp [H4.04.01.04].

*Đối với nhà tuyển dụng*: Các nhà tuyển dụng được phổ biến triết lý giáo dục trong các buổi Hội thảo, họp Hội đồng khoa học góp ý về chương trình đào tạo.

*Đối với xã hội*: Triết lý giáo dục của nhà Trường được công khai trên Website; mục tiêu đào tạo và CĐR CTĐT của Khoa được công khai trên website của Trường và qua fanpage của Khoa. Để truyền tải triết lý giáo dục tới toàn xã hội, toàn bộ các học phần hiện nay trong CTĐT của ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh được xây dựng dựa trên thực tế nhu cầu xã hội đảm bảo phù hợp với phương thức đào tạo, thể hiện trong bố cục, nội dung cụ thể của chương trình, đồng thời tất cả các học phần thuộc CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh, tiêu chí đánh giá học phần, kiểm tra đánh giá sinh viên , mức độ kiến thức sinh viên cần đạt được sau mỗi học phần đều được tuyên bố rõ ràng và cụ thể trong đề cương học phần [H4.04.01.05].

*Bảng 4.1.2. Chuyển tải triết lý giáo dục vào các bên liên quan của ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Triết lý giáo dục** | **Bên liên quan** | **Các hoạt động** |
| **Hợp tác** | Giảng viên | - Hợp tác trong các hoạt động seminar như chia sẻ kinh nghiệm chuyên môn, phương pháp giảng dạy và đánh giá người học.  - Hợp tác trong các hoạt động nghiên cứu khoa học và động phục vụ cộng đồng |
| Người học | - Hợp tác trong các hoạt động học tập như thảo luận, hoạt động nhóm.  - Hợp tác trong các hoạt động của lớp học.  - Hợp tác trong các hoạt động phục vụ cộng đồng |
| Cựu người học | - Hợp tác trong việc khảo sát thông tin việc làm và chương trình đào tạo.  - Hợp tác trao đổi chuyên môn, hỗ trợ sinh viên các trong các hoạt động thực tập. |
| Doanh nghiệp | - Hợp tác trong đào tạo như gửi sinh viên thực tập, khảo sát chất lượng sinh viên tốt nghiệp và chương trình đào tạo.  - Hợp tác hỗ trợ các hoạt động của ngành *ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh* |
| **Sáng tạo** | Giảng viên,  Sinh viên | - Sáng tạo trong các hoạt động giảng dạy và học tập trên lớp.  - Sáng tạo trong các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và sinh viên.  - Sáng tạo trong quá trình "*Hình thành ý tưởng – Thiết kế – Triển khai – Vận hành*" các sản phẩm trong việc thực hiện đồ án học phần và đồ án tốt nghiệp. |

Hằng năm, công tác lấy ý kiến phản hồi từ sinh viên đang học tập tại trường và cả người học đã tốt nghiệp về hoạt động giảng dạy các hoạt động của Nhà trường, Nhà trường tiến hành việc lấy ý kiến của các bên liên quan về triết lý giáo dục nhằm đo lường mức độ hài lòng. Việc xác định mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh được tiến hành xây dựng trên cơ sở kết quả của việc xử lí thông tin từ các ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Kết quả khảo sát các bên liên quan cho thấy triết lý giáo dục của nhà trường và của ngành được đánh giá là rõ ràng, phù hợp với nhu cầu xã hội [H4.04.01.06].

*2. Điểm mạnh*

Triết lý giáo dục, mục tiêu của CTĐT được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới người học và GV thông qua nhiều hình thức như website Trường, tập huấn, diễn đàn, các văn bản hướng dẫn, …đồng thời khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan.

*3. Điểm tồn tại*

Việc công bố triết lý và mục tiêu giáo dục cần mở rộng đối tượng đến các nhà tuyển dụng.

*4.Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Ban truyền thông của Trường Đại học Vinh và Khoa, tiếp tục triển khai truyền thông quảng bá mạnh mẽ hơn nữa với nhiều hình thức thông qua website của trường, Subwed của Khoa, qua mạng xã hội, trực tiếp,… để công bố rộng rãi triết lý và mục tiêu giáo dục của trường và ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh đến tất cả các nhà tuyển dụng. | -Trường thuộc/Khoa/Viện  -Phòng ĐT  -Ban truyền thông | Hàng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | -Tăng cường các hoạt động truyền thông nhằm phổ biến, giới thiệu tới các bên liên quan hiểu rõ Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của trường, của Khoa và ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh  - Trường/Khoa/Viện tiếp tục có nhiều chương trình, hoạt động ở các địa phương hơn để truyền bá được mục tiêu giáo dục của Nhà trường và ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh | Khoa Giáo dục Quốc phòng - An ninh | Hàng năm |  |

5. *Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

### Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR

*1. Mô tả hiện trạng*

Theo quy định về Khung trình độ quốc gia 1982 [H4.04.02.01], hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về xây dựng và công bố CĐR ngành đào tạo [H4.04.02.02], và hướng dẫn của trường Đại học Vinh về xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Vinh [H4.04.02.03]. Khoa Giáo dục Quốc phòng - An ninh đã tiến hành xây dựng CĐR của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh phản ánh được mục tiêu đào tạo sau khi người học tốt nghiệp.

Trong chu kỳ đánh giá (từ năm 2019-2023), CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh có 3 phiên bản 2017 [H4.04.02.04], phiên bản 2019 [H4.04.02.05] và phiên bản 2021 [H4.04.02.06].

Năm 2017, 2019, CĐR ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh trình độ đại học được xác định rõ ràng thể hiện ở 17 CĐR cấp độ 2 và 73 CĐR cấp độ 3 [H4.04.02.04] [H4.04.02.05]. Năm 2021 CĐR ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh được rút gọn theo hướng tinh lọc các CĐR của CTĐT còn xuống 9 CĐR cấp độ 2 và 27 CĐR cấp độ 3 theo 4 trụ cột CDIO [H4.04.02.06]. Từ đó lập bảng Ma trận phân nhiệm CĐR chương trình đào tạo và các học phần thể hiện sự đóng góp của các học phần và chỉ số đo lường việc đạt CĐR của chương trình [H4.04.02.07]. Qua ma trận, có thể thấy được mức độ đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR. Ma trận này là công cụ đánh giá giúp Khoa Giáo dục Quốc phòng - An ninh xác định những kiến thức/kỹ năng nào được trang bị thông qua CTDH và học phần nào đảm nhận; Đồng thời giúp Nhà trường xác định tiến trình trang bị các kiến thức/kỹ năng thông qua những chuỗi môn học có được sắp xếp hợp lý và đầy đủ các cấp độ để đảm bảo giúp sinh viên đạt được CĐR của chương trình [H4.04.02.07].

Nhà trường cũng đã ban hành Quy định về hình thức tổ chức dạy học ở trường Đại học Vinh (theo quyết định số 3091/QĐ-ĐHV ngày 31/12/2023). Trong đó quy định rõ các hình thức tổ chức dạy và học [H4.04.02.08].

Nhà trường cũng ban hành văn bản hướng dẫn về kiểm tra, rà soát CTĐT, trong đó có hướng dẫn và yêu cầu đối với khung CTDH và đề cương chi tiết học phần bao gồm các nội dung, phương pháp giảng dạy để cải tiến các nội dung trên theo triết lý giáo dục tiếp cận năng lực [H4.04.02.03].

Các phương pháp giảng dạy được thiết kế phù hợp với từng học phần, cụ thể: học phần lý thuyết áp dụng linh hoạt phương pháp thảo luận nhóm, trình bày các nghiên cứu cá nhân, thuyết trình theo chủ đề...... Đối với học phần thực hành là phương pháp nghiên cứu tình huống, bài tập, tiểu luận, tham quan thực tế/thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động, các GV phụ trách các chuyên đề đã xây dựng và triển khai các hình thức, phương pháp giảng dạy đa dạng, linh hoạt và hiệu quả. Đặc biệt, trong CTĐT phiên bản 2021 (áp dụng từ khóa 62), có học phần được thực hiện theo phương pháp dạy học dựa trên dự án [H4.04.02.09]. Mỗi học phần trong CTDH đảm nhận một số CĐR chương trình. Trên cơ sở được phân nhiệm đó, Khoa Giáo dục Quốc phòng - An ninh đã thiết kế ĐCCT học phần, thông qua đó GV xây dựng hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR của HP và của CTĐT. Để lựa chọn một tổ hợp các PPGD đa dạng, hiệu quả, GV phải sử dụng một cách hợp lý nhiều *phương pháp dạy học, phương tiện dạy học, hình thức tổ chức dạy học* khác nhau trong một tiết học, một buổi dạy học hay trong suốt quá trình thực hiện học phần, để đạt được hiệu quả cao [H4.04.02.09]. Ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh đã thiết kế các hoạt động dạy học đặc thù cho từng học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT phân nhiệm. Các hoạt động này được thể hiện tổng hợp trong bản mô tả CTĐT và thể hiện chi tiết trong các ĐCCT từng học phần [H4.04.02.04] [H4.04.02.05] [H4.04.02.06].

Các phương pháp dạy học ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh được xây dựng phù hợp để đạt được CĐR được thể hiện rõ trong các *Ma trận phương pháp dạy học và CĐR* (Bảng 4.2.1).

*Bảng 4.2.1. Ánh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động giảng dạy và học tập** | **Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)** | | | | | | | | |
| **1.1** | **1.2** | **1.3** | **2.1** | **2.2** | **3.1** | **3.2** | **4.1** | **4.2** |
| Thuyết trình | X | X | X | X | X |  |  |  |  |
| Vấn đáp | X |  | X | X | X |  |  |  |  |
| Hướng dẫn | X |  | X | X | X |  |  | X | X |
| Tự học | X | X | X | X | X |  |  | X | X |
| Thảo luận | X | X | X | X | X | X | X | X | X |
| Thực hành |  |  | X | X | X | X | X | X | X |
| Hoạt động nhóm |  | X | X | X | X | X | X | X | X |
| Nghiên cứu tình huống |  | X |  | X | X | X | X | X | X |
| Học dựa trên đồ án |  | X | X | X | X | X | X | X | X |

*Sử dụng đa dạng phương pháp giảng dạy:* Các hoạt động dạy và học của ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR. Các hoạt động dạy học và công nghệ dạy học được sử dụng đa dạng như: thuyết giảng, làm việc nhóm, trình diễn, tái hiện, dạy học dự án… GV bắt buộc phải đưa phương pháp giảng dạy cụ thể vào từng bài, từng buổi học trong kế hoạch lên lớp đầu mỗi học kỳ. Xu hướng giảm thuyết giảng, tăng tỷ lệ các phương pháp khác như làm việc nhóm, trình diễn, vấn đáp, tăng cường các phương pháp dạy học gián tiếp, dạy học trải nghiệm, dạy học tương tác và tự học của sinh viên nhằm phát huy tính chủ động học tập trong sinh viên. Từng GV luôn linh hoạt phối hợp các phương pháp khác nhau trong từng phần nội dung nhỏ của học phần, hướng đến giúp sinh viên đạt CĐR [H4.04.02.09].Đối với các học phần kiến thức đại cương, các hoạt động giảng dạy chính gồm thuyết trình, vấn đáp, hướng dẫn, tự học, thảo luận. Đối với các học phần cơ sở ngành, chuyên ngành và đồ án, ngoài các hoạt động giảng dạy trên, các hoạt động giảng dạy bao gồm thực hành, hoạt động nhóm, nghiên cứu các tình huống thực tiễn và học dựa trên dự án. Những hoạt động này nằm nhằm nâng cao khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá chất lượng, phân tích nghiên cứu giải quyết các bài toán thực tiễn trong chuyên ngành [H4.04.02.09].

*Sử dụng đa dạng phương tiện dạy học:* GV sử dụng nhiều phương tiện dạy học đa dạng,kết hợp luân phiên các phương pháp hiện đại (giáo án điện tử), lời nói của GV, mô hình thí nghiệm, hình ảnh, âm thanh trong việc trình bày nội dung của bài giảng [H4.04.02.09].

Trong năm 2020 và 2021 (thời điểm ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19), Nhà trường đã chỉ đạo việc dạy học chuyển sang hình thức trực tuyến, sinh viên được hướng dẫn phương pháp học tập phù hợp với phương thức dạy học mới đòi hỏi sự chủ động của sinh viên cao hơn. Sinh viên được GV hướng dẫn cụ thể để truy cập vào hệ thống các phần mềm trực tuyến nhằm thực hiện việc học tập với GV đạt hiệu quả... [H4.04.02.10] [H4.04.02.11].

Nhà trường đang sử dụng hệ thống phần mềm học tập trực tuyến là các phần mềm: LMS, Zoom, Microsoft Team…. Trang học tập trực tuyến giúp tăng sự tương tác của GV và sinh viên ngoài lớp học truyền thống và còn cung cấp thêm thông tin cho sinh viên các hoạt động khác như tham gia diễn đàn, chat trực tuyến,… [H4.04.02.10] [H4.04.02.11].

*Sử dụng nhiều hình thức tổ chức dạy học khác nhau*: Vừa học bài mới - ôn tập bài cũ, minh họa các ví dụ mang tính thực tiễn, chỉ dẫn cho sinh viên cách học từng học phần, thảo luận, viết bài thu hoạch. Các GV của Khoa Giáo dục Quốc phòng - An ninh đã thay đổi PPGD truyền thống làm sinh viên thụ động trong quá trình học sang PPGD thuyết trình, kết hợp với trình chiếu, hỏi đáp thảo luận và làm việc nhóm. GV nêu những vấn đề lý thuyết cũng như thực tiễn, hướng dẫn sinh viên chủ động đưa ra những phương hướng giải quyết của bản thân hoặc của nhóm, sau đó GV tổng hợp và đưa ra kết luận cần thiết. Trong quá trình giảng dạy, GV trong Khoa Giáo dục Quốc phòng - An ninh đưa ra những liên hệ thực tế sinh động để làm sâu sắc thêm bài giảng, giao bài tập, chủ đề nghiên cứu để rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên [H4.04.02.04] [H4.04.02.05], [H4.04.02.06].

Để thực hiện được các PPDH hiệu quả, phải có sự tương tác giữa người dạy và sinh viên. GV hướng dẫn sinh viên sử dụng các hoạt động học tập hiệu quả, chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức nhằm đạt được CĐR (tự học, tự nghiên cứu, thực hành, làm bài tập và hoạt động nhóm, NCKH, làm tiểu luận, học trực tuyến, …). Các môn học trong CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh kết nối và hỗ trợ lẫn nhau. Để đạt CĐR, các kỹ năng được GV giảng dạy tích hợp chặt chẽ vào các học phần. Ngoài việc thuyết giảng trên lớp, GV đồng thời rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, tự học, biết cách tìm hiểu và tra cứu tài liệu, biết cách xử lý thông tin để trở thành tri thức của mình. Những giờ tự học và thảo luận được thiết kế xen kẽ với các buổi giảng lý thuyết, phù hợp với mục tiêu môn học. Bên cạnh đó, người học còn được gia tăng cơ hội học tập trải nghiệm chủ động và tích cực thông qua hệ thống bài giảng/ bài tập trên hệ thống học tập trực tuyến LMS của Nhà trường.

Nhằm giúp sinh viên chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức đạt được CĐR, bên cạnh việc tổ chức học trực tiếp trên lớp và hoạt động nghiên cứu khoa học, hàng năm, sinh viên còn tham gia thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động, viết BCTT, khoá luận tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên.Trong quá trình thực tập, viết báo cáo, giảng viên thường xuyên hướng dẫn, giải đáp các thắc mắc và cung cấp các tài liệu cần thiết cho quá trình nghiên cứu của sinh viên, thông qua nhiều phương thức khác nhau: gặp trực tiếp, trao đổi qua điện thoại, qua thư điện tử, qua kênh trực tuyến zoom,... Bên cạnh đó**,** nhằm giúp sinh viên chủ động tiếp thu, lĩnh hội kiến thức đạt được CĐR, Khoa còn tổ chức, thông báo, hướng dẫn cho người học tham gia các buổi tọa đàm, hướng nghiệp thực tế [H4.04.02.12] [H4.04.02.13].

Ngoài ra, để nâng cao chất lượng dạy và học, nghiên cứu sáng tạo, rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cho SV đáp ứng nhu cầu lao động của xã hội, nghiệp, hằng năm, vào tháng 3-4, nhà trường triển khai kế hoạch thực hiện Tháng rèn nghề và tổ chức Hội thi “Sinh viên với việc rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp”. Thông qua các hội thi này, Khoa đã tổ chức và hướng dẫn cho SV các khóa thực hiện các nội dung rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp theo CTĐT và theo CĐR của các ngành với hội thi “Sáng tạo và hướng nghiệp”. Nội dung Hội thi đã phù hợp với ngành nghề đào tạo và sát thực tế, đáp ứng yêu cầu thực tiễn SV và gắn với việc làm, doanh nghiệp đồng thời đề cập đến các nội dung SV khởi nghiệp, SV trong thời kỳ nền công nghiệp 4.0; hình thức đa dạng, phong phú [H4.04.02.14].

Trong quá trình giảng dạy, các GV ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh thường xuyên tham gia, thực hiện các buổi hội thảo, hội nghị, seminar về trao đổi kinh nghiệm dạy học nhằm cải tiến chất lượng dạy học. Các GV tham gia các hội thảo do Trường ĐH Vinh tổ chức liên quan đến việc thảo luận trao đổi sáng kiến kinh nghiệm trong giảng dạy và học tập để trau dồi kiến thức, cải thiện các vấn đề bất cập. Nhà trường tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về CTĐT, giảng viên trẻ dạy giỏi và đặc biệt là hội nghị tổng kết 4 năm xây dựng và phát triển CTĐT tiếp cận CDIO (2016-2020). Khoa Giáo dục Quốc phòng - An ninh và ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh đã tổ chức dự giờ, đánh giá các tiết thao giảng; tổ chức các seminar về đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm đạt CĐR [H4.04.02.15]. Ngoài ra, hàng năm GV của Khoa đăng ký dự giờ thao giảng, tham gia các cuộc thi GV dạy giỏi cấp Trường để trau dồi chuyên môn và cải tiến phương pháp giảng dạy [H4.04.02.15].

Việc đánh giá hoạt động giảng dạy của GV được Khoa Giáo dục Quốc phòng - An ninh tiến hành thường xuyên và định kỳ với nhiều hình thức khác nhau như: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng GV theo từng kỳ. Ngoài ra, Kết thúc mỗi học kỳ, mỗi khóa học, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến của sinh viên và GV về các hoạt động dạy và học được sử dụng trong CTĐT và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV. Kết quả khảo sát qua các năm cho thấy hầu hết các sinh viên hài lòng với các nội dung này [H4.04.02.16].

*2. Điểm mạnh*

Khoa Giáo dục Quốc phòng - An ninh đã xây dựng một tổ hợp các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, triển khai hiệu quả để đạt CĐR học phần và CTĐT, giúp sinh viên tiếp thu và rèn luyện năng lực chuyên môn, bao gồm các hoạt động trong và ngoài lớp học.

Sử dụng các phầm mềm học tập trực tuyến nhằm hỗ trợ tối đa cho sinh viên, kết hợp giữa mô hình dạy học truyền thống và phương thức đào tạo trực tuyến.

Sinh viên thể hiện sự hài lòng cao với các PPGD của GV.

*3. Điểm tồn tại*

Một số GV chưa thành thạo trong việc sử dụng các hoạt động giảng dạy và học tập tích cực (active learning), giảng dạy theo dự án (project-based learning) nhằm đạt CĐR.

*4.Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2024, Khoa Giáo dục Quốc phòng - An ninh tăng cường các sinh hoạt học thuật, các seminar về phương pháp giảng dạy chú trọng đến các hoạt động giảng dạy và học tập tích cực, giảng dạy theo dự án ... | - Khoa GD QP-AN  -Phòng ĐT | Hàng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | -Tăng cường các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, triển khai hiệu quả để đạt CĐR học phần và CTĐT  - Tăng cường kỹ năng sử dụng các phầm mềm học tập trực tuyến nhằm hỗ trợ tối đa cho sinh viên, kết hợp giữa mô hình dạy học truyền thống và phương thức đào tạo trực tuyến. | - Khoa GD QP-AN  -Phòng ĐT | Hàng năm |  |

5. *Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

### Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học.

*1.. Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Vinh đã triển khai đồng bộ đổi mới các hoạt động dạy và học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm như kỹ năng tư duy sáng tạo và quản lý thời gian, kỹ năng thuyết trình, đặc biệt là khả năng tự nghiên cứu, khả năng liên hệ thực tiễn, phân tích tổng hợp,... Trong CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh, *100% đề cương chi tiết các môn học mô tả rõ việc sử dụng các phương giảng dạy/học tập phù hợp nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm*. Trong các đề cương chi tiết môn học phần, hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến các hoạt động tự học của sinh viên, các bài tập nhóm, các bài thực hành, các bài thảo luận, báo cáo tiểu luận, thực tế đều hướng tới mục tiêu hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, sáng tạo, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm; khả năng hình thành ý tưởng, thiết kế, lập kế hoạch, triển khai và đánh giá cho sinh viên [H4.04.03.01].

Bên cạnh đó, để nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên Trường đã ban hành Quyết định số 2381/QĐ-ĐHV, về việc Quy định chuẩn đầu ra kỹ năng mềm cho sinh viên hệ chính quy đào tạo theo hệ thống tín chỉ và các kế hoạch, thông báo về tổ chức các lớp đào tạo kĩ năng mềm cho sinh viên [H4.04.03.02]. Trung tâm Giáo dục Quốc phòng - An ninh đã tổ chức các bài thực hành, các đợt thực tập rèn nghề, thực tập sư phạm để giúp sinh viên ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp, nâng cao được năng lực nghề nghiệp cho bản thân [H4.04.03.03]. Kế hoạch thực hiện tháng rèn nghề và hội thi nghiệp vụ sư phạm [H4.04.03.04].

Trong CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh, *100% các ĐCCT học phần đều mô tả đến hoạt động tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên* [H4.04.03.01].

Chiến lược dạy và học của Khoa Giáo dục Quốc phòng - An ninh là lấy sinh viên làm trung tâm và kích thích việc học tập có chất lượng cao. Các PPDH tích cực luôn được lựa chọn sử dụng trong từng môn học thể hiện trong kế hoạch lên lớp nhằm kích thích tính chủ động của sinh viên trong học tập. Nhiều phương pháp học tập hiệu quả được áp dụng đa dạng trong từng học phần như: yêu cầu sinh viên tự đọc, tự nghiên cứu tài liệu, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, phản biện nhóm,…. Các phương pháp này đã giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, có khả năng phân tích và tổng hợp. Tất cả các PPDH trên đều được mô tả rất rõ trong các ĐCCT học phần và được các GV triển khai đến sinh viên [H4.04.03.01].

Nội dung các học phần trong CTĐT chi tiết của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm giúp sinh tham gia vào các hoạt động dạy và học, từ đó rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học. Để giúp sinh viên thường xuyên rèn luyện các kỹ năng này, trong từng ĐCCT học phần đều có quy định sinh viên phải chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tìm kiếm, đọc thêm tài liệu, làm các bài tập, tiểu luận liên quan môn học. Có một số chương mục trong ĐCCT học phần, GV hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu, tự đọc tài liệu dưới những hướng dẫn rõ ràng của GV. ĐCCT các học phần của ngành GDQP-AN đều được thiết kế với kiến thức lý thuyết kết hợp với thảo luận/bài tập, bài tập lớn để người học tự nghiên cứu và trình bày vấn đề theo cách hiểu của mình trong những tiết thảo luận, bài tập. Bên cạnh đó, chương trình còn xen kẽ những học phần thực tế trường phổ thông, thực hành kỹ năng, tham quan. Điều này đã kích thích người học ham học hỏi, rèn luyện kỹ năng tự học để nâng cao khả năng học tập suốt đời. Ngoài ra, ĐCCT các học phần/môn học cũng đã trình bày cụ thể việc sử dụng hiệu quả tổ hợp các phương pháp dạy/học tập nhằm thúc đẩy việc rèn luyện các kĩ năng thiết yếu, kĩ năng mềm cho người học. Mỗi ĐCCT đều có mô tả rõ phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, các hoạt động dạy-học và kiểm tra đánh giá tương ứng với các nội dung và CĐR. Những nội dung đánh giá kĩ năng và phẩm chất được mô tả bằng các rubic tương ứng [H4.04.03.01].

Nguồn tư liệu, sách báo cũng được các giảng viên bổ sung liên tục thông qua các kết quả nghiên cứu khoa học, các sách tham khảo, giáo trình giúp hỗ trợ hoạt động dạy và học, qua đó cũng thúc đẩy hướng đến khả năng học và tự học suốt đời của người học [H4.04.03.05].

Khi nắm được phương pháp tự học tự nghiên cứu sẽ là tiền đề để sinh viên học tốt những học phần khác và là cơ sở để sinh viên chủ động trong việc “học tập suốt đời”. GV dạy cho sinh viên cách lập kế hoạch học tập, kỹ năng nghe giảng và ghi chú theo tinh thần tự học, kỹ năng đọc sách để phục vụ việc tự học và cách sử dụng CNTT để phục vụ việc học tập [H4.04.03.01] [H4.04.03.05]. Hoạt động làm bài tập lớn, tiểu luận, NCKH là hoạt động chủ đạo tự nghiên cứu, tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên. Việc khuyến khích sinh viên hoàn thiện các kỹ năng nghiên cứu và thuyết trình được thực hiện qua các buổi seminar, làm tiểu luận thay vì làm các bài kiểm tra tại lớp [H4.04.03.05] [H4.04.03.06]. Hoạt động NCKH và thực tập thực tế đòi hỏi sinh viên phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể. Ngoài ra, việc sinh viên thi đua nhau trong NCKH, trong tìm tòi tài liệu, trình bày suy nghĩ của mình và phản biện lẫn nhau đã tạo ra sự say mê học hỏi của sinh. Mặt khác, sinh viên được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH với các GV giúp sinh viên tự tin khi nghiên cứu độc lập góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời khi đi làm hay học tập nâng cao trình độ [H4.04.03.05] [H4.04.03.06].

Cổng thông tin học tập trực tuyến cũng đã hỗ trợ sinh viên tích cực kỹ năng tự học, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Nhằm thúc đẩy tinh thần tự nghiên cứu, tự học của sinh viên, cổng thông tin học tập trực tuyến cũng được đưa vào hoạt động. Trong đó, sinh viên có thể tìm thấy các slide, video bài giảng, các giáo trình, tài liệu học tập có liên quan nhằm phục vụ cho nhu cầu tự học của sinh viên. Việc tổ chức dạy học theo hình thức trực tuyến chú trọng giao nhiệm vụ, yêu cầu sinh viên chủ động xem trước bài giảng ở nhà, hướng dẫn sinh viên cách thực hiện bài tập trước và sau buổi học, đề cao tinh thần tự học của sinh viên [H4.04.03.07].

Với sự hỗ trợ của cổng thông tin học tập trực tuyến LMS, Elearning hoạt động giảng dạy và học tập trên các nền tảng của phần mềm Zoom, Microsoft Team đã mang lại những sự thay đổi đáng khích lệ, thích nghi được với tình hình diễn biến phức tạp trong thời gian từ 1/2020 đến 12/2021. Bài giảng được giảng viên thu âm và đưa lên hệ thống Elearning. Sinh viên tự chủ động học các bài giảng đã được đưa lên và có hệ thống ghi nhận, đánh giá quá trình tự học này, từ đó tăng tính chủ động tự giác trong hoạt động học tập của sinh viên. Việc kết hợp hình thức học trực tuyến và trực tiếp được kết hợp linh hoạt từ đó luôn đảm bảo được tiến độ và chất lượng của hoạt động dạy và học của giảng viên, sinh viên [H4.04.03.07]

Trường Đại học Vinh đã và đang triển khai tổ chức dạy học online, do đó, thời lượng tự học của HV được điều chỉnh tăng lên so với các thời gian trước. Nhà trường triển khai yêu cầu giảng viên xây dựng bài giảng elearning để giúp HV tự học. Một số phần lý thuyết HV được tự học thông qua bài giảng của GV trên hệ thống LMS của Nhà trường [H4.04.03.07].

Ngoài ra, Đồ án tốt nghiệp là phần rất quan trọng để sinh viên vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết vấn đề thực tế. Điều này đã khuyến khích và thúc đẩy người học tính tự tìm tòi và nghiên cứu tài liệu, kỹ năng trao đổi và giải quyết các vấn đề, từ đó rèn luyện khả năng tự học để người học có thể học tập suốt đời. Quá trình làm đồ án cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng tiếp nhận và xử lý thông tin, trong đó có việc thúc đẩy khả năng tự khám phá kiến thức, khả năng tạo ra kiến thức mới, khả năng vận dụng kiến thức và đặc biệt là khả năng truyền đạt kiến thức cho người khác. [H4.04.03.08].

GV giảng dạy CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh sử dụng các hoạt động dạy học/phương pháp giảng dạy phù hợp nhằm hỗ trợ sinh viên rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. GV sử dụng linh hoạt các phương pháp truyền thụ tri thức: Truyền thụ một chiều từ người dạy sang người học; phương pháp giải quyết vấn đề thông qua tình huống; tương tác trực tiếp để giải quyết vấn đề. Trong đó, phương pháp giảng dạy bằng tình huống, tương tác trực tiếp để giải quyết vấn đề được đa số các GV lựa chọn áp dụng cho những môn học chuyên ngành. Phương pháp này giúp sinh viên nhớ lâu hơn, hình thành khả năng áp dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề gặp phải, hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên. GV luôn tạo các cơ hội học tập, thông qua các hoạt động đa dạng, kích thích sinh viên khám phá, áp dụng, phân tích và đánh giá các ý tưởng hơn là truyền đạt thông tin một chiều. Sinh viên sẽ có cơ hội được thắc mắc, nêu lên các vấn đề để xoay quanh các khái niệm hay các ý tưởng, từ đó tiến tới giải quyết các vấn đề [H4.04.03.01], [H4.04.03.05]. Cụ thể hơn, Giảng viên đóng vai trò thiết kế, tổ chức, hướng dẫn các hoạt động độc lập hoặc theo nhóm nhỏ để sinh viên tự lực chiếm lĩnh nội dung học tập, chủ động đạt các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm theo yêu cầu của chương trình. Trên lớp, Sinh viên hoạt động là chính, GV chỉ là người hướng dẫn. Nhưng trước khi lên lớp, GV phải đầu tư nhiều thời gian để thiết kế bài giảng sao cho đạt được CĐR; chọn lọc phương pháp giảng dạy và phương pháp đánh giá phù hợp với mục tiêu và nội dung bài giảng. Trong quá trình giảng dạy, ngoài giờ lên lớp, GV còn phải theo dõi các hoạt động tự học của sinh viên, giúp đỡ khi cần thiết, trao đổi thảo luận và góp ý để sinh viên đi đúng hướng. Do đó, GV phải chủ động, cần phải đầu tư công sức và thời gian rất nhiều so với kiểu dạy và học thụ động mới có thể thực hiện bài lên lớp với vai trò là người gợi mở, xúc tác, động viên, cố vấn trong các hoạt động tìm tòi hào hứng, tranh luận sôi nổi của sinh viên. Đây cũng chính là cách nâng cao cho sinh viên cách xây dựng động cơ học tập và hình thành thói quen học tập suốt đời [H4.04.03.01], [H4.04.03.05].

Kết quả của việc sử dụng các hoạt động dạy và học phù hợp được thể hiện ở kết quả sinh viên tốt nghiệp. Tỷ lệ người học đạt tất cả các môn, bảo vệ thành công Đồ án và tốt nghiệp đúng hạn đạt cao [H4.04.03.09]. Ngoài ra, hàng năm thông qua Hội nghị viên chức chức các giảng viên của Khoa cũng lắng nghe ý kiến đóng góp về phương pháp giảng dạy từ Lãnh đạo nhà trường, từ cán bộ, giảng viên của các phòng, khoa khác để hoàn thiện phương pháp giảng dạy [H4.04.03.10]. Bên cạnh đó, hàng năm Nhà trường đều tiến hành khảo sát thu thập ý kiến phản hồi của sinh viên, cựu sinh viên, giảng viên và các bên liên quan khác nhằm hoàn thiện phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ tốt nhất cho người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời [H4.04.03.11].

*2. Điểm mạnh*

Trường có nhiều hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm như kỹ năng tư duy sáng tạo và quản lý thời gian, kỹ năng thuyết trình và tìm việc, kỹ năng khởi nghiệp, đặc biệt là khả năng tự nghiên cứu, khả năng liên hệ thực tiễn, phân tích tổng hợp góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

*3. Điểm tồn tại*

Một vài GV trẻ của Khoa Giáo dục Quốc phòng - An ninh chưa có nhiều kinh nghiệm giảng dạy cho sinh viên các kỹ năng để nâng cao kỹ năng học tập suốt đời.

Một số sinh viên còn chưa tích cực trong việc tự học, tự nghiên cứu tìm tòi tài liệu và rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề. Vẫn còn một bộ phận sinh viên chưa tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học với GV.

*4.Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2024, BCN Khoa Giáo dục Quốc phòng - An ninh sẽ yêu cầu các GV trẻ của Khoa tham gia dự giờ các GV giảng dạy lâu năm để học hỏi kinh nghiệm giảng dạy nhằm nâng cao kỹ năng học tập suốt đời cho sinh viên.  - Tổ chức thường xuyên hơn các seminar, trao đổi học thuật cho sinh viên. GV cần giám sát chặt chẽ hơn hoạt động tự học, tự nghiên cứu của sinh viên và đưa nhiều sinh viên tham gia nghiên cứu để hướng dẫn, và thúc đẩy năng lực NCKH của sinh viên. | Khoa GD QP-AN  -Phòng ĐT | Hàng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tăng cường các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm, đặc biệt là khả năng tự nghiên cứu, khả năng liên hệ thực tiễn, phân tích tổng hợp góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên. | Khoa GD QP-AN | Hàng năm |  |

5. *Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

### Kết luận về Tiêu chuẩn 4

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Văn bản về Triết lý giáo dục của Trường được xây dựng và tuyên bố rõ ràng, được phổ biến rộng rãi tới các các bên liên quan.

Khoa Giáo dục Quốc phòng - An ninh đã xây dựng một tổ hợp các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, triển khai hiệu quả để đạt CĐR học phần và CTĐT, giúp sinh viên tiếp thu và rèn luyện năng lực chuyên môn, bao gồm các hoạt động trong và ngoài lớp học; Sử dụng các phầm mềm học tập trực tuyến nhằm hỗ trợ tối đa cho sinh viên, kết hợp giữa mô hình dạy học truyền thống và phương thức đào tạo trực tuyến., kết hợp giữa mô hình dạy học truyền thống và phương thức đào tạo trực tuyến; Sinh viên thể hiện sự hài lòng cao với các PPGD của GV…

Trường có nhiều hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng thiết yếu, kỹ năng mềm như kỹ năng tư duy sáng tạo và quản lý thời gian, kỹ năng thuyết trình và tìm việc, kỹ năng khởi nghiệp, đặc biệt là khả năng tự nghiên cứu, khả năng liên hệ thực tiễn, phân tích tổng hợp góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Khoa Giáo dục Quốc phòng - An ninh đã làm công tác truyền thông nhưng một số Nhà tuyển dụng chưa tiếp cận được với Triết lý giáo dục của Nhà trường.

Một số GV chưa thành thạo trong việc sử dụng các hoạt động giảng dạy và học tập tích cực (*active learning*), giảng dạy theo dự án (*project-based learning*) nhằm đạt CĐR.

Một vài GV trẻ của Khoa Giáo dục Quốc phòng - An ninh chưa có nhiều kinh nghiệm giảng dạy cho sinh viên các kỹ năng để nâng cao kỹ năng học tập suốt đời.

Một số sinh viên còn chưa tích cực trong việc tự học, tự nghiên cứu tìm tòi tài liệu và rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề. Vẫn còn một bộ phận sinh chưa tích cực tham gia vào các hoạt động nghiên cứu khoa học với GV.

# Tiêu chuẩn 5. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ NGƯỜI HỌC

### Mở đầu

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập là khâu cuối cùng của quá trình dạy học, nhưng đây cũng là khởi đầu cho một chu trình đánh giá mới, hướng tới chất lượng đào tạo cao hơn. Vì vậy, có thể xem kiểm tra, đánh giá kết quả học tập là thước đo kiểm chứng kết quả đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy theo mục tiêu học phần đã đề ra, từ đó có thể định hướng, điều chỉnh kế hoạch giảng dạy tiếp theo cho phù hợp và hiệu quả hơn với yêu cầu của xã hội. Để làm được điều đó, việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh luôn được *thiết kế và cải tiến phù hợp với mức độ đạt được CĐR*với các học phần cơ sở, học phần chuyên ngành và học phần liên quan tới kỹ năng mềm (như ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm,...).

Các quy định về đánh giá kết quả học tập đã được giới thiệu cho sinh viên khi nhập học và khi nhập môn ở mỗi học phần thông qua GV hướng dẫn, thông qua đề cương học phần (cung cấp phương thức và trọng số tính điểm). Quá trình đánh giá được thực hiện trên cơ sở kết hợp đa dạng các phương pháp có độ tin cậy, có giá trị sử dụng cao, bên cạnh đó, không bỏ qua cơ hội vận dụng, thực hành các phương pháp mới, sáng tạo. Qua đó, kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để sinh viên cải thiện việc học và tiến hành khiếu nại về kết quả học tập.

### Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra

*1. Mô tả hiện trạng*

Trên cơ sở các thông tư và các quy định, quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT [H5.05.01.01]. Trường Đại học Vinh ban hành các quy trình/quy định rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của người học để đạt được CĐR như: Quy định tạm thời về đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (*số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017*) [H5.05.01.02]; Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (*số 1262/QĐ-ĐHV, ngày 13/11/2017*) [H5.05.01.03]; Quy định đào tạo trình độ đại học (*số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021*) [H5.05.01.04]; Quy định về đánh gía và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và đào tạo trình độ thạc sĩ (*số 3662/QĐ-ĐHV, ngày 29/12/2023*) [H5.05.01.05]; Bộ chuẩn Đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo phiên bản 1.0 (số 2596/QĐ-ĐHV ngày 01/10/2023) [H5.05.01.06].

Các văn bản này được Nhà trường công bố công khai, rộng rãi trên website và các kênh truyền thông của Nhà trường. Việc đánh giá sinh viên được Nhà trường thực hiện trong suốt quá trình đào tạo, đánh giá qua quá trình học tập các học phần (do GV chịu trách nhiệm) cho đến đánh giá đầu ra của một khóa học (do Phòng Đào tạo và các đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm) và thực hiện đúng các Quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT. Nhà trường xây dựng các kế hoạch về việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên kèm các biểu mẫu hướng dẫn rõ ràng.

***(1) Kiểm tra, đánh giá trong khóa học***

CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đánh giá người học dựa trên các văn bản quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết qủa học tập và quy định ra đề thi của Trường.

Trong quá trình đào tạo, các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế phù hợp để đo lường nhằm đánh giá mức độ đạt được CĐR từng HP, từ đó đạt CĐR của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh.

Trong chu kỳ đánh giá CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh có các phiên bản 2017 [H5.05.01.07], phiên bản 2019 [H5.05.01.08] và phiên bản 2021 [H5.05.01.09].

Việc kiểm tra đánh giá của HP trong CTĐT được thực hiện liên tục trong suốt khóa học, đánh giá kết quả học tập của người học theo quy định tại:

CTĐT từ năm 2017 đến 2020 trở, áp dụng từ khóa đào tạo 58 (tuyển sinh năm 2017) đến khóa tuyển sinh 61 (tuyển sinh năm 2020) (*Điều 15, điều 17 của Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017*) [H5.05.01.02];

Đối với khóa tuyển sinh 62 (tuyển sinh năm 2021), đánh giá kết quả học tập của người học được bổ sung thêm theo quy định tại (*Điều 9 của Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021*) [H5.05.01.04].

Các quy định về đánh giá người học trong các học phần bao gồm *đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ (đánh giá kết thúc học phần)*, Trong đó, trọng số điểm quá trình là 50%, điểm cuối kỳ là 50%. Những học phần có phương pháp đánh giá riêng phải được BGH phê duyệt. Đầu mỗi học kỳ, các thông tin về việc đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ đều được GV thông báo trực tiếp và được Khoa Giáo dục Quốc phòng, Trường công bố trên Website của Phòng Đào tạo, và được gửi trực tiếp đến từng sinh viên qua elearning của sinh viên.

*- Điểm đánh giá quá trình(đánh giá giữa kỳ)*: Điểm đánh giá quá trình có trọng số 50% với các tiêu chí rõ ràng, bao gồm: Đánh giá quá trình bao gồm đánh giá bài tập (Điểm BT), đánh giá chuyên cần (Điểm CC) và đánh giá thảo luận (Điểm TL). Cụ thể: (*Điểm đánh giá ý thức học tập của SV, chiếm trọng số 10%, Điểm đánh giá hồ sơ học phần, chiếm trọng số 20%, Điểm đánh giá giữa kỳ, chiếm trọng số 20%*).

*- Thi cuối kỳ* (*còn gọi là thi kết thúc học phần):* đượcquy định tại (*Điều 15 của Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017*) [H5.05.02.02] đối với các khóa từ năm 2017 đến năm 2020 và bổ sung thêm quy định tại (*Điều 9 của Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021*) đối với khóa tuyển sinh năm 2021 [H5.05.02.04].

*CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh năm 2017 và 2019* đánh giá người học theo quy định tại: (*Điều 15, điều 17 của Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017*) [H5.05.01.02].

*CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh năm* *2021* đánh giá người học theo quy định tại: (*Điều 9 của Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021*) đối với khóa tuyển sinh năm 2021 [H5.05.02.04].

Trong đó, (*mục 1 điều 9*) quy định kết quả học tập của sinh viên được đánh giá dựa trên CĐR, phù hợp với CTĐT tiếp cận CDIO, tương thích với hình thức tổ chức dạy học kết hợp. (*mục 2 điều 9* ) là quy trình đánh giá kết quả học tập dựa trên CĐR gồm có 4 bước:

*a)* ***Bước 1****:* Chi tiết hóa việc phân nhiệm các CĐR CTĐT.

*b)* ***Bước 2****:* Nhất quán các phương pháp đánh giá với CĐR.

*c)* ***Bước 3****:* Thu thập, phân tích chứng cứ về việc học tập của sinh viên.

*d)* ***Bước 4****:* Sử dụng kết quả đánh giá để cải tiến việc giảng dạy và hoc tập.

Trong đó, **bước 1** hướng dẫn cụ thể việc chi tiết hóa phân nhiệm các CĐR CTĐT:

*+ Căn cứ vào mục tiêu và CĐR CTĐT, Hiệu trưởng phê duyệt ma trận phân nhiệm CĐR CTĐT cho các học phần và trọng số đóng góp các CĐR CTĐT được phân nhiệm cho mỗi học phần.*

*+ Giảng viên xây dựng các CĐR học phần phù hợp với chủ đề và mức độ năng lực các CĐR CTĐT phân nhiệm cho học phần; xác định trọng số đóng góp các CĐR học phần cho các CĐR CTĐT được phân nhiệm. Điểm số CĐR CTĐT phân nhiệm cho các học phần được tính theo công thức quy định.*

Trên cơ sở đó, Khoa Giáo dục Quốc phòng đã xây dựng CĐR CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh [H5.05.01.10]; Bảng phân nhiệm PLO cho học phần[H5.05.01.11]*;* Bản mô tả CTĐT [H5.05.01.12] và đề cương chi tiết học phần [H5.05.01.13], trong đề cương chi tiết học phần quy định rõ và cụ thể các phương pháp đánh giá được kết quả học tập NH phù hợp đo lường được mức độ đạt CĐR. Các giảng viên đã thiết kế các hoạt động dạy dựa trên các CLO của từng học phần đóng góp cho PLO của CTĐT. Từ đó, đánh giá được kết quả học tập của sinh viên dựa trên CĐR.

ĐCCT các HP mô tả rõ ràng các phương pháp, công cụ, bảng tiêu chí đánh giá (rubrics)/thang điểm/mẫu phiếu đánh giá học phần, đồ án, được thiết kế nhằm đo lường mức độ đạt được CĐR, được Giáo dục Quốc phòng-An ninh và Bộ môn ký duyệt. Mỗi HP đều xác định rõ CĐR của HP, mỗi CĐR HP đều đóng góp cho CĐR CTĐT. Tùy theo tính chất của CĐR nhằm đo lường kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm, nhóm GV phụ trách HP cân nhắc, lựa chọn (1) Các phương pháp, công cụ đánh giá phù hợp và (2) Đánh giá cá nhân hay theo nhóm. CĐR kiến thức HV được đo lường qua nhiều hình thức đa dạng như phát biểu ý kiến cá nhân về vấn đề học tập và thực tế, làm bài kiểm tra tại lớp (trắc nghiệm hay tự luận), bài tập, bài thi (trắc nghiệm hay tự luận); CĐR kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm được đánh giá thông qua bài thuyết trình, tiểu luận, vấn đáp, bài thi. Tuy nhiên, CĐR về mức độ tự chủ và trách nhiệm chỉ có thể thực hiện đánh giá kèm với đánh giá kiến thức trong quá trình học tập và thái độ hợp tác làm việc nhóm chứ chưa thể đánh giá riêng biệt và toàn diện [H5.05.01.13].

 Năm 2023, Nhà trường ban hành Bộ chuẩn ĐBCL CTĐT (*hướng dẫn trong tiêu chí 4.5 (trang 73-81); Hướng dẫn xây dựng CĐR CTĐT (trang 178-179); hướng dẫn xây dựng bảng phân nhiệm PLO cho CLO học phần (trang 182-186); hướng dẫn xây dựng đề cương học phần (trang 192-199); hướng dẫn phiếu đánh giá các CĐR kỹ năng, thái độ trong bài đánh giá (trang 200 -204);…; (ở phần 3 phụ lục và biểu mẫu của Bộ chuẩn ĐBCL)*) [H5.05.01.06] và các hướng dẫn kèm theo mẫu ĐCCT được hướng dẫn một cách cụ giúp giảng viên thiết kế các hoạt động dạy và học phù hợp và đánh giá người học với các bài đánh giá đạt CĐR.

Trong Quyết định số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023 về Ban hành Quy định đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Vinh. Cũng đã quy định các hình thức đánh giá kết quả học tập của người học trong các học phần phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT năm 2023 (*quy định từ điều 4 đến điều 7*) [H5.05.01.05].

Trên cơ sở đó, Hiện nay, Khoa Giáo dục Quốc phòng đang rà soát lại CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh để đáp ứng đầy đủ hơn đánh giá kết quả học tập của người học đạt CĐR.

Thời gian và cách thức thực hiện đánh giá HP được Khoa Giáo dục Quốc phòng xác định và lên kế hoạch cụ thể: (1) Trường ban hành kế hoạch tổ chức đào tạo hàng năm, lịch thi, các văn bản hướng dẫn tổ chức thi và Khoa sẽ căn cứ vào đó để triển khai [H5.05.01.14]; (2) GV công bố cho sinh viên các cách thức đánh giá trong ĐCCT [H5.05.01.13]. Qui định về kiểm tra đánh giá được công bố trong bản mô tả CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh [H5.05.01.12].

Để đảm bảo việc thiết kế các phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập đo lường được mức độ đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR, Khoa Giáo dục Quốc phòng (1) Áp dụng các tài liệu hướng dẫn thiết kế các phương pháp kiểm tra đánh giá của Nhà trường [H5.05.01.06], (2) Tuân thủ quy định/quy chế đào tạo (các quy định về hình thức thi, thời lượng thi, duyệt đề thi) [H5.05.01.02] [H5.05.01.03] [H5.05.01.04] [H5.05.01.05] và các hướng dẫn được thể hiện trong ĐCCT trong mẫu do Trường ban hành. Ngoài ra, Khoa tổ chức các buổi họp, seminar thảo luận về phương pháp đánh giá kết quả sinh viên để bảo đảm các phương pháp, công cụ sử dụng trong kiểm tra, đánh giá HP đo lường được mức độ đạt CĐR của HP cũng như CĐR của học phần, cập nhật vào ĐCCT [H5.05.01.16].

***Đánh giá tốt nghiệp***

Thực tập và đồ án tốt nghiệp của người học được quy định tại (*Điều 19, Chương III, Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017*) [H5.05.01.02]; và quy định tại (*Điều 11, Chương III, Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021*) [H5.05.01.04]. Hoạt động thực tập và đồ án tốt nghiệp được thiết kế thành học phần thực tập và đồ án tốt nghiệp, có tối thiểu 8 tín chỉ, tối đa 12 tín chỉ là một học phần bắt buộc đối với tất cả các CTĐT.

Đánh giá học phần thực tập cuối khóa và đồ án tốt nghiệp được quy định tại (*điểm a, điểm b, mục 7,* *Điều 11, Chương III, Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021).* Tính điểm học phần thực tập và đồ án tốt nghiệp được quy định tại (*điểm c, mục 7,* *Điều 11, Chương III, Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021).* Điểm học phần thực tập và đồ án tốt nghiệplà điểm trung bình chung của phần thực tập tốt nghiệp và phần đồ án tốt nghiệp với trọng số tương ứng theo số tín chỉ của phần thực tập tốt nghiệp và của phần đồ án tốt nghiệp. Trong đó điểm của phần thực tập tốt nghiệp và phần đồ án tốt nghiệp đều phải đạt 5.0 trở lên (theo thang điểm 10).

Đánh giá đồ án tốt nghiệp được dựa trên một bảng các tiêu chí chấm để xác định mức độ đạt được các yêu cầu của đồ án gồm: (*1*) Nội dung kiến thức của đồ án; (*2*) Hình thức trình bày đồ án; và (*3*) Thuyết trình và trả lời câu hỏi; và (*4*) Điểm thành tích nghiên cứu khoa học. Ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đã thiết kế các tiêu chí đánh giá đồ án tốt nghiệp của người học để phù hợp với mức độ đạt được CĐR của học phần đồ án tốt nghiệp. Phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học chủ yếu ở một số học phần tự chọn chuyên ngành làm, thực tập và đồ án tốt nghiệp.

Năm 2024, Nhà trường cũng đã ban hành văn bản hướng dẫn đánh giá theo CĐR đối với học phần thực tập cuối khóa của các ngành đào tạo đại học chính quy năm học 2023-2024 theo công văn (*số 02/HD-ĐHV ngày 05/02/2024*). Khoa Giáo dục Quốc phòng đang triển khai đánh giá theo hướng dẫn của Nhà trường đối với khóa đào tạo đang thực tập.

Đề thi kiểm tra phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu, CĐR học phần. Việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi, công tác khảo thí đều được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ theo đúng quy trình của Trung tâm ĐBCL [H5.05.01.17]. Năm 2023, việc xây dựng đề thi, câu hỏi thi, tổ hợp đề thi được quy định tại (*điều 9-15*, *chương III, Quyết định số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023*) [H5.05.01.05].

Ngân hàng câu hỏi thi, đề thi của ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được xây dựng một cách khoa học, bao quát kiến thức, phù hợp với mục tiêu và nội dung học phần, đề thi xây dựng phù hợp với CĐR học phần, trên cơ sở thiết kế bản đặc tả ma trận câu hỏi thi, thiết kế hệ thống câu hỏi bám sát CĐR của học phần, rubric đánh giá theo tiêu chí, cho phép đánh giá được mức độ đạt CĐR của các nội dung và học phần. Khi thiết kế ra đề thi các học phần, giảng viên dựa trên cơ sở các cấp độ của thang cấp độ tư duy Bloom, Ngân hàng đề thi, tiểu luận, đồ án kết thúc học phần của ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đều được Bộ môn và Khoa nghiệm thu phê duyệt trên cơ sở xem xét khả năng đánh giá của đề thi theo 5 mức độ: (*Biết, hiểu, vận dụng, phân tích/tổng hợp và sáng tạo; khả năng đáp ứng mục tiêu và nội dung của từng học phần*); sự phù hợp về nội dung, kĩ năng, phương pháp và tính khả thi, tính mới, độ khó của đề thi [H5.05.01.18]. Khoa Giáo dục Quốc phòng đã thực hiện việc xây dựng tiêu chí đánh giá cho các học phần, nội dung Thực hành thí nghiệm, bám sát CĐR của học phần đảm bảo độ tin cậy trong việc đánh giá về kỹ năng, thái độ. Yêu cầu và tiêu chuẩn quan trọng để thẩm định chất lượng của các đề thi là nội dung kiểm tra đánh giá học phần đảm bảo tính chính xác, khoa học, phù hợp với nội dung môn học được quy định trong CTĐT, độ bao quát kiến thức tương ứng mức độ đạt được CĐR là những yêu cầu và tiêu chuẩn quan trọng để thẩm định chất lượng của các đề thi. Khoa đã thực hiện việc xây dựng tiêu chí cho các bài đánh giá học phần đảm bảo độ tin cậy trong việc đánh giá cả về kiến thức, kỹ năng, thái độ [H5.05.01.19].

*2. Điểm mạnh*

- Có các quy trình/kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của người học (tuyển sinh đầu vào, quá trình, đầu ra) để đạt được CĐR và được công bố công khai, rộng rãi đến các bên liên quan.

- Có các quy trình/tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp/công cụ kiểm tra/đánh giá phù hợp với mục đích/mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CĐR, như là mẫu ĐCCT, mẫu bản mô tả CTĐT, mẫu đánh giá CĐR.

- Việc thực hiện đánh giá CĐR cho các học phần, cho đồ án tốt nghiệp được thực hiện rất tốt, đúng qui định.

*3*. *Điểm tồn tại*

Ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh chưa phối hợp chặt chẽ với phòng Đào tạo, Trung tâm Đảm bảo chất lượng về mức độ phù hợp của từng hình thức thi đối với mỗi học phần và chưa có sự đối sánh kết quả thi với các chuyên ngành khác.

*4.Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Rà soát các phương pháp đánh giá của các học phần, tiến tới đánh giá CĐR CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh | Trung tâm ĐBCL;  Khoa GD QP&AN | Năm 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | - Công khai các qui trình về đánh giá kết quả người học qua nhiều kênh;  - Phát huy điểm mạnh đang có | Phòng Đào tạo | Năm 2024 |  |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

### Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học.

*1. Mô tả hiện trạng*

Thực hiện theo các quy chế quy định của Bộ GD&ĐT [H5.05.02.01], Nhà trường ban hành các tài liệu, các hướng dẫn, được xác định rõ ràng về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan đến đánh giá và kết quả học tập của sinh viên (đánh giá đầu vào, kiểm tra giữa kỳ, đánh giá quá trình, thi kết thúc học phần, đồ án tốt nghiệp; các hình thức/phương pháp thi/kiểm tra, đánh giá), được Nhà trường, Khoa Giáo dục Quốc phòng công bố công khai tới sinh viên trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần [H5.05.02.02] [H5.05.02.03] [H5.05.02.04] [H5.05.02.05] [H5.05.02.06] [H5.05.02.07]. Trong chu kỳ đánh giá (từ 2019-2023). CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh có các phiên bản 2017, 2019 và 2021.

***(1) Đánh giá tuyển sinh đầu vào:***

Nhà trường đưa ra các phương pháp, tiêu chí để lựa chọn đầu vào phù hợp trong đề án tuyển sinh hàng năm [H5.05.02.07] và được công bố công khai trên Website của Phòng Đào tạo trang tuyển sinh và trên các phương tiện truyền thông khác. Từ năm 2023, Nhà trường thực hiện thi tuyển sinh theo quy định (*từ điều 4 đến điều 11,* Quy chế tuyển sinh đại học của Trường Đại học Vinh*,* Số 1009/QĐ-ĐHV ngày 25/4/2023) [H5.05.02.05]. Nhằm đảm bảo 100% thí sinh dự thi nắm rõ các quy chế quy định về thi tuyển sinh, Nhà trường công bố trên các phương tiện truyền thông về quy chế tuyển sinh, về việc bổ sung các hồ sơ cá nhân, các quy định về phúc khảo, thời gian thi cụ thể cho từng phương án đều có lịch rõ ràng [H5.05.02.05] [H5.05.02.07].

***(2) Đánh giá quá trình/ Đánh giá học phần:***

CTĐT từ năm 2017 đến 2020 trở, áp dụng từ khóa đào tạo 58 (tuyển sinh năm 2017) đến khóa tuyển sinh 61 (tuyển sinh năm 2020), đánh giá kết quả học tập của người học theo quy định tại (*Điều 15, điều 17 của Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017*) về Quy định tạm thời về đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ [H5.05.02.02]. Đối với khóa tuyển sinh 62 (tuyển sinh năm 2021), đánh giá kết quả học tập của người học được bổ sung thêm theo quy định tại (*Điều 9 của Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021*) về Quy định đào tạo trình độ đại học [H5.05.02.04].

Các quy định về đánh giá người học trong các học phần bao gồm *đánh giá quá trình và đánh giá cuối kỳ (đánh giá kết thúc học phần)*, Trong đó, trọng số điểm quá trình là 50%, điểm cuối kỳ là 50%. Những học phần có phương pháp đánh giá riêng phải được BGH phê duyệt. Đầu mỗi học kỳ, các thông tin về việc đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ đều được GV thông báo trực tiếp và được Khoa Giáo dục Quốc phòng, Trường công bố trên Website của Phòng Đào tạo, và được gửi trực tiếp đến từng sinh viên viên qua elearning của sinh viên.

*- Điểm đánh giá quá trình(đánh giá giữa kỳ)*: Điểm đánh giá quá trình có trọng số 50% với các tiêu chí rõ ràng, bao gồm: Đánh giá quá trình bao gồm đánh giá bài tập (Điểm BT), đánh giá chuyên cần (Điểm CC) và đánh giá thảo luận (Điểm TL). Cụ thể: (*Điểm đánh giá ý thức học tập của SV, chiếm trọng số 10%, Điểm đánh giá hồ sơ học phần, chiếm trọng số 20%, Điểm đánh giá giữa kỳ, chiếm trọng số 20%*).

- Đánh giá ý thức học tập của sinh viên, bao gồm: điểm chuyên cần và thái độ học tập (*có mặt ở lớp, ý thức nghe giảng, tinh thần xây dựng bài, bài tập ở nhà,…*).

- Đánh giá hồ sơ học phần gồm: bài tập cá nhân, bài báo cáo bài tập nhóm, bài thu hoạch, báo cáo kết quả thảo luận, báo cáo thực hiện công việc, phiếu thự đánh giá, minh chứng sản phẩm học tập….. Tùy theo đặc thù học phần mà giảng viên quy định sản phẩm cụ thể. Tiêu chí đánh giá hồ sơ học phần được giảng viên công khai cho sinh viên vào tiết đầu tiên của học phần.

- Đánh giá giữa kỳ:

+ Đối với học phần có số tín chỉ lý thuyết : Tổ chức 1 lần kiểm tra giữa kỳ

+ Đối với học phần có số tín chỉ lý thuyết : Tổ chức 2 lần kiểm tra giữa kỳ

Điểm đánh giá giữa kỳ là trung bình cộng của 2 lần kiểm tra. Sinh viên phải có đủ các bài kiểm tra giữa kỳ để xét điều kiện dự thi kết thúc học phần.

Đánh giá thường xuyên nhằm thu thập minh chứng về kết quả học tập của sinh viên trong quá trình học tập; bao gồm điểm đánh giá hàng tuần qua LMS và điểm đánh giá trực tiếp/trực tuyến trong quá trình học tập. Đề cương học phần quy định rõ hình thức đánh giá, các bài đánh giá và trọng số đóng góp của mỗi bài đánh giá cho phần đánh giá thường xuyên [H5.05.02.08].

*- Thi cuối kỳ* (*còn gọi là thi kết thúc học phần):* đượcquy định tại (*Điều 15 của Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017*) [H5.05.02.02] đối với các khóa từ năm 2017 đến năm 2020 và bổ sung thêm quy định tại (*Điều 9 của Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021*) đối với khóa tuyển sinh năm 2021 [H5.05.02.04].

Trong quá trình học, Giảng viên cung cấp các thông tin thi tự luận hoặclàm tiểu luậncho sinh viên (nội dung, thể thức, trọng số,…). Đối với điểm thi kết thúc học phần bắt buộc có trọng số là 50%. Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của điểm đánh giá quá trình, điểm thi kết thúc học phần do Khoa Giáo dục Quốc phòng đề xuất, được Hiệu trưởng phê duyệt trong ĐCCT học phần [H5.05.02.08].

Đánh giá cuối kỳ nhằm thu thập minh chứng để xác định kết quả học tập khi kết thúc học phần. Đề cương học phần quy định rõ hình thức đánh giá, các bài đánh giá và trọng số đóng góp của mỗi bài đánh giá cho phần đánh giá cuối kỳ [H5.05.02.08].

Đánh giá cuối kỳ đánh giá phụ thuộc vào loại học phần, học phần chỉ có lý thuyết và học phần chỉ có thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án. Học phần chỉ có lý thuyết điểm đánh giá cuối kỳ là điểm của bài thu kết thúc học kỳ theo kế hoạch chung của Nhà trường, được tổ chức sau khi kết thúc dạy học học phần, các hình thức như: tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, bài tập lớn….Học phần chỉ có thực hành thí nghiệm hoặc đồ án, điểm đánh giá cuối kỳ học phần thực hành, thí nghiệm là trung bình cộng các bài thực hành, thí nghiệm. Đối với học phần Đồ án, điểm đánh giá cuối kỳ là điểm đánh giá của Hội đồng Khoa Giáo dục Quốc phòng. Đối với học phần có cả lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc có cả lý thuyết và đồ án có thể chọn một trong ba phương án:

(1) Điểm đánh giá cuối kỳ của học phần là điểm đánh giá độc lập của các học phần lý thuyết và thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án.

(2) Điểm đánh giá cuối kỳ là điểm đánh giá phần thực hành, thí nghiệm hoặc đồ án; điểm đánh giá phần lý thuyêt được tính vào điểm đánh giá thường xuyên.

(3) Điểm đánh giá cuối kỳ là điểm đánh giá phần lý thuyết, điểm đánh giá phần thực hành, thí nghiệm/đồ án được tính vào điểm đánh giá thường xuyên.

Công thức tính điểm học phần được quy định tại (*điểm d mục 3, điểm đánh giá học phần,* *Điều 15, điều 17 của Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017*) [H5.05.02.02].

Các điểm thành phần tính theo thang điểm 10. Dựa vào kết quả tổng hợp cuối cùng, tỷ trọng của từng thành phần điểm được quy định trong đề cương học phần, phần mềm sẽ quy đổi sang thang điểm 4 và điểm chữ theo điểm tổng kết học phần và theo điểm tổng kết của mỗi CĐR CTĐT.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điểm chữ** | **Điểm 10 tương ứng** | **Quy ra thang điểm 4** | **Ghi chú** |
| A | 8,5-10 | 4 | Đạt |
| B+ | 8,0-8,4 | 3,5 | Đạt |
| B | 7,0-7,9 | 3 | Đạt |
| C+ | 6,5-6,9 | 2,5 | Đạt |
| C | 5,5-6,4 | 2 | Đạt |
| D+ | 5,0-5,4 | 1,5 | Đạt |
| D | 4,0-4,9 | 1 | Đạt |
| F | <4,0 | 0 | Không đạt |

Thang điểm không phân mức, áp dụng cho các học phần cấp chứng chỉ gồm (chứng chỉ GDQP, GDTC, CNTT, Ngoại ngữ, kỹ năng mềm,...) chỉ yêu cầu đạt, không tính vào điểm trung bình học tập, ký hiệu là P (từ 5,0 điểm trở lên) [H5.05.02.02] [H5.05.02.04].

Hiện nay, CTĐT năm 2023-2024 đánh giá người học theo Quyết định (*số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023*) về Ban hành Quy định đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Vinh [H5.05.02.06]. Điểm cải tiến quan trọng nhất về đánh giá kết quả học tập của người học trong Quyết định số 3662/QĐ-ĐHV so với các quy định trước đây là quy định đánh giá mức độ người học đạt được CĐR của học phần để từ đó tổng hợp mức độ người học đạt được CĐR cấp CTĐT dựa trên ma trận phân nhiệm trọng số của CĐR. Chi tiết về đo lường, đánh giá mức độ đạt được CĐR của người học được quy định tại (*Chương II của Quyết định số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023*) về Ban hành Quy định đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường Đại học Vinh [H5.05.02.06]. Điểm khác biệt của năm 2023 so với các năm trước là không có quy định về trọng số các bài đánh giá trong điểm quá trình mà tùy thuộc vào số tín chỉ và mức độ đóng góp các bài đánh giá. Giảng viên xác định trọng số đóng góp các bài đánh giá trong điểm quá trình và được quy định trong đề cương học phần [H5.05.02.08].

***(3) Đánh giá thực tập và đồ án tốt nghiệp:***

Thực tập và đồ án tốt nghiệp được quy định tài (*điều 19* *của Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017*) [H5.05.02.02] và (*điều 11 của* *Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021*) [H5.05.02.04]. Trong đó quy định rõ:

Hoạt động thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp được thiết kế thành học phần thực tập và đồ án tốt nghiệp, có tối thiểu 8 tín chỉ và tối đa 12 tín chỉ, là một học phần bắt buộc đối với tất cả các CTĐT của Nhà trường.

Việc đánh giá học phần thực tập và tốt nghiệp được quy định tại *(điểm a,b, mục 7,* *điều 11 của* *Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021*).

Tính điểm học phần thực tập và đồ án tốt nghiệp được quy định tại *(điểm c, mục 7,* *điều 11 của* *Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021*) [H5.05.02.04], cụ thể như sau:

Điểm học phần thực tập nghiệp và đồ án tốt nghiệp là điểm trung bình chung của phần thực tập tốt nghiệp và đồ án tốt nghiệp với trọng số tương ứng theo số tín chỉ của phần thực tập nghiệp và số tín chỉ của phần đồ án tốt nghiệp. Trong đó, điểm của phần thực tập tốt nghiệp và phần đồ án tốt nghiệp đều phải đạt từ 5,0 điểm trở lên (theo thang điểm 10) [H5.05.02.04].

***Đánh giá toàn khóa học:***Việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp được quy định tại (*điều 20, điều 21* *của Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017*) [H5.05.02.02] và quy định tại (*điều 14 của* *Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021*) [H5.05.02.04].

Để được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp, Sinh viên phải được thực tập tốt nghiệp và có đồ án tốt nghiệp đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch Hội đồng về việc đồ án tốt nghiệp đã được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của Hội đồng đánh giá đồ án và nhận xét của các phản biện cho Trường để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại Thư viện và lưu trữ theo quy định.

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học được thông báo công khai tới giảng viên trên hệ thống quản lý văn bản của Trường (ioffice) [H5.05.02.09]. Đối với người học, các quy định về kiểm tra - thi được quy định rõ ràng và công bố công khai cho người học thông qua Chương trình gặp mặt, học chính trị đầu khóa cho tân SV của Nhà trường và ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh trên Website của nhà trường ([*http://vinhuni.edu.vn*](http://student.vinhuni.edu.vn)), trên website của Phòng Đào tạo, website của Khoa Giáo dục Quốc phòng, và Trang LMS cá nhân của sinh viên ([*http://my.vinhuni.edu.vn*](http://my.vinhuni.edu.vn)). SV được cung cấp *Cẩm nang sinh viên* từ đầu khóa học và cũng như chuyển tới người học qua nhóm zalo của các khóa học, Fanpage,…. [H5.05.02.10], Trong các buổi sinh hoạt sinh viên đầu khóa do Phòng Đào tạo tổ chức, vào buổi học đầu tiên của học phần, GV công bố công khai các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học cho sinh viên, tất cả sinh viên ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đều nắm rõ quy định về các nội dung này [H5.05.02.11].

Bằng các cơ chế công khai nói trên, đảm bảo tất cả sinh viên của Khoa Giáo dục Quốc phòng đều được phổ biến các quy định về kiểm tra/đánh giá và kết quả học tập kịp thời, giúp sinh viên ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh có thời gian làm đơn phúc khảo (nếu có) [H5.05.02.12], chủ động đăng ký học phần cho học kỳ tiếp theo và có kế hoạch tốt nghiệp đúng thời hạn.

*2. Điểm mạnh*

Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được Nhà trường ban hành bằng hệ thống các văn bản rõ ràng, quy trình áp dụng chặt chẽ, đảm bảo thực hiện theo đúng quy chế đào tạo và được thông báo công khai tới tất cả sinh viên với nhiều hình thức đa dạng.

*3. Điểm tồn tại*

Một số ít GV chưa thực hiện đúng yêu cầu về thời gian chấm thi các học phần có điểm quá trình theo đúng qui trình đã ban hành.

*4.Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm điểm tồn tại | Từ năm 2024, Phòng Đào tạo kiểm soát chặt chẽ qui trình chấm thi và nộp điểm, định kì báo cáo hàng tháng những trường hợp chậm trễ để lãnh đạo Trường có biện pháp xử lý kiên quyết. | Trung tâm ĐBCL | Năm 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Rà soát các qui trình về đánh giá kết quả người học và công khai qua nhiều kênh. | Phòng Đào tạo | Năm 2024 |  |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

### Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng.

*1. Mô tả hiện trạng*

Căn cứ trên các quy chế, quy định về thi, kiểm tra của Bộ GD&ĐT [H5.05.03.01]. Trường Đại học Vinh đã ban hành các quy trình/quy định rõ ràng và các hướng dẫn về việc đánh giá kết quả học tập của người học để đạt được CĐR như:

Quy định tạm thời về đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (*số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017*) [H5.05.03.02]; Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (*số 1262/QĐ-ĐHV, ngày 13/11/2017*) [H5.05.03.03]; Quy định đào tạo trình độ đại học (*số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021*) [H5.05.03.04]; Quy định về đánh gía và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và đào tạo trình độ thạc sĩ (*số 3662/QĐ-ĐHV, ngày 29/12/2023*) [H5.05.03.05]; Bộ chuẩn Đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo phiên bản 1.0 (số 2596/QĐ-ĐHV ngày 01/10/2023) [H5.05.03.06].

Các văn bản này được Nhà trường công bố công khai, rộng rãi trên website và các kênh truyền thông của Nhà trường. Việc đánh giá sinh viên được Nhà trường thực hiện trong suốt quá trình đào tạo, đánh giá qua quá trình học tập các học phần (do GV chịu trách nhiệm) cho đến đánh giá đầu ra của một khóa học (do Phòng Đào tạo và các đơn vị đào tạo chịu trách nhiệm) và thực hiện đúng các Quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT. Nhà trường xây dựng các kế hoạch về việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên kèm các biểu mẫu hướng dẫn rõ ràng.

Tùy theo mục đích, yêu cầu của từng học phần, đối tượng sinh viên, Nhà trường/Khoa Giáo dục Quốc phòng, GV sử dụng các phương pháp khác nhau để kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của sinh viên, tuân thủ nguyên tắc đảm bảo tính khách quan, chính xác. Các phương pháp đánh giá được thực hiện theo từng học phần, tùy thuộc nội hàm của học phần là lý thuyết thuần túy hay có ứng dụng thực tế. Hình thức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên có độ đa dạng, bao gồm: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, viết tiểu luận, đề án, báo cáo thực hành, thực tập hoặc kết hợp các hình thức nêu trên tùy theo đặc điểm của từng học phần nhằm đảm bảo độ chính xác, khách quan và công bằng.

***(1) Kiểm tra, đánh giá trong khóa học***

CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đánh giá người học dựa trên các văn bản quy định về công tác tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết qủa học tập và quy định ra đề thi của Trường.

Trong quá trình đào tạo, các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được thiết kế phù hợp để đo lường nhằm đánh giá mức độ đạt được CĐR từng HP, từ đó đạt CĐR của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh.

Trong chu kỳ đánh giá CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh có các phiên bản 2017 [H5.05.03.07], phiên bản 2019 [H5.05.03.08] và phiên bản 2021 [H5.05.03.09].

Việc kiểm tra đánh giá của HP trong CTĐT được thực hiện liên tục trong suốt khóa học, đánh giá kết quả học tập của người học theo quy định tại:

CTĐT từ năm 2017 đến 2020 trở, áp dụng từ khóa đào tạo 58 (tuyển sinh năm 2017) đến khóa tuyển sinh 61 (tuyển sinh năm 2020) (*Điều 15, điều 17 của Quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017*) [H5.05.03.02];

Đối với khóa tuyển sinh 62 (tuyển sinh năm 2021), đánh giá kết quả học tập của người học được bổ sung thêm theo quy định tại (*Điều 9 của Quyết định số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021*) [H5.05.03.04].

Hiện nay*,* ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đánh giá người học được quy định theo theo Quyết định số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023 [H5.05.03.05]. Trong đó, phương pháp và công cụ đánh giá đước quy định tại *mục 3 điều 3* của quyết đinh này. Cụ thể:

a) Bài đánh giá được thiết kế để đánh giá một hoặc một số CLO; mỗi CLO có thể được đánh giá bởi nhiều bài đánh giá;

b) Phương pháp và công cụ đánh giá được lựa chọn xây dựng cho phù hợp từng chủ để chuẩn đầu ra (kiến thức, kỹ năng, thái độ), phù hợp với hình thức tổ chức dạy học (học phần lý thuyết, thực hành, học phần kết hợp cả lý thuyết lẫn thực hành, đồ án, dự án,...)

c) Các phương pháp và công cụ đánh giá cần được chỉ rõ trong đề cương   
học phần;

d) Phương pháp đánh giá trực tiếp gồm: trắc nghiệm, vấn đáp, tự luận, quan sát, hồ sơ học tập, sản phẩm học tập,...; Phương pháp đánh giá gián tiếp thông qua việc khảo sát ý kiến các bên liên quan (giảng viên, người học, cựu người học, nhà tuyển dụng,,,) về mức độ đạt được chuẩn đầu ra của người học;

e) Công cụ đánh giá: Câu hỏi, bài tập kèm đáp án và thang điểm, bảng kiểm (checklist), phiếu đánh giá theo tiêu chí (rubrics).

Ngoài các phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học như trong các CTĐT năm 2017 và năm 2021 trở đi bổ sung thêm phương pháp đánh giá đồ án học phần cho các học phần chuyên ngành và học phần đồ án tốt nghiệp.

*Quy trình về xây dựng đề thi, đánh giá đề thi* cũng được quy định tại *điều 9* trong Quyết định số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023 [H5.05.03.05].

Đề thi kiểm tra phù hợp với nội dung và đảm bảo mục tiêu, CĐR học phần. Việc xây dựng, quản lý và sử dụng ngân hàng đề thi, công tác khảo thí đều được thực hiện nghiêm túc, chặt chẽ theo đúng quy trình của Trung tâm ĐBCL. Để thực hiện việc đánh giá học phần, Nhà trường ban hành các văn bản về việc xây dựng ngân hàng đề thi, trong đó có bản đặc tả ngân hàng đề thi đảm bảo độ bao phủ chương trình và mức độ các loại câu hỏi đảm bảo đánh giá đúng năng lực SV và ma trận đề thi, thi giữa kỳ đối với các học phần đại cương được thực hiện theo hình thức trắc nghiệm khách quan [H5.05.03.10].

Tùy theo đặc trưng của từng học phần, GV lựa chọn phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp nhằm đạt CĐR học phần và CĐR CTĐT và đảm bảo tính công bằng, khách quan. Các phương pháp kiểm tra đánh giá được GV Khoa Giáo dục Quốc phòng sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR cần đo (độ giá trị); đảm bảo độ tin cậy từ khâu đề thi (*chất lượng đề, làm đề*), tổ chức thi, chấm thi và công bố kết quả và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng.

Các hình thức, phương pháp đánh giá kết quả học tập bao gồm: điểm đánh giá giữa kì, điểm thi kết thúc học phần, điểm tổng kết học phần… đã được quy định tại các quy định đã ban hành [H5.05.03.02] [H5.05.03.03] [H5.05.03.04] [H5.05.03.05]; và ĐCCT của học phần” của ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh [H5.05.03.07][H5.05.03.08] [H5.05.03.09]; và được giảng viên công bố công khai.

*Các phương pháp kiểm tra đánh giá được GV Khoa Giáo dục Quốc phòng sử dụng đảm bảo đo lường được các yêu cầu, CĐR cần đo (độ giá trị)*; đảm bảo độ tin cậy từ khâu đề thi (*chất lượng đề, làm đề*), tổ chức thi, chấm thi và công bố kết quả và có các tiêu chí đánh giá rõ ràng nhằm đảm bảo tính công bằng. Tính đa dạng, giá trị, tin cậy và công bằng trước hết được thể hiện trong việc lựa chọn các hình thức kiểm tra đánh giá và thiết kế các câu hỏi thi. Các HP trong CTĐT của ngành cũng áp dụng nhiều các hình thức kiểm tra đánh giá [H5.05.03.07][H5.05.03.08] [H5.05.03.09]. Các tiêu chí kiểm tra/đánh giá KQHT của NH phân định rõ ràng mức độ đạt/không đạt nhằm đảm bảo độ tin cậy và độ giá trị.

***Độ giá trị****:* Để đảm bảo độ giá trị, Trường có các quy định cụ thể về việc thiết kế các câu hỏi thi, đề thi [H5.05.03.05] [H5.05.03.10]. GV phải thiết kế đề thi nhằm đảm bảo đo đúng cái cần đo (các yếu tố/tiêu chí đánh giá tương thích với kiến thức/kỹ năng phản ánh trong CĐR tương ứng) và có trọng số cho từng loại bài kiểm tra, đáp ứng CĐR nào của học phần. Yêu cầu các đề thi đồng đều về độ khó, không trùng nhau và tương thích với thang điểm; các nhóm câu hỏi thi bao quát được các kiến thức trong HP, đo lường việc đạt được các CĐR của HP. Tính đồng đều về độ khó giữa các đề thi, tính tương thích với số tín chỉ và thời gian thi kết thúc HP theo quy định. Yêu cầu, quy trình soạn thảo và ban hành đề thi cũng được quy định chặt chẽ, đảm bảo tính bảo mật, khách quan. Để đánh giá độ tin cậy của đề thi Khoa Giáo dục Quốc phòng dựa vào các công cụ và cách thức sau: (i) Các văn bản của Trường liên quan đến xây dựng và phát triển CTĐT; trình/quy định xây dựng đề thi*; điều 9 trong Quyết định số 3662/QĐ-ĐHV ngày 29/12/2023*) [H5.05.03.05]; (ii) Mục tiêu, CĐR HP; (iii) Đề cương chi tiết HP [H5.05.03.08] [H5.05.03.09], Trong đề cương chi tiết đã quy định rõ về các nội dung đánh giá quá trình (hồ sơ học phần) nhằm tăng cường đánh giá tiếp cận năng lực [H5.05.03.11]; (iv) Bản ma trận đề thi; (v) Ma trận câu hỏi thi; (vi) Kết quả thi của NH [H5.05.03.12].Điều này giúp GV, Khoa Giáo dục Quốc phòng lượng hóa được việc dạy học của GV và sinh viên trong CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-Anninhcó đạt được CĐR đã công bố hay không.

***Độ tin cậy****:* Độ tin cậy được đảm bảo thông qua công tác *Tổ chức thi:* Cán bộ coi thi là GV của trường. Đối với hình thức thi vấn đáp, mỗi phòng thi vẫn phải có 02 GV cùng hỏi thi. Công tác chấm thi do Trung tâm ĐBCL tổ chức điều hành, giám sát toàn bộ quy trình chấm thi. Các Khoa/Viện chuyên ngành trực tiếp kiểm tra hoạt động thi và chấm thi học phần; giám sát và kiểm tra quá trình chấm thi, vào điểm. Giảng viên chấm thi theo thang điểm, đáp án, tiêu chí đánh giá đã được bộ môn thông qua. Nhà Trường cũng có quy định trong quản lý kết quả học tập tạo sự thống nhất tại các đơn vị liên quan, đảm bảo sự chính xác, công bằng, minh bạch, tự chịu trách nhiệm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [H5.05.03.13].

***Công bằng****:* Để đảm bảo tính công bằng, đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình, có các tiêu chí đánh giá rõ ràng và được thể hiện trong đáp án/Rubric nhằm đảm bảo tính công bằng. Sinh viên được hướng dẫn đầy đủ về các kiến thức, kỹ năng cần có để đáp ứng các tiêu chí đánh giá trong các buổi ôn tập sau mỗi Chương/Bài hay buổi học cuối trước khi kết thúc học phần. Bài kiểm tra của sinh viên được chấm chi tiết theo đáp án dưới quy trình chấm được chuẩn hóa để đảm bảo độ tin cậy và sự công bằng đối với sinh viên. Mỗi học kỳ, Nhà trường đều lập bộ phận thanh tra công tác coi thi, chấm thi để đảm bảo tính nghiêm túc, công bằng [H5.05.03.14]. Phòng Thanh tra - Pháp chế kết hợp TT Đảm bảo chất lượng, Phòng Đào tạo và các bộ phận liên quan sẽ rà soát và kiểm tra việc cho điểm vào điểm của sinh viên. Kết quả học tập của sinh viên được quản lý chặt chẽ và được thanh kiểm tra theo nhiều hình thức khác nhau. Hằng năm, Nhà trường đều tổ chức tổng kết để đánh giá về hiệu quả sử dụng tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong CTĐT từ đó có kết luận nhằm rút kinh nghiệm trong kiểm tra/đánh giá cho các năm tiếp theo [H5.05.03.15].

Các kết quả sai lệch điểm thi và các khiếu nại của sinh viên (nếu có) đều được điều chỉnh kịp thời trong phần mềm trước khi công bố lên Website và trên elerning sinh viên [H5.05.03.16] [H5.05.03.17] [H5.05.03.18].

Các quy định, quy chế của Trường về đánh giá sinh viên được Khoa Giáo dục Quốc phòng phổ biến rộng rãi, công khai tới các GV và sinh viên.

Hàng năm, Trung tâm ĐBCL tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan (*sinh viên, cựu sinh viên, GV)* về các phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá, độ chính xác và độ tin cậy của kết quả đánh giá. Tất cả các bên liên quan đều hài lòng về tiêu chí này [H5.05.03.19].

*2. Điểm mạnh.*

Các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên đa dạng, thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo.

Các tiêu chí kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên phân định rõ mức độ đạt, mức độ không đạt đảm bảo độ tin cậy. Các công việc được quy trình hóa để đảm bảo tính thống nhất từ khâu ra đề thi (chất lượng đề thi, làm đề thi) đến tổ chức thi, chấm thi, công tác bảo mật và công bố kết quả.

Trong chu kỳ KĐCL, không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của sinh viên về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập.

*3. Điểm tồn tại.*

Khi cập nhật một số môn học mới vào CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh, Khoa Giáo dục Quốc phòng chưa tiến hành phân tích chính xác nên chọn lựa thi kết thúc học phần theo hình thức nào là phù hợp nhất.

*4.Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2024, BCN Khoa Giáo dục Quốc phòng tiến hành họp triển khai để lựa chọn hình thức thi kết thúc học phần cho các môn học mới phù hợp nhất, cập nhật vào CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh để kết quả đánh giá học tập các học phần này hiệu quả hơn. | Trung tâm ĐBCL;  Khoa GD QP-AN | Năm 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | - Rà soát các phương pháp đánh giá của các học phần, tiến tới đánh giá CĐR CTĐT Ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh  - Rà soát quy trình ra đề thi để đảm bảo tính thống nhất từ chất lượng đề thi, làm đề thi đến tổ chức thi, chấm thi, công tác bảo mật và công bố kết quả. | Trung tâm ĐBCL;  Khoa GD QP-AN; Phòng ĐT | Năm 2024 |  |

5. *Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

### Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập.

*1. Mô tả hiện trạng*

Thực hiện theo Quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT [H5.05.04.01], Nhà trường đã ban hành các văn bản liên quan đến các quy định về việc phản hồi kết quả đánh giá của NH (*văn bản quy định về thi, kiểm tra, đánh giá*) như: Quy định tạm thời về đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (*số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017*) [H5.05.04.02]; Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (*số 1262/QĐ-ĐHV, ngày 13/11/2017*) [H5.05.04.03]; Quy định đào tạo trình độ đại học (*số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021*) [H5.05.04.04]; Quy trình phúc khảo điểm đánh giá cuối kỳ (*Số 1336/QĐ-ĐHV ngày 315/2023*) [H5.05.04.05]; Quy định đánh giá và quản lý kết quả học tập (***điều 29, 30*** ***chương V*** *số 3662/QĐ-ĐHV, ngày 29/12/2023*) [H5.05.04.06], trong đó nêu rõ quy định về việc phản hồi kết quá đánh giá của NH.

Các quy định về phản hồi kết quả đánh giá được công bố công khai, kịp thời đến GV và sinh viên.

*Đối với GV:* Đầu mỗi năm học, mỗi học kỳ. Nhà trường, Khoa Giáo dục Quốc phòng cung cấp các quy định về việc thi, kiểm tra, đánh giá và công bố kết quả đến GV kịp thời. Ngoài ra, trong các buổi sinh hoạt chuyên môn đầu mỗi học kỳ, Khoa Giáo dục Quốc phòng đều có phổ biến cho toàn thể GV về các nội dung này.

*Đối với sinh viên:* Ngoài các phương tiện truyền thông như Website của Phòng Đào tạo, Khoa Giáo dục Quốc phòng, cũng như của Trường ĐH Vinh, Fanpage, Sổ tay sinh viên, …. Trong các buổi sinh hoạt sinh viên đầu khóa do Phòng Đào tạo tổ chức, vào buổi học đầu tiên của học phần, GV công bố công khai các yêu cầu và hình thức đánh giá học phần cho sinh viên, tất cả sinh viên đều nắm rõ quy định về các nội dung này[H5.05.04.07].

Ngoài ra, Trên hệ thống cổng thông tin của Phòng Đào tạo, sinh viên sau khi nhập học có thể truy cập vào hệ thống dữ liệu để nắm bắt các thông tin đầy đủ thông qua các văn bản được đưa lên trên hệ thống như: quy định chung, tổ chức đào tạo, kiểm tra và thi học phần, xét và thực hiện đồ án tốt nghiệp… giúp người học nắm bắt được các quy trình nội dung nhằm kịp thời cải thiện được việc học tập của cá nhân [H5.05.04.08].

Sinh viên ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đã được phản hồi kết quả đánh giá kịp thời. Theo quy định, GV phải công bố công khai trước lớp điểm đánh giá quá trình (*điểm bài tập lớn, điểm chuyên cần và điểm thảo luận*) trước khi kết thúc học phần để sinh viên có phản hồi kịp thời trước khi kết thúc học phần. Việc thông báo điểm cho sinh viên được thông qua hệ thống phần mềm quản lí (CMC) các hệ đào tạo người học tra cứu kết quả học tập dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi (*thông báo, bảng điểm, tài khoản*) [H5.05.04.08] .

Hiện nay, việc phản hồi kết quả đánh giá học tập của người học được thực hiện tại Quy định đánh giá và quản lý kết quả học tập (*số 3662/QĐ-ĐHV, ngày 29/12/2023*) [H5.05.04.06].

Trong chu kỳ đánh giá (từ năm 2019-2023), việc phản hồi kết quả đánh giá học tập của sinh viên ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được thực hiện tại (*điều 16 thông báo kết quả điểm đánh giá học phần*) trong Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (*số 1262/QĐ-ĐHV, ngày 13/11/2017*) [H5.05.04.03], cụ thể như sau:

Đối với sinh viên thuộc hệ đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (từ khóa tuyển sinh năm 2017 trở đi) thì điểm đánh giá học phần bao gồm điểm đánh giá quá trình và điểm đánh giá cuối kỳ phải được thông báo công khai cho sinh viên trên tài khoản cá nhân. Đối với điểm đánh giá quá trình, ngay sau khi kết thúc giảng dạy học phần, giảng viên phải thông báo điểm cho tất cả sinh viên; điểm đánh giá cuối kỳ, sau khi điểm được nhập vào phần mềm, Trung tâm ĐBCL tính điểm và chuyển điểm vào tài khoản cá nhân của sinh viên [H5.05.04.03][H5.05.04.09]. Kết quả điểm thông báo cho sinh viên chậm nhất 20 ngày sau ngày thi cuối kỳ, thông qua hệ thống phần mềm quản lí (CMC) các hệ đào tạo người học tra cứu kết quả học tập dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi [H5.05.04.08]. Cùng với việc thông báo kết quả thi học phần đến sinh viên, nhà trường còn quy định về việc kiểm tra, điều chỉnh kết quả thi học phần. Tại (*Điều 18 quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017)* có quy định về phúc tra, khiếu nại điểm đánh giá học phần [H5.05.05.02]. Tại (*Mục 2, điều 17 quyết định số 1262/QĐ-ĐHV, ngày 13/11/2017*) quy định sinh viên được phép phúc tra, khiếu nại điểm đánh giá quá trình, điểm đánh giá cuối kỳ [H5.05.05.03]; (*Mục 3, điều 17*) quy định quy trình phúc tra, khiếu nại điểm được thực hiện theo (*điều 27 và điều 28*) của quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông ban hành theo quyết định số 706/QĐ-ĐHV ngày 16/06/2016 [H5.05.05.10]. Trong quy trình về việc phúc khảo điểm đánh giá cuối kỳ (*số 1336/QĐ-ĐHV ngày 31/5/2023*), có quy định và hướng dẫn rõ việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại các kết quả đánh giá sinh viên [H5.05.05.05] và quy định về việc phúc khảo còn được quy định tại (*điều 30 chương V****)*** Quy định đánh giá và quản lý kết quả học tập (*số 3662/QĐ-ĐHV, ngày 29/12/2023*) [H5.05.05.03].

Theo đó, sinh viên được đề nghị kiểm tra lại điểm thi và đơn đề nghị phúc khảo điểm muộn nhất 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả điểm thi. Trung tâm ĐBCL trả kết quả, xử lý kết quả và rà soát phúc khảo điểm. Kết quả điều chỉnh, sửa điểm học phần chuyển về khoa để công bố cho sinh viên muộn nhất là 14 ngày sau khi có đơn và hồ sơ đề nghị [H5.05.05.05].

Thông tin phản hồi về kết quả đánh giá được sinh viên sử dụng để cải thiện việc học tập. Trong quá trình đào tạo, việc phản hồi đánh giá kết quả học tập của sinh viên kịp thời có giá trị rất quan trọng trong việc cải thiện việc học tập, sắp xếp việc học tập, tốt nghiệp của sinh viên. Đối với kết quả thi - kiểm tra quá trình, khi nhận được các phản hồi, các nhận xét của giảng viên về bài làm kịp thời, đúng hạn thì sinh viên sẽ có đủ thời gian khắc phục, điều chỉnh việc học của mình để có thể vừa bổ sung, nâng cao kiến thức vừa cải thiện kết quả thi cuối kỳ tốt hơn, giúp sinh viên định hướng học tập, nắm được điểm mạnh và yếu của bản thân, cũng như có các kế hoạch cải thiện học tập ngay trong chính học phần đó. Ngoài ra, Nhà trường có quy định về thông báo, cảnh báo kết quả đối với các SV theo từng học kỳ, nhằm thông tin cho SV có kết quả học tập kém biết để có phương án học tập thích hợp nhằm hoàn thành CTĐT trong thời gian cho phép, đồng thời nhà trường cũng có quy định tạo điều kiện cho SV có thể học lại và học cải thiện điểm để cho SV đạt kết quả học tập tốt nhất [H5.05.04.11].

Trong quá trình đào tạo, Khoa Giáo dục Quốc phòng đã triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định về đánh giá và phản hồi kết quả cho người học. Hiện nay các học phần đại cương của ngành đều đã thực hiện đánh giá giữa kỳ theo hình thức trắc nghiệm, sau mỗi học kỳ các cán bộ đều hoàn thành các điểm bộ phận và nhập vào phần mềm trước khi thi kết thúc học phần. Các khâu coi thi, chấm thi thực hiện theo đúng kế hoạch, các học phần thuộc CTĐT của ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đều hoàn thành việc công bố kết quả đánh giá đúng thời gian quy định [H5.05.04.03] [H5.05.04.06].

Để nắm tình hình học tập của người học và hỗ trợ người học trong quá trình học Khoa Giáo dục Quốc phòng đã phân công cán bộ giảng dạy phụ trách các lớp SV, các trường hợp thuộc diện cảnh báo, Khoa đều yêu cầu các cố vấn học tập hỗ trợ người học đăng ký học đúng tiến độ và rà soát điểm tổng kết của các SV, lập danh sách SV thuộc diện cảnh báo và tồn đọng [H5.05.04.12].

Trong mỗi học kỳ, Khoa Giáo dục Quốc phòng đều tổ chức các buổi gặp mặt các SV thuộc diện cảnh báo, có sự tham gia của ban lãnh đạo Khoa, Trợ lý đào tạo, Trợ lý quản lý HSSV và Cố vấn học tập. Tại cuộc họp đó, SV được tư vấn và hướng dẫn lập kế hoạch học tập. Công tác rà soát này được TLĐT thực hiện cụ thể nghiêm túc đúng quy trình, Hội đồng Khoa học - Đào tạo Khoa tiến hành họp và đề xuất các phương án hỗ trợ SV để cải thiện việc học tập thông qua CVHT, giáo viên chủ nhiệm [H5.05.04.13].

Hàng năm, Nhà trường, Khoa Giáo dục Quốc phòng tổ chức khảo sát lấy ý kiến của người học về mức độ hài lòng đối với phương pháp kiểm tra đánh giá, thông báo kết quả thi, mức độ hài lòng về kết quả học tập và hoạt động hỗ trợ sinh viên của GV. Khảo sát được tiến hành dưới dạng bảng hỏi qua Cổng thông tin trực tuyến của sinh viên, mỗi năm học tiến hành 2 lần vào thời điểm trước khi sinh viên đăng ký học cho học kỳ mới; kết quả phản hồi của sinh viên về các nội dung trên thường đạt mức hài lòng trở lên và được gửi đến lãnh đạo khoa, Trưởng bộ môn và từng GV của bộ môn. Trong kết quả khảo sát của các năm gần đây từ 2019 - 2023, tỷ lệ hài lòng của sinh viên về việc công bố, phản hồi kết quả đánh giá sinh viên kịp thời của Khoa Giáo dục Quốc phòng /Trường cũng được sinh viên đánh giá cao. Trên cơ sở đó, BCN Khoa Giáo dục Quốc phòng sẽ định hướng và hiệu chỉnh công tác giảng dạy và đánh giá thi cử hoàn thiện hơn [H5.05.04.14].

Bên cạnh đó, Khoa Giáo dục Quốc phòng cũng có những hình thức khen thưởng đối với sinh viên xuất sắc, sinh viên giỏi hằng năm thông qua kết quả học tập và rèn luyện của người học; đồng thời nắm bắt những trường hợp sinh viên vi phạm trong quá trình học tập để kịp thời nhắc nhở người học cải thiện thái độ và có kế hoạch học tập hợp lí [H5.05.04.15].

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường có hệ thống các văn bản, quy định, quy trình rõ ràng, chi tiết, chặt chẽ cùng với hệ thống phần mềm quản lý điểm hiện đại giúp cho việc phản hồi, công bố kết quả học tập cho sinh viên kịp thời, thuận tiện và giúp sinh viên cải thiện việc học tập, sắp xếp việc học tập, tốt nghiệp của mình.

*3. Điểm tồn tại*

Khoa Giáo dục Quốc phòng chưa có dữ liệu phân tích việc sinh viên sử dụng kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập mà chỉ mới thống kê để biết kết quả học tập của sinh viên được cải tiến (có tăng lên) sau mỗi học kỳ.

*4.Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2024, Khoa Giáo dục Quốc phòng sẽ có biện pháp thực hiện theo dõi, phân tích, đánh giá việc sinh viên sử dụng phản hồi và kết quả đánh giá để cải thiện chất lượng và kết quả học tập. | Trung tâm ĐBCL;  Phòng ĐT;  Khoa GD QP&AN | Năm 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | - Rà soát các văn bản, quy định, quy trình về đánh giá kết quả NH;  - Phát huy điểm mạnh đang có | Khoa GD QP&AN Phòng ĐT | Năm 2024 |  |

5. *Tự đánh giá:* Đạt 4/7 điểm

### Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập

*1. Mô tả hiện trạng*

Thực hiện theo thông tư về các quy định, quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT [H5.05.05.01]. Trường Đại học Vinh đã ban hành các quy định/quy trình về quản lý quá trình đào tạo trình độ đại học [H5.05.05.02] [H5.05.05.03]; Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập, trong đó có quy định cụ thể về quy trình khiếu nại, kiểm tra kết quả thi của người học [H5.05.05.04].

Tại (*Điều 18 quyết định số 2155/QĐ-ĐHV ngày 10/10/2017)* có quy định về phúc tra, khiếu nại điểm đánh giá học phần [H5.05.05.03]. Tại (*Mục 2, điều 17 quyết định số 1262/QĐ-ĐHV, ngày 13/11/2017*) quy định sinh viên được phép phúc tra, khiếu nại điểm đánh giá quá trình, điểm đánh giá cuối kỳ [H5.05.05.04]; (*Mục 3, điều 17*) quy định quy trình phúc tra, khiếu nại điểm được thực hiện theo (*điều 27 và điều 28*) của quy chế thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông ban hành theo quyết định số 706/QĐ-ĐHV ngày 16/06/2016 [H5.05.05.05] .

Ngoài ra, Nhà trường còn ban hành quy trình về việc phúc khảo điểm đánh giá cuối kỳ (*số 1336/QĐ-ĐHV ngày 31/5/2023*), trong đó có quy định và hướng dẫn rõ việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại các kết quả đánh giá sinh viên [H5.05.05.06] và quy định về việc phúc khảo còn được quy định tại (*điều 30 chương V****)*** Quy định đánh giá và quản lý kết quả học tập (*số 3662/QĐ-ĐHV, ngày 29/12/2023*)[H5.05.05.07].

Trước mỗi khóa học/kỳ học/HP, Nhà trường và Khoa Giáo dục Quốc phòng đã phổ biến đầy đủ các quy định, quy trình về xem lại KQHT cho sinh viên. Trước mỗi khoá học, tất cả các văn bản này đều được phổ biến tới NH bằng nhiều hình thức khác nhau nhằm đảm bảo GV và sinh viên biết để thực hiện như website của Phòng Phòng Đào tạo, website của Khoa Giáo dục Quốc phòng, sổ tay sinh viên, qua buổi “Chương trình chính trị đầu khóa, Gặp mặt sinh viên đầu khóa” hằng năm,…. Ngoài ra, trước mỗi kỳ học, các CVHT, TLĐT của Khoa Giáo dục Quốc phòng,Trung tâm ĐBCL, Phòng Đào tạo,… tổ chức họp lớp và phổ biến lại các quy định, quy trình phản hồi, xem lại kết quả điểm quá trình, xem lại điểm thi cho NH mình phụ trách. Tất cả các nội dung này được phản ánh trong Biên bản họp lớp qua các học kỳ [H5.05.05.08].

Để thống nhất việc tổ chức đánh giá và quản lý kết quả học tập của sinh viên, đảm bảo sự công bằng, chặt chẽ và khách quan trong công tác đánh giá quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng của Nhà trường, các khiếu nại về kết quả học tập của sinh viên được Trung tâm ĐBCL, Phòng Đào tạo, Khoa Giáo dục Quốc phòng thực hiện nghiêm túc khách quan và đúng quy định và hướng dẫn trong Quy trình phúc khảo điểm thi (*số 1336/QĐ-ĐHV ngày 315/2023*) [H5.05.05.06], trong đó có hướng dẫn cụ thể trình tự, cách thức thực hiện phúc khảo điểm thi cuối học kỳ *(kèm theo biểu mẫu)* để đảm bảo quyền lợi về điểm cho người học, quy trình thực hiện được tiến hành theo các bước sau:

1. Tiếp nhận đơn đề nghị phúc khảo điểm

+ Sinh viên làm đơn đề nghị phúc khảo điểm và nộp lệ phí tại bộ phận một cửa, đơn đề nghị phúc khảo điểm phải nộp chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ ngày công bố điểm cuối học kỳ *(nếu phúc khảo điểm có thay đổi kết quả do Nhà trường thì hoàn trả kinh phí cho người học)*. Bộ phận một cửa tiếp nhận đơn đề nghị phúc khảo điểm chuyển đơn đề nghị của sinh viên cho Trung tâm ĐBCL chuyển lệ phí cho phòng KHTC chậm nhất 3 ngày kể từ ngày nhận đơn.

2. Thực hiện phúc khảo điểm *(tối đa 14 ngày làm việc tính từ ngày sinh viên nộp đơn)*

+Trung tâm ĐBCL phối hợp với đơn vị đào tạo và Phòng TTr-PC phúc khảo điểm cho sinh viên.

\*Đối với hình thức đồ án, TNKQ trên máy tính thực hành,Nhà trường chỉ kiểm tra qua quá trình cập nhật điểm vào hệ thống phần mềm.

\*Đối với hình thức tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm trên giấy;

- Trung tâm ĐBCL kiểm tra qua thông tin về bài thi trên hệ thống phần mềm và trên thực tế

- Đơn vị đào tạo tiến hành rút bài thi, xếp các bài thi cùng một học phần vào túi riêng, cử cán bộ chấm phúc khảo bài thi cho sinh viên.

- Trung tâm ĐBCL phối hợp với các đơn vị đào tạo, Phòng TTr-PC, cán bộ chấm phúc khảo thực hiện chấm lại bài thi cho sinh viên.

+ Hoàn thành các hồ sơ phúc khảo điểm.

3. Trả kết quả, xử lý kết quả và rà soát phúc khảo điểm *(tối đa 14 ngày làm việc tính từ ngày sinh viên nộp đơn)*

-Trung tâm ĐBCL lập bảng tổng hợp kết quả chấm phúc khảo, gửi kết quả cho bộ phận một cửa.

- Bộ phận một cửa thông báo kết quả điểm cho sinh viên.

- Đơn vị đào tạo cập nhật kết quả phúc khảo điểm vào hệ thống.

- Sinh viên kiểm tra kết quả phúc khảo trên hệ thống và nhận lại kinh phí *(nếu sự thay đổi do nguyên nhân từ Nhà trường)*.

4. Lưu hồ sơ và báo cáo

- Bộ phận một cửa lưu đơn, sổ theo dõi phúc khảo điểm của sinh viên.

- Trung tâm ĐBCL lưu hồ sơ, minh chứng và xác nhận kết quả của việc phúc khảo điểm, hồ sơ xử lý kết quả phúc khảo điểm vào hệ thống phần mềm.

- Đơn vị đào tạo lưu hồ sơ xử lý kết quả phúc khảo điểm vào hệ thống phần mềm.

- Phòng TTr-PC giám sát quá trình cập nhật vào hệ thống.

-Trung tâm ĐBCL thống kê danh sách cán bộ có sai sót trong khâu chấm thi, nhập điểm gửi Hội đồng thi đua, khen thưởng xử lý theo quy định.

- Phòng TTr-PC tổng hợp danh sách báo cáo Hiệu trưởng nếu phát hiện tiêu cực [H5.05.05.06] .

Ngoài ra, bên cạnh Quy trình phúc khảo của Trường. Khoa Giáo dục Quốc phòng, Phòng Đào tạo, Trung tâm ĐBCL còn có kênh giải đáp các thắc mắc khiếu nại của sinh viên trực tiếp qua điện thoại hoặc gặp trực tiếp bộ phận hỗ trợ học vụ [H5.05.05.09].

Hàng năm, việc khiếu nại về kết quả học tập được Khoa Giáo dục Quốc phòng, Trung tâm ĐBCL, GV xử lý, giải quyết kịp thời, thoả đáng. Trong chu kỳ đánh giá từ 2019 - 2023, hoàn toàn không có bất kỳ sinh viên ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh gửi Đơn xin chấm phúc khảo bài thi của bất kỳ học phần nào đến Khoa Giáo dục Quốc phòng. Đó là nhờ Nhà trường đã ban hành các quy chế quy định về khiếu nại, phúc khảo kết quả học tập của NH và công bố công khai; GV đã giải quyết các khiếu nại về kết quả học tập kịp thời và thỏa đáng trong suốt quá trình sinh viên tham gia học tập tại Trường và người học được hướng dẫn rõ ràng, mọi thắc mắc về kết quả học tập của sinh viên đều được giải quyết nhanh chóng [H5.05.05.06], [H5.05.05.10].

Ngoài ra, đối với việc đánh giá đồ án tốt nghiệp, căn cứ vào Quy trình tổ chức cho NH làm đồ án tốt nghiệp. Nếu có thắc mắc, NH sẽ được các thành viên hội đồng chấm đồ án tốt nghiệp giải đáp ngay tại buổi bảo vệ. Điều này cho thấy việc thực hiện chấm điểm, đánh giá đảm bảo tính công bằng; đồng thời quy trình xem lại đã được phổ biến rộng rãi, dễ tiếp cận để NH có thể kịp thời xem lại và được giải quyết thỏa đáng. Khi có phản ánh, khiếu nại, tố cáo hoặc trong những trường hợp khác theo yêu cầu quản lý, Hiệu trưởng Nhà trường quyết định việc tổ chức thẩm định chất lượng đồ án.

Kết quả lấy ý kiến phản hồi từ giảng viên, NH cũng như kết quả của báo cáo tổng kết công tác hàng năm của Nhà trường cho thấy thủ tục khiếu nại và giải quyết khiếu nại kết quả học tập của người học đơn giản, thuận tiện và 100% NH đã được tiếp cận với các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập thông qua các thông báo và đội ngũ cán bộ Phòng Đào tạo; TLĐT; CVHT vào mọi thời điểm trong năm học. Tất cả các khiếu nại về kết quả học tập đều được giải quyết và xử lý mang lại sự hài lòng cho người học.

*2. Điểm mạnh*

Sinh viên dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình thông qua hệ thống văn bản, quy định của Trường ban hành.

Phòng Đào tạo, Trung tâm ĐBCL và GV ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đã giải quyết các khiếu nại về kết quả học tập kịp thời và thỏa đáng trong suốt quá trình sinh viên tham gia học tập tại Trường dưới mọi hình thức.

*3. Điểm tồn tại*

Do có một vài yêu cầu công việc mới phát sinh, phần mềm quản lý đào tạo chưa theo kịp để đáp ứng công tác nghiệp vụ.

*4.Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2024, Khoa Giáo dục Quốc phòng sẽ kết hợp cùng Trung tâm ĐBCL, Phòng Đào tạo, Trung tâm CNTT nghiên cứu để nâng cấp phần mềm để khắc phục tồn tại; tiếp tục duy trì ứng dụng phần mềm trong việc tiếp nhận, giải quyết xem lại của NH về KQHT. | Trung tâm ĐBCL;  Khoa Giáo dục Quốc phòng | Năm 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | - Rà soát lại quy trình khiếu nại về kết quả học tập của NH;  - Phát huy điểm mạnh đang có | Trung tâm CNTT;  Trung tâm ĐBCL;  Phòng Đào tạo | Năm 2024 |  |

*5. Tự đánh giá:*Đạt 4/7 điểm

## Kết luận về tiêu chuẩn 5

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn*

Nhà trường có ban hành các quy định, quy trình, biểu mẫu, tài liệu rõ ràng về việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên; Tổ chức tập huấn, cung cấp tài liệu và hướng dẫn GV thiết kế, triển khai lựa chọn phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với mục tiêu cần đánh giá để đạt CĐR học phần và của CTĐT; Các quy trình thi, kiểm tra, đánh giá sinh viên,… được Trung tâm ĐBCL, Phòng Đào tạo và Khoa Giáo dục Quốc phòng rà soát, điều chỉnh hàng năm theo các quy trình ISO của Nhà trường.

Các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được Nhà trường ban hành bằng hệ thống các văn bản rõ ràng, quy trình áp dụng chặt chẽ, đảm bảo thực hiện theo đúng quy chế đào tạo và được thông báo công khai tới tất cả sinh viên với nhiều hình thức đa dạng.

Các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên đa dạng, thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy trình, đảm bảo sự khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh; Các tiêu chí kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của sinh viên phân định rõ mức độ đạt, mức độ không đạt đảm bảo độ tin cậy. Các công việc được quy trình hóa theo ISO để đảm bảo tính thống nhất từ khâu ra đề thi (chất lượng đề thi, làm đề thi) đến tổ chức thi, chấm thi, công tác bảo mật và công bố kết quả; Trong chu kỳ KĐCL, không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của sinh viên về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập.

Nhà trường có hệ thống các văn bản, quy định, quy trình rõ ràng, chi tiết, chặt chẽ cùng với hệ thống phần mềm quản lý điểm hiện đại giúp cho việc phản hồi, công bố kết quả học tập cho sinh viên kịp thời, thuận tiện và giúp sinh viên cải thiện việc học tập, sắp xếp việc học tập, tốt nghiệp của mình.

Sinh viên dễ dàng tiếp cận với quy trình khiếu nại về kết quả học tập của mình thông qua hệ thống văn bản, quy định của Trường ban hành; Trung tâm ĐBCL, Phòng Đào tạo và GV đã giải quyết các khiếu nại về kết quả học tập kịp thời và thỏa đáng trong suốt quá trình sinh viên tham gia học tập tại Trường dưới mọi hình thức.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn*

Khoa Giáo dục Quốc phòng chưa thường xuyên thực hiện công tác tổ chức thống kê, phân tích định lượng mức độ khó, dễ của các đề thi kết thúc học phần dưới hình thức đề mở (*được sử dụng tài liệu*) để có hướng điều chỉnh thích hợp.

Một số ít GV chưa thực hiện đúng yêu cầu về thời gian chấm thi các học phần có điểm quá trính theo đúng qui trình đã ban hành.

Khi cập nhật một số môn học mới vào CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh, Khoa Giáo dục Quốc phòng chưa tiến hành phân tích chính xác nên chọn lựa thi kết thúc học phần theo hình thức nào là phù hợp nhất.

Khoa Giáo dục Quốc phòng chưa có dữ liệu phân tích việc sinh viên sử dụng kết quả đánh giá để cải thiện việc học tập mà chỉ mới thống kê để biết kết quả học tập của sinh viên được cải tiến (có tăng lên) sau mỗi học kỳ.

Do có một vài yêu cầu công việc mới phát sinh, phần mềm quản lý đào tạo chưa theo kịp để đáp ứng công tác nghiệp vụ.

## Tiêu chuẩn 6.

## ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, NGHIÊN CỨU VIÊN

### Mở đầu

**Trong chiến lược phát triển của Nhà trường, phát triển đội ngũ GV được xác định là chiến lược trọng tâm, là tiền đề quan trọng để giữ vững và phát triển quy mô và nâng cao chất lượng chương trình đào tạo của Trường Đại học Vinh nói chung và của ngành GDQP-AN nói riêng. Để đáp ứng về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường.** Ngành GDQP-AN **luôn chú trọng công tác quy hoạch đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao, tích cực tham gia hoạt động NCKH và tham gia các hoạt động xã hội. Việc phân công nhiệm vụ được phân định rõ ràng, phù hợp với trình độ, kinh nghiệm và kỹ năng của GV. Việc tuyển dụng đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, có tiêu chí rõ ràng, đúng quy định và dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích học thuật.**

**Do đặc thù nên nguồn GV của ngành GDQP-AN có đội ngũ cán bộ sĩ quan quân đội được Bộ Quốc phòng biệt phái. Nhà trường luôn phối hợp chặt chẽ với Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Nghệ An trong công tác lựa chọn các đồng chí sĩ quan có năng lực, trình độ giảng dạy tốt để đề nghị biệt phài về Trung tâm làm nòng cốt trong công tác giảng dạy.**

**Đội ngũ GV của** Ngành GDQP-AN **được quy hoạch đầy đủ đáp ứng về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng thể hiện qua tỷ lệ GV/Người học đáp ứng đúng quy định của Bộ GD&ĐT, Nhà trường có quy định phân công cụ thể khối lượng công việc hàng năm đối với đội ngũ GV. Ngoài ra GV luôn được tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nhằm phát triển chuyên môn và kỹ năng. Bên cạnh đó việc quản lý kết quả theo công việc và ghi nhận thành tích của GV đã tạo động lực cho GV hoàn thành nhiệm vụ tốt hơn góp phần thực hiện tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường và trách nhiệm đối với xã hội.**

### Tiêu chí 6.1: Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

*1. Mô tả hiện trạng*

Để thực hiện thành công sứ mạng và tầm nhìn trong chiến lược phát triển của Nhà trường, đáp ứng được yêu cầu về đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu nhằm phục vụ yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. Trường Đại học Vinh đã xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển trường Đại học Vinh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045, trong đó có kế hoạch hoạch phát triển đội ngũ GV thông qua công tác xây dựng bộ máy tổ chức và nhân sự (có đề cập đến việc thu hút, tiếp nhận, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ quản lý). Nhà trường cũng đặt ra giải pháp xây dựng đội ngũ giảng viên cơ hữu đảm bảo chất lượng để thực hiện chương trình đào tạo và nghiên cứu khoa học [H6.06.01.01]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã ban hành các Quy chế về công tác cán bộ như: Đề án vị trí việc làm, Quy chế về tổ chức hoạt động Trường Đại học Vinh, Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh, Quy định tuyển dụng, sử dụng đội ngũ GV, Quy định bổ nhiệm miễn nhiệm GS, PGS, GVCC, GVC, Quy định về việc chấm dứt hợp đồng, cho nghỉ hưu, kéo dài thời gian lao động...Trong Đề án vị trí việc làm có quy định rõ giảng viên có thể làm việc tại các vị trí gắn với công việc lãnh đạo, quản lý điều hành như Trưởng khoa, Phó trưởng khoa hoặc làm việc theo vị trí gắn với công việc hoạt động nghề nghiệp với các tiêu chuẩn cụ thể, [H6.06.01.02]. Trên cơ sở chiến lược và các quy định đã được ban hành. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT Trường Đại học Vinh cho từng giai đoạn [H6.06.01.03] [H6.06.01.04]. Việc quy hoạch đội ngũ GV luôn được Khoa Giáo dục Quốc phòng chú trọng, được xem như là một trong các nhiệm vụ then chốt và được thể hiện trong kế hoạch năm học, được rà soát, bổ sung hàng năm dựa trên báo cáo về nhu cầu nhân lực của từng bộ môn [H6.06.01.05].

Để triển khai kế hoạch phát triển đội ngũ GV tham gia giảng dạy CTĐT trình độ đại học ngành Khoa Giáo dục Quốc phòng-An ninh, đảm bảo về số lượng và chất lượng của đội ngũ. Đầu mỗi năm học, Khoa Giáo dục Quốc phòng đều tổ chức thống kê số liệu quy hoạch đội ngũ GV, NCV trong từng năm. Tính đến tháng 5/2024, Tổng số CB, GV tham gia CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh là 19 người, gồm có 8 GV là Sĩ quan QĐNDVN biệt phái, 10 GV do Nhà trường tuyển dụng, *1 cán bộ hành chính*, trong đó có 1 tiến sĩ (chiếm 5,6%), 11 thạc sĩ (chiếm 61,1%), 6 cử nhân (chiếm 33,3%). Tất cả các GV Ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đều có trình độ chuyên môn cao, được đào tạo đúng với chuyên ngành giảng dạy, thành thạo máy tính và có khả năng sử dụng ngoại ngữ trong công việc [H6.06.01.06]. Cơ cấu về giới tính, độ tuổi, trình độ chuyên môn của GV, NCV được thể hiện *(ở bảng 6.1.1).*

*Bảng 6.1.1:Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu Ngành GDQP-AN*

*theo trình độ, giới tính và độ tuổi (tính đến tháng 6/2024):*

| **TT** | **Trình độ/học vị** | **Số lượng** | **Tỷ lệ**  **(%)** | **Phân loại theo giới tính (ng)** | | **Phân loại theo tuổi (người)** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nam** | **Nữ** | **< 30** | **30-40** | **41-50** | **51-60** | **> 60** |
| 1 | Giáo sư, Viện sĩ | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 2 | Phó Giáo sư | ... | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Tiến sĩ khoa học | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 4 | Tiến sĩ | 1 | 5,6 | ... | 1 |  |  | 1 | 0 | 0 |
| 5 | Thạc sĩ | 11 | 61,1 | 9 | 2 |  | 9 | 2 | 0 | 0 |
| 6 | Đại học | 6 | 33,3 | 6 | ... |  | 0 | 6 | 0 | 0 |
|  | **Tổng** | **18** | **100** | **15** | **3** |  | **9** | **9** | **0** | **0** |

Hằng năm, công tác tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng giảng viên đáp ứng các yêu cầu về giảng dạy, NCKH và PVCĐ. Về tuyển dụng, căn cứ vào nhu cầu công việc, chỉ tiêu biên chế, tiêu chuẩn, điều kiện của vị trí việc làm cần bổ sung và tình hình thực tế đội ngũ cán bộ, giảng viên của các ngành, Khoa Giáo dục Quốc phòng tổng hợp số lượng cần bổ sung đưa vào kế hoạch năm học để Nhà trường xem xét [H6.06.01.05], Trên cơ sở đó, Nhà trường đã xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng cán bộ, giảng viên cho các đơn vị đào tạo, trong đó có ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh [H6.06.01.07] [H6.06.01.08].

*Bảng 6.1.2:Thống kê số liệu đội ngũ GV, NCV được tuyển mới*

*của Ngành GDQP-AN trong 5 năm qua*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Trình độ** | **Năm học 2017-2018** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** |
| TS |  |  |  |  |  |  |
| Th.S | 2 | 1 |  | 1 |  |  |
| ĐH | ... |  |  | 2 |  |  |
| **Tổng số** | **2** | **1** |  | **3** |  |  |

Nhà trường cũng đã thực hiện các chính sách thu hút, đãi ngộ và trọng dụng nhân tài để tuyển dụng được đội ngũ GV có trình độ chuyên môn cao. Do vậy, Khoa Giáo dục Quốc phòng và Trường không chỉ tuyển được những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc do Trường đào tạo mà còn tuyển được những sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc do các trường khác đào tạo [H6.06.01.09]. Việc sắp xếp, bố trí cán bộ mới được tuyển dụng đều theo đúng chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo. Đội ngũ GV được tuyển dụng mới của ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

Hằng năm Khoa Giáo dục Quốc phòng cũng như Nhà trường đã tiến hành khảo sát và phân tích nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của đội ngũ GV [H6.06.01.10]. Từ đó Khoa đã xây dựng trong kế hoạch năm học mới của đơn vị. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được thực hiện theo quy hoạch các nhóm chuyên môn sâu để phù hợp với nhu cầu đào tạo của Khoa [H6.06.01.04].

Trên cơ sở phân tích nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của GV, Nhà trường đã triển khai thực hiện các kế hoạch cho các GV đi học nâng cao trình độ cả về chuyên môn và lý luận chính trị [H6.06.01.11]. Trong chu kỳ đánh giá, có nhiều lượt GV ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được tham gia bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H6.06.01.12].

Về kinh phí đào tạo, phát triển đội ngũ GV, Trường Đại học Vinh có quy chế chi tiêu nội bộ quy định rõ chế độ kinh phí cho việc đào tạo, trong đó cấp học phí và kinh phí hỗ trợ, giảm giờ chuẩn cho CB, GV đi học; tặng quà và cấp máy tính xách tay cho các CB, GV hoàn thành việc bảo vệ luận án tiến sĩ [H6.06.01.13].

Công tác thuyên chuyển đội ngũ GV, quy hoạch, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, chấm dứt hợp đồng, nghỉ chế độ và nghỉ hưu hay kéo dài thời gian công tác của GV ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh cũng được thực hiện nghiêm túc, đúng kế hoạch theo quy định rõ ràng theo Quy chế công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh [H6.06.01.02] [H6.06.01.14].

Hàng năm, Nhà trường và Khoa Giáo dục Quốc phòng đều tiến hành thống kê, đánh giá kết quả thực hiện công tác quy hoạch phát triển đội ngũ GV, NCV [H6.06.01.15]. Kết quả cho thấy đội ngũ GV, NCV của Khoa Giáo dục Quốc phòng cơ bản đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ.

*2. Điểm mạnh*

- Nhà trường đã có kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng được mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường.

- Công tác quy hoạch đội ngũ của Trung tâm GDQP&AN được chú trọng thực hiện đồng bộ từ Trường đến trung tâm theo đúng quy trình, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

- Quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí đều rõ ràng, minh bạch mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường.

*3. Điểm tồn tại*

Việc tạo nguồn quy hoạch giảng viên Ngành GDQP-AN đang gặp khó khăn. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên như Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Ngành GDQP-AN chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới còn bị động và còn có sự lệ thuộc về biệt phái sĩ quan

Công tác đào tạo nâng cao trình độ cho đội ngũ giảng viên còn khó khăn do chưa có mã ngành đào tạo ThS, TS chuyên ngành GDQP-AN.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | |
| **Bắt đầu** | **Hoàn thành** |
| 1. | Khắc phục tồn tại | - Ngành GDQP-AN cần làm rõ chính sách về nhân sự, tạo nguồn quy hoạch giảng viên cho phù hợp với chiến lược phát triển của Trường. Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên như Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa cần đầy đủ các nội dung cốt lõi  - Xây dựng kế hoạch tăng cường năng lực NCKH cho giảng viên; | Nhà trường  Trung tâm GDQP&AN Phòng TCCB | Năm 2024 | Hàng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | - Thường xuyên rà soát kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để phù hợp với mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường.  - Tăng cường rà soát quy trình quy hoạch đội ngũ của Ngành GDQP-AN, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.  - Tiếp tục công tác lập kế hoạch quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, rà soát các quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí để mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường. | Nhà trường  Trung tâm GDQP&AN Phòng TCCB | Năm 2024 | Hàng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 4/7 điểm

### Tiêu chí 6.2: Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

*1. Mô tả hiện trạng*

Công tác quy hoạch (*tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng,…*) đội ngũ GV của Khoa Giáo dục quốc phòng được thực hiện dựa trên kế hoạch phát triển nhân sự của Trường [H6.06.02.01] [H6.06.02.02]; Kế hoạch phát triển của Khoa Giáo dục quốc phòng qua các giai đoạn khác nhau [H6.06.02.03].

Để đảm bảo tỷ lệ GV/NH và giám sát khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy CTĐT trình độ đại học ngành Giáo dục quốc phòng-An ninh. Hàng năm, Khoa Giáo dục quốc phòng đã triển khai thực hiện các kế hoạch của Trường và kế hoạch hoạt động của Khoa. Hiện nay, tổng số CB, GV của Khoa Giáo dục quốc phòng là 19 người, gồm có 18 GV cơ hữu và 1 chuyên viên, trong đó có 1 tiến sĩ (chiếm 5,6%), 11 thạc sĩ (chiếm 61,1%), 6 cử nhân (chiếm 33,3%) [H6.06.02.04]. Tất cả các GV đều đáp ứng được tiêu chuẩn tuyển dụng của Trường, có trình độ chuyên môn cao phù hợp với chuyên ngành đào tạo và đáp ứng được yêu cầu quy định về đào tạo trình độ đại học [H6.06.02.05]. Định kỳ hàng năm Khoa Giáo dục quốc phòng thực hiện việc rà soát, đánh giá và bổ sung đội ngũ GV đảm bảo tỷ lệ GV/NH đúng quy định theo từng khối ngành đào tạo. Hiện nay tỷ lệ GV/NH tham gia đào tạo trình độ đại học của ngành Giáo dục quốc phòng-An ninh là 1/5,4 đáp ứng yêu cầu quy định về xác định chỉ tiêu đào tạo trình độ đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT quy định [H6.06.02.06]. Có được kết quả này là nhờ Khoa Giáo dục quốc phòng đã thực hiện tốt công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, bố trí công việc, phát triển đội ngũ và đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ GV.

Số lượng GV cần thiết để đáp ứng yêu cầu và nhu cầu giảng dạy cho ngành Giáo dục quốc phòng-An ninh được thể hiện ở bảng biểu 6.2.1 và bảng tỷ lệ GV/NH bảng 6.2.2 như sau:

Bảng 6.2.1. Số GV quy đổi của giai đoạn 2019 - 2023

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Trình độ** | | **Giảng viên cơ hữu** | | | | | **Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý** | | | | **GV thỉnh giảng** | **Tổng số**  **GV**  **quy**  **đổi** |
| GS | P.GS | Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | GS | P.GS | Tiến  Sĩ | Thạc  sĩ |
|  | | **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** | **(8)** | **(9)** | **(10)** |
| **Hệ số quy đổi** | | **5** | **3** | **2** | **1** | **0.5** | **1.5** | **0.9** | **0.6** | **0.3** | **0.2** |
| **Năm học** | **Số GV** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2019-2020 | 17 |  |  | 1 | 7 | 7 |  |  |  | 2 | **1** | **13,3** |
| 2020-2021 | 18 |  |  | 1 | 9 | 6 |  |  |  | 2 | **1** | **14,8** |
| 2021-2022 | 18 |  |  | 1 | 9 | 6 |  |  |  | 2 | **1** | **14,8** |
| 2022-2023 | 18 |  |  | 1 | 9 | 6 |  |  |  | 2 | **1** | **14,8** |
| 2023-2024 | 18 |  |  | 1 | 9 | 6 |  |  |  | 2 | **1** | **14,8** |

*- Tổng số GV quy đổi = [(1)+(2)+…+(9)+(10)]\*Hệ số quy đổi*

*- Tổng số GV= (1)+(2)+…+(9)+(10)*

Bảng 6.2.2. Tỷ lệ SV/GV của Ngành GDQP-AN giai đoạn 2019 - 2023

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **Số lượng  GV quy đổi** | **Số lượng SV**  **Ngành GDQP&AN (*tính tất cả sinh viên chính quy các khóa đang học trong năm*)** | **Tỷ lệ SV/GV** |
| 2019-2020 | **13,3** | 67 | **5,03** |
| 2020-2021 | **14,8** | 51 | **3,44** |
| 2021-2022 | **14,8** | 68 | **4,59** |
| 2022-2023 | **14,8** | 78 | **5,27** |
| 2023-2024 | **14,8** | 80 | **5,4** |

Tỷ lệ GV/NH theo từng năm ở bảng 6.2.2 như vậy về cơ bản là đáp ứng yêu cầu theo quy định hiện hành.

Việc quy đổi về khối lượng công việc đối với GV theo giờ chuẩn được Nhà trường ban hành, hướng dẫn chi tiết và triển khai thực hiện theo quy định hiện hành do BGD&ĐT ban hành (*Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008; Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014* [H6.06.02.07].

Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên của Trường quy định tại: Phụ lục 8 quy chế chi tiêu nội bộ (*Số 1585/QĐ-ĐHV ngày 30/12/2016*) và Quy định chế độ làm việc đối với Giảng viên (*Số 1181/QĐ-ĐHV ngày 12/5/2021*) kể từ năm 2021 [H6.06.02.08]. Trong đó, mức giờ chuẩn tối thiểu theo hệ số lương và nhóm nhiệm vụ đăng ký, gồm giờ giảng chuẩn (*tối thiểu 200, tối đa 350 giờ chuẩn*); giờ NCKH (*tối thiểu 125, tối đa 350 giờ chuẩn*); giờ hoạt động chuyên môn (*tối thiểu 100, tối đa 225 giờ chuẩn*) trong một năm học [H6.06.02.08]. Quy định này cũng quy định cụ thể về quy đổi giờ hành chính, giờ giảng lý thuyết, hướng dẫn thực tập, khóa luận, đồ án tốt nghiệp và các hoạt động quản lý chuyên môn khác ra giờ giảng chuẩn; quy định cụ thể số giờ NCKH được công nhận đối với từng sản phẩm khoa học như: bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế và trong nước, sách và giáo trình học tập được nhà xuất bản phát hành, biên soạn tài liệu giảng dạy/học tập, hướng dẫn HV làm NCKH,…các đề tài NCKH được quy đổi thành giờ chuẩn NCKH. Giờ NCKH được tính dựa theo chế độ NCKH và số điểm NCKH sẽ được tính theo đặc thù của từng loại tạp chí/hội thảo. Số điểm NCKH này được quy đổi theo hướng dẫn quy đổi giờ thực tế đối với nhiệm vụ NCKH theo Quy định về hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của Trường Đại học Vinh [H6.06.02.09].

Dựa trên văn bản quy định về chế độ làm việc của GV, NCV, tỉ lệ GV/NH và khối lượng công việc của đội ngũ GV, NCV của Chương trình được đo lường và xác định hợp lý. Hơn nữa, để nâng cao hiệu quả công việc đối với đội ngũ GV, NCV làm cơ sở cho việc cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, Khoa và Bộ môn tiến hành hướng dẫn GV đăng ký gói định mức công việc đầu năm về giờ giảng, giờ NCKH và giờ hoạt động chuyên môn phù hợp nhất vào đầu mỗi năm học trên cổng thông tin cán bộ [H6.06.02.10].

Khối lượng công việc của đội ngũ GV được giám sát và đánh giá định kỳ để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ năm học của GV, Hàng kỳ, Khoa Giáo dục quốc phòng thực hiện phân công chuyên môn cho GV dựa trên bản mô tả công việc của từng GV [H6.06.02.11]. Cuối mỗi năm học, GV có trách nhiệm kê khai khối lượng giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn của mình trên cổng thông tin cán bộ, các đơn vị chức năng liên quan (P*hòng thanh tra-pháp chế, Phòng ĐTSĐH, Phòng NCKH&HTQT và Khoa*) cùng tham gia vào việc giám sát khối lượng công việc của các CB-GV-NV, kiểm tra và xác nhận số liệu thống kê khối lượng công việc của GV theo giờ chuẩn và thực hiện qui đổi, đánh giá việc thực hiện công việc của GV, bình xét danh hiệu thi đua và thanh toán thừa giờ, từ đó làm căn cứ để cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Từ năm 2019 đến năm 2023, theo số liệu thống kê của Nhà trường số giờ giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn của GV ngành Giáo dục quốc phòng-An ninh đều vượt so với định mức theo quy định hằng năm [H6.06.02.12].

*Bảng thống kê khối lượng các hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ*

*hàng năm của giảng viên Trung tâm GDQP&AN năm 2023*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **Giờ giảng dạy** | **Giờ NCKH** | **Giờ PVCĐ** |
| 1 | Nguyễn Quốc Chiến | 729 | 227 | 252 |
| 2 | Bùi Đức Công | 565 | 257 | 233 |
| 3 | Đoàn Quang Dũng | 1153 | 178 | 189 |
| 4 | Nguyễn Ngọc Dũng | 987 | 231 | 255 |
| 5 | Phạm Thế Dũng | 1184 | 236 | 248,5 |
| 6 | Đinh Thị Hải | 976 | 202 | 268,5 |
| 7 | Lê Duy Hiếu | 966 | 160 | 232,5 |
| 8 | Trần Văn Long | 542 | 179 | 389 |
| 9 | Phan Duy Long | 729 | 223 | 250,5 |
| 10 | Nguyễn Đình Lưu | 1039 | 236 | 174,5 |
| 11 | Lưu Văn Mạnh | 1063 | 199 | 244,5 |
| 12 | Nguyễn Đình Phi | 1140 | 191 | 291 |
| 13 | Nguyễn Phong Quang | 521 | 275 | 171 |
| 14 | Nguyễn Minh Quyết | 521 | 144 | 266 |
| 15 | Trần Văn Thông | 1481 | 59 | 30 |
| 16 | Nguyễn Thế Tiến | 1078 | 184 | 277 |
| 17 | Trần Thị Xinh | 534 | 199 | 247 |

*2. Điểm mạnh*

- Trung tâm có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV Ngành GDQP-AN, đảm bảo tỷ lệ hợp lý GV/sinh viên và thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và PVCĐ.

- Có các tiêu chí rõ ràng, minh bạch để đo lường khối lượng công việc của GV. Khối lượng công việc của GV được đo lường, giám sát thường xuyên, kết quả đánh giá việc hoàn thành khối lượng công tác làm căn cứ cho việc cải tiến các hoạt động đào tạo của Khoa và Nhà trường.

*3. Điểm tồn tại*

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được nên công tác đánh giá phục vụ cộng đồng còn gặp khó khăn. Nhà trường đã có văn bản quy định về chất lượng công việc của GV, tuy nhiên các tiêu chí chung chưa được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc đối với GV thỉnh giảng.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | |
| **Bắt đầu** | **Hoàn thành** |
| 1. | Khắc phục tồn tại | Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên cần được quy định, định lượng rõ ràng và quy đổi thành giờ chuẩn. Chất lượng công việc của GV thỉnh giảng cần được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc. | Nhà trường  Trung tâm GDQP&AN;  Phòng TCCB | Năm 2024 | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | - Tăng cường công tác bồi dưỡng và tự bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ của GV để đảm bảo Khoa có đủ đội ngũ GV cơ hữu để giảng dạy cho SV, đảm bảo tỷ lệ hợp lý GV/sinh viên và thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và PVCĐ.  - Thường xuyên rà soát các tiêu chí để đo lường khối lượng công việc của GV. Định kỳ đánh giá, đo lường khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành các nhiệm vụ được giao hằng năm của GV. | Nhà trường  Trung tâm GDQP&AN;  Phòng TCCB | Năm 2024 | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá Đạt 5/7 điểm*

### Tiêu chí 6.3: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai.

*1. Mô tả hiện trạng*

Để thực hiện thành công sứ mạng và tầm nhìn đã tuyên bố. Nhà trường đã xây dựng, ban hành và thực hiện chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh qua từng giai đoạn khác nhau, trong đó có (*chiến lược phát triển của đội ngũ*). Chiến lược sẽ giúp Nhà trường phát huy nội lực, tận dụng tối đa mọi nguồn lực, phấn đấu biến thách thức thành cơ hội để trở thành một Đại học thông minh, ĐMST, đáp ứng nhu cầu học tập, NCKH, CGCN và đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao [H6.06.03.01]. Bên cạnh đó Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản qui định về tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển rõ ràng, cụ thể và được xác định [H6.06.03.02]; Ban hành các kế hoạch tuyển dụng [H6.06.03.03]; Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ GV [H6.06.03.04]. Việc tìm kiếm các ứng viên phù hợp với các yêu cầu phát triển của Khoa và của Nhà trường đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Để tuyển chọn được đội ngũ GV cho các vị trí Nhà trường đã ban hành các quy trình, quy định về các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển, trong đó tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, thành tích giảng dạy, nghiên cứu, trình độ chuyên môn, khả năng sử dụng ngoại ngữ. Các tiêu chí tuyển dụng GV bao gồm:

*1) Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt;*

*2) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm. Có bằng thạc sĩ trở lên đối với GV giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ đối với GV giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ;*

*3) Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc;*

*4) Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5) Lý lịch bản thân rõ ràng*.

Các tiêu chí này có thể được điều chỉnh theo từng thời điểm, phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ GV [H6.06.03.02].

Nguyên tắc, quy trình, căn cứ và điều kiện tuyển dụng giảng viên được quy định rõ trong Mục 1, Chương 2 của Quy chế về công tác cán bộ [H6.06.03.02]. Hằng năm, Khoa Giáo dục Quốc phòng xây dựng kế hoạch tuyển dụng trong kế hoạch năm học, trình đề xuất tuyển dụng cho Phòng TCCB và Hiệu trưởng [H6.06.03.05]. Hiệu trưởng họp Ban giám hiệu để thống nhất chỉ tiêu. Tiếp theo, Phòng TCCB thông báo chỉ tiêu và tiêu chí tuyển dụng lên website của Trường [H6.06.03.06]. Trong 5 năm qua , ngành Giáo dục quốc phòng-An ninh đã tuyển dụng được 4 cán bộ giảng dạy đáp ứng các tiêu chí đề ra nêu trên.

Hằng năm, Nhà Trường cũng đã mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho toàn thể CB-GV-NV trong toàn trường [H6.06.03.07].

Tiêu chuẩn lựa chọn giảng viên để bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp như GS, PGS, GVCC và GVC được quy định rõ trong quyết định Số 1237/QĐ-ĐHV ngày 17/10/2016 và được cập nhật theo Quyết định số 292/QĐ-ĐHV ngày 26/4/2018 [H6.06.03.02]. Để nâng cao chất lượng cán bộ, các tiêu chuẩn bổ nhiệm GS, PGS, GVCC và GVC của Trường có yêu cầu cao hơn so với mức quy định của Bộ GD&ĐT và của Hội đồng CDGS Nhà nước [H6.06.03.02]. Hằng năm, Trường thông báo nhu cầu bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp tới các Khoa/Viện trong Trường [H6.06.03.08]. Những giảng viên đủ tiêu chuẩn nộp hồ sơ lên phòng TCCB và Phòng TCCB lập danh sách và trình Hội đồng đào tạo Trường bỏ phiếu bổ nhiệm [H6.06.03.09].

Ngoài ra, Trường cũng đề ra những tiêu chuẩn cho từng chức vụ quản lí cụ thể như Trưởng khoa, Phó trưởng khoa, Trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy, NCKH. Việc bổ nhiệm chức danh Lãnh đạo còn dựa trên trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế của CB và còn dựa trên công tác quy hoạch đội ngũ CB lãnh đạo quản lý của Khoa và Nhà trường [H6.06.03.02].

Tất cả các văn bản quy định tiêu chí lựa chọn giảng viên để phát triển và thăng tiến trong các chức vụ quản lý và bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp được công bố công khai trên hệ thống quản lý văn bản của Trường [H6.06.03.10]. Khi thực hiện quy trình bổ nhiệm chức vụ quản lý và chức danh nghề nghiệp, các tiêu chuẩn bổ nhiệm được thông báo công khai trong các cuộc họp Khoa/Viện để đội ngũ cán bộ Khoa/Viện bỏ phiếu tín nhiệm.

*2. Điểm mạnh*

- Trường Đại học Vinh đã ban hành những quy định cụ thể trong tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển trên cơ sở vận dụng các văn bản pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, các nội dung các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên do Nhà trường ban hành cũng được thảo luận rộng rãi, công khai trước khi đưa ra quy định chính thức bằng văn bản, cập nhật trên I-office của Nhà trường.

- Công tác CB của Trung tâm GDQP&AN được thực hiện theo Quy định về quy trình, tiêu chuẩn và tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển CB, GV rõ ràng, minh bạch, công khai. Đội ngũ GV của Khoa đạt đầy đủ các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, NCKH và nghiệp vụ sư phạm.

*3. Điểm tồn tại*

- Việc thu thập thông tin góp ý xây dựng văn bản quy định của Nhà trường bằng hình thức thủ công, gây tốn kém thời gian và nhân lực để tổng hợp thông tin phản hồi. Dữ liệu điện tử trên iOffice khó tìm kiếm và chưa đầy đủ.

- Mặc dù các thông báo tuyển dụng được phổ biến công khai trên webite, nhưng thông tin vẫn chưa được lan truyền rộng rãi, biểu hiện là số lượng ứng viên nộp hồ sơ tuyển dụng chưa phong phú.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | |
| Bắt đầu | Hoàn thành |
| 1. | Khắc phục tồn tại | - Sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin để thu thập các ý kiến như Google form.  - Về IOffice cần tải đầy đủ hơn các văn bản cũ, phân loại thông tin, từ khóa tìm kiếm.  - Đa dạng hóa các hình thức thông báo tuyển dụng để thông tin tuyển dụng rộng rãi hơn, giúp nâng cao số lượng và chất lượng ứng viên. Ngoài Website của Trường, có thể thông báo trên Báo điện tử, Truyền hình, mạng lưới cựu sinh viên. | Nhà trường  Trung tâm;  Phòng TCCB | Năm 2024 | Hàng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Phát huy và duy trì tốt những điểm mạnh đã có | Trung tâm GDQP&AN |  | Hàng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 4/7 điểm

### Tiêu chí 6.4: Năng lực của đội ngũ giảng viên được xác định và được đánh giá.

1. *Mô tả hiện trạng*

Chất lượng đào tạo nguồn nhân lực là yếu tố tiên quyết quyết định đến sự phát triển của Nhà trường cũng như quyết định đến chất lượng đào tạo, NCKH. Trong đó, năng lực của GV đóng vai trò then chốt. Chính vì vậy trong định hướng phát triển của Nhà trường nói chung và của ngành GDQP-AN nói riêng, việc đầu tư đội ngũ GV cả về số lượng và chất lượng luôn là một trong những mục tiêu phấn đầu hàng đầu. Nhà trường có quy định rõ ràng đối với năng lực của giảng viên dựa trên cơ sở quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của viên chức giảng dạy [H6.06.04.01], bao gồm tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, trách nhiệm giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên, định mức giờ chuẩn cho từng đối tượng giảng viên. Ngay từ khâu tuyển dụng, năng lực của đội ngũ GV, NCV được xác định và đáp ứng các quy định hiện hành. theo đó, năng lực của của giảng viên được xác định rõ ràng, bao gồm: *năng lực NCKH*; *năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện CTDH*; n*ăng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giảng dạy*, *kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu CĐR*; *năng lực ứng dụng sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học*; *năng lực tổ chức cho sinh viên NCKH*; *năng lực ngoại ngữ*.

Đây là cơ sở để có thể thực hiện hoạch định nguồn nhân lực, kế hoạch kế cận đồng thời hỗ trợ cho kế hoạch tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, xây dựng chế độ chính sách và đánh giá nhân sự. Nhà trường cũng đã ban hành các văn bản quy định về tiêu chí tuyển dụng và phát triển đội ngũ GV, NCV [H6.06.04.02]. Ngoài ra tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ GV được yêu cầu ở Đề án vị trí việc làm, mô tả chi tiết trong bản mô tả vị trí công việc của giảng viên [H6.06.04.03].

Hiện nay, tất cả các GV của ngành GDQP-AN đều có đủ yêu cầu về bằng cấp chuyên môn và có khả năng tự thiết kế, thực hiện CTDH và được thể hiện qua hồ sơ năng lực giảng viên [H6.06.04.04].

Nhà trường và Trung tâm GDQP&AN đã xác định năng lực của mỗi GV ngoài sự thể hiện thông qua hệ thống văn bằng, chứng chỉ như trình độ chuyên môn (TS, ThS, ...), chức danh (GS, PGS), trình độ ngoại ngữ (văn bằng chứng chỉ ngoại ngữ), trình độ tin học (văn bằng chứng chỉ theo quy định), năng lực sư phạm (chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm) còn thể hiện trên các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn nghiệp vụ khác. Năng lực đào tạo của GV được thể hiện ở hoạt động giảng dạy trên lớp (ý kiến đánh giá nhận xét của NH và đồng nghiệp), hướng dẫn luận văn ThS và luận án TS; năng lực của GV về NCKH được xác định từ kết quả NCKH như số lượng đề tài, dự án các cấp chủ trì hoặc tham gia thực hiện, số lượng và chất lượng các công trình khoa học được công bố, các sản phẩm khoa học được ứng dụng trong thực tiễn, biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo... Đối với GV, các năng lực về giảng dạy, NCKH và các nhiệm vụ khác được quy định rất rõ trong Quy định về chế độ làm việc đối với GV [H6.06.04.05].

Trong giai đoạn từ 2019 - 2023, giảng viên của Trung tâm GDQP&AN đã thực hiện, 5 đề tài cấp cơ sở; công bố 72 bài báo tạp chí khoa học trong nước và 4 báo cáo tham luận hội thảo từ cấp trường trở lên. Thông qua kết quả của hội đồng đánh giá, GV của Trung tâm đã không ngừng điều chỉnh về năng lực giảng dạy, nghiên cứu và xây dựng kế hoạch công tác được thể hiện vào kế hoạch năm học mới của đơn vị; Nhà trường có cơ sở xây dựng kế hoạch chiến lược về phát triển công tác cán bộ để đáp ứng được mục tiêu phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường.

Hàng năm, Trường Đại học Vinh thực hiện đánh giá năng lực của đội ngũ giảng viên trên cơ sở bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức do Nhà trường ban hành. Cuối mỗi năm học, các giảng viên đều tiến hành tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo chức danh được giao; Bộ môn và lãnh đạo Trung tâm GDQP&AN đánh giá; cuối cùng Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Trường đánh giá; bình xét xếp loại thi đua theo các mức: *Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ* [H6.06.04.06]. Căn cứ vào kết luận của Hội đồng đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, Hiệu trưởng Nhà trường ban hành văn bản quyết định công nhận danh hiệu thi đua của năm học [H6.06.04.07]. Kết quả đánh giá năng lực hằng năm của GV của Trung tâm GDQP&AN trong 5 năm liên tiếp từ năm 2019 đến năm 2023 cho thấy, tất cả các giảng viên của Trung tâm GDQP&AN đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H6.06.04.08].

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng đã ban hành các quy định, chính sách về đánh giá và khen thưởng và được cụ thể hóa trong quy chế thi đua khen thưởng, quy chế lương [H6.06.04.09].

Ngoài ra năng lực của đội ngũ GV còn được đánh giá thông qua kết quả khảo sát HV về chất lượng giảng dạy của GV trong năm học, đây là một kênh quan trọng để xác định năng lực chuyên môn của đội ngũ GV. Sau khi tổng hợp phân tích kết quả khảo sát ý kiến của HV về hoạt động giảng dạy của GV. Nhà trường sẽ gửi kết quả cho Khoa để giúp GV tổng kết lại hoạt động giảng dạy của mình [H6.06.04.10], để từ đó có thể có thể phát huy điểm mạnh và khắc phục những hạn chế nếu có, nhằm ngày càng nâng cao năng lực và có căn cứ để xây dựng kế hoạch tự học tập, bồi dưỡng để đạt chuẩn GV theo quy định.

*2. Điểm mạnh*

- Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định về các tiêu chí xác định năng lực của GV, NCV có quy trình cụ thể, rõ ràng để triển khai đánh giá, đảm bảo việc đánh giá chính xác góp phần cải thiện và nâng cao năng lực đội ngũ.

- Đội ngũ GV của Trung tâm đều hoàn thành vượt mức nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và hoạt động cộng đồng hàng năm. Nhiều GV được tặng danh hiệu thi đua bậc cao về thành tích giảng dạy và NCKH.

*3. Điểm tồn tại*

- Còn một số năng lực cần thiết cho giảng viên đào tạo trình độ đại học hiện nay mà Nhà trường chưa yêu cầu cụ thể như năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế.

- Các thông tin về định mức của giảng viên cập nhật chưa kịp thời như định mức giờ dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn khác.

- Trình độ ngoại ngữ và năng lực NCKH của các GV trong Trung tâm chưa đồng đều.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | |
| **Bắt đầu** | **Hoàn thành** |
| 1. | Khắc phục tồn tại | - Nhà trường cần bổ sung yêu cầu cụ thể về những năng lực cần thiết cho giảng viên hiện nay như giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế.  - Cần cập nhật thông tin về định mức giờ dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn khác của GV vào đầu năm học.  - Khoa cần yêu cầu tất cả các CB, GV xây dựng kế hoạch cụ thể tích cực tham gia các lớp bồi dưỡng, thường xuyên nghiên cứu sách báo, tài liệu, tham gia các buổi nghiệm thu các đề tài NCKH của các đồng nghiệp để học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức, kỹ năng về NCKH cho bản thân, khắc phục những điểm còn yếu trong NCKH | Nhà trường;  Trung tâm GDQP&AN ;TCCB | Năm 2024 | Hàng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá giảng viên, nghiên cứu viên theo các tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Nhà trường đề ra | Trung tâm GDQP&AN | Năm 2024 | Hàng năm |

*5.Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

### Tiêu chí 6.5: Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

*1. Mô tả hiện trạng*

Quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế đòi hỏi Nhà trường và mỗi CB-GV-NV không ngừng nỗ lực để từng bước đổi mới và nâng cao năng lực chuyên môn, trình độ tin học ngoại ngữ để không lạc hậu so với các trường Đại học trong khu vực và trên thế giới. Nhà trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường theo từng giai đoạn (*trong đó có chiến lược phát triển nguồn nhân lực đóng vai trò then chốt*) [H6.06.05.01]; Các Quy định/quy chế về công tác cán bộ [H6.06.05.02]. Đồng thời, Nhà trường cũng ban hành kế hoạch phát triển đổi ngũ GV, NCV hàng năm, bao gồm: Kế hoạch tuyển dụng [H6.06.05.03]; Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ [H6.06.05.04].

Việc xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực là bước đầu tiên quan trọng trong xây dựng chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường. Để xác định đúng nhu cầu đào tạo, Trường Đại học Vinh và Trung tâm GDQP&AN đã thực hiện khảo sát và tìm hiểu nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ GV. Việc đánh giá nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của GV chủ yếu được thực hiện trên cơ sở khảo sát nhu cầu của từng Bộ môn thông qua Kế hoạch phát triển năm học của các Bộ môn, đồng thời thực hiện thống kê, phân tích, đánh giá nhu cầu trên cơ sở quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường và của Khoa [H6.06.05.05], [H6.06.05.06].

Trên cơ sở xác định nhu cầu đào tạo, Trung tâm GDQP&AN đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ dài hạn, trung hạn và kế hoạch đào tạo hàng năm. Từ đó, Nhà trường có kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ GV giai đoạn 2019 - 2023; Kế hoạch bổ nhiệm các chức danh GS, phó GS cũng như kế hoạch thi thăng hạng viên chức đáp ứng nhu cầu bồi dưỡng phát triển đội ngũ của từng đơn vị. Kế hoạch về đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên của Trung tâm GDQP&AN được xây dựng dựa trên yêu cầu thực tế. Hàng năm, căn cứ vào thực tiễn hoạt động và nhiệm vụ của từng giảng viên, Trung tâm GDQP&AN rà soát và bổ sung nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đưa vào kế hoạch năm học trình Nhà trường tổng hợp và phê duyệt [H6.06.05.04].

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được triển khai thực hiện nhằm đáp ứng kế hoạch dài hạn của Khoa: có đầy đủ đội ngũ GV tiến sĩ chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đào tạo đội ngũ học viên chất lượng cao. Nhà trường đặc biệt khuyến khích cán bộ đi học tập, nâng cao trình độ ở nước ngoài với các chương trình học bổng, các khóa bồi dưỡng ngắn hạn được thông báo công khai và tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ GV trẻ tham gia [H6.06.05.07] [H6.06.05.08].

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của  
GV, NCV được triển khai thực hiện. Có ít nhất 75% số GV, NCV được đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ theo kế hoạch của Nhà trường. Khoa và Nhà trường có chủ trương khuyến khích giảng viên phát triển chuyên môn, trao đổi kết quả nghiên cứu thông qua việc tham gia các Hội thảo khoa học ở các Trường Đại học, các Viện nghiên cứu, các tổ chức trong nước hoặc quốc tế [H6.06.05.07] [H6.06.05.08].

Trường đã tổ chức các khóa bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, các lớp ngoại ngữ, tin học, các khóa bồi dưỡng về quản lí hành chính, lí luận chính trị, an ninh-quốc phòng cho đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lí cũng như cử cán bộ đi học tập, bồi dưỡng tại các cơ sở đào tạo khác. Nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn đã được nhà trường triển khai hoàn thành kế hoạch đặt ra hàng năm [H6.06.05.08].

*Bảng 6.5.1.Thống kế số lượt cán bộ cơ hữu của Trường được cử đi đào tạo, bồi dưỡngtrong 5 năm chu kỳ đánh giá (từ năm 2019-2023)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đi học dài hạn (trên 1 năm) | Năm | | | | | |
| 2019 | 2020 | 2021 | 2022 | 2023 | Tổng 5 năm |
| Tổng cộng toàn trường | 19 | 18 | 15 | 19 | 16 | 87 |
| 1.Nước ngoài | 8 | 2 | 2 | 2 | 1 | 15 |
| 2.Trong nước | 11 | 16 | 13 | 17 | 15 | 72 |
| Đào tạo bồi dưỡng (ngắn hạn) |  |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng toàn trường | 519 | 475 | 311 | 441 | 611 | 2357 |
| 1.Chức danh nghề nghiệp | 286 | 232 | 73 | 57 | 2 | 650 |
| 2.Lý luận chính trị | 14 | 16 | 78 | 24 | 27 | 159 |
| 3.Nghiệp vụ sư phạm |  |  |  |  |  | 0 |
| 4.Ngoại ngữ | 81 | 59 | 2 | 96 | 27 | 265 |
| 5.Công nghệ thông tin | 97 |  |  |  |  | 97 |
| 6.Quốc phòng An ninh | 41 |  | 60 | 78 | 149 | 328 |
| 7.Các lớp bồi dưỡng khác |  | 155 |  | 68 | 99 | 322 |
| 8.Hội nghị/Hội thảo tập huấn & Tham quan trao đổi học thuật |  | 13 | 98 | 118 | 307 | 536 |

Nhờ việc xác định đúng nhu cầu và có kế hoạch phù hợp, thực hiện kế hoạch hiệu quả, từ năm 2017 đến nay tất cả GV mà Trung tâm tuyển dụng đều được đào tạo ThS, Trung tâm và Nhà trường có chủ trương khuyến khích giảng viên phát triển chuyên môn, trao đổi kết quả nghiên cứu thông qua việc tham gia các Hội thảo khoa học ở các Trường Đại học, các Viện nghiên cứu, các tổ chức trong nước hoặc quốc tế [H6.06.05.09].

Bảng 6.5.2. Thống kê số lượng GV đi học dài hạn giai đoạn 2017-2023

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Số lượng**  **đi học Thạc sĩ** | **Nơi học tập** | **Nguồn kinh phí** |
| 2017-2018 | 2 | Trường ĐH Vinh | Trường ĐH Vinh |
| 2018 -2019 | 2 | Trường ĐH Vinh | Trường ĐH Vinh |
| 2019-2020 | 2 | Trường ĐH Vinh | Trường ĐH Vinh |
| 2020-2021 | 2 | Trường ĐH Vinh | Trường ĐH Vinh |

Trường luôn tạo điều kiện cả vật chất và tinh thần để các GV được học tập nâng cao trình độ. Những GV đi học TS được trường miễn, giảm giờ, hỗ trợ học phí và có chế độ hỗ trợ khác. Nhà trường còn có các chế độ, chính sách khuyến khích, hỗ trợ GV tham gia học tập, nâng cao trình độ, trong đó có qui định rõ về sự hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, thanh toán tiền mua tài liệu; thanh toán tiền tàu xe; hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán bộ, GV tham gia các đợt tập huấn, bồi dưỡng [H6.06.05.10].

*Bảng 6.5.3. Bảng tổng hợp chi cho đào tạo bồi dưỡng của cán bộ trong 5 năm của Trường Đại học Vinh*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Khoản mục chi | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | Tổng 5 năm |
| I | Chi cho đào tạo bồi dưỡng đội ngũ | 2.142,68 | 1.370,86 | 1.337,37 | 1.742,20 | 1.702,13 | 8.295,24 |
| 1 | Chi cho đào tạo dài hạn | 2.039,38 | 1.304,36 | 1.042,12 | 731,28 | 1.461,73 | 6.578,87 |
| 2 | Chi cho bồi dưỡng ngắn hạn | 103,30 | 66,50 | 295,25 | 1.010,92 | 240,40 | 1.716,37 |

Kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV được Nhà trường giám sát, đánh giá hàng năm. Phòng Tổ chức cán bộ là đơn vị được phân công thực hiện việc giám sát, đánh giá thực hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của GV. Thông qua hoạt động báo cáo, đánh giá, phân loại viên chức cuối năm, quá trình học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của GV được giám sát và ghi nhận. Các GV tham gia các khóa đào tạo dài hạn trong và ngoài nước phải báo cáo tình hình, kết quả cũng như tiến độ học tập cho Trung tâm GDQP&AN và Nhà trường. Sau khi hoàn thành khóa học, GV báo cáo kết thúc chương trình để làm cơ sở cho Nhà trường tiếp nhận và bố trí công tác hợp lý theo nhu cầu. Trên cơ sở đó, Nhà trường đã có những điều chỉnh và kế hoạch triển khai cho các năm học tiếp theo giúp công tác phát triển đội ngũ nguồn nhân lực ngày càng đa dạng và đạt hiệu quả cao [H6.06.05.11].

*2. Điểm mạnh*

- Trung tâm GDQP&AN và Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến của GV về nhu cầu bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV.

- Nội dung đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV thiết thực, phong phú, phù hợp với nhu cầu của GV.

- Trung tâm GDQP&AN và Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sỹ, tiến sỹ, các khóa đào tại ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo, ...).

*3. Điểm tồn tại*

- Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và Trung tâm GDQP&AN được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CĐR của các học phần của CTĐT chuyên khoa.

- Chưa có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian**  **thực hiện** | |
| **Bắt đầu** | **Hoàn thành** |
| 1. | Khắc phục  tồn tại | - Hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ GV được Nhà trường và Khoa được tiến hành chưa đa dạng và thường xuyên  - Cần có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên. | Nhà trường,  Trung tâm GDQP&AN | 6/2024 | Hàng năm |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | - Tiếp tục thường xuyên khảo sát lấy ý kiến của GV về nhu cầu bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của GV.  - Tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ  - Tiếp tục có các chính sách hỗ trợ cán bộ, giảng viên hoàn thành nhiệm vụ học tập | Phòng TCCB, Trung tâm GDQP&AN | Năm 2024 | Hàng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

### Tiêu chí 6.6: Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

*1. Mô tả hiện trạng*

Để thực hiện tốt việc quản trị theo kết quả công việc, đánh giá hiệu quả công việc của GV trong công tác giảng dạy, NCKH và PVCĐ, Trường Đại học Vinh đã xây dựng và ban hành các quy định, quy chế với các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của GV, NCV đáp ứng theo đúng quy định hiện hành. Các tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể đối với các nhóm đối tượng khác nhau, riêng đối với GV sẽ đánh giá dựa trên*: Khối lượng, chất lượng giảng dạy; Khối lượng, chất lượng NCKH; Khối lượng, chất lượng các hoạt động chuyên môn khác* [H6.06.06.01] [H6.06.06.02].

Bên cạnh những quy định cụ thể về khối lượng công việc, trường cũng có các quy chế về việc đánh giá, xếp loại các bộ công chức [H6.06.06.03]; Quy chế về việc thi đua, khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau [H6.06.06.04]. Hằng năm, Nhà trường ban hành các văn bản hướng dẫn đánh giá, phân loại cán bộ, công chức viên chức, người lao động và các văn bản về thi đua, khen thưởng để các đơn vị trong toàn trường thực hiện [H6.06.06.05] [H6.06.06.06]. Quá trình xây dựng các quy chế, quy định đánh giá, xếp loại và thi đua, khen thường được công khai xin ý kiến của các GV trong nhà trường thông qua các buổi họp của Khoa và các đợt lấy ý kiến chung của toàn trường [H6.06.06.07].

Trên cơ sở các quy định và tiêu chí đã được ban hành, Nhà trường và Trung tâm GDQP&AN có kế hoạch công tác cụ thể hàng năm đối với GV, trong đó có phân công cụ thể, mô tả chi tiết các công việc, nhiệm vụ cho từng ngạch cán bộ giảng dạy theo quy định đối với GV đại học như hoạt động giảng dạy, NCKH và PVCĐ, nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và các hoạt động khác, đồng thời đăng ký danh hiệu thi đua năm học [H6.06.06.08]. Đầu mỗi năm học, các Bộ môn dựa trên khối lượng giảng dạy được Nhà trường giao, phân công cho từng GV theo quy định. Từ đó, mỗi GV sẽ lập kế hoạch năm học cụ thể, thể hiện nội dung công việc của bản thân và tiến độ thời gian hoàn thành để thuận tiện cho việc quản lý, theo dõi, giám sát lao động. Hệ thống quản lý việc thực hiện của Nhà trường được thực hiện một cách khoa học từ cơ cấu quản lý, triển khai thực hiện, đào tạo bồi dưỡng đến ghi nhận kết quả và khen thưởng kỷ luật. Hệ thống các quy chế, quy định này được xây dựng và ban hành rộng rãi, đầy đủ và được cập nhật theo từng năm học. Trong đó, định mức giờ chuẩn giảng dạy, NCKH và hoạt động chuyên môn của GV được quy định tại quy chế chi tiêu nội bộ Trường Đại học Vinh. Kết quả NCKH và việc đánh giá, khen thưởng được quy định trong Quy định quản lý hoạt động KHCN.

Nhà trường đã triển khai thực hiện quản trị theo kết quả công việc trong hoạt động giảng dạy nghiên cứu, NCKH và hoạt động chuyên môn. Việc đánh giá kết quả công việc của CB - GV - NV luôn được công khai, minh bạch thông qua hệ thống quản lý online trên phần mềm, có minh chứng kèm theo các sản phẩm NCKH như bài báo, sách xuất bản, seminar khoa học,…[H6.06.06.09]. Cuối năm học, GV thực hiện việc TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và đối sánh với kế hoạch đề ra đầu năm và TĐG mức độ hoàn thành công việc của bản thân để tự xếp loại theo các mức: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; *Hoàn thành tốt nhiệm vụ; Hoàn thành nhiệm vụ; Không hoàn thành nhiệm vụ; Không xếp loại*. Căn cứ trên kế hoạch phân công giảng dạy, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác từng học kỳ của GV. Bộ môn tổng hợp khối lượng công việc để tiến hành đánh giá việc thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt, sau đó trình Hội đồng thi đua Trung tâm GDQP&AN xem xét. Ngoài ra, lãnh đạo Trung tâm GDQP&AN còn căn cứ vào bản mô tả công việc của GV, trong đó thể hiện rõ khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành các công việc được giao trong năm học [H6.06.06.10]. Hội đồng thi đua Trung tâm GDQP&AN sẽ tiến hành đánh giá nhân sự thuộc Viện, xem xét, đánh giá, xếp loại và bình bầu các danh hiệu thi đua. Căn cứ vào đề xuất của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của Trung tâm GDQP&AN, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Nhà trường họp xét, bỏ phiếu tín nhiệm và đề nghị Hiệu trưởng quyết định công nhận các danh hiệu thi đua và khen thưởng như: *Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng* [H6.06.06.11]. Đây cũng là căn cứ để chi trả thu nhập tăng thêm cho cán bộ, thu nhập tăng thêm sẽ động viên, khuyến khích cán bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm [H6.06.06.12].

Việc quản trị theo kết quả công việc đã giúp CB, GV Trung tâm GDQP&AN nói chung, ngành GDQP&AN nói riêng nâng cao được hiệu quả công việc của mình, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của ngành và nhà trường. Trong các năm học giai đoạn 2019-2023, GV của ngành … luôn hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ được giao về giảng dạy theo kế hoạch năm học. 100% GV ngành GDQP&AN hoàn thành hoặc vượt mức thực hiên giờ chuẩn, NCKH và hoạt động chuyên môn nghiệp vụ. Kết quả đánh giá viên chức hằng năm giai đoạn 2019-2023 gần 100% GV ngành GDQP&AN được xếp loại lao động tiên tiến trở lên [H6.06.06.11]. Khi có kết quả đánh giá, xếp loại. Nhà trường đã đưa kết quả lên hệ thống Ioffice để lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, viên chức toàn trường [H6.06.06.13]. Kết quả cho thấy, tất cả các CB, GV đều hài lòng với cách quản trị theo kết quả công việc của CB, GV và kết quả đánh giá viên chức hằng năm của Nhà trường.

*2. Điểm mạnh*

- Nhà trường có hệ thống văn bản với các quy định, quy chế cụ thể với các tiêu chí rõ ràng để đánh giá hoạt động của GV, NCV trong các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.

- Việc quản trị theo kết quả công việc của GV được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong CB, viên chức.

- Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của GV đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ của GV trong Khoa.

*3. Điểm tồn tại*

- Việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị khiến cho nhiều cán bộ có thành tích nhưng không được khen thưởng.

- Một số GV có khối lượng, hiệu quả công việc chưa đồng đều, khối lượng còn đạt mức khá thấp. Chưa thấy nhiều các hoạt động phục vụ cho cộng đồng.

- Chưa có hệ thống theo dõi và đánh giá được mức độ và hiệu quả hành động của GV sau đánh giá.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị,**  **người thực**  **hiện** | **Thời gian thực hiện** | |
| **Bắt đầu** | **Hoàn thành** |
| 1. | Khắc phục  tồn tại | - Nhà trường cần xem lại việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị để kịp thời động viên nhiều cán bộ có thành tích và tăng tính tự chủ tự chịu trách nhiệm.  - Khoa cần điều phối hợp lý hơn để một số GV có khối lượng, hiệu quả công việc được đồng đều, đạt mức độ và hiệu quả cao. Kế hoạch cụ thể cần có nhiều các hoạt động phục vụ cộng đồng.  - Nhà trường cần có hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động của GV sau đánh giá. | Nhà trường  Trung tâm GDQP&AN  Nhà trường | Năm 2024  Năm 2024  Năm 2024 |  |
| 2. | Phát huy  điểm mạnh | - Rà soát thường xuyên hệ thống văn bản với các quy định, quy chế cụ thể để đánh giá hoạt động của GV trong các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động chuyên môn khác.  - Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá GV nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.  - Tăng thêm chính sách khen thưởng về kết quả công việc để tạo động lực cho GV trong hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động PVCĐ. | Nhà trường | Năm 2024 |  |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 4/7 điểm

### Tiêu chí 6.7: Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

*1. Mô tả hiện trạng*

Trong kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường, nghiên cứu, phát triển và đổi mới về KHCN là một trong những nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao chất lượng đào tạo. Các chính sách về nghiên cứu, phát triển và đổi mới được Nhà trường ban hành và tiến hành rà soát, điều chỉnh định kì cho phù hợp với kế hoạch chiến lược phát triển KHCN, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường trong từng giai đoạn cụ thể và phù hợp với điều kiện về CSVC, đội ngũ nhân lực hiện tại và tương lai của Nhà trường [H6.06.07.01].

Bên cạnh đó, Nhà trường ban hành các văn bản có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng sản phẩm NCKH mà GV, NCV phải thực hiện, cũng như các văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ bao gồm seminar khoa học cấp Khoa/Viện, Bộ môn; seminar khoa học mời chuyên gia báo cáo; tổ chức hội thảo, hội nghị quốc tế, quốc gia; tổ chức hội thảo, hội nghị cấp Trường. Thông qua các hội thảo, Hội nghị trao đổi học thuật với các Nhà khoa học, việc quảng bá hình ảnh của Nhà trường và của Khoa/Viện ngày càng được tăng cao và hiệu quả [H6.06.07.02] [H6.06.07.03]. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV được xác lập rõ ràng, trong đó có quy định số giờ NCKH cho các giảng viên theo hệ số lương như sau: *hệ số lương > 6,2: 350 giờ; >5,76: 325 giờ; >4,40: 295 giờ; >4,32: 270 giờ; >3,33:235 giờ; >2,34: 225 giờ* (trích từ quy định chế độ làm việc đối với giảng viên số 1181/QĐ-ĐHV ngày 12/5/2021) [H6.06.07.04].

Trong bản kế hoạch hàng năm, các GV luôn đề ra các mục tiêu NCKH cụ thể của từng cá nhân, trong đó ghi rõ các loại hình, các công trình nghiên cứu sẽ tham gia (tham gia đề tài, dự án, viết báo khoa học, hướng dẫn người học NCKH) đảm bảo số giờ phải nghiên cứu phải đảm nhiệm theo chức danh, ngoài ra còn quy định rõ tiến độ, thời gian thực hiện và các nguồn lực cần thiết để hoàn thành nghiên cứu. Ban lãnh đạo Trung tâm GDQP&AN và Bộ môn căn cứ vào bản kế hoạch theo dõi, giám sát, tạo động lực, thúc đẩy, hỗ trợ hoạt động NCKH của GV [H6.06.07.05].

Kết quả hoạt động NCKH, kết quả đánh giá về mức độ đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV, NCV theo từng năm được xác lập, thống kê, so sánh, để đánh giá và cải tiến chất lượng NCKH của Bộ môn và Trung tâm GDQP&AN. Kết thúc năm học, Bộ môn, Khoa, Trường tổ chức đánh giá hoạt động NCKH của GV, NCV, quy đổi thành giờ thực tế, so sánh với định mức làm cơ sở để đánh giá, có đối sánh với năm trước đó đề ra các nhiệm vụ cải tiến trong những năm tiếp theo. Tất cả GV trong Trung tâm GDQP&AN đều hoàn thành định mức giờ chuẩn NCKH. Hầu hết GV chủ trì hoặc tham gia các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài được tiến hành và nghiệm thu đúng tiến độ, một số kết quả nghiên cứu của đề tài được ứng dụng trong thực tiễn: đổi mới phương pháp giảng dạy, hình thức đánh giá trong đào tạo ngành GDQP&AN [H6.06.07.06]. Trong giai đoạn đánh giá, ngành GDQP&AN công bố các bài báo trên tạp chí uy tín trong nước; báo cáo tại kỷ yếu hội thảo trong nước; xuất bản sách/giáo trình tham khảo, và thực hiện các đề tài khoa học cấp Trường, cấp Bộ [H6.06.07.07] [H6.06.07.08]. Về kinh phí đầu tư cho hoạt động NCKH được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của trường [H6.06.07.09].

*Bảng 6.7.1. Bảng tổng hợp chi cho NCKH của Giảng viên trong 5 năm của Trường Đại học Vinh*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khoản mục chi** | **Năm 2019** | **Năm 2020** | **Năm 2021** | **Năm 2022** | **Năm 2023** | **Tổng 5 năm** |
| I | Chi cho NCKH | 18.203,00 | 13.906,47 | 15.633,00 | 17.001,35 | 18.591,25 | 83.335,08 |
| 1 | Chi cho NCKH của Giảng viên | 17.987,00 | 13.708,47 | 15.268,00 | 16.451,35 | 18.012,25 | 81.427,07 |
| 2 | Chi cho NCKH của người học | 216,00 | 198,00 | 365,00 | 550,00 | 579,00 | 1.908,00 |

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng nghiên cứu khoa học của Trung tâm GDQP&AN và của Nhà trường cũng như các tổ chức khác trong và ngoài nước. Các ấn phẩm khoa học bao gồm sách chuyên khảo; Giáo trình phục vụ giảng dạy các môn chuyên ngành; Tài liệu học tập các học phần chuyên ngành do Khoa quản lý; Các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp; Các bài báo được đăng trên các tạp chí chuyên ngành uy tín và các Hội thảo khoa học các cấp có Hội đồng phản biện chặt chẽ nhằm đảm bảo về chất lượng.

Kết quả NCKH của Khoa sẽ được nghiên cứu, đối sánh giờ NCKH từng GV phải thực hiện với số giờ NCKH thực tế đã thực hiện của mỗi cán bộ, từ đó nghiên cứu điều chỉnh nhằm cải tiến số lượng và chất lượng NCKH được thể hiện qua sổ tay NCKH hàng năm của GV và kết quả đánh giá, phân loại giảng viên hàng năm. Sau mỗi lần đối sánh, số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV đã có sự cải thiện [H6.06.07.10][H6.06.07.11].

Nhà trường cũng có hình thức khen đối với các GV có công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí, các nhà xuất bản có uy tín để tạo động lực cho các GV [H6.06.07.12] [H6.06.07.13]. Với các thành tích về NCKH, hàng năm Trung tâm GDQP&AN đã có nhiều GV được Hội đồng thi đua cấp Trường xếp loại hoàn thành tốt và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học [H6.06.07.14].

Hàng năm, thông qua các Hội nghị công chức viên chức đầu năm học, hội nghị tổng kết cuối năm, tổng kết công tác Đảng, Bộ môn, Trung tâm GDQP&AN và Nhà trường đều lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ giảng dạy về kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn và các đề xuất trong NCKH. Việc làm thường niên này giúp từng giảng viên đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ NCKH của mình. Từ đó, có những định hướng chiến lược thích hợp nhằm nâng cao chất lượng, số lượng các công trình NCKH, trao đổi xu hướng mới, định hướng phát triển NCKH trong tương lai, đồng thời thúc đẩy phong trào NCKH của Trung tâm GDQP&AN [H6.06.07.15].

*2. Điểm mạnh*

- Có hệ thống văn bản cụ thể về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH mà GV và NCV phải thực hiện.

- Các hoạt động nghiên cứu khoa học của GV và NCV được định kỳ rà soát về số lượng và chất lượng, được giám sát và đối sánh hàng năm bởi các cá nhân, Khoa/Viện, phòng Khoa học và Hợp tác quốc tế và có cải tiến chất lượng qua hàng năm.

- Đội ngũ GV tham gia nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau, bao gồm đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp bộ. Bên cạnh đó, các GV còn xuất bản sách chuyên khảo và sách phục vụ đào tạo. Các bài báo khoa học và công bố trên các tạp chí uy tín cũng chiếm tỷ lệ cao trong hồ sơ NCKH của GV.

*3. Điểm tồn tại*

- Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước còn ít, số lượng GV tham gia các đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài còn hạn chế.

- Số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế còn ít.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | |
| **Bắt đầu** | **Hoàn thành** |
| 1. | Khắc phục tồn tại | - Tăng cường đấu thầu các chương trình nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp Bộ, cấp Nhà nước.  -Tăng cường số lượng bài báo đăng ở các tạp chí quốc tế. | Phòng KH&HTQT, Trung tâm GDQP&AN | Năm 2024 | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | - Thường xuyên rà soát lại các hệ thống văn bản các loại hình hoạt động NCKH.  - Định kỳ rà soát về số lượng và chất lượng và giám sát, đối sánh, cải tiến hàng năm các hoạt động NCKH  - Thường xuyên có kế hoạch bổ sung, nâng cao số lượng, chất lượng các hoạt động NCKH của GV trong Khoa. | Phòng KH&HTQT, Trung tâm GDQP&AN | Năm 2024 | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 4/7 điểm

### Kết luận về Tiêu chuẩn 6

Trường ĐH Vinh đã có kế hoạch chiến lược phát triển trường qua từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đáp ứng được mục tiêu, tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường. Nhà trường đã quan tâm xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên thực hiện các chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Công tác quy hoạch đội ngũ của Trung tâm GDQP&AN được chú trọng thực hiện đồng bộ từ Trường đến Khoa theo đúng quy trình, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường, đảm bảo có đủ đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Quy hoạch bổ nhiệm cán bộ quản lý đáp ứng mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ phù hợp với điều kiện cụ thể của Nhà trường, quy trình và tiêu chí tuyển dụng và bổ nhiệm đối với tất cả các vị trí đều rõ ràng, minh bạch mang lại hiệu quả cao tuyển chọn được ứng viên có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu của Nhà trường.

Khoa có đủ đội ngũ giảng viên cơ hữu để giảng dạy cho sinh viên Ngành GDQP-AN, đảm bảo hợp lý khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên/sinh viên. Công việc của đội ngũ giảng viên được quy đổi ra giờ chuẩn, được giám sát cả về khối lượng lẫn chất lượng làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng.

Trường có hệ thống các văn bản quy định rõ ràng và đầy đủ về tiêu chuẩn và tiêu chí lựa chọn tuyển dụng, bổ nhiệm giảng viên, làm cơ sở cho công tác lựa chọn và tuyển dụng bổ nhiệm giảng viên được tiến hành một cách công khai, minh bạch, xuất phát từ nhu cầu nhân lực của các đơn vị trong Trường.

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng. Hàng năm, Trung tâm GDQP&AN và Nhà trường đều thực hiện đánh giá năng lực giảng viên với nhiều hình thức đa dạng và ở nhiều cấp độ khác nhau.

Nhà trường và Trung tâm GDQP&AN đã xác định đúng nhu cầu đào tạo, có kế hoạch bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên.Việc thực hiện các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được giám sát, đánh giá hàng năm.

Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên được quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong cán bộ, viên chức. Chính sách khen thưởng về kết quả công việc của giảng viên đã tạo động lực và hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên Trung tâm GDQP&AN

Do làm tốt công tác quy hoạch cán bộ cũng như bồi dưỡng và phát triển đội ngũ giảng viên nên hoạt động NCKH của giảng viên Trung tâm GDQP&AN phong phú, đa dạng với nhiều công trình có chất lượng được công bố trên các tạp chí khoa học có uy tín trong nước và quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu cơ bản. Nhiều đề tài NCKH cấp Trường và cấp Bộ đã được các giảng viên Trung tâm GDQP&AN hoàn thành với kết quả tốt. Chất lượng hoạt động NCKH của giảng viên Trung tâm GDQP&AN được cải thiện theo từng năm.

Bên canh những đạt được trên, còn có một số hạn chế sau

Việc tạo nguồn quy hoạch giảng viên Trung tâm GDQP&AN đang gặp khó khăn do ngành GDQP-AN chưa có đào tạo trình độ ThS, TS Các Đề án quy hoạch liên quan đến đội ngũ giảng viên, NCV như Đề án Vị trí việc làm, Đề án thu hút, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực của Khoa chuẩn bị cho phát triển Trường ĐH Vinh trong thời gian tới chưa đầy đủ các nội dung cốt lõi. Năng lực NCKH của đội ngũ giảng viên còn hạn chế.

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của giảng viên còn chưa được quy định rõ ràng và chưa định lượng được nên công tác đánh giá phục vụ cộng đồng còn gặp khó khăn. Nhà trường đã có văn bản quy định về chất lượng công việc của GV, tuy nhiên các tiêu chí chung chưa được chi tiết hóa thành các chỉ số về chất lượng công việc đối với GV thỉnh giảng.

Một số năng lực cần thiết cho giảng viên đào tạo trình độ đại học hiện nay mà Nhà trường chưa yêu cầu cụ thể như năng lực giám sát và tự đánh giá chất lượng công việc, năng lực phối hợp trong quan hệ quốc tế…Khoa chưa xây dựng được Hồ sơ năng lực của GV, NCV trên hệ thống phần mềm.

Hiện tại, hoạt động khảo sát nhu cầu học tập nâng cao trình độ giảng viên được Nhà trường và Trung tâm GDQP&AN tiến hành nhưng chưa đa dạng, chưa thường xuyên và còn bị chậm, ví dụ về quản trị đại học hướng đến đảm bảo chất lượng toàn diện, về kỹ năng xây dựng CTĐT, phương pháp KTĐG, kỹ năng thiết kế câu hỏi đề thi hướng tới đạt được CĐR của các học phần của CTĐT chuyên khoa. Chưa có chế tài để nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên.

Việc quy định tỉ lệ khen thưởng trong đơn vị khiến cho nhiều cán bộ có thành tích nhưng không được khen thưởng. Qua thống kê đánh giá theo dõi cho thấy một số GV, NCV có khối lượng, hiệu quả công việc chưa đồng đều. Kế hoạch cụ thể của từng giảng viên chưa đầy đủ và chưa có nhiều các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Do đặc thù nên chất lượng và số lượng các hoạt động NCKH của Trung tâm chưa cao. Chất lượng và số lượng các hoạt động NCKH của Trung tâm chưa nhiều chưa đáp ứng được yêu cầu; Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước chưa có. Số bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước còn ít. Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường còn hạn chế. Việc đối sánh về hoạt động KHCN trong và ngoài trường chưa được triển khai nhằm tìm kiếm giải pháp để cải tiến chất lượng.

**Tiêu chuẩn 7****.**

**ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN**

**Mở đầu**

Trường Đại học Vinh có đội ngũ nhân viên trình độ chuyên môn cao, nghiệp vụ vững vàng hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo của Nhà trường nói chung và Trung tâm GDQPO&AN nói riêng. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng, đảm bảo tính khách quan, công bằng và minh bạch. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, trung tâm ĐBCL, các dịch vụ hỗ trợ khác…) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Đội ngũ nhân viên được Nhà trường thường xuyên tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Việc đánh giá chất lượng công việc của đội ngũ nhân viên được thực hiện qua nhiều hình thức đảm bảo tính công bằng, khách quan và ghi nhận bằng các hình thức khen thưởng hợp lí.

**Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng**

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường có phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Căn cứ vào nhu cầu và quy mô đào tạo, hàng năm Nhà trường tiến hành đánh giá, phân tích tình trạng đội ngũ nhân viên của Trường và dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên trong tương lai. Kết quả của hoạt động này được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2011 - 2020; Đề án tái cấu trúc Trường Đại học Vinh; Chiến lược phát triển Trường Đại học Vinh giai đoạn 2018 - 2025, tầm nhìn 2030, Chiến lược phát triển trường Đại học Vinh giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn 2045 và Đề án Vị trí việc làm Trường Đại học Vinh. Từ đó, Nhà trường thực hiện việc quy hoạch đội ngũ nhân viên hỗ trợ dựa trên chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhằm đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [[H7.07.01.01](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EhbAO8yPlW5BsYss0v0ID4ABUyEnlQJ439gn8C1BB1YkGw?e=lkeMqb)].

Nhà trường có chính sách thu hút, tuyển dụng đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) nhằm đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc tuyển dụng đội ngũ nhân viên hỗ trợ được Nhà trường ưu tiên cho những người có bằng cấp cao, phù hợp với công việc; ưu tiên ứng viên tốt nghiệp loại giỏi ở các trường Đại học; ưu tiên người có nhiều kinh nghiệm… Ngoài ra những SV tốt nghiệp tại trường có kĩ năng mềm tốt, có khả năng sử dụng ngoại ngữ và CNTT được giữ lại phục vụ ở các trung tâm thư viện, phòng thí nghiệm, phòng thực hành tin học, ngoại ngữ, phòng xử lí học vụ, hành chính [[H7.07.01.02](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EmqaV2YcTVlEuDaM971GvDwBSRfJVmvy32Z83WyYAoxhZw?e=aek0Ut)]. Về thu nhập hàng tháng, ngoài thu nhập từ tiền lương theo ngạch bậc, mỗi nhân viên còn được hưởng thêm một khoản thu nhập tăng thêm theo từng vị trí công tác Bên cạnh đó, cũng như tất cả các viên chức khác, các nhân viên hỗ trợ cũng được nhận thêm các khoản tiền hỗ trợ vào những dịp lễ, Tết. Ngoài ra, Trường cũng cam kết tạo điều kiện cho nhân viên hỗ trợ được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ khi có nhu cầu, chính sách khen thưởng, tăng lương trước thời hạn trong trường hợp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [[H7.07.01.03](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EtkDPBrGSu1Ls0eEPDx_QNYBFIfUnBcEHReVA9nI2tRn0w?e=qF5sai)].

Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên được Nhà trường thực hiện dựa trên phân tích/dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên. Đầu mỗi năm học, căn cứ vào nhiệm vụ của mình, các phòng, ban, trung tâm phân tích nhu cầu về đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu về chuyên môn và phù hợp với Đề án vị trí việc làm của Nhà trường. Nhà trường tổng hợp, phân tích, dự báo nhu cầu về đội ngũ nhân viên toàn trường, đối chiếu với đề án vị trí việc làm. Trên cơ sở đó, Nhà trường phê duyệt kế hoạch tuyển dụng nhân viên cho các đơn vị [[H7.07.01.04](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EpsS5Yoz2S5Cv3LgIU_XlYoBAREJLgXd6muPqBXpNqf5Ow?e=2Lyiug)]. Bên cạnh đó, nhằm phát triển năng lực và linh hoạt đội ngũ nhân viên, Nhà trường đã có chính sách luân chuyển nhân viên hành chính. Sau 05 năm làm việc, mỗi nhân viên sẽ được luân chuyển đến đơn vị mới (trừ một số vị trí đặc thù), đảm bảo cho đội ngũ nhân viên có thể “giỏi một việc và biết làm nhiều việc”, tạo ra sự linh hoạt, tươi mới trong công việc, đồng thời cũng đảm bảo sự công bằng đối với tất cả các nhân viên, cán bộ hành chính ở các đơn vị khác nhau [[H7.07.01.05](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Ekn-E8hznD9LnwUG3VbMO8gBdstv3JobJXogVPUmtCYtzA?e=Rn6f6n)].

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ đủ về số lượng và đảm bảo về chất lượng, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Công tác đào tạo ngành GDQP-AN được hỗ trợ bởi đội ngũ nhân viên làm việc tại các phòng ban, trung tâm của Nhà trường. Trường Đại học Vinh hiện có 317 nhân viên làm việc ở các trung tâm, phòng, viện, trạm, nhà xuất bản, phục vụ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và xây dựng cơ sở vật chất của Trường. Đội ngũ nhân viên làm việc ở các Trung tâm như Trung tâm Thông tin Thư viện Nguyễn Thúc Hào, Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm, Trung tâm Đảm bảo chất lượng, Trung tâm Công nghệ thông tin, Trung tâm bồi dưỡng thường xuyên. Đội ngũ nhân viên của các phòng ban như Phòng đào tạo, HSSV, TCCB, Quản trị - Đầu tư, KH&HTQT đa số có trình độ thạc sĩ trở lên, có nghiệp vụ chuyên môn đáp ứng tốt các yêu cầu công việc; thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được qui định theo chức danh nghề nghiệp do Nhà nước ban hành. Mặc dầu vậy, tính chuyên nghiệp của một vài nhân viên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ vẫn còn hạn chế, đặc biệt là năng lực về tin học. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và đề án vị trí việc làm của mỗi đơn vị hành chính, Trưởng đơn vị mô tả công việc của từng thành viên trong đơn vị và xây dựng bản phân công nhiệm vụ từng người, công khai lên website để tiện cho người khác liên hệ công việc [[H7.07.01.06](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EpwYXfopo35PkyVS8s9LAcQBCejd_IVQTx0My-sTxK_ryQ?e=pcgFlt)]. Bên cạnh đó, ngành GDQP-AN cũng được hỗ trợ trực tiếp bởi đội ngũ các chuyên viên chuyên quản, các chuyên viên chuyên quản có nhiệm vụ là đầu mối tiếp nhận, xử lý thông tin do các đơn vị đào tạo phản ánh thuộc lĩnh vực công tác, chức năng, nhiệm vụ của đơn vị [[H7.07.01.07](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EtJsrLj-iu5Apznvfkd77j4B9caG_I8H-sKdcAeEmI2q0A?e=dLy5sZ)]. Ngoài ra, Trung tâm GDQPO&AN còn có đội ngũ cán bộ hỗ trợ cấp chương trình đào tạo gồm: 01 chuyên viên phụ trách công tác văn phòng, 01 chuyên viên phụ trách quản lý công tác chính trị HSSV; có 1 trợ lý đào tạo và 1 trợ lý Đảm bảo chất lượng; có 1 giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập cho các khóa đào tạo từ năm thứ nhất đến năm thứ tư; các lớp chính quy của sinh viên cũng được phân công 4 giảng viên làm nhiệm vụ chủ nhiệm lớp [[H7.07.01.08](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EkJ3yMD9yyNDuSOBBj3KxAIBjiWOcMCd4eIxO1K8A_5ynA?e=srGud8)]. Các cán bộ hỗ trợ và giảng viên kiêm nhiệm đều được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn như kỹ năng tin học, công tác văn thư. Các nhân viên chuyên trách làm việc hành chính, các giảng viên kiêm nhiệm chủ động đăng ký lịch trực, làm việc tùy theo yêu cầu công việc và được hưởng các chế độ theo quy định của Trường.

Định kỳ hàng năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên [[H7.07.01.09](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/ErFmP9U1NqtFvhk0653HmJYBCMN9RvRhos-GMtp1VSP9eg?e=caF2GF)]. Kết quả phản hồi từ các bên liên quan giúp Nhà trường và các đơn vị có liên quan có thêm cơ sở để quy hoạch, phát triển đội ngũ nhân viên.

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường đã ban hành các chính sách thu hút, tuyển dụng để đảm bảo đội ngũ nhân viên đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, NV cụ thể đáp ứng yêu cầu công việc theo từng năm từng giai đoạn rõ ràng,.

Từ những chính sách chung về quy hoạch đội ngũ nhân viên của Trường, Trung tâm GDQPO&AN đã có những chính sách về nhân sự cho nhân viên hỗ trợ như bản mô tả vị trí công việc của nhân viên hỗ trợ trong Quy chế làm việc của Khoa. Cán bộ hỗ trợ cấp chương trình đào tạo của khoa làm việc rất hiệu quả, đáp ứng được yêu cầu công việc trong các lĩnh vực đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ người học.

*3. Điểm tồn tại*

Tính chuyên nghiệp và năng lực của một vài nhân viên cung cấp các dịch vụ hỗ trợ (quản lý nhà học, thư viện…) còn hạn chế, đặc biệt là năng lực về công nghệ thông tin. Vẫn còn một số đơn vị chưa thực hiện mô tả thật cụ thể vị trí việc làm, những yêu cầu có tính chất đặc thù của đơn vị mình.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Khắc phục tồn tại | Thường xuyên tổ chức rèn luyện, bồi dưỡng chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp, tính chuyên nghiệp cho đội ngũ nhân viên phục vụ.  Trường đẩy mạnh phát triển đội ngũ nhân viên trẻ, có năng lực về CNTT để đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số của Trường.  Rà soát hoàn thiện và cập nhật đề án vị trí việc làm của nhân viên từng đơn vị và trong toàn Trường. | Phòng Tổ chức cán bộ | Định kỳ hàng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Làm tốt công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên dựa trên nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.  Tiếp tục định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm đối với đội ngũ chuyên viên/nhân viên/kỹ thuật viên làm việc tại các đơn vị hành chính cũng như ở các đơn vị đào tạo, bảo đảm về số lượng, tiêu chuẩn phù hợp với sự phát triển của Trường cũng như các yêu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. | Ban giám hiệu; Phòng Tổ chức cán bộ | Định kì hàng  Năm |  |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

**Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai**

*1. Mô tả hiện trạng*

Căn cứ vào Nghị định 115/2020/NĐ-CP quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, Trường đại học Vinh đã ban hành các quy định cụ thể về việc tuyển dụng bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên như: Nghị quyết ban hành quy định về tuyển dụng, sử dụng, quản lý viên chức và người lao động của Trường Đại học Vinh số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023; Quy định về luân chuyển cán bộ của Trường Đại học Vinh số 06/QĐ-ĐU ngày 27/2/2023,… trong đó nêu rõ phạm vi áp dụng, điều kiện, tiêu chuẩn, hội đồng tuyển dụng, hình thức tuyển dụng,… xác định rõ ràng các tiêu chí và quy trình chặt chẽ để tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ nhân viên. Về tiêu chuẩn tuyển dụng, ngoài tiêu chuẩn chung, còn có các tiêu chuẩn cụ thể đối với từng chức danh.

*Tiêu chuẩn chung*: Được quy định tại điều 4 Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023 của Trường Đại học Vinh.

*Tiêu chuẩn cụ thể:* Đối với chức viên chức hành chính: được quy định cụ thể tại điều 6, điều 7 Nghị quyết số 07/NQ-HĐT ngày 27/3/2023.

Trong đó, tiêu chuẩn quan trọng nhất là tư cách đạo đức, trình độ chuyên môn [H7.07.02.01]. Các yêu cầu, mô tả công việc của đội ngũ nhân viên ở các trung tâm, phòng ban chức năng được mô tả tại mục chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và phân công nhiệm vụ trên Subweb của từng đơn vị chức năng của Trường [H7.07.02.02].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Trường xác định rõ ràng trên cơ sở phân tích/ khảo sát nhu cầu và ý kiến góp ý rộng rãi trong toàn Trường.

Nhà trường gửi Bản dự thảo cho các đơn vị trong Trường góp ý. Sau góp ý của các đơn vị trong Trường, Phòng Tổ chức Cán bộ tiến hành bổ sung, chỉnh sửa nội dung Quy chế. Hồ sơ góp ý cho bản Quy chế được gửi về Trường (qua phòng Tổ chức Cán bộ) hoặc qua địa chỉ Email, ngoài ra toàn văn dự thảo được đăng trên trang Web của Phòng Tổ chức Cán bộ, địa chỉ: <https://vinhuni.edu.vn> và E- Office của Trường. Căn cứ đề xuất tuyển dụng mới nhân sự của các phòng, ban, trung tâm và khoa, Nhà trường tiến hành rà soát đội ngũ nhân viên, phê duyệt kế hoạch tuyển dụng cho các đơn vị; đồng thời, ban hành Thông báo tuyển dụng viên chức, lao động hợp đồng với các tiêu chí cụ thể cho từng vị trí việc làm. [H7.07.02.03]. Cụ thể, đối với ngạch chuyên viên gồm các tiêu chí sau: Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy loại khá trở lên, chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác, ưu tiên người có kinh nghiệm đúng chuyên môn với vị trí việc làm cần tuyển; có chứng chỉ ngoại ngữ trình độ tương đương bậc 2 (A2) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được quy định tại Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT; có chứng chỉ tin học trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT. Quy trình tuyển dụng đội ngũ nhân viên được tổ chức chặt chẽ, gồm các bước theo quy trình tuyển dụng: thành lập Hội đồng tuyển dụng Trường và các Tiểu ban chuyên môn chấm thi tại các đơn vị; tổ chức thi chuyên môn nghiệp vụ; thi phỏng vấn tại Hội đồng tuyển dụng Trường.

Đội ngũ cán bộ quản lí các phòng ban chức năng của Trường chủ yếu được lựa chọn từ lực lượng GV, được bồi dưỡng thêm về công tác quản lí. Trường thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ quản lí cho các đơn vị phòng ban chức năng, đảm bảo tính kế thừa liên tục về độ tuổi, trình độ chính trị, phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ và chú trọng tới đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ [H7.07.02.04]. Việc xác lập tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển chủ yếu chỉ dựa trên nhu cầu cụ thể từng năm của các đơn vị nên còn thiếu sự đồng bộ, thống nhất. Hiện nay, Nhà trường đã triển khai tái cấu trúc bộ máy để góp phần tinh giản đội ngũ cán bộ, giảm số lượng các tổ chức không cần thiết, đặc biệt là đội ngũ cán bộ hành chính để tạo tiền đề cho việc tự chủ của trường trong vài năm tới theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT [H7.07.02.05].

Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được phổ biến tới toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và công khai bằng nhiều hình thức bao gồm cả trên trang thông tin điện tử của Trường, trên hệ thống thông tin E- Office và trên các phương tiện thông tin đại chúng [H7.07.02.06]. Việc làm này đã giúp cho công tác tuyển dụng nhân viên của Nhà trường được công khai, minh bạch và công bằng. Vì vậy, cho đến nay, Nhà trường không nhận được các khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên.

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường có hệ thống văn bản quy định về tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển. Các tiêu chí này được phổ biến công khai. Nhờ vậy, đội ngũ nhân viên hỗ trợ CTĐT của Trung tâm GDQP&AN đảm bảo về số lượng và chất lượng, đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

*3. Điểm tồn tại*

Việc phân tích, khảo sát nhu cầu và lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan về các tiêu chí để tuyển dụng, bổ nhiệm và điều chuyển nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên. Việc sử dụng kết quả của các hoạt động này để xác định tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển còn chưa hiệu quả.

1. *Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Định kỳ phân tích, kết quả khảo sát ý kiến góp ý của các bên để ban hành bộ tiêu chí tuyển dụng nhân viên thống nhất, hiệu quả. | Phòng Tổ chức cán bộ | Năm 2022 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Hoàn thiện và cập nhật các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên để đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Nhà trường trong từng thời điểm và giai đoạn. | Phòng Tổ chức cán bộ, Các phòng, ban, trung tâm và Trung tâm GDQP&AN | Định kỳ hàng năm |  |

1. *Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá

*1. Mô tả hiện trạng*

Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định rõ ràng trong Quy chế về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh và được xác định rõ ràng từng vị trí trong Đề án vị trí việc làm và vị trí công việc tại các đơn vị [[H7.07.03.01](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/ErEckjNjuTpKhRRKBa6QF3ABwir_CBuEnl3SJD-gO21iwg?e=ZzG11F)]. Đối với nhân viên làm việc tại Trung tâm thông tin thư viện Nguyễn Thúc Hào thì đội ngũ Thư viện viên, Chuyên viên làm việc phải đạt trình độ Đại học trở lên; Kỹ thuật viên tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật. Nhân viên làm việc tại Trung tâm công nghệ thông tin yêu cầu đối với Chuyên viên là tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành công nghệ thông tin; kỹ thuật viên phải tốt nghiệp trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật, có trình độ tin học và khả năng sử dụng thành thạo các trang thiết bị phục vụ công tác. Đội ngũ nhân viên làm việc tại Trung tâm Thực hành thí nghiệm yêu cầu đối với Chuyên viên là trình độ Đại học trở lên các chuyên ngành có thực hành, thí nghiệm; đối với cán sự, nhân viên yêu cầu tốt nghiệp trung cấp nghề trở lên, sử dụng thành thạo các phương tiện phục vụ thực hành thí nghiệm và các thiết bị văn phòng. Bên cạnh đó, nhân viên phải năm vững các quy định pháp luật, chế độ chính sách của ngành, lĩnh vực và các kiến thức cơ bản về lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ được giao.

Nhà trường có quy trình, phương pháp, công cụ, tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên. Nhà trường ban hành các văn bản quy định tiêu chí đánh giá, trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên [[H7.07.03.02](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EhFjtHFZZhhFvVMQzl8mg0gBS2qO9mGzBkOhZwHbHcHuPA?e=cE446v)]. Phiếu đánh giá được thiết kế rõ ràng, thể hiện đầy đủ các tiêu chí đánh giá về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, đạo đức, trách nhiệm, kết quả thực hiện nhiệm vụ [[H7.07.03.03](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EjDf4yZO7iNCqcWMHdJGl7YBJ46i99P6BYvcy0QpyCH5ww?e=KZzEwt)]. Các tiêu chí này là căn cứ để Khoa, các phòng, ban Nhà trường đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên của đơn vị mình theo quy trình chặt chẽ, góp phần xây dựng được đội ngũ nhân viên có đủ phẩm chất và năng lực để nâng cao chất lượng đào tạo.

Việc đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc được xếp loại hằng tháng và hằng năm theo 04 mức: A (Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ); B (Hoàn thành tốt nhiệm vụ); C (Hoàn thành nhiệm vụ từ 70% trở lên); D (Hoàn thành dưới 70% nhiệm vụ). Công tác đánh giá được tổ chức thường xuyên theo quy trình chặt chẽ, thống nhất qua các bước: nhân viên tự đánh giá, cấp trên đánh giá, đồng nghiệp đánh giá, người học đánh giá. Hàng tháng, các đơn vị tổ chức đánh giá xếp loại viên chức cho các nhân viên làm cơ sở để thực hiện chế độ thu nhập tăng thêm. Quy trình đánh giá, xếp loại được thực hiện qua 5 bước: *Bước 1.* Tập hợp lỗi vi phạm (theo mẫu) của các cá nhân trong tháng (nếu có) từ các phòng ban liên quan, gửi về các đơn vị có cá nhân vi phạm và Phòng Tổ chức Cán bộ trước ngày 02 hằng tháng; *Bước 2.* Các đơn vị tự đánh giá, xếp loại kết quả lao động của tháng trước căn cứ theo các tiêu chí, thực hiện từ ngày 03 đến 05 hằng tháng; *Bước 3.* Các đơn vị gửi kết quả đánh giá, xếp loại về phòng Tổ chức cán bộ trước ngày 8 hằng tháng; *Bước 4*. Phòng Tổ chức cán bộ có trách nhiệm tổng hợp, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra; *Bước 5.* Phòng Tổ chức Cán bộ trình Hiệu trưởng ký bảng kết quả tổng hợp, đánh giá, xếp loại lao động và phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính tính toán thanh toán thu nhập tăng thêm vào tháng sau liền kề theo quy định [[H7.07.03.04](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Es2cjyCzMQFErr7LYlLZ_Q4Bp1vr7l5VBVrfWbYEPNUZFw?e=3nTZj1)]. Định kỳ cuối năm học, cán bộ được đánh giá xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học gồm 4 bước: (i) cán bộ tự đánh giá; (ii) tổ chuyên môn họp đánh giá xếp loại; (iii) ban lãnh đạo đơn vị đánh giá xếp loại và đệ trình lên Trường; (iv) Hội đồng thi đua - khen thưởng của Trường đánh giá và phê duyệt xếp loại. Nhân viên hỗ trợ tự đánh giá bằng phiếu chấm điểm thi đua cá nhân dành cho khối CB hành chính theo tiêu chí thi đua của Nhà trường, bao gồm các tiêu chí về *Tư tưởng, chính trị, phẩm chất, đạo đức lối sống; Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; Tổ chức kỷ luật, chế độ báo cáo, hội họp, tham gia các hoạt động tập thể, xây dựng khối đoàn kết; Học tập, bồi dưỡng chuyên môn, ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ*. Sau đó, Trung tâm GDQPO&AN và Trường sẽ lần lượt đánh giá thông qua các cuộc họp Hội đồng Thi đua; đưa ra kết luận về điểm số và xếp loại được năng lực của đội ngũ nhân viên bao gồm năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, mức độ hoàn thành công việc và sự hài lòng của các bên liên quan [[H7.07.03.05](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EtmwneW8REtArKLZsJuZSlwB20hOetCofLqCSsx6NwUwDg?e=cbwvEK)]. Tuy nhiên, đối với tiêu chí, công cụ đánh giá riêng cho các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, hoạt động đoàn thể còn chưa có. Việc đánh giá này cũng gặp khó khăn do giờ làm việc của giảng viên kiêm nhiệm công tác cố vấn học tập, hoạt động đoàn, công đoàn chưa ổn định do phụ thuộc vào lịch giảng dạy của những giảng viên kiêm nhiệm này trong các kỳ học.

Nhà trường cũng định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động của các đơn vị hành chính và hoạt động chung của Nhà trường. Người học thực hiện khảo sát trực tuyến trong trang cá nhân trên phần mềm CMC của trường. Các mức đánh giá bao gồm: *Tốt* (mức độ đáp ứng từ 80% trở lên); *Khá* (mức độ đáp ứng từ 65 đến 79%); *Trung bình* (mức độ đáp ứng từ 50 đến 64%); *Chưa đạt* (mức độ đáp ứng dưới 50%). *Chưa tiếp xúc*. Từ đó, Nhà trường có báo cáo về việc phản hồi người học đối với các đơn vị hành chính. Việc đánh giá giúp các đơn vị hành chính cũng như Nhà trường có thể quản lí chất lượng phục vụ tốt hơn và là một cơ sở để đánh giá xếp loại nhân viên. Kết quả khảo sát cho thấy hầu hết sinh viên đều thỏa mãn với chất lượng phục vụ của nhân viên hỗ trợ. Có khoảng 75 - 80% sinh viên đánh giá ở mức độ Tốt; có khoảng 12 - 14% sinh viên đánh giá ở mức độ Khá; 3 - 4% sinh viên đánh giá ở mức độ Trung bình; 1 - 1,5% sinh viên đánh giá ở mức chưa đạt [[H7.07.03.06](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Erp7iE5WcDdHj6W0D_bSRLMBSBug0hmRL6ddn8u9U5advQ?e=q0X1RE)]. Kết quả đánh giá thi đua hàng năm cũng cho thấy năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ của ngành đều đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ, 100% đội ngũ này đều đáp ứng tiêu chuẩn năng lực yêu cầu về vị trí việc làm [[H7.07.03.07](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EoB1uzxDT6JBqeNEqgfyBXkBFOen3gfMk2W3UTSe52tP7Q?e=XPQip4)].

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường có quy trình và phương pháp đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên chặt chẽ, hiệu quả. Việc đánh giá được thực hiện thường xuyên.

*3. Điểm tồn tại*

Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về mức độ hài lòng đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên mới chỉ tiến hành đối với việc lấy ý kiến của người học. Chưa triển khai lấy ý kiến của đội ngũ giảng viên về hoạt động của đội ngũ nhân viên.

Chưa có tiêu chí, công cụ đánh giá riêng cụ thể cho các giảng viên kiêm nhiệm công tác hỗ trợ trong hoạt động đào tạo, hoạt động đoàn thể. Việc sử dụng các kết quả đánh giá làm căn cứ để cải tiến, nâng cao năng lực của đội ngũ nhân viên chưa thực sự triệt để.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Khắc phục tồn tại | Trường cần mở rộng đối tượng khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với đội ngũ chuyên viên, nhân viên để có kết quả khách quan hơn và chính xác hơn  Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực cho từng đối tượng cụ thể (giảng viên, giảng viên kiêm nhiệm công tác hoạt động hỗ trợ đào tạo và nhân viên).  Cần nghiên cứu kỹ các kết quả đánh giá, từ đó xây dựng các giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng của đội ngũ nhân viên | Phòng TCCB | Hằng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục làm tốt công tác đánh giá đội nhân viên các phòng ban, trung tâm và cán bộ chuyên trách các Khoa/Viện qua nhiều hình thức khác nhau. | Phòng TCCB | Định kì hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

**Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó**

*1. Mô tả hiện trạng*

Đầu mỗi năm học, Nhà trường, Khoa khảo sát về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên trên cơ sở Đề án vị trí việc làm, kế hoạch chiến lược phát triển, đáp ứng nhu cầu phục vụ CTĐT toàn Trường nói chung, Trung tâm GDQPO&AN nói riêng; đồng thời xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên. Trong kế hoạch thể hiện các nội dung: Đối tượng và số lượng bồi dưỡng; Nội dung bồi dưỡng, Thời gian bồi dưỡng; Kinh phí bồi dưỡng; Đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện [[H7.07.04.01](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EowTYyvphgVFhoJFi3IGLXsBueClF0rPjIyH5f_p1F0QuA?e=ksm8ix)]. Vào cuối mỗi năm học, Trung tâm GDQPO&AN và Trung tâm, Phòng ban đánh giá khối lượng công việc, khảo sát và tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của đội ngũ nhân viên. Kết quả khảo sát này được thể hiện trong kế hoạch năm học của Trung tâm GDQPO&AN và của các Trung tâm, phòng ban của Nhà trường [[H7.07.04.02](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EpDfMd9IyiFJoJTKZaNmswUBpl2IycKx47J6wKNJPBgXmg?e=oajEw2)]. Ngoài hình thức khảo sát này, Nhà trường còn thông báo về việc đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động theo các kế hoạch bổ sung để đáp ứng yêu cầu thực tiễn nhiệm vụ của Nhà trường hoặc từ cấp trên [[H7.07.04.03](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Ev_VFhkCGsdJhvH09LL-5wkBkdkTeOtfRIQN70m_oMEo9w?e=wea0Nv)].

Trung tâm GDQPO&AN và Nhà trường xây dựng kế hoạch phát triển nâng cao chất lượng cán bộ, nhân viên và kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo cán bộ căn cứ trên kết quả khảo sát nhu cầu bồi dưỡng của nhân viên [[H7.07.04.04](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EmVDN-YZEE9PgNXyAA-ztyQBEB81EPPr2QPJDyIc7T6MLw?e=LQTuly)]. Để đáp ứng nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, Nhà trường và Khoa tạo mọi điều kiện thuận lợi, hỗ trợ kinh phí để nhân viên được học tập, rèn luyện. Ngân sách phân bổ cho đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Ngân sách này được phê duyệt tăng dần theo từng năm, thể hiện Nhà trường rất quan tâm đến nhu cầu đào tạo cán bộ. Nhờ vậy Nhà trường đã kịp thời đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên, đáp ứng nhu cầu của Nhà trường trong việc phục vụ đào tạo, NCKH và PVCĐ [[H7.07.04.05](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Er-zIPYEge1GrI4NhNKxKE8BcxAKI2PMAY-5ySjcO1s1Mw?e=AenDUg)].

*Bảng 7.4.1. Bảng tổng hợp chi cho đào tạo bồi dưỡng của cán bộ trong 5 năm của Trường Đại học Vinh*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khoản mục chi** | **Năm 2019** | **Năm 2020** | **Năm 2021** | **Năm 2022** | **Năm 2023** | **Tổng 5 năm** |
| **I** | **Chi cho đào tạo bồi dưỡng đội ngũ** | **2.142,68** | **1.370,86** | **1.337,37** | **1.742,20** | **1.702,13** | **8.295,24** |
| 1 | Chi cho đào tạo dài hạn | 2.039,38 | 1.304,36 | 1.042,12 | 731,28 | 1.461,73 | **6.578,87** |
| 2 | Chi cho bồi dưỡng ngắn hạn | 103,30 | 66,50 | 295,25 | 1.010,92 | 240,40 | **1.716,37** |
| 2.1 | Trong đó, chi cho đội ngũ nhân viên | 27,90 | 44,85 | 72,64 | 312,90 | 184,40 | **642,69** |

Nhà trường triển khai thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên dựa trên kế hoạch đã được thông qua. Các lĩnh vực bồi dưỡng bao gồm: Bồi dưỡng chuyên môn (học thạc sĩ, tiến sĩ đúng chuyên ngành); Bồi dưỡng lý luận chính trị (trung cấp, cao cấp chính trị); chuyên môn nghiệp vụ quản lý như: Quản lý hành chính Nhà nước, Quốc phòng - an ninh (đối với cán bộ nhân viên kiêm nhiệm chức vụ quản lý); ngoại ngữ; tin học [[H7.07.04.06](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EuE06Z60e-ZPr-qtMEgwvCUBGexggdvdv6pl0kuPMoKK7A?e=eJQeHi)]. Hàng năm Nhà trường cử các đoàn cán bộ đi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, tham quan, học hỏi kinh nghiệm quản lý của các cơ sở đào tạo ở trong và ngoài nước. Ngoài ra, Nhà trường có chính sách hỗ trợ đội ngũ nhân viên học lên bậc ThS, TS, tạo điều kiện và khuyến khích nhân viên thi thăng hạng khi đủ điều kiện [[H7.07.04.07](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EsWD2cU6sahPpWN9QM0gqyAB35nVNFJwQChkJMKRhT1jVQ?e=I2IAaA)].

Đến nay, Trường và Trung tâm GDQPO&AN có đội ngũ nhân viên hỗ trợ có năng lực và trình độ chuyên môn phù hợp để hoàn thành công việc hành chính, quản lí sinh viên và các hoạt động khác liên quan đến công tác giảng dạy và NCKH của giảng viên, sinh viên và sinh viên [[H7.07.04.08](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EhrO6W3FrWJGlrsKN98NIdcBHezGKt43mMxX0djmfo25Yw?e=3ygvpW)].

*2. Điểm mạnh*

Hàng năm, Nhà trường và Trung tâm GDQP&AN luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ nhân viên hỗ trợ và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó.

*3. Điểm tồn tại*

Công tác khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên chưa được tiến hành thường xuyên để xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tới từng vị trí chuyên môn, nghiệp vụ.Việc triển khai hoạt động bồi dưỡng cho đội ngũ nhân viên chủ yếulồng ghép trong công tác đào tạo bồi dưỡng chung của toàn Trường nên hiệu quả chưa cao.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | Tiến hành khảo sát nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm nhằm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ.  *Khoa phát huy hiệu quả quyền tự chủ đề xuất về nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, phù hợp với vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên tại đơn vị.* | Phòng Tổ chức cán bộ và Trung tâm GDQPO&AN | Định kì hàng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Triển khai mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng ngay khi có nhu cầu.  Tạo điều kiện về thời gian, hỗ trợ tài chính để đội ngũ nhân viên có thể tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. | Phòng TCCB , Trung tâm GDQPO&AN | Định kì hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

**Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng**

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường có quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên và quy định về việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên, trong đó có cả các quy định về khen thưởng và công nhận. Để việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên đạt hiệu quả, Trường Đại học Vinh ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của các phòng ban, trung tâm, nhân viên làm việc tại văn phòng khoa. Với từng chức danh công việc, Trường có quy định cụ thể về khối lượng công việc cho từng đối tượng nhân viên [[H7.07.05.01](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EtAvH6Id7QlArJezIkED_sUBv1jDA7w9f9J6v_M4xhTqCw?e=qpijM2)]. Bên cạnh đó, Trường cũng ban hành quy định về theo dõi, đánh giá hiệu quả công việc của nhân viên bao gồm các quy định về đánh giá xếp loại cán bộ và bình xét thi đua khen thưởng [[H7.07.05.02](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EiI0Jxviw1hIjTWaMaQP21cBZMqm0BndY9AJFTK-qc7waA?e=8P1a3W)].

Trường Đại học Vinh triển khai việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên dựa vào quy định về khối lượng công việc cụ thể đã xác định và phân công. Trưởng, phó đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc theo dõi, giám sát và đánh giá hoạt động của nhân viên. Phòng Thanh tra - Pháp chế là đơn vị chuyên trách theo dõi đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ của GV và nhân viên theo kế hoạch công tác được phân công cụ thể từng tuần [[H7.07.05.03](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Eg5zHucPU-BPo5bPRUdrQKIBk2ANFulvwadpnBDB06vlEA?e=HAHdQG)]. Định kỳ hàng tháng và kết thúc năm học, Trung tâm GDQPO&AN và Nhà trường triển khai xếp loại nhân viên dựa trên khối lượng và chất lượng công việc được giao đã hoàn thành và bình xét các danh hiệu thi đua [[H7.07.05.04](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EglWwa9kuL9FngpZqclMeMIBoTM6o4HetGh2F6VjXFIXng?e=UgcTVJ)]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tổ chức các đợt lấy ý kiến người học về hoạt động phục vụ người học của các phòng ban chức năng và đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Kết quả được tổng hợp thông báo đến từng đơn vị [[H7.07.05.05](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Ek7iqKbxwbtInpvoaUWUcC0BO80PKnC73RehqbHPbOAiXQ?e=EvvneR)]. Việc đánh giá đúng đắn và khen thưởng hàng năm được triển khai góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ tích cực hơn trong công tác

Tất cả nhân viên có kế hoạch cụ thể trong đó thể hiện khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết… để thuận tiện cho việc theo dõi, giám sát tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Khối lượng, tiến độ công việc của đội ngũ nhân viên được xác định chủ yếu dựa vào việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ mà đơn vị phân công. Ngoài ra, đầu mỗi năm học, tất cả các nhân viên hỗ trợ đều phải đăng ký danh hiệu thi đua để xác định các mức độ hoàn thành công việc, làm cơ sở cho đánh giá cuối năm. Danh hiệu thi đua cá nhân gồm: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc. Để quản trị theo kết quả công việc, Nhà trường xây dựng kế hoạch công tác tháng với các yêu cầu rõ ràng, được triển khai, giám sát và đánh giá đến từng đơn vị trong Trường qua hội nghị giao ban cơ quan hàng tháng. Trong các buổi họp Trung tâm GDQPO&AN, các nhân viên cũng thường xuyên được nhắc nhở, theo dõi tiến độ hoàn thành công việc [[H7.07.05.06](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Ept7wTlL2QxIhPtpylXnAcwBqhDZfOLjxkT855hK-Y8Qzg?e=VALaVR)].

Tất cả nhân viên trong Trường được tham gia xây dựng, góp ý trong quá trình xây dựng quy định đánh giá hiệu quả công việc. Nhằm đạt được sự đồng thuận và thống nhất của đội ngũ viên chức về các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả công tác, trước khi ban hành văn bản quy định chính thức, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý của toàn thể viên chức trong toàn trường để có những điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung quy định cho phù hợp [[H7.07.05.07](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Eo1UiTcH1kFAhAsMyUPgUDIB85GfK5EZp8hVlbiQ-2cFjA?e=TaIyfh)].

Nhân viên hài lòng về việc quản trị theo kết quả công việc, đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của Nhà trường và các cấp có thẩm quyền. Kết quả đánh giá và bình xét thi đua được thông báo rộng rãi công khai trong toàn Trường, các ý kiến phản hồi từ đội ngũ nhân viên được Trường tiếp thu và giải trình thông qua Hội đồng thi đua khen thưởng và Hội nghị viên chức toàn trường hằng năm. Cuối năm học, Khoa và Nhà trường triển khai việc đánh giá kết quả thực hiện công việc và xây dựng kế hoạch cho năm học tiếp theo. Những nhân viên có hiệu quả công việc tốt được xét khen thưởng xứng đáng. Vì vậy, đội ngũ nhân viên luôn thống nhất ý kiến với tập thể, hài lòng về việc quản trị công việc này [[H7.07.05.08](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EoQyLTXRhj9IkRW-dmmBL4ABoOGYipwP-F2Bm89YFFRhAw?e=A8f9Qu)]. Tuy nhiên, ngoài kênh lấy ý kiến phản hồi trực tiếp trong các cuộc họp đánh giá, hiện nay Trường vẫn chưa có cơ chế khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua, khen thưởng của Nhà trường.

*2. Điểm mạnh*

Trung tâm GDQPO&AN có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ cũng như có cơ chế giám sát hiệu quả thực hiện công việc chặt chẽ.

*3. Điểm tồn tại*

Việc xác định khối lượng công việc của đội ngũ nhân viên chưa mang tính định lượng rõ ràng. Nhà Trường chưa tiến hành khảo sát mức độ hài lòng của đội ngũ nhân viên về việc quản trị theo kết quả công việc đặc biệt là việc thi đua khen thưởng và công nhận của cơ sở giáo dục và các cấp có thẩm quyền.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | - Nghiên cứu xây dựng các định mức, khối lượng công việc cho đội ngũ nhân viên  - Định kỳ tiến hành khảo sát sự hài lòng của nhân viên về kết quả đánh giá và kết quả thi đua khen thưởng của Trung tâm GDQPO&AN và Nhà trường. Trên cơ sở kết quả khảo sát,Trường và Khoa xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc cải tiến công tác quản lý của Trường trong những năm tiếp theo. | Phòng TCCB, Trung tâm GDQP&AN | Định kỳ hàng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Nhà trường tiếp tục *rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị; hướng dẫn việc xây dựng kế hoạch công tác hằng năm của đội ngũ NV. Trong đó, cần thể hiện đầy đủ*khối lượng, tiến độ, thời gian hoàn thành, các nguồn lực cần thiết,… để lượng hóa trong việc theo dõi, giám sát, đánh giá, bình xét, tạo động lực hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng | Phòng TCCB, Trung tâm GDQP&AN | Định kì hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

### Kết luận về Tiêu chuẩn 7

Đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trung tâm GDQPO&AN, Trường Đại học Vinh đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, được tuyển dụng đúng quy định của Nhà trường một cách công khai, minh bạch, rõ ràng. Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích và tạo điều kiện để nhân viên hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao công tác chuyên môn, nghiệp vụ. Chất lượng đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trung tâm GDQPO&AN hiện nay đảm bảo nhiệm vụ phục vụ công tác đào tạo ngành GDQP-AN và NCKH của Trung tâm GDQPO&AN và Nhà trường. Tuy nhiên, vẫn còn một vài hạn chế cần khắc phục trong thời gian tới như mô tả thật cụ thể vị trí việc làm; rà soát tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc và tăng cường bồi dưỡng kỹ năng mềm cho đội ngũ nhân viên.

# Tiêu chuẩn 8.

# NGƯỜI HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

### Mở đầu

Giai đoạn 2019 - 2024, Trung tâm GDQP&AN Trường Đại học Vinh đã xây dựng chính sách tuyển sinh rõ ràng, cụ thể; PP xét tuyển, thi tuyển công khai; mặc dù tuyển sinh khó khăn nhưng trong nhiều năm liền kết quả đầu vào của sinh viên đạt chất lượng tốt điểm chuẩn cao, sinh viên tốt nghiệp ra trường có tỷ lệ tốt nghiệp đạt bằng khá, giỏi, xuất sắc cao, hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được triển khai minh bạch; các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện kịp thời, thường xuyên; môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan khuôn viên trường sạch, đẹp trang thiết bị dạy - học hiện đại, tiện ích, từ đó nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học đã góp phần khẳng định uy tín, thương hiệu về chất lượng đào tạo của Khoa trong hệ thống các trường ĐH sư phạm trên cả nước góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nói chung cho nhà trường.

***Tiêu chí 8.1: Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật***.

*1. Mô tả hiện trạng*

Chính sách tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh ngành GDQP-AN được xác định rõ ràng trong đề án tuyển sinh hằng năm, được xây dựng và ban hành dựa trên sự góp ý của các bên liên quan và kết quả phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực, Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Đề án tuyển sinh đại học chính quy các năm 2019, 2020, 2021, 2022, 2023 của Nhà trường được công bố công khai và cập nhật trên các văn bản thông qua truyền thông và qua website của Nhà trường để các trường phổ thông, các bậc phụ huynh và học sinh có thể dễ dàng cập nhật. Phòng Đào tạo là đơn vị đầu mối tổ chức tuyển sinh ĐH hệ chính quy của Nhà trường nói chung và ngành GDQP-AN nói riêng. Phương thức tuyển sinh ngành GDQP-AN gồm: (1) Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia; (2) Tuyển thẳng học sinh đạt giải trong các kỳ thi chọn HSG Quốc gia, Quốc tế; (3) xét tuyển kết quả học tập THPT (học bạ) từ năm 2017 đến nay; (4) xét tuyển theo kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy và năng lực. Chỉ tiêu tuyển sinh ngành GDQP-AN được xác định rõ ràng hằng năm từ 20-30 SV, phương thức xét tuyển cũng đang dạng hơn với các tổ hợp xét tuyển khác nhau. Quy trình xét tuyển được xây dựng một cách rõ ràng từ quy định, nguyên tắc xét tuyển đến hồ sơ đăng ký, thời gian và địa điểm nhận hồ sơ xét tuyển. Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh được thực hiện theo đề án tuyển sinh của Trường qua từng năm tuân thủ đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [[H8.08.01.01](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Er26BVPRSR1PgByoYacSFDUB8ZWrT-DtvZsONK5f4cOs0w?e=8e2DOB)]

Chính sách tuyển sinh ngành GDQP-AN được công bố công khai và được cập nhật hằng năm. Các thông tin về tuyển sinh được Nhà trường và Viện công bố công khai, rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên website của Nhà trường, của Trung tâm và trong các buổi tư vấn tuyển sinh tại các trường trung học phổ thông trên địa bàn các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh do Nhà trường tổ chức [[H8.08.01.02](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/ErZ3ELW9HoFJh_9FHFH6pWIBdornIdXSHz32HAeWO41axQ?e=s9QQoi)]

Hằng năm, dựa trên cơ sở phân tích dữ liệu tuyển sinh, hội nghị về công tác tuyển sinh cũng như đánh giá tình hình thực tiễn, Nhà trường đã có các khảo sát lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan cho đề án tuyển sinh hằng năm từ đó xây dựng và điều chỉnh đề án, kế hoạch tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh ngành đồng thời thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng tuyển sinh [[H8.08.01.03](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EvNrsi5tRHVFu4rB3QzC0kYBV6BlJEQXx-Ei_G32QkIFSg?e=QHlTKz)]

Cơ sở dữ liệu, thống kê kết quả tuyển sinh hằng năm: Trong giai đoạn 5 năm (2019 – 2023), số lượng SV trúng tuyển nhập học ngành GDQP-AN trung bình khoảng 20 SV/năm. Tỷ lệ SV nhập học so với số lượng thí sinh trúng tuyển trung bình đạt khoảng 70-80%, điểm trúng tuyển trung bình của các thí sinh dao động khoảng từ 16 đến 19 điểm [[H8.08.01.05](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EqMg0oWKbzNHtkUoQTU7994BgSthubkNjsE_jcgUVU5B6g?e=vQkhfb)].

*Bảng 8.1. Thống kê tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học  
trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Số thí sinh đăng ký vào CTĐT**  **(người)** | **Số  trúng tuyển**  **(người)** | **Tỷ lệ cạnh tranh** | **Số nhập học**  **thực tế**  **(người)** | **Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm** | **Điểm trung bình của SV được tuyển** | **Số lượng SV quốc tế nhập học (người)** |
| 2017-2018 | 52 | 25 | 0,48/1 | 19 | 15,5 | 17,5 | 2 |
| 2018-2019 | 68 | 25 | 0,37/1 | 14 | 17 | 20,6 | 0 |
| 2019-2020 | 48 | 20 | 0,41/1 | 10 | 18 | 21,5 | 0 |
| 2020-2021 | 55 | 20 | 0,36/1 | 8 | 18,5 | 21,2 | 0 |
| 2021-2022 | 82 | 42 | 0,51/1 | 35 | 19 | 22,1 | 0 |
| 2022-2023 | 100 | 35 | 0,35/1 | 25 | 19 | 21,5 | 0 |
| 2023-2024 | 96 | 22 | 0,23/1 | 12 | 25,5 | 25,8 | 0 |

Nhằm nâng cao chất lượng tuyển sinh hằng năm nhà trường đều có phân tích dự báo nhu cầu nhân lực, các đơn vị đào tạo có các báo cáo về thực trạng và kế hoạch chiến lược phát triển để cung cấp các dữ liệu phục vụ cho công tác tuyển sinh của Khoa và của Trường [[H8.08.01.04](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EpcFlb0uijlIuWuPmMHJ9qkBOhomSceqOpsXqwN3g7pnnA?e=i7YTNC)].

Số lượng tuyển sinh của ngành GDQP-AN không đều trong các năm gần đây chủ yếu từ các nguyên nhân khách quan như nhu cầu xã hội của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước đối với khối ngành đào tạo giáo viên nói chung và GDQP-AN nói riêng. Trước thực tế đó hằng năm Nhà trường đều có các khảo sát thông tin tuyển sinh, Trung tâm GDQP&AN có các phương án, cách tiếp cận với người học nhằm tăng cường công tác quảng bá tuyển sinh và các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng tuyển sinh [[H8.08.01.06](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EmYpOgTJvtBCplcC7b4eT1IBEBq3liX-hDwNr_18bq-a3w?e=4Red9A)].

*2. Điểm mạnh*

Công tác tuyển sinh của Nhà trường, Trung tâm GDQP-AN được thực hiện đúng quy định của Bộ GD&ĐT; chính sách tuyển sinh được công khai và cập nhật thường xuyên.

*3. Điểm tồn tại*

Nhà trường, Trung tâm chưa thực hiện khảo sát cụ thể ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh của ngành GDQP-AN. Chưa nắm bắt được nhu cầu thị trường sử dụng lao động.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | - Nâng cao hiệu quả hoạt động dự báo nhu cầu dài hạn, tăng cường hoạt động quảng bá tuyển sinh, đa dạng hóa phương thức tuyển sinh  - Khảo sát ý kiến của người học về chính sách tuyển sinh và nhu cầu sử dụng lao động của xã hội. | Khoa GDTC/Phòng Đào tạo/Ban tư vấn tuyển sinh | Hằng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Thường xuyên cải tiến, cập nhật chính sách tuyển sinh | Phòng đào tạo | Hằng năm |  |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 4/7 điểm

**Tiêu chí 8.2: Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá**

1. *Mô tả hiện trạng*

Nhà trường có tiêu chí, quy trình và phương pháp tuyển chọn rõ ràng. Hằng năm căn cứ vào Quy chế tuyển sinh đại học chính quy của Bộ GD&ĐT và căn cứ vào Đề án tuyển sinh ban hành ở các năm học và trên cơ sở góp ý của các bên liên quan để nhà trường xác định tiêu chí và phương pháp tuyển sinh công khai trên website và các phương tiện thông tin đại chúng [[H8.08.02.01](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/ErNHLdUtFHhBmzjk9VWMEe8BUzfqKsA-kGg1BvQ9VDJc3g?e=ImaxPy)] [[H8.08.02.02](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EjX7gE_J20xCnH0i0h94w8wBP2xLID0_R6Klw0T8BlD0Ww?e=mbax4T)]

Hiện nay, Nhà trường thực hiện tuyển sinh ngành GDQP-AN theo các phương thức gồm: xét tuyển dựa trên kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia; xét tuyển thẳng học sinh đạt giải trong các kỳ thi chọn HSG Quốc gia, Quốc tế; xét tuyển kết quả học tập THPT (học bạ) từ năm 2017 đến nay và xét tuyển theo kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy và năng lực. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được Hội đồng tuyển sinh của Nhà trường xác định, đánh giá hằng năm dựa trên phân tích, dự báo nhu cầu nhân lực và chỉ tiêu phân bổ tuyển sinh của ngành GDQP-AN [[H8.08.02.03](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Epy42_tFYMZCrJa1ao7x6lEB1mCLRup1XIFant_xhtFA2A?e=aEspfE)].

Nhà trường tuyển sinh ngành GDQP-AN với 4 tổ hợp gồm: Tổ hợp 1: A00 (Toán, Vật lý, Hóa học), tổ hợp 2: C00 (Văn, Lịch Sử, Địa lý); tổ hợp 3: C19 (Văn, Lịch sử, GDCD); Tổ hợp 4: D01 (Toán, Văn, Anh).. Quy trình xét tuyển được xây dựng một cách rõ ràng từ quy định, nguyên tắc xét tuyển đến hồ sơ đăng ký, thời gian và địa điểm nhận hồ sơ xét tuyển. Chế độ ưu tiên trong tuyển sinh được thực hiện theo đề án tuyển sinh của Trường qua từng năm tuân thủ đúng Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [[H8.08.02.01](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/ErNHLdUtFHhBmzjk9VWMEe8BUzfqKsA-kGg1BvQ9VDJc3g?e=e1cdkD)].

Quy trình, phương pháp và tiêu chí tuyển chọn người học ngành GDQP-AN được Nhà trường và Viện xác định rõ ràng trên cơ sở góp ý của các bên liên quan được thể hiện trong Đề án tuyển sinh hệ đại học chính quy năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023 [[H8.08.02.02](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EjX7gE_J20xCnH0i0h94w8wBP2xLID0_R6Klw0T8BlD0Ww?e=HEJ0LO)] [[H8.08.02.04](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EkucqHvokjZGrgtx_bOTcCUB-tHfX4Y6RvLFgR2RdQWgKA?e=YepCrh)].

Từ cơ sở dữ liệu về ý kiến của các bên liên quan trong việc xây dựng, rà soát, đánh giá tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học và Nhà trường có thống kê/ tổng kết, đánh giá kết quả tuyển sinh từ đó làm cơ sở để Nhà trường/ Trung tâm GDQP-AN đánh giá rà soát và điều chỉnh cho phù hợp với việc tuyển chọn NH trong những năm kế tiếp nhằm hướng tới cách tiếp cận tổng quan về tính đúng đắn, hiệu quả của các phương pháp, tiêu chí tuyển sinh dựa vào nhu cầu của thực tiễn và của chính bản thân người học [[H8.08.02.04](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EkucqHvokjZGrgtx_bOTcCUB-tHfX4Y6RvLFgR2RdQWgKA?e=YepCrh)].

*Bảng 8.2.1. Dữ liệu về kết quả tuyển sinh hằng năm của CTĐT*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm học** | **Số thí sinh đăng ký (người)** | **Số lượng trúng tuyển (người)** | **Số nhập học (người)** |
| 2017-2018 | 52 | 25 | 19 |
| 2018-2019 | 68 | 25 | 14 |
| 2019-2020 | 48 | 20 | 10 |
| 2020-2021 | 55 | 20 | 8 |
| 2021-2022 | 82 | 42 | 35 |
| 2022-2023 | 100 | 35 | 25 |
| 2023-2024 | 96 | 22 | 12 |

*Nguồn: Phòng Đào tạo – Trường Đại học Vinh*

*2. Điểm mạnh*

Tiêu chí và PP tuyển chọn người học của Trường, Trung tâm GDQP&AN rõ ràng, theo quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT và được đánh giá thường xuyên để đảm bảo tuyển chọn được những thí sinh có đủ năng lực và trình độ vào ngành GDQP-AN.

*3. Điểm tồn tại*

Trung tâm GDQP&AN chưa khảo sát được nhu cầu đầu ra cho sinh viên sau tốt nghiệp để quảng bá tuyển sinh đến tận học sinh có nhu cầu nên chưa tạo ra sự hấp dẫn, thu hút thí sinh dự tuyển; Phương thức tuyển sinh của Trường, Trung tâm GDQP&AN chưa đảm bảo đa dạng, chưa thực hiện hình thức thi tuyển theo kiểm tra, đánh giá năng lực thí sinh.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | - Trung tâm GDQP&AN sẽ khảo sát nhu cầu đầu ra của người học để từ đó làm tốt công tác quảng bá tuyển sinh hang năm  - Trung tâm GDQP&AN xây dựng chiến lược, kế hoạch tuyển sinh phù hợp; đảm bảo đa dạng, thực hiện nhiều hình thức thi tuyển theo kiểm tra, đánh giá năng lực thí sinh. | Phòng Đào Tạo, Trung tâm GDQP&AN | Hằng năm |  |
|  | Từ năm học 2022 -2023, Trung tâm GDQP&AN sẽ phối hợp chặt chẽ với ban tuyển sinh của Nhà trường để tăng cường quảng bá tuyển sinh, đảm bảo công tác truyền thông về tuyển sinh. | Trung tâm GDQP&AN /Phòng Đào tạo/Ban tư vấn tuyển sinh | Hằng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Có các hình thức quảng bá tuyển sinh phù hợp và hấp dẫn đối với những thí sinh đã được công nhận trúng tuyển vào Trung tâm GDQP&AN | Trung tâm GDQP&AN /Phòng Đào tạo/Ban tư vấn tuyển sinh | Hằng năm |  |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 4/7 điểm

***Tiêu chí 8.3: Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học***

*1. Mô tả hiện trạng*

Để nâng cao hiệu quả quản lý, giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả và khối lượng học tập của người học, từ năm 2010 Nhà trường đã sử dụng phần mềm quản lí người học LMS và phần mềm quản lý điểm CMC. Đây là hệ thống có sự kết hợp chặt chẽ giữa các đơn vị, các phòng ban chức năng của Nhà trường như Phòng Đào tạo, TTĐBCL, Trung tâm CNTT (Viện nghiên cứu và đào tạo trực tuyến, Bộ phận một cửa, Phòng CTCTHSSV…) nhằm quản lí việc đăng ký học, hồ sơ SV, các thông báo từ Nhà trường, thời khoá biểu, lịch thi, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện… Đây là hệ thống giám sát rất hữu ích giúp Nhà trường, Trung tâm GDQP&AN và giảng viên theo dõi quá trình học tập của người học. Khối lượng học tập của người học được quy định cụ thể trong CTĐT của ngành, quy chế HSSV của Nhà trường qua các quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quy định công tác đánh giá và quản lí kết quả học tập theo tiếp cận CDIO [[H8.08.03.01](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EgTEzShIgq1IhZH6PiF30HoB5FsSAkDBZOfhLzWu8cZy_g?e=AoKQW9)].

Cơ chế giám sát và phản hồi về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được thực hiện định kỳ 1 tháng/1 lần thông qua các buổi họp liên tịch giữa Ban lãnh đạo Trung tâm, Trưởng bộ môn, Trợ lý đào tào, trợ lý quản lý SV và Liên chi đoàn Trung tâm (Đoàn Trung tâm), đồng thời Trung tâm thường xuyên tổ chức chỉ đạo các lớp sinh hoạt theo định kỳ 1 tháng/lần với sự tham gia của GV chủ nhiệm nhằm tiếp nhận kịp thời ý kiến của người học. Ngoài ra, Nhà trường có quy định rõ ràng về sự phân bổ hợp lý khối lượng học tập của người học trong Bản mô tả chương trình đào tạo nhằm đảm bảo người có học lực trung bình hoàn thành CTĐT đúng thời hạn. Người học được cung cấp *Cẩm nang sinh viên* để nắm bắt được những quy định và nghĩa vụ phải thực hiện trong quá trình học tập và rèn luyện [[H8.08.03.02](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Ej15ePgPcv9BvnqCzoW5SAYBR597Ezw9pIiIaOyHhXdMpQ?e=NlQ7oY)]. Trong trường hợp SV học chậm tiến độ do kết quả thi không đạt ở môn học trước đó, sinh viên thuộc diện cảnh báo Nhà trường và Trung tâm đều có thống kê hằng năm và có sự phản hồi để sinh viên có thể cải thiện kết quả học tập đảm bảo SV tốt nghiệm đúng hạn [[H8.08.03.03](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Eim8u6R1FOpBrUblDhJvJZYBOjIWPGG7Kxi2MP2nIh4aPw?e=WcHiNB)]. Nhà trường đã ban hành các quy định về công tác thi, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Các phương thức kiểm tra đánh giá môn học được quy định trong ĐCCT từng học phần. Khối lượng học tập của người học được quy định cụ thể trong khung CTĐT của ngành, quy chế học sinh, SV của Nhà trường. Đối với các khóa tuyển sinh từ 2017, khối lượng học tập được quy định 132 tín chỉ. Khung CTĐT được chia làm hai giai đoạn: giai đoạn I bao gồm 44 tín chỉ được đào tạo theo nhóm ngành, giai đoạn II bao gồm 88 tín chỉ dành cho ngành đào tạo. Khối lượng học tập của SV mỗi kỳ không được vượt quả 21 tín chỉ. Khối lượng học tập này được thiết kế cho người học có học lực trung bình để hoàn thành chương trình học đúng thời hạn quy định (thời hạn đào tạo). SV được phép đăng ký học với khối lượng học tập nhỏ hơn khối lượng thiết kế mỗi kỳ học nhưng không được ít hơn 15 tín chỉ [[H8.08.03.04](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Elp6bJ8JZVlNh5D6a_C06w8BwynaIYYoTITi4PRukgGC5A?e=Ek2YI0)].

Nhà trường có quy trình/ quy định về việc giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập, khối lượng học tập của NH. Hệ thống thực hiện việc giám sát trên các nội dung về quá trình đăng ký học và học tập, giám sát phẩm chất, thái độ rèn luyện của sinh viên. Sau khi đăng ký học thành công, SV sẽ có kế hoạch học tập rõ ràng. GV phụ trách môn học có danh sách SV tham dự lớp của mình và được yêu cầu giám sát sự tiến bộ trong quá trình học tập của SV thông qua hệ thống điểm quá trình và điểm cuối kỳ. Giám sát quá trình rèn luyện được thực hiện và quản lý thông qua trợ lý quản lý SV, giáo viên chủ nhiệm [[H8.08.03.05](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/El8VxQpCUUJCi3PKw0eIig0BTxvULfgvefK5PWhjS9p1gA?e=sWNSPO)]. Các báo cáo và phản hồi về kết quả học tập, tiến độ học tập và rèn luyện của NH, sự tiến bộ của người học được thực hiện thường xuyên và định kỳ. Trung tâm thường xuyên giám sát kết quả học tập của người học để đưa ra những cảnh báo hoặc khuyến cáo, tư vấn để giúp NH hoàn thành kế hoạch học tập đúng hạn. Hằng năm, phòng CTCTHSSV có gửi thư kết quả học tập và rèn luyện của SV (in từ phần mềm) cho gia đình để đôn đốc sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện [[H8.08.03.03](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Eim8u6R1FOpBrUblDhJvJZYBOjIWPGG7Kxi2MP2nIh4aPw?e=v9W99r)][[H8.08.03.06](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EtlpBYWeu7dKsALX826QCL0BsGwGxkrNSIkiGIaZpPuv0w?e=j0PVcS)].

Nhà trường có cơ sở dữ liệu (công cụ) theo dõi sự tiến bộ của NH trong học tập và rèn luyện; theo dõi chậm tiến độ, thôi học. Vào mỗi năm học phòng CTCT HSSV chỉ đạo hướng dẫn các lớp/ chi đoàn Đại hội để kiện toàn ban cán sự lớp để sát sao quản lý lớp. Thông qua đó thực hiện cơ chế báo cáo và phản hồi kết quả của NH, đánh giá sự tiến bộ của NH, phân tích xu hướng và nguyên nhân. Đây cũng là một trong các kênh theo dõi sự tiên bộ của NH được Viện tổ chức hiệu quả, thông qua đó để thực hiện các biện pháp nhằm cải tiến kết quả học tập và rèn luyện của NH. Công cụ quan trọng để đánh giá sự tiến bộ của người học là các kết quả mà NH nhận được trong quá trình học tập và rèn luyện. Các giảng viên, Trợ lí quản lí sinh viên cập nhật, trích xuất thường xuyên kết quả trên Phần mềm quản lí người học LMS và phần mềm quản lí điểm CMC để theo dõi từng cá nhân NH cũng như để tư vấn cho Nhà trường về các trường hợp chậm tiến độ, thôi học. Nhờ có bộ phận cán bộ chuyên trách giám sát mà kết quả học tập và rèn luyện của SV được cải thiện đáng kể qua từng năm học. Dữ liệu kết quả học tập hàng năm từ 2019 – 2023 của SV ngành GDQP-AN được thể hiện ở Bảng 8.3[[H8.08.03.06](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EtlpBYWeu7dKsALX826QCL0BsGwGxkrNSIkiGIaZpPuv0w?e=j0PVcS)]

Bảng 8.3. Kết quả học tập và rèn luyện của SV nãm học 2022 - 2023

*Ngành GDQP-AN*

| **Lớp/**  **Khóa** | **SL SV** | **Kết quả học tập** | | | | | **Kết quả rèn luyện** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Xuất sắc** | **Giỏi** | **Khá** | **Trung bình** | **Yếu** | **Xuất sắc** | **Tốt** | **Khá** | **Trung bình** | **Yếu, kém** |
| 59A | 13 | 2 | 4 | 8 | 0 | 0 | 2 | 11 | 0 | 0 | 0 |
| 60A | 10 | 0 | 3 | 7 | 0 | 0 | 1 | 8 | 1 | 0 | 0 |
| 61A | 6 | 1 | 1 | 4 | 0 | 0 | 1 | 5 | 0 | 0 | 0 |
| 62A | 30 | 0 | 5 | 22 | 3 | 0 | 1 | 24 | 5 | 0 | 0 |

*Nguồn: Trung tâm GDQP&AN - Trường Đại học Vinh*

*2. Điểm mạnh*

Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện trên phần mềm quản lý đào tạo và quản lý SV CMC, dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, Cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học.

Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện đảm bảo tính công bằng, công khai, minh bạch...

*3. Điểm tồn tại*

Giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV dựa trên hệ thống giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập chưa được phát huy đúng mực.

Hệ thống giám sát trên phần mềm chưa tự động đưa ra những cảnh báo về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học;

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người  thực hiện** | **Thời gian hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | Nâng cấp phần mềm CMC trong quản lí đào tạo và quản lí SV để có thể trực tiếp đưa ra cảnh báo cho sinh viên về kết quả học tập và rèn luyện. | Trung tâm CNTT/Phòng đào tạo | Năm 2023 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục nâng cao hiệu quả về công tác chủ nhiệm lớp và CVHT trong công tác giám sát sự tiến bộ của SV trong học tập và rèn luyện. | Trung tâm GDQP&AN/Trung tâm ĐBCL | Năm 2023 |  |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

**Tiêu chí 8.4: Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học**

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường/Trung tâm GDQP&AN có đội ngũ cán bộ, nhân viên và các đơn vị chức năng hỗ trợ trách nhiệm tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để cải thiện việc học tập của NH. Cố vấn học tập có nhiệm vụ nắm vững quy chế đào tạo, kế hoạch đào tạo để giải đáp các thắc mắc của SV; kịp thời theo dõi, đôn đốc tình hình học tập của SV; thông báo, triển khai và thực hiện các chủ trương của Trung tâm và Trường về vấn đề được giao phụ trách. Ngoài ra, CVHT nắm bắt những tâm tư, nguyện vọng của SV và đề xuất cho Ban lãnh đạo các hướng xử lý, hỗ trợ; tổ chức tư vấn cho SV đăng ký các học phần phù hợp với khả năng sau mỗi học kỳ và hỗ trợ SV đăng ký học tập và xử lý các vấn đề liên quan. Bên cạnh đó, sinh viên cũng được hỗ trợ về các hoạt động dịch vụ khác thông qua trợ lý quản lý SV, TT hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp, Đoàn thanh niên, Phòng công tác chính trị HSSV và GV chủ nhiệm [[H8.08.04.01](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EjklR5A0DMJJvgt3KdzAK8IBVYhXikclqmbyEpgg16G9nA?e=CImpsA)]. Đối với những SV khóa mới, sau một tháng học tập, lãnh đạo Trung tâm chỉ đạo Trợ lý đào tạo, Cố vấn học tập, GV chủ nhiệm, Quản lý sinh viên, Đoàn Trung tâm, Liên chi hội SV Trung tâm tổ chức cuộc gặp mặt SV khóa mới để giới thiệu về lịch sử phát triển, cơ cấu tổ chức, đội ngũ CB, GV, CTĐT, phương thức đào tạo, phương pháp học tập trong trường đại học. Ngoài ra Trung tâm đã có quyết định thành lập bộ phận tư vấn tâm lý học đường, hỗ trợ người học trong các hoạt động ngoại khoá [[H8.08.04.02](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EkK8Og7BTgpNhaWxQ2j7UKMBato0mi3-7HsWge0ZPujhIA?e=LMAYYb)]. Nhà trường luôn có các hoạt động và chính sách hỗ trợ SV ngành GDQP-AN: SV nghèo vượt khó, SV có hoàn cảnh khó khăn, SV dân tộc thiểu số. Các chính sách cấp học bổng cho SV ngành GDQP-AN luôn được phổ biến kịp thời cho SV trong từng năm học. Một số sinh viên có hoàn cảnh khó khăn của Trung tâm còn được doanh nghiệp hỗ trợ học bổng của doanh nghiệp và học bổng thông qua các chương trình học tập ngắn hạn ở nước ngoài [[H8.08.04.03](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EkQYGHGW3O1FrKJIX97dLM4B5nyKyzFbDbiIzHRcPex12Q?e=tWBlnq)]. Hàng năm, Trung tâm GDQP&AN tổ chức Hội nghị dân chủ SV nhằm tập trung giải đáp các thắc mắc của SV về các hoạt động liên quan đến đào tạo và hỗ trợ người học, đặc biệt là những khó khăn trong việc lựa chọn và đăng ký học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu kết quả học tập, quá hạn thời gian đào tạo. Ngoài ra, Trung tâm cũng chỉ đạo các lớp tổ chức sinh hoạt lớp hàng tháng, có đại diện BCN, Cố vấn học tập tư vấn, GV chủ nhiệm tham dự để giải đáp các mối quan tâm của SV và kịp thời hỗ trợ những khó khăn trong học tập, rèn luyện của SV [[H8.08.04.03](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EkQYGHGW3O1FrKJIX97dLM4B5nyKyzFbDbiIzHRcPex12Q?e=tWBlnq)].

Trong quá trình học tập, Nhà trường luôn có kế hoạch triển khai các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khoá, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác để giúp cải thiện việc học tập của NH. Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, Liên chi đoàn, Liên chi hội SV thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa hỗ trợ tích cực việc học tập và nâng cao đời sống tinh thần, thể chất cho SV như: tổ chức đưa sinh viên đi học tập, tham quan thực tế đầu khoá, giao lưu văn hóa ẩm thực vùng miền, hội thi sáng tạo hướng nghiệp, lễ thả cá giống tái tạo nguồn lợi thuỷ sản, hội nghị trao đổi phương pháp học tập và NCKH cho tân sinh viên, hội diễn văn nghệ - TDTT... Qua mỗi hoạt động, SV được trau dồi và rèn luyện thêm các kỹ năng nghề nghiệp như: kỹ năng tương tác, làm việc nhóm,... đồng thời SV có cơ hội thể hiện sức sáng tạo, nhiệt huyết và bản lĩnh của tuổi trẻ; mỗi hoạt động đều được đánh giá thi đua, khen thưởng cho cá nhân và tập thể [[H8.08.04.04](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EgctZ3SjVSNAm7VVvaLGlywB9KZZ0Aigv77JAtFCxFsJJA?e=giEkgh)]. Lãnh đạo Trung tâm GDQP&AN phối hợp với Đoàn Trung tâm, Trợ lý Quản lý HSSV thành lập các câu lạc bộ, Đội, nhóm sinh viên để hỗ trợ nhau học tập, trau dồi vốn tiếng Anh, tham gia các hoạt động đoàn thể, giao lưu văn hoá văn nghệ phục vụ cho các ngày lễ lớn của đất nước, ngày lễ của Trường và Trung tâm [[H8.08.04.05](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Eoe5aSDgEXtPobZUrEDrYNcBUQjU2w7NtE88Ez04xB0rRw?e=5v7LTk)]. Hàng năm, công tác tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho SV của Trung tâm nói chung và sinh viên ngành GDQP-AN nói riêng do Ban lãnh đạo phối hợp Đoàn Trung tâm chủ trì đã có những ảnh hưởng tích cực đến đời sống tinh thần cũng như khuyến khích SV nỗ lực học tập, rèn luyện tốt hơn [[H8.08.04.06](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Emr_hifXmjFNoCdREFovtHMBGw5xpA699xNTzEiytIEYxQ?e=4oyGde)].

Nhà trường có đơn vị/ bộ phận chịu trách nhiệm tư vấn việc làm cho người học đầu mối là TT Hỗ trợ SV và Quan hệ doanh nghiệp. Ngành GDQP-AN tích cực chủ động liên hệ với các Trường phổ thông liên kết hỗ trợ đào tạo, thực hành, thực tập và tuyển dụng sinh viên ngành GDQP-AN để gửi SV đến thực tập, tạo điều kiện cho SV tiếp cận với công việc [[H8.08.04.07](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Ek0UuVyLq6tPt6S24EFw1Q8B0LrEZA6amzeKwGbqqsZXtA?e=h60hjp)].

Trường và Trung tâm GDQP&AN thường xuyên có kế hoạch và triển khai các hoạt động hỗ trợ việc làm cho NH. Kế hoạch tư vấn, hướng nghiệp, chia sẻ kinh nghiệm học tập, rèn nghề, khởi nghiệp của SV ngành GDQP-AN được hỗ trợ tích cực, thường xuyên từ Trung tâm HTSV&QHDN của Trường thông qua nhiều hình thức hoạt động đa dạng, hiệu quả, thiết thực như diễn đàn, tư vấn trực tiếp, truyền thông, tổ chức “Ngày hội việc làm” tạo điều kiện cho sinh viên mới tốt nghiệp và sinh viên năm cuối được tiếp cận với nhà tuyển dụng, tham gia phỏng vấn, ứng tuyển vào các vị trí việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo [[H8.08.04.07](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Ek0UuVyLq6tPt6S24EFw1Q8B0LrEZA6amzeKwGbqqsZXtA?e=h60hjp)].

Hàng năm, Nhà trường đều có lấy ý kiến phản hồi của sinh viên cuối khoá, cựu sinh viên về mức độ hài lòng đối với chất lượng đào tạo, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm. 100% sinh viên ngành GDQP-AN đều cho thấy hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm của Nhà trường thực sự bổ ích thể hiện mức độ hài lòng rất cao [[H8.08.04.08](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/ErFphUExv6ZLgqs_39-uJ10B9NuW5xsbOY8ge15dxA8Dhg?e=dtd0ZT)].

1. *Điểm mạnh*

Các hoạt động tư vấn học tập được Trung tâm GDQP&AN và Bộ môn triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học tập, thực tập của sinh viên. Bên cạnh đó các hoạt động thi đua và hoạt động ngoại khóa được SV ngành GDQP-AN hưởng ứng tích cực; giúp sinh viên phát huy được các kỹ năng, kiến thức và thái độ trong quá trình rèn luyện và học tập tại trường.

1. *Điểm tồn tại*

Mặc dù có cố vấn học tập và trợ lý đào tạo chuyên trách nhưng do hệ thống mạng nội bộ và khả năng cập nhật thông tin nên một số SV vẫn gặp khó khăn trong việc đăng ký học tập, tham gia hoạt động ngoại khoá, kéo dài thời gian tốt nghiệp ảnh hưởng đến cơ hội việc làm.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | Đầu tư về hệ thống mạng nội bộ để đáp ứng yêu cầu; tăng cường các hoạt động tư vấn học tập và việc làm cho SV | Trung tâm GDQP&AN / Phòng Đào tạo, Trung tâm Dịch vụ, HTSV&QHDN | 2023 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Thường xuyên cập nhật các chương trình tuyển dụng việc làm cho SV mới tốt nghiệp; kết nối mạng lưới cựu sinh viên để hỗ trợ tìm kiếm cơ hội việc làm cho SV sau khi tốt nghiệp. | Trung tâm GDQP&AN / Đoàn Viện,  Trung tâm HTSV&QHDN | Hằng năm |  |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

***Tiêu chí 8.5: Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học***

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường có môi trường làm việc thân thiện tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu [[H8.08.05.01](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Ek8k7pdwjWJFsud-zoWUSzgBlixiy_TNlKvcH3-d7r-1hg?e=bkMvk7)].

Trung tâm GDQP&AN Trường ĐH Vinh đã được xây dựng trên diện tích 9 ha tại xã Nghi Ân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Hệ thống cơ sở vật chất của Trung tâm được khánh thành và đi vào hoạt động chính thức vào tháng 09/2013. Trung tâm hiện có hệ thống cơ sở vật chất khang trang, hiện đại với các hạng mục được xây dựng đồng bộ, đảm bảo cùng một lúc phục vụ cho hơn 1.200 sinh viên ăn ở, học tập và sinh hoạt tập trung

Về cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động đào tạo ngành GDQP-AN. Trung tâm được cung cấp và tự mua sắm, trang bị tương đối đầy đủ các loại vũ khí trang bị các loại gồm AK, Trung liên, B40, B41, CKC và mô hình cắt bổ các loại súng, đạn, hệ thống bia các loại phục vụ học bắn súng, chiến thuật.

Các loại tài liệu, giáo trình phục vụ học tập, nghiên cứu của sinh viên với hơn 3000 đầu sách.

Thiết bị máy bắn tập phục vụ học tập và kiểm tra đánh giá.

Trung tâm hiện có: Hệ thống giảng đường để học lý thuyết với nhiều loại phòng học gồm có, phòng học Đa năng, phòng học cấp Đại đội, cấp Trung đội. Các phòng học được trang bị đầy đủ thiết bị âm thanh, máy chiếu.Có thể đáp ứng cho cho 1000 - 1200 sinh viên học học tập cùng một thời điểm

Trung tâm có 2 nhà học thực hành (400m2 và 600m2) bảo đảm cho 400 sinh viên học cùng lúc;

Có thao trường học chiến thuật rộng 1500 m2 được đắp nổi thành đồi bằng, đủ cho 1 đại đội (100 SV) học chiến thuật.

- 2 phòng học đa năng đảm bảo cho 300 sinh viên;

- 07 phòng học đại đội (mỗi phòng học cho 90 sinh viên) bảo đảm cho từ 550 - 600 sinh viên;

-09 phòng học trung đội (mỗi phòng học cho 45-50 sinh viên) bảo đảm cho 400 - 450 sinh viên;

- Toàn bộ hệ thống vệ sinh chung tại các nhà học được bố trí nhà tắm, máy nóng lạnh với thiết bị hiện đại để phục vụ cho nhu cầu sinh viên khi tại các phòng ở gặp sự cố về điện nước;

Tổng phòng học lý thuyết bảo đảm; 800 – 1050 sinh viên cùng học.

\* Nơi ăn nghỉ cho sinh viên

Trung tâm có hệ thống các công trình phục vụ cho ăn nghỉ của sinh viên có thể tiếp nhận và bố trí ăn ở tập trung cho 800 – 1000 sinh viên trong một thời điểm

Bao gồm hệ thống Ký túc xá với phòng khép kín có nóng lạnh, đầy đủ tiện nghi sinh hoạt.

Hệ thống nhà ăn trung tâm gồm 2 tầng, có phòng ăn cho cán bộ và phòng ăn uống, giải khát cho học viên, sinh viên, được thiết kế, trang bị hiện đại, có điều hoà nhiệt độ, bảo đảm cho 1.500 người ăn cùng một lúc. Có phòng y tế chăm sóc sức khỏe ban đầu cho cán bộ, sinh viên.

Có đầy đủ các loại quân trang để người học mượn phục vụ ăn ở, học tập gồm có chăn màn, gối chiếu, quần áo, dày mũ.... đủ phục vụ cho 1000 người học

Toàn bộ cơ sở vật chất của Trung tâm có thể đảm bảo giáo dục quốc phòng và an ninh cho 10 000 sinh viên/ 1 năm học [[H8.08.05.02](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Et3mSav2No1DoiY02qdjUqsBAXDOPL6vdfOJ_K7Tge5m5g?e=5SwkC0)].

. Nhà trường luôn quan tâm chăm sóc sức khoẻ, tạo môi trường tâm lý, xã hội đảm bảo môi trường học tập tốt cho SV. Các dữ liệu về y tế học đường, Bảng kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, nhân lực; các báo cáo ba công khai được đăng tải trên website của nhà trường. Công tác khám sức khoẻ cho SV được quy định rõ ràng và triển khai thường xuyên, hiệu quả. Ngay từ khi nhập học, SV được khám sức khỏe theo quy định. Hằng năm, Trạm Y tế của Trường luôn đảm bảo công tác kiểm tra sức khoẻ kịp thời cho SV [[H8.08.05.03](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EvZD1IIfujtPhB_YPdAIaI8BGan-tSZMIoNM9OlKd_8U7A?e=a8wMjZ)].

Trong 5 năm từ 2019 đến nay 2023 cảnh quan môi trường của trường ĐH Vinh nói chung và Trung tâm GDQP&AN nói riêng có sự thay đổi vượt bậc, đạt yêu cầu xanh – sạch – đẹp, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thuận lợi cho mọi hoạt động của của Nhà trường và phù hợp cho các hoạt động học tập, sinh hoạt, vui chơi của người học. Công tác vệ sinh môi trường do một công ty ký hợp đồng với Nhà trường thực hiện dưới sự kiểm tra và giám sát của phòng Quản trị- Đầu tư. Ngoài ra, thông qua chương trình ngày chủ nhật xanh, Đoàn trường và LCĐ và LCH còn điều động các SV đang học tập tại cơ sở 2 tham gia dọn vệ sinh trong khuôn viên trường với mục đích vừa làm sạch môi trường, vừa giáo dục ý thức vệ sinh môi trường và rèn luyện ý thức lao động. Để đảm bảo an toàn, trật tự trong khuôn viên, Trường ký hợp đồng với công ty vệ sĩ và có sự kết hợp của Bộ phận nội trú, quản lý KTX,… [[H8.08.05.04](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Evqah5GR725CrnfhGpl-fMgBAULfL1wPUrTd5nD23SJADw?e=zxQx7K)]. Công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC), an toàn học đường, an toàn vệ sinh thực phẩm được Nhà trường quan tâm chỉ đạo và giám sát. Hằng năm, Trường đều tổ chức Tuần sinh hoạt công dân- học sinh sinh viên để triển khai nhiệm vụ chính trị và công tác HS-SV giúp SV hiểu và thực hiện tốt nội quy ở giảng đường, phòng thí nghiệm, thư viện, ký túc xá. Các SV ở nội trú được ban hành nội quy/quy tắc ứng xử trong nhà trường, thực hiện quy định với sinh viên tại làng sinh viên cơ sở 2 để đảm bảo môi trường văn hóa, an ninh, an toàn cho người học [[H8.08.05.05](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Eh4dWGL_j4RMrGy8Z3UTJeMBtj5pPuFVcJZxdoHx1L_TgQ?e=kWEewp)]. Trung tâm GDQP&AN kết hợp Trợ lý QLHSSV và LCĐ thành lập các CLB Thể dục thể thao, CLB Tiếng Anh, Đội văn nghệ, Đội thanh niên xung kích, Đội tình nguyện .... Theo đó lãnh đạo Viện đã quyết định thành lập bộ phận tư vấn tâm lý học đường, hỗ trợ người học và phục vụ cộng đồng. Nhờ các hoạt động trên, hầu hết các SV được hỗ trợ về các điều kiện học tập, sinh hoạt. Để tạo môi trường sinh hoạt, vui chơi lành mạnh cho SV, Trường và Trung tâm thường xuyên tổ chức các hoạt động thể thao (như: giải bóng đá nam, bóng chuyền nữ,…), văn nghệ, các cuộc thi (cắm hoa nghệ thuật, thi nấu ăn giỏi,…) nhân dịp các ngày lễ; các câu lạc bộ hoạt động thường xuyên (câu lạc bộ Tiếng Anh, câu lạc bộ Thể dục thể thao …). Các hoạt động này thu hút được số đông các SV tham gia và có kết quả tốt tạo điều kiện phát triển lối sống lành mạnh cho SV [[H8.08.05.06](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Eq6ZBBXy9hNNhTHIXF8D7D4BmbRHU0M5MZa9hufZaXVVdQ?e=AsOIP5)].

Hằng năm, sinh viên được tổ chức lấy ý kiến đánh giá về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan trong nhà trường. Kết quả khảo sát ý kiến người học, khảo sát về hoạt động hỗ trợ sinh viên cơ sở 2 cho thấy môi trường, cảnh quan của Trường đã tạo hứng thú cho SV phát huy được khả năng học tập, NCKH và rèn luyện của sinh viên Đây cũng là cơ sở để Nhà trường tập hợp thành dữ liệu phản hồi của NH và các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của CSGD giúp điều chỉnh, xây dựng môi trường văn hoá, cảnh quan ngày càng xanh – sạch – đẹp, thân thiện và thoải mái [[H8.08.05.07](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EsJRlmGbyZ1HnnZnCu1LXR8BywCjQUrc7FeSMrZ0v8TLnQ?e=jLEy4o)].

*2. Điểm mạnh*

Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong một môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch, đẹp.

Người học được học tập trong môi trường có đầy đủ tài liệu giáo trình, sách tham khảo, có phòng học tập và nghiên cứu cho sinh viên tự học.

*3. Điểm tồn tại*

Do đứng chân tại CS2, xa trung tâm TP và CS1 của Trường, nên việc tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí phục vụ người học còn gặp khó khăn.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | Trường/ Trung tâm GDQP&AN có chính sách hỗ trợ kinh phí cho LCĐ, Hội SV để tổ chức tốt hơn các hoạt động phục vụ người học | Trường, Trung tâm GDQP&AN, LCĐ Viện, Hội SV, | Hằng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục hoàn thiện đề án quy hoạch tổng thể trường ĐH Vinh | Phòng Quản trị-Đầu tư | Năm 2023 |  |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

## Kết luận về tiêu chuẩn 8

Nhà trường đã có chính sách tuyển sinh rõ ràng, được công khai và cập nhật hằng năm**,** đảm bảo tuyển được số lượng SV có kết quả và năng lực tốt,thu hút được người học tham gia xét tuyển vào ngành GDQP-AN. Các hoạt động tư vấn học tập được Trung tâm GDQP&AN triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của SV.Hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học tương đối hiệu quả. Môi trường học tập và nghiên cứu xanh, sạch đẹp, an toàn, không bạo lực, không tệ nạn xã hội. Khắc phục một số tồn tại như: Tăng cường hoạt động quảng bá tuyển sinh, đa dạng hóa phương thức tuyển sinh; Nâng cấp phần mềm CMC trong quản lý đào tạo và quản lý SV để có thể trực tiếp đưa ra cảnh báo cho SV về kết quả học tập và rèn luyện; Tuyên truyền, nâng cao ý thức của SV trong việc giữ gìn CSVC, cảnh quan, môi trường trong nhà trường và có hình thức kỷ luật thích đáng cho các trường hợp vi phạm. Bên cạnh đó nhà Trường tiếp tục phát huy các thế mạnh sẵn có như: Thường xuyên cải tiến, cập nhật thông tin tuyển sinh và công bố công khai; Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động thi đua và hoạt động ngoại khóa gắn với rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp; Tiếp tục hoàn thiện đề án quy hoạch tổng thể trường ĐH Vinh ở cơ sở 2.

## Tiêu chuẩn 9.

## CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TRANG THIẾT BỊ

# Mở đầu

Nhà trường và Trung tâm GDQP&AN luôn đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị học tập để cán bộ và sinh viên ngành GDQP-AN đảm bảo các hoạt động đào tạo và NCKH nhằm đạt được các mục tiêu đề ra. Điều này được thể hiện thông qua hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp, thư viện và các nguồn học liệu đầy đủ và được cập nhật thường xuyên, có phòng thí nghiệm thực hành với trang thiết bị hiện đại, hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật. Bên cạnh đó, nhà trường và Trung tâm GDQP&AN luôn đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường, sức khoẻ, an toàn cho sinh viên ngành GDQP-AN

### Tiêu chí 9.1: Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo

1. *Mô tả hiện trạng*

Trường có diện tích sử dụng đất đáp ứng quy định của tiêu chuẩn TCVN 3981-1985 với diện tích đất tại 05 cơ sở trên địa bàn 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh được giao sử dụng với đầy đủ các giấy tờ hợp pháp theo luật định với diện tích trên 44,61 ha trong tổng thể quy hoạch 118 ha. Nhà trường đã có quy hoạch tổng thể về sử dụng và phát triển cơ sở vật chất trong kế hoạch chiến lược của Trường. Các quy hoạch đã được phê duyệt bởi các cấp thẩm quyền là Bộ GD&ĐT (8/1989), Uỷ ban nhân dân tỉnh Nghệ An (6/2004), (10/2015) [[H9.09.01.01](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EltPCB6Mnx9BoP66pOa1F4YB2cq08XKp28hhDLkGt4GG5g?e=7oZ6Bx)]. Hiện nay, Nhà trường đang thực hiện chiến lược về phát triển giai đoạn giai đoạn 2018-2025, tầm nhìn 2030 và tiếp tục có sự rà soát, điều chỉnh mục tiêu để phù hợp hơn với tầm nhìn, sứ mạng và tình hình hình thực tiễn [[H9.09.01.02](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Ej6E_ueugntMoe71X_YTea4B9_JT1K0V4Y16GLwDeso2Pw?e=M5kHzi)].

Cùng với sự mở rộng qui mô đào tạo, Nhà trường có đủ số phòng học, giảng đường lớn đáp ứng nhu cầu của công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của ngành GDQP-AN. Nhà trường có phòng làm việc cho các đơn vị, với diện tích 15.864 m2, đạt xấp xỉ 15m2/1 cán bộ, giảng viên, nhân viên; có hệ thống phòng sinh hoạt bộ môn, phòng làm việc cho giảng viên cao cấp, phó giáo sư, giáo sư. Năm 2015, với việc đưa vào sử dụng tòa nhà điều hành 8 tầng, Nhà trường đã có khu điều hành hành chính tập trung; phòng làm việc cho các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cao cấp; phòng Seminar và sinh hoạt của bộ môn. Hiện trường Đại học Vinh có 280 phòng học, trong đó có 256 phòng được trang bị máy chiếu và hệ thống âm thanh, có 86 phòng thí nghiệm cho các chuyên ngành đào tạo. 100% phòng học và phòng THTN được trang bị máy điều hòa. Diện tích bình quân 5.9m2/1 người học (115,749m2/19.629 người học); Cơ sở vật chất cho cán bộ giảng viên, và nhân viên cơ hữu được đầu tư đồng bộ, bao gồm thiết bị văn phòng, thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị văn phòng hiện đại. Bên cạnh đó, phần lớn các thiết bị trong Nhà trường được quản lý theo phương thức dùng chung cơ sở vật chất giữa các đơn vị và được thống nhất quản lý bởi phòng Quản trị và Đầu tư và được kiểm kê hàng năm. Nhờ đó, tăng tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị, linh hoạt trong quản lý cơ sở vật chất của Nhà trường [[H9.09.01.03](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EvD3EOYRW6ZLuq1zqw7XxWIBiu_HEj5FB-fwQs7pCQzt_A?e=mfuzOj)].

*Bảng 9.1.1.Thống kê số lượng phòng TN-TH, phòng học toàn Trường (2023)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cơ sở**  **đào tạo** | **DT sàn xây dựng (m2)** | **Số phòng làm việc** | **Số phòng họp** | **Số Hội trường lớn** | **Số**  **phòng**  **học** | **Số phòng, cơ sở, Thí nghiệm, Thực hành** |
| Số phòng |  | 211 | 10 | 10 | 282 | 154 |
| Diện tích  sàn xây dựng (m2) | 191.778 | 11.054 | 413 | 3.026 | 51.054 | 43,860 |

Trung tâm GDQP&AN Trường ĐH Vinh đã được xây dựng trên diện tích 9 ha tại xã Nghi Ân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Hệ thống cơ sở vật chất của Trung tâm được khánh thành và đi vào hoạt động chính thức vào tháng 09/2013. Trung tâm hiện có hệ thống cơ sở vật chất khang trang, hiện đại với các hạng mục được xây dựng đồng bộ, đảm bảo cùng một lúc phục vụ cho hơn 1.200 sinh viên ăn ở, học tập và sinh hoạt tập trung

Về phòng học, Trung tâm hiện có: Hệ thống giảng đường để học lý thuyết với nhiều loại phòng học gồm có, phòng học Đa năng, phòng học cấp Đại đội, cấp Trung đội. Các phòng học được trang bị đầy đủ thiết bị âm thanh, máy chiếu.Có thể đáp ứng cho cho 1000 - 1200 sinh viên học học tập cùng một thời điểm

- 2 phòng học đa năng đảm bảo cho 300 sinh viên;

- 07 phòng học đại đội (mỗi phòng học cho 90 sinh viên) bảo đảm cho từ 550 - 600 sinh viên;

-09 phòng học trung đội (mỗi phòng học cho 45-50 sinh viên) bảo đảm cho 400 - 450 sinh viên;

. Để phục vụ cho các học phần thực hành ngành GDQP-AN Trung tâm có 2 nhà học thực hành (400m2 và 600m2) bảo đảm cho 400 sinh viên học cùng lúc;

Có thao trường học chiến thuật rộng 1500 m2 được đắp nổi thành đồi bằng, đủ cho 1 đại đội (100 SV) học chiến thuật [[H9.09.01.03](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EvD3EOYRW6ZLuq1zqw7XxWIBiu_HEj5FB-fwQs7pCQzt_A?e=mfuzOj)].

. Về cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động đào tạo ngành GDQP-AN. Trung tâm được cung cấp và tự mua sắm, trang bị tương đối đầy đủ các loại vũ khí trang bị các loại gồm AK, Trung liên, B40, B41, CKC và mô hình cắt bổ các loại súng, đạn, hệ thống bia các loại phục vụ học bắn súng, chiến thuật.

Các loại tài liệu, giáo trình phục vụ học tập, nghiên cứu của sinh viên với hơn 3000 đầu sách.

Thiết bị máy bắn tập phục vụ học tập và kiểm tra đánh giá.

Các thiết bị hỗ trợ trang bị ở các phòng học đã góp phần nâng cao hiệu quả của dạy - học, góp phần đổi mới phương pháp dạy học bằng các bài giảng điện tử, đáp ứng yêu cầu đào tạo. Ngoài ra, sinh viên ngành GDQP-AN còn sử dụng hệ thống phòng học có trang thiết bị hiện đại với hệ thống bảng tương tác và thư viện số kết nối. [[H9.09.01.06](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EgFgYH9k5oBJo0hv__80tKYBA4ny0Zr6wx9G3rpCZAzjQA?e=jUnbMq)].

Nhà trường rất chú trọng đến việc bố trí không gian học tập chung, phòng học, phòng họp trực tuyến. Năm 2020, Nhà trường đã thành lập Trung tâm sản xuất học liệu với thiết bị hiện đại để hỗ trợ trong công tác dạy và học trực tuyến. Giai đoạn 2 của tái cấu trúc, Viện Nghiên cứu và Đào tạo trực tuyến được thành lập năm 2021 nhằm quản lý vận hành hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường, hỗ trợ tổ chức đào tạo, bồi dưỡng các bậc học theo hình thức trực tuyến [[H9.09.01.06](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EgFgYH9k5oBJo0hv__80tKYBA4ny0Zr6wx9G3rpCZAzjQA?e=jUnbMq)].

Nhà trường đã ban hành các quy định về quản lý tài sản, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đề cập đến cách thức quản lý, kinh phí đầu tư, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng và các trang thiết bị phục vụ cho CTĐT các ngành học, trong đó có ngành GDQP-AN. Tài sản của Nhà trường được quản lý theo phương thức dùng chung giữa các đơn vị và được thống nhất quản lý bởi phòng Quản trị và Đầu tư. Nhờ đó, tăng tần suất và hiệu quả sử dụng thiết bị, linh hoạt trong quản lý cơ sở vật chất của Nhà trường [[H9.09.01.04](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EsaAQFPKdVxGiRW1dE18LL8Bd8TWkrEr51PesadRo3ha0g?e=m8aAPw)]. Công tác kiểm kê tài sản được diễn ra hàng năm sẽ làm căn cứ để Nhà trường xây dựng kế hoạch mua sắm bổ sung tài sản phục vụ cho công tác đào tạo và phát triển các CTĐT [[H9.09.01.05](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Ev9AAbacc-NBlQmy9KF6JNkBuzWbMLlPdMRk4nvDANEKOQ?e=hsrg1e)]. Kinh phí dành cho đầu tư, bảo trì, bảo dưỡng cơ sở vật chất và trang thiết bị được lập dự toán đầu tư, mua sắm và rà soát hàng năm nhằm nâng cao chất lượng cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Nhà trường thực hiện công tác duy tu và bảo trì bảo dưỡng thường xuyên cơ sở vật chất nhằm đảm bảo phục vụ công tác đào tạo được diễn ra thuận lợi [[H9.09.01.07](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EjpAoBHPpapCjKd3eY8KsVYBpBYzY_7gOnvvUKn3DOzZdA?e=yEwRIH)].

*Bảng 9.1.2. Bảng tổng hợp chi cho mua sắm trang thiết bị và xây dựng cơ bản trong 5 năm của Trường Đại học Vinh*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khoản mục chi** | **Năm 2019** | **Năm 2020** | **Năm 2021** | **Năm 2022** | **Năm 2023** | **Tổng 5 năm** |
| **I** | Chi cho mua sắm trang thiết bị, XDCB | 92.090,37 | 77.879,60 | 21.459,59 | 17.165,44 | 13.114,26 | **221.709,26** |
| **1** | Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị | 10.938,60 | 14.339,60 | 11.458,93 | 9.547,09 | 9.639,95 | **55.924,17** |
| **1.1** | Chi cho CNTT | 9.851,00 | 13.252,00 | 10.642,59 | 7.340,28 | 6.748,35 | **47.834,22** |
| **1.2** | Chi cho MMTB thí nghiệm, thực hành,v.v. | 1.087,60 | 1.087,60 | 816,34 | 2.206,81 | 2.891,61 | **8.089,96** |
| **2** | Chi XDCB | 81.151,77 | 63.540,00 | 10.000,66 | 7.618,35 | 3.474,31 | **165.785,08** |

Nhà trường đã triển khai thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hệ thống phòng học, giảng đường lớn, thư viện và hệ thống trang thiết bị phục vụ CTĐT ngành GDQP-AN. Hệ thống phòng học, giảng đường lớn và hệ thống trang thiết bị thư viện phục vụ CTĐT ngành GDQP-AN của nhà trường cơ bản đáp ứng yêu cầu của người học. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học qua các năm về cơ bản trên 90% mức độ đáp ứng tốt [[H9.09.01.08](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EtsqUni7AHBEmSJf9wVEl4QBjnYHTReecZvpYPtdc-FFSQ?e=TTb2dw)].

*2. Điểm mạnh*

* + Nhà trường, Trung tâm GDQP&AN có đủ diện tích lớp học, đủ số phòng học hiện đại, giảng đường lớn, các phòng chức năng phù hợp, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH ngành GDQP-AN
  + Nhà trường đáp ứng trang thiết bị hiện đại theo yêu cầu của ngành GDQP-AN, phục vụ NCKH và thực hiện các đề tài, dự án, đáp ứng kịp thời việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị khi có yêu cầu.

*3. Điểm tồn tại*

* Hệ thống thao trường, các cơ sở vật chất phục vụ cho học tập, rèn luyện các kỹ năng quân sự cho sinh viên ngành GDQP-AN vẫn còn thiếu.
* Nhà trường chưa bố trí được các phòng học chuyên dụng cho sinh viên ngành GDQP-AN

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | |
| **Bắt đầu** | **Hoàn thành** |
| 1. | Khắc phục tồn tại | Nhà trường cần quy hoạch và bổ sung thêm hệ thống thao trường, bãi tập, phòng học chuyên dùng cho sinh viên ngành GDQP-AN | Phòng QT &ĐT  Phòng KHTC | Hằng năm | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, phòng học, giảng đường, phòng chức năng, hệ thống mạng | Phòng QT &ĐT  Phòng KHTC | Hằng năm | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá**:* Đạt 5/7 điểm

**Tiêu chí 9.2: Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo**

*1. Mô tả hiện trạng*

Thư viện của phân hiệu Trường Đại học Sư phạm Vinh được thành lập năm 1959. Trong giai đoạn từ năm 1959 đến 1997, vốn tài liệu, trụ sở, cơ sở vật chất, trang thiết bị còn hạn chế, phương thức hoạt động chủ yếu theo mô hình của thư viện truyền thống.

Năm 2001 cùng với sự kiện đổi tên trường, để đáp ứng yêu cầu xây dựng Trường Đại học Vinh đa ngành, ngày 04 tháng 9 năm 2001, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Quyết định số: 4947/QĐ-BGDĐT-TCCB thành lập Trung tâm Thông tin Tư liệu và Thư viện trên cơ sở đơn vị Thư viện và Xưởng in của trường.

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Trường Đại học Vinh, để tỏ lòng tri ân cố Giáo sư Nhà Giáo Nhân dân Nguyễn Thúc Hào - vị Hiệu trưởng đầu tiên của Trường (1959-1973), Trường Đại học Vinh đã có Quyết định số 2327/TCCB ngày 08/10/2009 đổi tên Trung tâm Thông tin Tư liệu và Thư viện Trường Đại học Vinh thànhTrung tâm Thông tin - Thư viện Nguyễn Thúc Hào[[H8.08.02.01](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/ElL9E48Fxn5FnUDlS47LLgcBkUue2O644krqKxKK6kjxwQ?e=bFT2IF)].

Trung tâm Thông tin - Thư viện là tòa nhà 7 tầng có 3 cầu thang máy với diện tích sàn gần 9000 m2, sức chứa khoảng 1.800 bạn đọc. Toàn Thư viện có 8 phòng đọc, 6 phòng máy tính, 01 hội trường và 1 sảnh dùng chung tại tầng 1 [[H8.08.02.01](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/ElL9E48Fxn5FnUDlS47LLgcBkUue2O644krqKxKK6kjxwQ?e=bFT2IF)].

Các hoạt động tại Thư viện của Nhà trường đều đã được thể chế hóa bằng các quy định cụ thể [[H8.08.02.02](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EqwKRO2hfZVBvwfvGqUtRZwBX0NMY7Lj8a7TjwdpM4ehIg?e=F6RaOx)]. Ngoài ra, vào đầu năm học hàng năm, Thư viện đều tổ chức hướng dẫn sử dụng khai thác thông tin và sử dụng thư viện cho học viên cao học, SV chính quy vừa nhập học. Đây là hoạt động có ý nghĩa thiết thực cho học sinh, sinh viên và học viên của Nhà trường trong việc khai thác thông tin và sử dụng thư viện có hiệu quả [[H8.08.02.03](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EitD2S9FubZEkf8_QRqpwE4B1tlL0CPw-7bbvVGLKmU5Aw?e=B1UfhC)].

Thư viện trường Đại học Vinh được xây dựng và phát triển theo xu hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tự động hóa trên quan điểm phục vụ hướng tới người sử dụng, tạo điều kiện cho sinh viên khai thác thông tin thuận lợi, nhanh chóng, chính xác. Thư viện được đầu tư các hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, với đầy đủ trang thiết bị và các phương tiện kỹ thuật như hệ thống mượn - trả tài liệu tự động 24/7; phần mềm quản lý thư viện Kipos tiên tiến, máy scan - số hóa, đầu kỹ thuật số, điều hòa, hệ thống máy chiếu, máy photocopy, máy vi tính, màn hình ti vi đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và người học ngành GDQP-AN nói riêng và trường Đại học Vinh nói chung [H9.09.02.04]. Công tác tổ chức phục vụ bạn đọc được được thực hiện từ thứ 2 đến chủ nhật trong tuần từ 7h30 đến 21h30 nhằm phục vụ tốt chương trình đào tạo tiếp cận theo CDIO, đáp ứng nhu cầu về học liệu, nguồn thông tin khoa học của cán bộ, giảng viên và người học [[H8.08.02.02](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EqwKRO2hfZVBvwfvGqUtRZwBX0NMY7Lj8a7TjwdpM4ehIg?e=EVBjPd)].

Cùng với các đơn vị khác trong toàn trường, hằng năm tại trung tâm Thư viện tổ chức kiểm kê tài sản và cơ sở vật chất. Đây là hoạt động thường xuyên nhằm đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản của Nhà trường [[H8.08.02.04](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EseRVvi4yh9Evfx5d4PUlcMBp61VM3MzUeq-KE8xxfuXjg?e=9KQgUh)]. Căn cứ vào hoạt động kiểm kê, Nhà trường thực hiện đầu tư nâng cấp và bảo dưỡng thường xuyên hệ thống cơ sở vật chất của các đơn vị [[H8.08.02.05](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EtHDidqlySZDtkdjuekHMsEBHJPmcxbCkKrSukjGrLoIHg?e=mMSWMo)].

Thư viện trường cung cấp tương đối đầy đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, giảng viên và sinh viên ngành GDQP-AN nói riêng và Trung tâm GDQP&AN nói chung. Tính đến tháng 06/2022, về tài liệu truyền thống, thư viện có trên 15.000 tên tài liệu với hơn 160.000 cuốn phục vụ cho các ngành đào tạo trong trường, bao gồm luận án, luận văn, khóa luận tốt nghiệp, đề tài nghiên cứu khoa học, tài liệu tham khảo và giáo trình. Trong đó, danh sách học liệu phục vụ đào tạo ngành GDQP-AN được đảm bảo đáp ứng nhu cầu dạy và học cho giáo viên và sinh viên. Các đầu sách của thư viện đảm bảo theo đề cương chi tiết học phần ngành GDQP-AN [[H8.08.02.06](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EvVrNmL6mR9Do_x1aTjz4T0BLTfRjFVGGrNZN_Xdtxj_uA?e=7DmUTL)]. Dựa trên yêu cầu đổi mới CTĐT, hàng năm thư viện tiến hành lập kế hoạch, dự toán, hoá đơn và thanh quyết toán các khoản đầu tư cho thư viện (sách, báo, tạp chí, tài liệu…) [[H8.08.02.07](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EqRL-cMiNrxBjP6n2CDn_kABrOvX-FeAnBdE9a-HFNobrA?e=BZLPxe)]. Các nguồn tài liệu, giáo trình phục vụ đào tạo của Nhà trường ở trong thư viện đều đảm bảo tính pháp lý và bảo đảm quy định về sở hữu trí tuệ [[H8.08.02.08](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Ek1ROM14qWZDq8HC6uNglAcBXX_atqWdipPW1HmOjSd7QQ?e=Y1EUee)].

*Thống kê số lượng sách tham khảo và giáo trình chuyên ngành (2023)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cơ sở**  **đào tạo** | Số lượng sách tham khảo quốc văn (cuốn) | Số lượng sách tham khảo ngoại văn  (cuốn) | Số lượng đầu báo, tạp chí chuyên ngành | Số lượng Luận văn ThS và ĐH | Số lượng đề tài NCKH | Số lượng sách điện tử |
| Trung tâm TT-TV NTH | 17.340 | 10.056 | 64 | 25.334 | 142 | 25.935 |

*Thống kê tình hình chi mua sách và giáo trình của Trường*

*(đơn vị tính: triệu đồng)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | **Tổng 5 năm** |
| Kinh phí mua tài liệu giáo trình của thư viện | 2220.42 | 536.55 | 854,26 | 599,21 | 607,22 | 4.817,66 |

Công tác bổ sung giáo trình, học liệu được tiến hành thường xuyên, khoa học theo đúng quy trình bổ sung học liệu của nhà trường. Các đầu sách của Thư viện được bổ sung căn cứ theo danh mục học liệu có trong ĐCCT các học phần của các ngành đào tạo. Dựa trên yêu cầu đổi mới CTĐT, hàng năm Thư viện bổ sung cập nhật nguồn tài liệu mới nhằm đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học [[H8.08.02.08](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Ek1ROM14qWZDq8HC6uNglAcBXX_atqWdipPW1HmOjSd7QQ?e=Y1EUee)]. Nguồn học liệu của thư viện được quản lí bằng phần mềm quản lí thư viện Kipos. Nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin khoa học phục vụ tốt CTĐT, Thư viện đã đưa vào sử dụng cơ sở dữ liệu điện tử trực tuyến online và thư viện số giúp giảng viên và người học có thể tìm kiếm các tài liệu chuyên ngành của các cơ sở giáo dục khác như Đại học Quốc gia Hà Nội, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh… [[H9.09.02.09](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Eja3JDZAr_RHgm9GAPS_2G4BKN8u3QnDnGWV4S342VPoKQ?e=qa827r)].

Hằng năm, Nhà trường theo dõi các hoạt động của thư viện qua các dữ liệu như thống kê số lượt bạn đọc tới thư viện, số lượt mượn tài liệu [[H9.09.02.10](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Ev4ktdg0UwZHu9RNK0cNTlcBXR2vYQkSh7DJTPSq38Hl-g?e=3dZTb9)]. Ngoài ra, Nhà trường còn thực hiện đánh giá hiệu quả các hoạt động của Thư viện qua Phiếu trưng cầu ý kiến bạn đọc và đánh giá phản hồi của người học, giáo viên và các bên liên quan về mức độ phù hợp của thư viện và các nguồn học liệu trong việc hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu. [[H9.09.02.11](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EuRb7bxzaRZIrptK8ZgqoMQBUI-N5i1ZszLDpf9qTNP-xA?e=MCghzj)]. Kết quả thăm dò lấy ý kiến về mức độ đáp ứng của thư viện đối với chương trình đào tạo ngành GDQP-AN cho thấy giảng viên và sinh viên ngành GDQP-AN nói riêng và sinh viên khoa GDQP nói chung hài lòng về mức độ đáp ứng của thư viện. Kết quả khảo sát ý kiến phản hồi từ người học qua các năm cho thấy có hơn 90% người học đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu của các sản phẩm và dịch vụ thông tin của thư viện là tốt và rất tốt; 84% người học đánh giá mức độ phù hợp và rất phù hợp của việc tổ chức các phòng đọc, kho sách hiện tại của Thư viện.

*2. Điểm mạnh*

- Thư viện của Trường hiện nay cơ bản đã có đủ sách, giáo trình, tài liệu tham khảo tiếng Việt và tiếng nước ngoài đáp ứng cơ bản nhu cầu cho người học và giảng viên.

- Thư viện điện tử Nhà trường cho phép giảng viên tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và download cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước.

- Hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian.

*3. Điểm tồn tại*

- Giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu đọc thêm của GV, SV ngành GDQP-AN chưa đa dạng và cập nhật.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | |
| **Bắt đầu** | **Hoàn thành** |
| 1. | Khắc phục tồn tại | Ngoài giáo trình, tài liệu phục vụ nhu cầu dạy và học theo khung chương trình, thư viện nên cập nhật, bổ sung thêm các tài liệu đáp ứng nhu cầu đọc thêm của người đọc. | Trung tâm TTTV  Trung tâm GDQP&AN | Hằng năm | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | - Tiếp tục cập nhật ý kiến của giảng viên, người học để đáp ứng và cập nhật sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, đặc biệt sau mỗi lần rà soát chương trình đào tạo.  - Tiếp tục thực hiện các buổi hướng dẫn khai thác thông tin thư viện đến các sinh viên, giảng viên, đặc biệt sinh viên năm thứ nhất. | Trung tâm TTTV  Trung tâm GDQP&AN | Hằng năm | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 4/7 điểm

**Tiêu chí 9.3: Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu**

*1. Mô tả hiện trạng*

Trung tâm Thực hành - Thí nghiệm (TH-TN) được thành lập theo Quyết định số 706/QĐ-ĐHV ngày 04/4/2011 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh trên cơ sở sát nhập các phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng, trại trong toàn trường. Có chức năng chính là phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của cán bộ, giảng viên, sinh viên trong trường. Từ đó, Nhà trường đã ban hành các văn bản về quy chế tổ chức và hoạt động của riêng Trung tâm cũng như quy chế phối hợp giữa các đơn vị trong toàn trường với Trung tâm thực hành thí nghiệm [H9.09.03.01].

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác đầu tư thiết bị thí nghiệm, thực hành hiện đại phục vụ cho việc học tập, giảng dạy, gắn liền với thực tế nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của GV, người học trong công tác NCKH, chuyển giao công nghệ và kỹ năng thực hành, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của xã hội. Nhà trường trang bị đầy đủ phòng thí nghiệm, thực hành và các trang thiết bị để phục vụ đào tạo và nghiên cứu. Toàn bộ hệ thống phòng thí nghiệm thực hành được bố trí tại 05 tòa nhà, được quy hoạch và xây dựng đúng tiêu chuẩn phòng thực hành thí nghiệm của Bộ GD&ĐT [H9.09.03.02]. Hiện nay, toàn trung tâm THTN có có 86 phòng thực hành thí nghiệm được chia thành 8 nhóm ngành, diện tích bình quân phòng THTN/người học là 4,48m2/người. Sinh viên có thể phát triển kỹ năng thực hành, thực hiện đồ án môn học và đề tài NCKH ngoài giờ học chính khóa. Tất cả các ngày trong tuần đều mở cửa, kể cả Thứ Bảy và Chủ nhật. Hầu hết các đơn vị đều bố trí thời khóa biểu và các lịch học thí nghiệm, thực hành, làm NCKH theo hướng khai thác tối đa công suất sử dụng các phòng học, phòng TN-TH [H9.09.03.03].

Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng Trung tâm đào tạo thực hành Ngân hàng, Chứng khoán và Công ty mô phỏng tại tầng 7 tòa nhà điều hành của trường dành cho sinh viên khối ngành kinh tế. Nhà trường cũng đã đầu tư xây dựng Trung tâm thực hành pháp luật tại nhà A0; Phòng xử án mô phỏng tại tầng 7 Trung tâm Thông tin - Thư viện. Tất cả đều được trang bị tài liệu và cơ sở vật chất gồm máy lạnh, máy chiếu, bàn ghế, tủ tài liệu, các trang thiết bị văn phòng phẩm,… đáp ứng nhu cầu học tập, hoạt động của sinh viên [H9.09.03.03].

Hệ thống phòng học máy tính của nhà trường đáp ứng yêu cầu của đào tạo và NCKH của người học. Trong các phòng học máy tính, nhà trường trang bị hệ thống máy tính, hệ thống âm thanh, máy chiếu, màn chiếu điện, điều hòa phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của giảng viên và người học. Hệ thống phòng học được quản lí sử dụng bằng mạng máy tính, đảm bảo sử dụng hợp lí, hết tần suất 9h mỗi ngày từ thứ 2 đến thứ 6 và 40% vào hai ngày cuối tuần [H9.09.03.03].

Trung tâm THTN là đơn vị có hệ thống tài sản và thiết bị phục vụ đào tạo lớn nhất Trường Đại học Vinh, do đó công tác quản lý tài sản rất được chú trọng. Năm 2017, được sự đồng ý của Nhà trường, Trung tâm đã xây dựng và ban hành quy trình quản lý tài sản, máy móc thiết bị tại Trung tâm THTN. Ngoài ra còn ban hành quy định làm việc tại Phòng thí nghiệm và mỗi phòng thí nghiệm, thực hành đều có bản nội quy cụ thể [H9.09.03.04].

Tại các phòng học, phòng TH-TN đều có nội quy và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị trong phòng. Tại mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có bảng công khai tài sản, bên cạnh đó danh mục tài sản tại Trung tâm TH-TN còn được công khai trên Website của đơn vị. Bên cạnh đó, Trường có sổ theo dõi tần suất khai thác các trang thiết bị của các Phòng TH-TN. Qua sổ theo dõi cho thấy, các trang thiết bị được sử dụng với tần suất sử dụng 10 tiết/ngày vẫn hoạt động tốt, công tác điều hành kế hoạch giảng dạy hợp lý nên các phòng phòng TH-TN được khai thác tối đa công suất sử dụng khi có sự cố đều được tổ kỹ thuật bảo trì sửa chữa kịp thời. Hằng năm, Nhà trường đều thực hiện công tác rà soát và kiểm kê tài sản tại Trung tâm THTN làm căn cứ để mua sắm bổ sung cho năm học sau [H9.09.03.05].

Các trang thiết bị của các phòng thí nghiệm, thực hành của Nhà trường luôn được cập nhật và duy tu, bảo dưỡng để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu.

Các trang thiết bị phục vụ dạy, học và NCKH được lập dự toán đầu tư, sửa chữa, bảo dưỡng theo quy trình. Cuối mỗi năm học P.QT và ĐT phối hợp với các đơn vị sử dụng tài sản, CSVC tiến hành kiểm kê và đánh giá hiệu quả chất lượng từng tài sản, trang thiết bị tại trường, theo từng hạng mục để tổng hợp báo cáo gửi về HĐQT và BGH, từ đó có kế hoạch đầu tư, bổ sung trang thiết bị cùng với việc nâng cấp CSVC và cơ sở hạ tầng đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo và NCKH. Vào đầu năm học, P.QT và ĐT  thông báo cho các đơn vị lập Báo cáo tổng kết CSVC, công cụ dụng cụ, vật tư tiêu hao, vật tư thay thế,… năm học cũ và lập kế hoạch trang bị CSVC, vật tư TH-TN, in ấn, văn phòng phẩm, dự án đầu tư trang thiết bị cho năm học mới. Về phía, Trung tâm TH-TN có nhiệm vụ tổng hợp và đề nghị mua sắm tài sản, thiết bị vật tư phục vụ TH-TN cũng như đề xuất sửa chữa và thanh lý các tài sản hàng năm tại đơn vị quản lý [H9.09.03.06].

*Bảng 9.3.1. Bảng tổng hợp chi cho mua sắm máy móc, thiết bị và và sửa chữa trang thiết bị trong 5 năm của Trường Đại học Vinh*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Khoản mục chi | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 | Năm 2022 | Năm 2023 | Tổng 5 năm |
| 1 | Chi mua sắm, sửa chữa trang thiết bị | 10.938,60 | 14.339,60 | 11.458,93 | 9.547,09 | 9.639,95 | 55.924,17 |
| 2 | Chi cho MMTB thí nghiệm, thực hành,v.v. | 1.087,60 | 1.087,60 | 816,34 | 2.206,81 | 2.891,61 | 8.089,96 |

Hiện nay, tại Trung tâm TH-TN có 4 tổ chuyên môn, Ban Giám đốc gồm 3 cán bộ, có 28 cán bộ làm việc trực tiếp tại các phòng thí nghiệm, với phương châm 1 người phụ trách ít nhất 02 phòng thí nghiệm, thực hành và 02 học phần THTN. Cán bộ phụ trách phòng thực hành được phân công nhiệm vụ thực hiện chức năng quản lý việc sử dụng các trang thiết bị của trung tâm thực hành thí nghiệm. Nhiệm vụ và lịch làm việc cụ thể của từng cán bộ được cập nhật trên Website của đơn vị. Ngoài ra, tại mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có nhật ký ghi lại quá trình làm việc hàng ngày của cán bộ phụ trách và nhật ký sử dụng thiết bị đối với các thiết bị từ 15 triệu đồng trở lên. Tần suất sử dụng, thời gian hoạt động/không hoạt động, số giờ vận hành của phòng học máy tính được theo dõi trong sổ nhật ký phòng máy tính [H9.09.03.07].

Để phục vụ cho các nội dung thực hành của sinh viên ngành GDQP\_AN. Trung tâm GDQP&AN có 2 nhà học thực hành (400m2 và 600m2) bảo đảm cho 400 sinh viên học cùng lúc;

Có thao trường học chiến thuật rộng 1500 m2 được đắp nổi thành đồi bằng, đủ cho 1 đại đội (100 SV) học chiến thuật.

Về cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động đào tạo ngành GDQP-AN. Trung tâm được cung cấp và tự mua sắm, trang bị tương đối đầy đủ các loại vũ khí trang bị các loại gồm AK, Trung liên, B40, B41, CKC và mô hình cắt bổ các loại súng, đạn, hệ thống bia các loại phục vụ học bắn súng, chiến thuật.

Các loại tài liệu, giáo trình phục vụ học tập, nghiên cứu của sinh viên với hơn 3000 đầu sách.

Thiết bị máy bắn tập phục vụ học tập và kiểm tra đánh giá.

Nhằm nâng cao chất lượng phục vụ công tác THTN cũng như đáp ứng tốt về mặt trang thiết bị phục vụ THTN, Hằng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của NH và các bên liên quan về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo và nghiên cứu của phòng THTN và các trang thiết bị. Kết quả khảo sát ý kiến NH về khóa học đối với các HP sử dụng phòng THTN luôn được Nhà trường, Khoa phân tích, đánh giá và đưa ra những điều chỉnh cần thiết và kịp thời. Điều này đánh giá được những nỗ lực của Trường và Khoa trong việc tích cực xây dựng mới, mở rộng, nâng cấp phòng THTN trong những năm qua nhằm đáp ứng tốt hiệu quả sử dụng CSVC và thực hiện theo Kế hoạch đảm bảo chất lượng của Trường [H9.09.03.08].

*2. Điểm mạnh*

Hệ thống phòng học máy tính cơ bản đáp ứng nhu cầu đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của sinh viên ngành GDQP-AN. Việc sửa chữa, thay thế các trang thiết bị được đáp ứng kịp thời khi có yêu cầu.

*3. Điểm tồn tại*

Một số máy tính đã cũ ảnh hưởng đến việc khai thác, sử dụng trong dạy và học của GV và SV.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | |
| **Bắt đầu** | **Hoàn thành** |
| 1. | Khắc phục tồn tại | Rà soát các máy tính đã cũ để đề xuất bổ sung, thay thế | Phòng KHTC, Phòng QT & ĐT. | Hằng năm | Hằng năm |
| 2. | Phát huy điểm mạnh | Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị, phòng thực hành, thí nghiệm | Phòng KHTC, Phòng QT & ĐT  Trung tâm THTN | Hằng năm | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

**Tiêu chí 9.4: Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm cả hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu**

*1. Mô tả hiện trạng*

Trung tâm CNTT được thành lập năm 2012 theo quyết định số 300/QĐ-ĐHV ngày 29/3/2012 của Hiệu trưởng Trường đại học Vinh, với chức năng nhiệm vụ chính là quản lý các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin của Trường. Năm 2021, Trung tâm CNTT là một bộ phận của Viện Nghiên cứu và Đào tạo được thành lập với chức năng nhiệm vụ chính là quản lý và vận hành hệ thống công nghệ thông tin của Trường Đại học Vinh; Tổ chức đào tạo các trình độ theo hình thức trực tuyến, trực tuyến kết hợp trực tiếp… Đội ngũ cán bộ của Viện là những người đã được đào tạo chuyên sâu về CNTT và được phân công nhiệm vụ cụ thể phụ trách hệ thống CNTT toàn trường, đảm bảo hệ thống mạng hoạt động thông suốt, đảm bảo các phần mềm quản lý được cập nhật thường xuyên phù hợp với yêu cầu quản lí mới của Nhà trường [[H9.09.04.01](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EtpSnbaXEjBCqySNsJWTWWsB1cK6T1QTuS6Q4HaCl6eczQ?e=TwVgsq)].

Nhà trường trang bị cơ bản đầy đủ thiết bị tin học để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động dạy học và NCKH. Trường hiện có gần 2.000 máy tính tại các phòng thực hành CNTT, có 08 phòng máy chuyên dụng đáp ứng tốt cho việc học ngoại ngữ và thi trắc nghiệm. Thư viện trường có hơn 100 máy tính được nối mạng Internet đáp ứng yêu cầu tra cứu, truy cập và sử dụng tài liệu online cho người học. Cán bộ của Nhà trường từ học vị Tiến sĩ trở lên được cấp máy tính xách tay để phục vụ công tác, hỗ trợ cho công việc giảng dạy và các công tác khác [[H9.09.04.02](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EiB78VZ0Wd5Pv1kWCV08AVYBy_oCFLwA04fYswhRibmIiw?e=jDWjoq)].

*Bảng 9.4.1.Thống kê số liệu máy chủ phục vụ quản lý, đào tạo, NCKH của Trường Đại học Vinh*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mã tài sản** | **Tên tài sản** | **Ngày tăng** | **Số lượng** |
| 1 | 02701.03.030000.001 | Máy chủ IBM X3500M4 | 02/01/2018 | 1 |
| 2 | 03901.01.031000.001 | Máy chủ CSDL Dell ™ PowerEdge ™ R630 Rack Mount Server - 186C1H2 -2017 | 25/04/2017 | 1 |
| 3 | 04301.01.031001.007 | Máy chủ-Dell PowerEdge R730 Server 2016 | 20/09/2016 | 1 |
| 4 | 04301.02.030000.002 | Máy chủ IBM 3650M3 | 01/01/2012 | 1 |
| 5 | 04301.04.030000.074 | Máy chủ cơ sở dữ liệu: HP ProLiant DL 360 | 01/01/2012 | 1 |
| 6 | 04301.04.030000.075 | Máy chủ cơ sở dữ liệu: HP ProLiant DL 360 | 01/01/2012 | 1 |
| 7 | 04801.00.030000.028 | Máy chủ HP ProLiant DL380 G6 | 01/01/2012 | 1 |
| 8 | 04801.02.030000.001 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 9 | 04801.02.030000.002 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 10 | 04801.02.030000.003 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 11 | 04801.02.030000.004 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 12 | 04801.02.030000.005 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 13 | 04801.02.030000.006 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 14 | 04801.02.030000.007 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 15 | 04801.02.030000.008 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 16 | 04801.02.030000.009 | Máy chủ | 01/01/2012 | 1 |
| 17 | 04801.02.030000.184 | Máy chủ IBM 3650M3 | 01/01/2012 | 1 |
| 18 | 04801.02.030000.185 | Máy chủ IBM 3650M3 | 01/01/2012 | 1 |
| 19 | 04801.02.030000.186 | Máy chủ IBM 3650M3 | 01/01/2012 | 1 |
| 20 | 04803.01.031001.009 | Hệ thống máy chủ (ảo hóa thành các máy chủ ứng dụng: Web, DNS …, máy chủ CSDL) Dell PowerEdge | 22/04/2016 | 3 |
| 21 | 04803.01.031001.010 | Máy chủ sao lưu dữ liệu (Backup) Dell PowerEdge R630 2016 | 22/04/2016 | 1 |
| 22 | 04805.01.031000.002 | Máy chủ CSDL Dell ™ PowerEdge ™ R630 Rack Mount Server - 18451H2 -2017 | 25/04/2017 | 1 |
| 23 | 04805.01.031000.003 | Máy chủ Web Dell™ Power Edger™ R630 Rack Mount Server - 17Y61H2 - 2017 | 25/04/2017 | 1 |
| 24 | 04805.01.031000.004 | Máy chủ Web Dell™ Power Edger™ R630 Rack Mount Server - 17XB1H2 - 2017 | 25/04/2017 | 1 |
| 25 | 04805.01.031000.005 | Máy chủ CacheDell™ Power Edger™ R630 Rack Mount Server - 18W71H2 - 2017 | 25/04/2017 | 1 |
| 26 | 04805.01.031000.020 | Máy chủ Rack 2U Lenovo Think System SR650 - GDQP2017 | 22/12/2017 | 1 |
| 27 | 04805.01.031000.021 | Máy chủ Rack 2U Lenovo Think System SR650 - GDQP2017 | 22/12/2017 | 1 |
| 28 | 04805.01.031000.022 | Máy chủ Rack 4U Lenovo Think System x3850X5 -GDQP2017 | 22/12/2017 | 1 |
| 29 | 04805.01.031001.001 | Máy chủ Application-Dell PowerEdge R730 Server 2016 | 30/09/2017 | 1 |
| 30 | 04805.14.031500.609 | Máy chủ ứng dụng + phần mềm hệ thống PowerEdge R640, DellEMC - Dự án CNTT | 01/01/2019 | 1 |
| 31 | 04805.14.031500.610 | Máy chủ CSDL + phần mềm hệ thống PowerEdge R640, DellEMC - Dự án CNTT | 01/01/2019 | 1 |
| 32 | 04805.14.031500.611 | Máy chủ CSDL + phần mềm hệ thống PowerEdge R640, DellEMC - Dự án CNTT | 01/01/2019 | 1 |
| 33 | 04805.15.030000.068 | Máy chủ | 23/12/2021 | 2 |
| 34 | 04808.01.031000.001 | Máy chủ Rack 2U Lenovo Think System SR650 - GDQP2017 | 22/12/2017 | 1 |
| 35 | 06201.00.030000.018 | Máy chủ HP DL380G5 E5420 | 30/12/2014 | 1 |
| 36 | 06501.01.031001.001 | Máy chủ Dell PowerEdge R730 Server | 14/12/2016 | 1 |
| 37 | 08203.01.030701.088 | Máy chủ server Dell PowerEdge T320-Chassis 2018 | 15/01/2018 | 1 |
| 38 | 08203.01.030701.089 | Máy chủ server Dell PowerEdge T320-Chassis 2018 | 15/01/2018 | 1 |
| 39 | 09102.15.030000.045 | Máy chủ | 23/12/2021 | 2 |
| 40 | 10218.10.030000.021 | Máy chủ Hãng SX: IBM TN 411 Lê Thị Thu Hiệp | 30/12/2021 | 1 |
| 41 | 10505.00.030000.001 | Máy chủ IBM X3500M4 | 30/12/2021 | 1 |

Công tác tin học hóa trong các hoạt động của Nhà trường rất được chú trọng. Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị tin học, sử dụng các phần mềm quản lí để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động quản lí của trường (quản lí nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác) và đáp ứng nhu cầu dạy học của giảng viên, sinh viên trong đổi mới phương pháp dạy học. Các hoạt động dạy học trực tuyến được áp dụng rộng rãi từ hệ chính quy, hệ tại chức; từ bậc đại học và sau đại học của Nhà trường. Công tác quản lí của trường thực hiện thông qua hệ thống thông tin tổng thể phần mềm Trí Nam; e-office, CMC, LMS; các lĩnh vực đều sử dụng các phần mềm quản lí để quản lí nhân sự, đào tạo, NCKH, tài khoản, tài sản, điểm, học bổng, thu học phí và các nguồn thu khác. Cán bộ giảng viên giảng dạy ngành GDQP-AN nói riêng và cán bộ toàn trường nói chung được cung cấp địa chỉ email mang tên miền riêng là @vinhuni.edu.vn. Các hoạt động của nhà trường, được quản lí bằng hệ thống phần mềm một cách khoa học và hợp lí. Các dữ liệu về quản lí nhà trường và quản lí đào tạo được lưu trữ trên hệ thống máy chủ. Nhà trường đã và đang áp dụng Cổng thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học đáp ứng nhu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Nhà trường có hệ thống các phòng học trực tuyến gồm 16 phòng, chia 3 cụm có thể đáp ứng cho việc học tập đồng thời cho hơn 1.000 người học. Với hệ thống phòng học trực tuyến đảm bảo sự trao đổi giao tiếp tốt giữa người dạy và người học và ở tất cả các bậc học được đào tạo của Trường. Nhà trường đang đưa và áp dụng Cổng thông tin dạy và học để đảm bảo tương tác trực tuyến giữa giảng viên và người học như giảng viên đưa bài giảng, bài tập, chia nhóm, nhiệm vụ nhóm/cá nhân lên phần mềm và người học tự tải về bài giảng, bài tập, nhiệm vụ nhóm/cá nhân, hoàn thành nhiệm vụ và đưa kết quả thực hiện nhiệm vụ nhóm/cá nhân lên để giảng viên đánh giá. Năm học 2019 - 2020, 2020 – 2021, hệ thống dạy – học trực tuyến cùng phần mềm dạy học Zoom và nền tảng quản lý học tập trực tuyến LMS đã phát huy hiệu quả, đảm bảo tiến độ, kế hoạch đào tạo trong tình hình đại dịch covid hoành hành [[H9.09.04.03](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EoS5LdixjsZOjf_3-TTQnZIBMZUk4KbysbXY9klGAEj8WA?e=tfzKIL)].

Tất cả hệ thống máy tính trong Nhà trường được nối mạng Internet, mạng Wifi được sử dụng miễn phí trong toàn trường phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu của giảng viên và người học. Nhà trường cũng đã thực hiện triển khai tối ưu hoá hệ thống mạng máy tính toàn trường, lắp đặt camera tại các phòng thực hành thí nghiệm, giảng đường và KTX [[H9.09.04.04](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EorVGuJ7Mj5KnDXJ9Yd_q9MB5hw9HM6e4gj4ewp4GZ7u8g?e=O7k7On)].

Trường Đại học Vinh quản lý việc vận hành và bảo trì phòng máy tính cũng như cần bổ sung, nâng cấp các hệ thống phần cứng cũng như phần mềm của hệ thống CNTT qua sổ nhật ký làm việc tại các phòng thực hành, qua sổ theo dõi vận hành tại các hệ thống chuyên trách của trung tâm CNTT quản lý [[H9.09.04.05](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EgPhx9lxuXVIk0DNY2iaD78B2GtiN_oZKrj0bR34Me_XsA?e=hBYcKC)].

*Bảng 9.4.2. Bảng tổng hợp chi cho công nghệ thông tin trong 5 năm của Trường Đại học Vinh*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khoản mục chi** | **Năm 2019** | **Năm 2020** | **Năm 2021** | **Năm 2022** | **Năm 2023** | **Tổng 5 năm** |
| **1** | Chi cho CNTT | 9.851,00 | 13.252,00 | 10.642,59 | 7.340,28 | 6.748,35 | **47.834,22** |

Nhằm đáp ứng nhu cầu về hệ thống CNTT ngày càng cao của người học và cán bộ, Trường đại học Vinh không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng trang thiết bị CNTT cũng như hệ thống phần mềm qua từng năm học. Năm học 2020 - 2021, Nhà trường đã thực hiện việc bảo dưỡng và nâng cấp cấu hình hệ thống mạng máy tính cũng như bảo trì, bảo dưỡng máy tính cá nhân và máy in của các đơn vị trong trường [[H9.09.04.06](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/Evyultlr3WJNv82A4aIjg20BKTxb4VoHJNMeJSdsM1sfyQ?e=nnSJOD)].

Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của giảng viên và người học về mức độ hài lòng đối với môi trường CNTT, qua đó có kế hoạch cải tiến hệ thống CNTT/môi trường trực tuyến nhằm cập nhật và nâng cấp thường xuyên. Kết quả khảo sát cho thấy, người học, giảng viên và các bên liên quan đều cho rằng hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và NCKH [[H9.09.04.07](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/ElGUC9phsjhLu7b1l5d3MmEB36HTqt-P7_vvTS8y5-rExQ?e=ZIbrXf)].

*2. Điểm mạnh*

Hệ thống CNTT của Nhà trường được trang bị đầy đủ, đồng bộ, duy tu sửa chữa và cập nhật thường xuyên đáp ứng nhu cầu đào tạo và NCKH của giảng viên và người học.

*3. Điểm tồn tại*

- Tốc độ truy cập vào website và hệ thống dữ liệu của nhà trường có lúc còn chậm.

- Chất lượng mạng internet ở một số khu vực phòng học chưa tốt, ảnh hưởng tới hoạt động tương tác trực tuyến của giảng viên và người học.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | |
| **Bắt đầu** | **Hoàn thành** |
| 1 | Khắc phục tồn tại | - Nghiên cứu phương thức phân luồng, tổ chức lại quyền truy cập, sử dụng các nội dung của phần mềm để đảm bảo tốc độ truy cập vào dữ liệu, hạn chế tối đa tình trạng nghẽn mạng trong một số thời điểm.  - Nâng cao chất lượng đường truyền internet tại hệ thống phòng học, đảm bảo tốc độ truy cập đồng đều ở tất cả các khu vực trong nhà trường. | Trung tâm CNTT | Hằng năm | Hằng năm |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Định kỳ rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống CNTT và hạ tầng CNTT | Trung tâm CNTT | Hằng năm | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

**Tiêu chí 9.5: Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật**

*1. Mô tả hiện trạng*

Trường Đại học Vinh rất chú trọng tới các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn cho người học và cán bộ của Nhà trường. Điểm ghi nhận đầu tiên là ở công tác thiết kế và xây dựng nhà trường theo đúng tiêu chuẩn thiết kế trường đại học [[H9.09.05.01](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EjPAmO2WDqxLoLRaEkd083MBB7X6uTonxtY4baai-Kq7gQ?e=SH2keu)]. Bên cạnh việc nghiêm túc thực hiện Nghị định của Chính phủ về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường, Nhà trường còn ban hành các văn bản riêng áp dụng theo đặc thù của Trường Đại học Vinh. Nhà trường đã tổ chức các cuộc tập huấn các biện pháp ứng phó khẩn cấp và ban hành các văn bản hướng dẫn và sử dụng các hệ thống thiết bị nhằm thực hiện ứng phó khẩn cấp, đảm bảo an toàn trường học. Đồng thời, trường thực hiện báo cáo tổng kết/sơ kết đánh giá việc thực hiện tiêu chuẩn về các biện pháp ứng phó khẩn cấp. Nhà trường cũng thành lập Ban chỉ đạo công tác an ninh, trật tự trường học, an toàn giao thông, lập kế hoạch và ban hành các công văn triển khai công tác an ninh trường học, tăng cường phòng, chống bạo lực học đường, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trên mạng máy tính [[H9.09.05.02](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EpFcjEBbEipIiZ3KoDkp7UEBrhswV5FVHmQl8TL-3oOtZw?e=EP7YtA)].

Trường đã bê tông hóa kiên cố hệ thống đường đi, sân trường giúp khuôn viên trường được thông thoáng, cảnh quan cây xanh được đầu tư chăm sóc và đảm bảo tốt về vệ sinh - môi trường. Kí túc xá cho người học được đảm bảo đủ diện tích nhà ở và sinh hoạt cho sinh viên nội trú; có trang thiết bị và sân bãi cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao theo qui định. Hành lang, khuôn viên giảng đường, nhà làm việc và KTX đều được thiết kế và xây dựng có khu vực cho người khuyết tật. Hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch để cải tiến nâng cao chất lượng cảnh quan môi trường nhằm đáp ứng nhu cầu dạy và học [[H9.09.05.03](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EjTwAEU6O1FGmgZjWIvc66EBkSwGRoMKzzc9KKdC6wFa1Q?e=N5nBtJ)].

Trường có khuôn viên đẹp, có căng tin và nhà ăn phục vụ đáp ứng các hoạt động thể dục thể thao và văn hóa, văn nghệ của người học. Nhà trường có hệ thống sân chơi, phòng tập đa năng gồm 6 sân bóng chuyền, 6 sân bóng đá mini, 1 sân bóng đá lớn và nhiều sân thể thao phục vụ cho cán bộ, sinh viên với diện tích 35.000m2 và nhà thi đấu với 1000 chỗ ngồi phục vụ cho các nhu cầu vui chơi giải trí và các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, thể dục thể thao của SV. Bên cạnh đó, Nhà trường có bố trí các nhà để xe và căn tin phục vụ cho người dạy và học ở các hướng rất thuận tiện. Nhằm tạo điều kiện cho người học, Nhà trường có 05 tòa KTX với đầy đủ các trang thiết bị bên trong. Hằng năm các trang thiết bị đều được rà soát, sửa chữa, bảo dưỡng và bổ sung thay thế nhằm đảm bảo an toàn cho người ở hàng năm. Bên cạnh đó, nhà trường có đội ngũ nhân viên vệ sinh đảm bảo vệ sinh môi trường trong các giảng đường, khu vệ sinh, hội trường, đường bộ, bộ phận phục vụ và công ty dịch vụ vệ sinh thực hiện thường xuyên hàng ngày cho người dạy và học cảm thấy an toàn, thoải mái trong khuôn viên của trường. [[H9.09.05.03](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EjTwAEU6O1FGmgZjWIvc66EBkSwGRoMKzzc9KKdC6wFa1Q?e=N5nBtJ)].

Nhà trường có Trạm y tế đảm bảo tiêu chuẩn theo yêu cầu của Bộ GD&ĐT, được ban hành theo Quyết định số 428/QĐ-ĐHV, ngày 21/4/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh. Trạm y tế được đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị, nhân lực, đáp ứng nhu cầu được trợ giúp kịp thời cho sinh viên khi gặp vấn đề về sức khỏe. Cán bộ và sinh viên ngành GDQP-AN nói riêng và toàn trường nói chung có thể khám chữa bệnh định kỳ và được cấp phát thuốc tại Trạm y tế. Đây cũng là đơn vị chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức thực hiện vệ sinh học đường, vệ sinh môi trường, phòng chống các bệnh dịch, bệnh, tật học đường, bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống HIV và AIDS, các bệnh xã hội và các hoạt động khác về y tế trường học. Sinh viên ngành GDQP-AN được triển khai việc khám sức khỏe định kỳ, được tuyên truyền, truyền thông, tư vấn về giới tính, sức khỏe sinh sản [[H9.09.05.04](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EhCTRuU3jTxGjNWUKc6tgYsBFEuibkQai95L0FC0XrnOWA?e=JFgR1c)].

Công tác bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong trường học được BGH quan tâm. Nhà trường có đơn vị cung cấp vệ sỹ chuyên nghiệp thường trực 24/24 giờ làm nhiệm vụ bảo vệ tại tất cả các cổng vào ra. Ngoài nhiệm vụ bảo vệ tài sản còn có chức năng hướng dẫn cho người học, cán bộ và người đến làm việc với Nhà trường những vấn đề về an ninh trong trường học. Bên cạnh đó, Nhà trường còn có các lực lượng hỗ trợ vào thời điểm diễn ra các hoạt động đông người như Trung đội tự vệ chiến đấu (gồm 27 đồng chí, do Thành đội thành phố Vinh thành lập), Đội Thanh niên xung kích gồm các học viên, sinh viên của Trường. Hệ thống an toàn của Trường đạt qui định hiện hành. Bên cạnh đó, Trường còn lắp đặt hệ thống camera bảo vệ tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Trường, trong Tòa nhà Công nghệ cao và trong các phòng thực hành thí nghiệm. Công tác bảo vệ trật tự, an toàn, an ninh trong Trường được bảo đảm, tạo tâm lý yên tâm cho người dạy và người học về một môi trường an toàn, an ninh đảm bảo [[H9.09.05.05](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EgfZ2PYnBslOqatSfFW-4UkBbVs3RQut1uq1Ol9MON8Slw?e=vySMWG)].

Nhà trường có Ban chỉ huy phòng chống bão lụt - phòng chống cháy nổ. Cán bộ các đơn vị được tập huấn PCCC, an toàn lao động, an toàn PTN, an toàn phóng xạ theo đúng quy định pháp luật hiện hành. Hàng năm, Nhà trường còn thực hiện đúng các chế độ báo cáo về về phân tích chất lượng môi trường của Nhà trường [H9.09.05.05].

Nhà trường đã lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về CSVC và môi trường cảnh quan phục vụ người học. Báo cáo kết quả khảo sát về mức độ hài lòng từ các bên liên quan Trường luôn nhận được các phản hồi tích cực về tính phù hợp của môi trường, sức khỏe, an toàn. Với các ý kiến đóng góp, Nhà trường cũng đã thực hiện các biện pháp cải tiến và nâng cao chất lượng về môi trường và cảnh quan trong Nhà trường [[H9.09.05.06](https://vinhunieduvn0-my.sharepoint.com/:f:/g/personal/ttdbcl_vinhuni_edu_vn/EvCJ-f5Og4pCjRN7tA39QY0BLxznM-3LANEAuvJOSvTGCg?e=yR1Jhd)].

*2. Điểm mạnh*

- Nhà trường có diện tích sử dụng, cơ sở hạ tầng được xây dựng theo qui định tiêu chuẩn xây dựng trường đại học hiện hành (TCVN: 3981-1985).

- Nhà trường có bộ phận vệ sĩ và các biện pháp hữu hiệu để bảo vệ an ninh, trật tự, tài sản cho cán bộ, viên chức Nhà trường và cho người học, có hệ thống camera theo dõi tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Nhà trường.

- Trạm y tế của Trường đảm bảo về cơ sở vật chất, thiết bị y tế và nhân lực đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khoẻ cho GV và SV ngành GDQP-AN nói riêng và toàn trường nói chung.

*3. Điểm tồn tại*

Các chương trình tập huấn, tuyên truyền, giáo dục sức khỏe chưa riêng biệt hơn với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | |
| **Bắt đầu** | **Hoàn thành** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Các chương trình tập huấn, tuyên truyền, giáo dục sức khỏe cần lưu ý, riêng biệt hơn với nhu cầu đặc thù của người khuyết tật. | Trạm y tế | Hằng năm | Hằng năm |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục thực hiện và triển khai các tiêu chuẩn về môi trường an ninh, trật tự, an toàn và chăm sóc sức khỏe. | Trạm y tế, Phòng QT & ĐT, Phòng CTCTHSSV | Hằng năm | Hằng năm |

*5. Tự đánh giá:* Đạt 5/7 điểm

**Kết luận về Tiêu chuẩn 9**

Điểm mạnh là Nhà trường đã đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất và trang thiết bị đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy và học tập phục vụ CTĐT ngành GDQP-AN bao gồm hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị. Thư viện và các nguồn học liệu, hệ thống CNTT, hạ tầng trực tuyến, phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp, được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và NCKH. Bên cạnh đó, Nhà trường và Khoa đã hình thành và xác định cụ thể các điều kiện về môi trường, sức khỏe, an toàn nhằm hỗ trợ và đảm bảo các hoạt động đào tạo và NCKH, đáp ứng nhu cầu của giảng viên và người học, đạt được các mục tiêu đề ra của Nhà trường nói chung và ngành GDQP-AN nói riêng.

Điểm tồn tại đó là hệ thống thao trường, bãi tập, một số cơ sở vật chất phục vụ cho việc học tập, rèn luyện kiến thức, kỹ năng quân sự cho sinh viên ngành GDQP\_AN còn thiếu; một số máy tính phục vụ cho dạy học chưa được thay thế kịp thời. Đồng thời, Nhà trường cần quan tâm đến việc bố trí các không gian sinh hoạt chuyên môn, seminar cho bộ môn và các phòng thực hành giảng dạy cho sinh viên sư phạm.

## Tiêu chuẩn 10.

## NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

## Mở đầu

## Chất lượng đào tạo là một nội dung cơ bản thể hiện uy tín và quyết định sự tồn tại, phát triển của một cơ sở đào tạo. Không ngừng nâng cao chất lượng được xem là nhiệm vụ quan trọng nhất mà Nhà trường, ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh cũng như các ngành đào tạo cần chú trọng. Sự tin tưởng của NH và của các bên liên quan khác đối với Nhà trường được xây dựng và duy trì thông qua các hoạt động đảm bảo và cải tiến chất lượng của Trường và của CTĐT. Các hoạt động này giúp đảm bảo rằng CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An được thiết kế tốt, được theo dõi thường xuyên và định kỳ rà soát, qua đó đảm bảo tính cập nhật và phù hợp với CĐR. Tất cả các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan thu nhận được đều được Khoa sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh. Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích như thư viện, phòng TN/TH, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác cho CTDH luôn được đánh giá và cải tiến đã góp phần nâng cao chất lượng chương trình. Ngoài ra, Nhà trường đã xây dựng một hệ thống thu nhận phản hồi ý kiến của các bên liên quan và sử dụng các kết quả phản hồi này để cải tiến chất lượng chương trình và chất lượng Nhà trường.

Tiêu chí 10.1 Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin từ các bên liên quan, trong đó có thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực và phản hồi từ các bên liên quan (gồm chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, NV, NH, nhà sử dụng lao động và cựu NH,…) khi thiết kế và phát triển CTDH. Việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan của Trường Đại học Vinh có tính hệ thống từ sự phân nhiệm các đơn vị chủ trì thực hiện, đơn vị phối hợp đến quy trình, phương pháp, công cụ thu thập và xử lý kết quả đến việc phân tích đánh giá đến việc sử dụng kết quả để thiết kế và phát triển CTDH và được thể hiện cụ thể như sau:

1. Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong trường, trong đó có giao nhiệm vụ quy định rõ quy trình thực hiện việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan: Trường đã giao Trung tâm ĐBCL chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan (tùy từng đối tượng khảo sát) như: Các Khoa/Viện đào tạo; Phòng đào tạo; Trung tâm DV, HTSV&QHDN; Phòng CTCT&HSSV; Viện NC&ĐTTT và các đơn vị có liên quan khác để thực hiện thiết kế quy trình, nội dung và tổ chức thu thập ý kiến phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan (*trong đó có thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực các bên liên quan*) khi thiết kế và phát triển CTDH [H10.10.01.01].

2. Nhà trường có quy định/quy trình về việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan để thiết kế và phát triển CTDH được ban hành trong: Quy trình xây dựng và phát triển CTĐT (trong đó có quy trình khảo sát các bên liên quan) [H10.10.01.02].

3. Ngoài ra việc khảo sát các biên liên quan còn được quy định trong: Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường Đại học Vinh (Số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016); Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan của Trường Đại học Vinh (Số 2786/QĐ-ĐHV ngày 31/10/2022) [H10.10.01.03].

4. Bộ công cụ khảo sát bao gồm: (i) Bộ phiếu khảo sát; (ii) nội dung khảo sát; (iii) Đối tượng khảo sát: NH, cựu NH, nhà tuyển dụng, GV, các chuyên gia và CB quản lý phục vụ cho xây dựng và phát triển CTDH; (iv) Hình thức khảo sát: thông qua phần mềm khảo sát trực tuyến, phát phiếu trực tiếp, phỏng vấn, tọa đàm, tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm; thảo luận nhóm gửi phiếu khảo sát trực tiếp, thông qua các báo cáo của các đơn vị liên quan và Khoa Giáo dục Quốc phòng [H10.10.01.04].

*Các quy trình thiết kế và phát triển CTDH bao gồm:*

Quy trình lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, Quy trình xây dựng CĐR, Quy trình xây dựng CTĐT, Quy trình thẩm định và ban hành CTĐT, Quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá, phát triển CTĐT. Theo Quy trình, *việc khảo sát lấy ý kiến phản hồi để xây dựng CĐR và CTĐT/CTDH* được xác định với các bước: Thành lập tổ soạn thảo xây dựng CĐR/CTĐT; Xây dựng dự thảo CĐR/CTĐT; Tổ chức khảo sát thu thập thông tin các bên liên quan; Hoàn thiện Dự thảo CĐR/CTĐT; Hoàn thiện phê duyệt và công bố CĐR/CTĐT. Trong đó có bước 3 là tổ chức khảo sát thu thập thông tin các bên liên quan. Ở bước này tổ soạn thảo thực hiện các nội dung sau:

1. Thiết kế phiếu khảo sát các bên liên quan (có tham khảo mẫu phiếu khảo sát ở phần phụ lục).

2. Lập kế hoạch, xác định các đối tượng, dự toán kinh phí khảo sát, tổ chức thảo luận, xin ý kiến chuyên gia về các công việc cần làm để thu thập thông tin nhằm hoàn thiện CĐR/CTĐT.

3. Tổ chức khảo sát thu thập thông tin:

- Tổ soạn thảo tập huấn cho cán bộ thực hiện khảo sát.

- Tổ chức khảo sát các bên liên quan.

- Xử lý số liệu khảo sát [H10.10.01.02].

Sản phẩm của bước này là ***Phiếu khảo sát thu thập thông tin*** và ***Bảng tổng hợp kết quả khảo sát thu thập thông tin của các bên liên quan***.

Để tổ chức và triển khai thực hiện việc khảo sát. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát với các nội dung: Xác định mục đích của cuộc khảo sát, trong đó mục đích của từng loại; xác định phạm vi và đối tượng khảo sát; yêu cầu của việc khảo sát; công cụ khảo sát; tài liệu viện dẫn; nội dung khảo sát; quy trình với từng khảo sát. Công cụ khảo sát được xây dựng và được ấn định thành các biểu mẫu cụ thể, phục vụ cho từng loại hình khảo sát, do vậy thông tin thu được có thể sử dụng để đối sánh giữa các năm [H10.10.01.02] [H10.10.01.04].

Dựa trên kế hoạch chung của Nhà trường, Khoa Giáo dục Quốc phòng thu thập thông tin, minh chứng để xây dựng dự thảo CĐR và CTĐT. Tiếp theo, Khoa Giáo dục Quốc phòng tổ chức các cuộc họp để lấy ý kiến của các giảng viên trong Khoa nhằm hoàn thiện bản dự thảo CĐR và CTĐT [H10.10.10.05]. Trên cơ sở đó, Khoa tổ chức Hội thảo khoa học lấy ý kiến của các bên liên quan (các chuyên gia, nhà sử dụng lao động, cựu NH,…) [H10.10.10.04]. Tiếp đó, Khoa họp hoàn thiện nội dung và gửi về Ban rà soát, điều chỉnh CTĐT. Ban rà soát, điều chỉnh thảo luận những nội dung cần sửa đổi mục tiêu, CĐR và CTĐT trên cơ sở ý kiến đề nghị từ Khoa, hoàn thiện để dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật mục tiêu, CĐR và CTĐT để trình Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét thông qua. Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật mục tiêu, CĐR và CTĐT và trình Hiệu trưởng ban hành mục tiêu, CĐR và CTĐT đã được sửa đổi, bổ sung.

Trong chu kỳ đánh giá (từ năm 2019-2023), CTDH trình độ đại học ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh của Trường Đại học Vinh có các phiên bản 2017 (s*ố 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017*) [H10.10.10.06], phiên bản 2019 (*số 2381/QĐ-ĐHV ngày 04/09/2019*) [H10.10.10.07] và phiên bản 2021 (*số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/09/2021*) [H10.10.10.08].

Trong CTĐT được ban hành kèm theo “Quyết định ban hành chương trình giáo dục đại học tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ” ,… thì có thể thấy những ý kiến phản hồi từ các bên liên quan (*có thu thập thông tin về nhu cầu nguồn nhân lực*) đã được phân tích, sử dụng để xây dựng/phát triển CTDH [H10.10.10.06] [H10.10.10.07] [H10.10.10.08].

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ phía các bên liên quan được tiến hành vào 2 giai đoạn:

1) Giai đoạn xây dựng và phát triển một CTĐT mới;

2) Giai đoạn rà soát, cập nhật, cải tiến CTĐT. Cụ thể:

*Khi xây dựng CTĐT*: Nhà trường đã ban hành quy định/quy trình [H10.10.01.02] và các văn bản hướng dẫn việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo [H10.10.01.09]. Từ năm 2017, Nhà trường đã triển khai xây dựng và áp dụng CTĐT đại học hệ chính quy ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh theo tiếp cận CDIO (áp dụng từ khóa 58) [H10.10.10.06]. Khi xây dựng CTDH, Khoa Giáo dục Quốc phòng tiến hành các loại khảo sát: (i) Khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực trình độ đại học theo ngành đào tạo; (ii) Khảo sát nhu cầu của các bên liên quan đối với người tốt nghiệp về khối lượng kiến thức tối thiểu và yêu cầu về năng lực NH đạt được sau khi tốt nghiệp; tổ chức lấy ý kiến của: GV, cán bộ quản lý trong và ngoài trường, NH, cựu NH, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan về CTĐT. Khi xây dựng, phát CTĐT, ngoài các thành phần nhà tuyển dụng, cựu NH,… ý kiến đóng góp của thành phần GV đóng vai trò rất quan trọng [H10.10.01.02] [H10.10.01.04] [H10.10.01.05].

*Về việc rà soát, đánh giá, cập nhật* CTĐT*:* Nhà trường thực hiện theo đúng quy trình phát triển CTĐT [H10.10.01.02] và đã ban hành các văn bản hướng dẫn việc rà soát, chỉnh sửa và cập nhật chương trình đào tạo [H10.10.01.10]. Năm 2021, Nhà trường triển khai rà soát và cập nhật CTĐT đại học hệ chính quy ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh theo tiếp cận CDIO (áp dụng từ khóa 62) [H10.10.10.08]. Trong quá trình rà soát và cập nhật CTĐT, hàng năm Nhà trường đều tiến hành khảo sát ý kiến GV, sinh viên, NTD về CTĐT và CĐR nhằm rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT và CĐR cho phù hợp với mục tiêu đào tạo của Nhà trường [H10.10.01.04] [H10.10.01.05]. Năm 2021, Khoa thực hiện khảo sát các bên liên quan và nhận được nhiều ý kiến phản hồi của 12 nhà tuyển dụng, lãnh đạo quản lý; 21 giảng viên, nhà khoa hoc, chuyên gia; 11 cựu sinh viên; 46 sinh viên. Tất cả các ý kiến phản hồi đều được Khoa phân tích và sử dụng để cải tiến CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh.

Ngoài ra, theo định kỳ năm học. Nhà trường đã thực hiện các hoạt động khảo sát khác như: Khảo sát NH về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát NH sắp tốt nghiệp về khóa học; khảo sát người học tốt nghiệp; Khảo sát cựu sinh viên về CTĐT; khảo sát Giảng viên về CTĐT và hoạt động đào tạo; Đánh giá của Nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp và chương trình đào tạo [H10.10.01.03] [H10.10.01.11]. Trong đó có nội dung khảo sát về chất lượng học phần và khảo sát cựu sinh viên về CTĐT,… cũng là căn cứ để Nhà trường và Khoa phân tích và sử dụng để rà soát, chỉnh sửa và cập nhật CTĐT.

  Theo nhóm đối tượng, gồm: Sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, GV, các chuyên gia và CB quản lý phục vụ cho xây dựng và phát triển CTDH. Tùy thuộc vào mục tiêu và đối tượng được lấy ý kiến, Nhà trường đã tổ chức khảo sát các bên liên quan với nhiều hình thức khác nhau như khảo sát online, phát phiếu trực tiếp, phỏng vấn, tọa đàm, thảo luận nhóm… cố gắng hướng đến đảm bảo tính đại diện và tính khách quan của thông tin. Cụ thể: Khoa Giáo dục Quốc phòng đã phối hợp với Phòng Đào tạo, TT.ĐBCL, Viện NC&ĐTTT và các đơn vị liên quan tổ chức khảo sát bằng phần mềm cho các bên liên quan như CB-GV-NV, sinh viên, cựu sinh viên, Nhà tuyển dụng. Ngoài ra, Nhà trường và Khoa còn thực hiện bằng nhiều hình thức khác như:

Phối hợp với Trung tâm DV, HTSV&QHDN tổ chức nhiều hội thảo nghề nghiệp cũng như hội chợ việc làm, đại diện của nhiều doanh nghiệp đã tham gia các hội thảo, hội chợ và cung cấp nhiều thông tin phản hồi về yêu cầu của thị trường lao động cũng như chất lượng NH, về CTĐT/CTDH,…. Khoa còn trực tiếp lấy ý kiến của các nhà tuyển dụng thông qua việc tổ chức NH đi kiến tập, thực tập tại các doanh nghiệp, phỏng vấn trực tiếp các đơn vị sử dụng lao động về chất lượng cựu NH của Khoa hiện đang làm việc tại các đơn vị này. Nhiều cựu sinh viên của Khoa cũng đã có nhiều đóng góp ý kiến giá trị cho việc xây dựng, cải tiến CTĐT/CTDH của Khoa.

*Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan sau khi được thu thập, xử lý, được Khoa Giáo dục Quốc phòng sử dụng để thiết kế và phát triển hoặc (điều chỉnh, cập nhật) CTDH kịp thời*.

Sau khi thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan. Nhà trường và Khoa Giáo dục Quốc phòng đã sử dụng để thiết kế và phát triển hoặc (điều chỉnh, cập nhật) CTDH kịp thời. Kết quả của việc thực hiện xây dựng, cập nhật, đánh giá CTĐT và CĐR trong 5 năm giai đoạn đánh giá là CTĐT nghành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đã qua đợt xây dựng chương trình giáo dục trình độ đại học tiếp cận CDIO năm 2017 [H10.10.01.03], rà soát năm 2019 [H10.10.01.07] và rà soát điều chỉnh lớn vào năm 2021 [H10.10.01.08]. Các điều chỉnh cụ thể như:

+ Rút gọn theo hướng tinh lọc các CĐR của CTĐT năm 2017, 2019 từ 17 CĐR cấp độ 2 và 73 CĐR cấp độ 3 xuống còn xuống 9 CĐR cấp độ 2 và 27 CĐR cấp độ 3 vào năm 2021.

+ Cải tiến giảm số tín chỉ năm 2017, 2019 từ 132 tín chỉ (41 học phần) xuống còn 126 tín chỉ (38 học phần) vào năm 2021.

+ Bổ sung 7 môn học sang học phần dự án bao gồm (*Nhập môn ngành sư phạm; Lịch sử chiến tranh và nghệ thuật quân sự; Xây dựng, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia và biển đảo Việt Nam; Ứng dụng ICT trong giáo dục; Đường lối quân sự; Lý luận, phương pháp dạy học Giáo dục quốc phòng và an ninh và thực tế phổ thông; Hiểu biết chung về quân, binh chủng*).

+ Điều chỉnh các HP từ khối kiến thức bắt buộc sang khối kiến thức tự chọn hoặc ngược lại.

+ Bỏ bớt một số HP không còn phù hợp và thêm mới các HP nhằm đáp ứng nhu cầu của người sử dụng lao động trong thời hội nhập toàn cầu.

+ Phân nhiệm CĐR CTĐT cho các học phần, tăng tính gắn kết nội dung dạy học của một số học phần với mục tiêu học phần và CĐR học phần.

+ Bổ sung đầy đủ các rubric đánh giá, qua đó đã cập nhật các yêu cầu về nội dung và hình thức nhằm tăng tính logic giữa CĐR CTĐT, đa dạng hình thức tổ chức dạy học, thể hiện nổi bật các hoạt động dạy học tích cực, phát huy năng lực người học thông qua làm việc nhóm, học tập trải nghiệm, học tập bằng phương pháp đồ án, dự án ; CTĐT được tăng thời lượng thực hành, thực tập nghề…,

Sự cải tiến và cập nhật một số thay đổi CTĐT nghành Giáo dục Quốc phòng-An ninh giữa các năm 2017, 2019 và 2021 sau khi thu thập thông tin và phản hồi các bên liên quan được thể hiện qua bảng đối sánh CTDH [H10.10.01.12].

Năm 2023, Nhà trường ban hành Bộ chuẩn ĐBCL CTĐT phiên bản 1.0 [H10.10.01.13], trong đó có hướng dẫn cụ thể về xây dựng mục tiêu CTĐT, xây dựng CĐR, xây dựng và phát triển CTDH dựa trên CĐR, thiết kế đề cương chi tiết học phần, xây dựng các rubric đánh giá người học theo CĐR,…Trên cơ sở đó, hiện nay Khoa Giáo dục Quốc phòng đang rà soát và cải tiến CTDH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh theo quy định và hướng dẫn mới đã được ban hành.

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến các bên liên quan với các quy trình và biểu mẫu khảo sát luôn được cải tiến giúp thu thập đầy đủ các dữ liệu cần thiết, khoa học và tin cậy làm căn cứ để Khoa thiết kế và phát triển CTĐT.

Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ đầy đủ các BLQ (sinh viên, cựu sinh viên, NTD, GV, chuyên gia ngành) để phát triển CTĐT; công tác lưu trữ thông tin được thực hiện một cách hệ thống, tin học hóa, thuận tiện cho việc khai thác dữ liệu thu thập được; các quy trình, biểu mẫu khảo sát được cải tiến qua các năm nhằm giúp công tác thu thập thông tin phản hồi hiệu quả hơn.

Có tổng hợp và phân tích các kết quả từ các khảo sát ý kiến các BLQ về CĐR, đối sánh các CTDH, ý kiến đóng góp của các BLQ về CTDH, các kết quả thẩm định; có theo dõi tình trạng sửa đổi CĐR và CTDH.

*3. Điểm tồn tại*

Một số sinh viên còn chưa xem trọng việc tham gia trả lời khảo sát, mặc dù Trường đã tuyên truyền và nhắc nhở ,... Mặt khác, việc tiếp cận nhà tuyển dụng chưa được thuận lợi nên số lượng ý kiến khảo sát từ đối tượng này chưa đa dạng và chưa được nhiều.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2024, TT.ĐBCL, Phòng ĐT và Khoa GD QP-AN/Phòng ĐT có kế hoạch kiểm soát số lượng sinh viên tham gia trả lời khảo sát. Tăng cường các kênh khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng, tăng số lượng và chọn lọc đối tượng khảo sát nhằm tăng hiệu quả của các phiếu khảo sát. | Khoa GD QP-AN/Phòng ĐT | Năm 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | - Hàng năm ký thêm thỏa thuận hợp tác với các đơn vị sử dụng lao động, bổ sung vào kênh thông tin phản hồi  - Sử dụng nhiều kênh thu thập thông tin phản hồi từ các NTD như: mời tham gia hội thảo, bảng hỏi trực tuyến...  - Phân tích sâu hơn các kết quả từ các khảo sát ý kiến các BLQ về CĐR, và mở rộng đối sánh rộng hơn các CTDH. | Khoa GD QP-AN/Phòng ĐT | Năm 2024 |  |

*5. Tự đánh giá:*Đạt 5/7

Tiêu chí 10.2: Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến

*1. Mô tả hiện trạng*

Thực hiện theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015; Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 [H10.10.02.01]. Trường Đại học Vinh, Phòng ĐT đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành thiết kế và phát triển CTDH/CTĐT phù hợp với quy định của pháp luật và đáp ứng nhu cầu của xã hội.

Trong chu kỳ đánh giá (từ năm 2019-2023), CTDH trình độ đại học ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh của Trường Đại học Vinh có các phiên bản 2017 (s*ố 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017*) [H10.10.02.02], phiên bản 2019 (*số 2381/QĐ-ĐHV ngày 04/09/2019*) [H10.10.02.03] và phiên bản 2021 (*số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/09/2021*) [H10.10.02.04].

Năm 2017, khi tiến hành xây dựng và rà soát, chỉnh sửa, cập nhật CTĐT trình độ đại học theo chuẩn CDIO. Trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn và tổ chức các buổi tập huấn chi tiết để phổ biến và hướng dẫn quy trình xây dựng và phát triển CTDH/CTĐT theo tiêu chuẩn mới phù hợp với xu thế. Sau đó, trường triển khai cho các đơn vị liên quan thực hiện [H10.10.02.05]. Trên cơ sở đó, Trường đã ban hành chương trình đào tạo đại học hệ chính quy tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh (s*ố 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017*) và được đưa vào giảng dạy, được rà soát định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường [H10.10.02.02].

Để thiết kế một CTDH mới và rà soát, phát triển CTDH đó khi vận hành trong quá trình đào tạo một cách đồng bộ, có kiểm soát. Năm 2019, Nhà trường ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học (*số 2382/QĐ-ĐHV ngày 4/9/2019*), gồm 2 phần: (1) Quy trình thiết kế và (2) quy trình phát triển [H10.10.02.06]. Theo đó, *quy trình thiết kế* CTDH/CTĐT gồm 7 bước và *quy trình phát triển* CTDH gồm 5 bước.

1. *Quy trình xây dựng (quy trình thiết kế) CTDH/CTĐT gồm 7 bước như sau:*

**Bước 1:** Thành lập nhóm xây dựng, nghiên cứu CTDH/CTĐT (mục tiêu, CĐR, tổ chức thực thực hiện, đánh giá, cải tiến chất lượng, các hướng phát triển chương trình....)

**Bước 2:** Xây dựng dự thảo CTDH/CTĐT lần 1

**Bước 3:** Triển khai khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan

**Bước 4:** Hoàn thiện CTDH/CTĐT lần thứ nhất

**Bước 5:** Tổ chức xây dựng CĐR và đề cương chi tiết các học phần của Dự thảo CTDH/CTĐT lần thứ 2

**Bước 6:** Tổ chức hội thảo hoàn thiện Dự thảo CTDH/CTĐT lần thứ 2

**Bước 7:** Hoàn thiện phê duyệt và công bố CTDH/CTĐT

*(2) Quy trình phát triển CTDH/CTĐT gồm 5 bước sau:*

**Bước 1:** Lập kế hoạch cập nhật, đánh giá CTDH/CTĐT

**Bước 2:** Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật CTDH/CTĐT

**Bước 3:** Đánh giá và xây dựng đánh giá về tính hiệu quả của CTDH/CTĐT đang thực hiện (đáp ứng so với CĐR và mục tiêu đã xác định; sự thống nhất và gắn kết nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy…)

**Bước 4:** Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật CTDH/CTĐT và trình Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét thông qua

**Bước 5:** Hội đồng khoa học và đào tạo xem xét, thông qua nội dung sửa đổi, cập nhật CTDH/CTĐT và trình Hiệu trưởng ban hành CTDH/CTĐT sửa đổi, bổ sung.

Trong quy trình thiết kế và phát triển CTDH/CTĐT có quy định yêu cầu về việc rà soát nội dung chương trình. Trước năm 2019, Nhà trường mới chỉ có các văn bản hướng dẫn thực hiện việc xây dựng CĐR, CTĐT tiếp cận CDIO, các quy trình thiết kế và phát triển CTDH/CTĐT mới chỉ được đưa ra trao đổi, thảo luận trong các buổi họp chuyên môn của Nhà trường, của Khoa Giáo dục Quốc phòng hoặc họp ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh. Do vậy, việc rà soát quy trình cũng mới chỉ thực hiện qua các cuộc họp của Nhà trường và Khoa Giáo dục Quốc phòng. Quy trình chính thức mới được xây được ban hành vào năm 2019 nên việc ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện rà soát, đánh giá sẽ được thực hiện vào định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường vào các năm tiếp theo. Quy trình thiết kế và phát triển CTDH/CTĐT và các biểu mẫu đính kèm luôn được rà soát và đánh giá.

*Thực hiện rà soát và đánh giá quy trình:* Hàng năm, Nhà trường thông báo cho các đơn vị về việc cập nhật các quy trình nghiệp vụ, các biểu mẫu cho phù hợp. Trong đó, Quy trìnhXây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT và CĐR cũng được rà soát, cập nhật. Các đơn vị lập sổ theo dõi sửa đổi tài liệu, hồ sơ để nhận biết phiên bản mới nhất đang được sử dụng.

*Rà soát và đánh giá việc thiết kế và phát triển CTDH:* CTDH năm 2017 ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh khi được ban hành, Nhà trường và Khoa Giáo dục Quốc phòng tiến hành rà soát và đánh giá từng năm (để có những cải tiến nhỏ) và chu kỳ 2 năm (để có những cập nhật, cải tiến lớn). Việc rà soát, đánh giá được thực hiện thường xuyên thông qua các cuộc họp chuyên môn của tổ bộ môn, của Khoa và giao ban đào tạo của Nhà trường; qua trao đổi qua email, qua các cuộc đối thoại của Khoa với NH, cựu NH và nhà tuyển dụng,… [H10.10.02.07]. Sau đó, Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn các đơn vị rà soát, cập nhật CTDH/CTĐT [H10.10.02.05].

*Sau khi rà soát, đánh giá quy trình thiết kế và phát triển CTDH, Nhà trường và Khoa thực hiện cải tiến quy trình thiết kế và phát triển CTDH.*

*Cải tiến quy trình:* Quy trình xây dựng, điều chỉnh và công bố CĐR và Quy trình xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban ban hành CTĐT và các biểu mẫu đính kèm được cải tiến định kỳ cho phù hợp với các văn bản pháp quy được ban hành mới của Bộ GD&ĐT và phù hợp với các yêu cầu của bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT. Qua quá trìnhrà soátquy trình và biểu mẫu, Nhà trường đã có những điều chỉnh cải tiến quy trình. Trước năm 2019, Nhà trường mới chỉ có các văn bản hướng dẫn thực hiện việc xây dựng CĐR, CTĐT tiếp cận CDIO, các quy trình thiết kế và phát triển CTDH/CTĐT mới chỉ được đưa ra trao đổi, thảo luận trong các buổi họp chuyên môn của Nhà trường, của Khoa Giáo dục Quốc phòng hoặc họp ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh. Năm 2019, việc cải tiến quy trình đã được thể hiện qua việc Nhà trường đã chính thức ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học (*số 2382/QĐ-ĐHV ngày 4/9/2019*) [H10.10.02.06], trong đó có CTDH được chuẩn hóa giúp cho Khoa Giáo dục Quốc phòng chủ động hơn trong việc thiết kế và phát triển CTĐT.

Năm 2023, Nhà trường đã rà soát lại quy trình xây dựng CTĐT và có cải tiến lại quy trình được quy định trong ***Bộ chuẩn ĐBCL chương trình đào tạo phiên bản 1.0*** (*Số 2596/QĐ-ĐHV ngày 01/10/2023*) [H10.10.02.08], trong đó các quy trình hướng dẫn các bước cụ thể, chi tiết hơn:

+ Xây dựng mục tiêu CTĐT phù hợp với sứ mạng tầm nhìn, với mục tiêu giáo dục đại học (3 bước).

+ Xây dựng CĐR phù hợp với sứ mạng tầm nhìn, phù hợp với mục tiêu củaCTĐT và được đối sánh với đề cương CDIO, đối sánh với khung năng lực quốc gia 1982 và chuẩn nghề nghiệp (nếu có) và (gồm 7 bước) thể hiện mức độ quan trọng trong việc xây dựng CĐR để làm cơ sở cho việc xây dựng CTDH.

+ Xây dựng và phát triển CTDH dựa trên CĐR theo mô hình tương thích kiến tạo, quy trình thiết kế ngược và mô hình CFB.

+ Xây dựng bảng phân nhiệm cho PLO cho các CLO của học phần được thiết kế chi tiết hơn đến các CLO của từng chương trong học phần.

+ Thiết kế đề cương chi tiết học phần có đầy đủ thông tin về ma trận đề thi, rubric đánh giá theo CĐR và kế hoạch dạy học được thiết kế theo 03 giai đoạn (Pre-class, During class, Post class).

+ Xây dựng các rubric đánh giá người học theo CĐR và được thiết kế chi tiết hơn qua kết quả đánh giá bao gồm điểm số và *điểm năng lực* của CĐR [H10.10.02.08].

Trên cơ sở quy trình đã được ban hành. Từ năm 2021 đến nay, Nhà trường tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện mục tiêu, CĐR chương trình đào tạo trình độ đại học theo tiếp cận CDIO [H10.10.02.09].

*Cải tiến CTDH:*

(i) Kể từ năm 2017, Nhà trường đã ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh của Trường Đại học Vinh (s*ố 747/QĐ-ĐHV ngày 27/4/2017*), rà soát năm 2019 (*số 2381/QĐ-ĐHV ngày 04/09/2019)* và cập nhật hoàn thiện vào năm 2021 (*số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/09/2021*), trong đó đã có những cập nhật thay đổi như đã ***mô tả ở tiêu chí 10.1***. So với phiên bản năm 2017, 2019, thì năm 2021 ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh thay đổi một số môn học, tăng một số môn thực tập, kỹ năng mềm, bổ sung một số học phần dự án. Năm 2021, CĐR đã được rút gọn theo hướng tinh lọc so với năm 2017, 2019, Bảng phân nhiệm cho PLO cho các học phần được thiết kế chi tiết hơn đến từng chương trong học phần.

(ii) Việc cập nhật định kỳ hàng năm: Tất cả các CTĐT và CĐR, các ĐCCT môn học, các kế hoạch giảng dạy ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được Hiệu trưởng phê duyệt, ký ban hành và được định kỳ bổ sung hàng năm với các điều chỉnh nhỏ (điều chỉnh chương, mục; cập nhật nội dung mới thay cho những nội dung không còn phù hợp, ...).

(iii) điều chỉnh giữa kỳ, CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được bổ sung, điều chỉnh cập nhật theo định kỳ, phù hợp với hướng dẫn chung của Nhà trường, mỗi lần điều chỉnh đều tính đến các yếu tố như: cập nhật có kế thừa, thay đổi theo quy trình mà không làm xáo trộn đến lựa chọn HP của NH. HP thay thế hoặc bổ sung phải có sự tương thích với những HP trong chương trình nhằm đảm bảo quyền lợi cho NH [H10.10.02.02] [H10.10.02.03] [H10.10.02.04].

Sự cải tiến CTDH trình độ đại học ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được thể hiện qua bảng đối sánh CTDH giữa các năm 2017, 2019, 2021 [H10.10.02.10]. Khoa Giáo dục Quốc phòng đã cập nhật những thay đổi và thông báo phiên bản mới trên website của Khoa và của Nhà trường [H10.10.02.11].

Khoa Giáo dục Quốc phòng, ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đã thực hiện cải tiến CTDH, đã có những hiệu chỉnh, cập nhật liên tục theo yêu cầu của xã hội và có tham khảo các CTĐT tiên tiến. Vì vậy, khi xây dựng CTĐT trình độ đại học của ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh và áp dụng từ các khóa năm 2017, 2019, 2021 cho đến nay mang tính hợp lý, phù hợp hơn với yêu cầu của các bên liên quan và với CTĐT của các cơ sở giáo dục đại học.

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường ban Quy trình xây dựng, điều chỉnh và công bố CĐR và Quy trình xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban ban hành CTĐT được cải tiến hàng năm với các bước xây dựng, rà soát, cập nhật, kèm theo các biểu mẫu hướng dẫn rõ ràng. Việc thiết kế và phát triển CTDH của các Khoa/Viện được kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ và thống nhất.

Nhà trường và Khoa Giáo dục Quốc phòng tuân thủ quy trình PDCA trong việc thiết kế và phát triển CTDH. Vì vậy CTDH trình độ đại học ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh sau khi được thiết lập, thường xuyên được rà soát, đánh giá và cải tiến trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp của các bên liên quan.

*3. Điểm tồn tại*

Hình thức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTDH chưa đa dạng.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2024, TT.ĐBCL, Phòng ĐT, Khoa Giáo dục Quốc phòng phối hợp với TT CNTT sử dụng công nghệ web để khảo sát online lấy ý kiến các Chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, NH, Nhà tuyển dụng về quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Cần đa dạng đối tượng và hình lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về quy trình thiết kế và phát triển CTDH. Tăng cường các kênh khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng, tăng số lượng và chọn lọc đối tượng khảo sát nhằm tăng hiệu quả của các phiếu khảo sát. | Khoa GD QP-AN /Phòng ĐT | Năm 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Rà soát thường xuyên và cải tiến Quy trình xây dựng, điều chỉnh và công bố CĐR và Quy trình xây dựng, điều chỉnh, thẩm định và ban ban hành CTĐT. Rà soát, cập nhật, kèm theo các biểu mẫu hướng dẫn rõ ràng.  Nhà trường và Khoa Giáo dục Quốc phòng cần tuân thủ quy trình PDCA trong việc thiết kế và phát triển CTDH. Vì vậy CTDH trình độ đại học ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh sau khi được thiết lập, thường xuyên được rà soát, đánh giá và cải tiến trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp của các bên liên quan. | Khoa GDQP /Phòng ĐT | Năm 2024 |  |

*5. Tự đánh giá:*Đạt 5/7

Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra

*1. Mô tả hiện trạng*

*Nhà trường có các quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong tất cả các CTĐT đang triển khai để đảm bảo sự tương thích với CĐR của CTĐT và của HP*.

Các quy định này thể hiện trong quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc trường Đại học Vinh [H10.10.03.01]; Quy định về công tác đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo tiếp cận CDIO theo hệ thống tín chỉ (*Số 1262/QĐ-ĐHV Ngày 13/11/2017*), Quy định đào tạo trình độ đại học (*Số 2018/QĐ-ĐHV ngày 09/9/2021*), Quy định về đánh giá và quản lý kết quả học tập trong đào tạo trình độ đại học hệ chính quy và đào tạo trình độ thạc sĩ (*Số 3662/QĐ-ĐHV, ngày 29/12/2023*),… [H10.10.03.02]; Quy định về hình thức tổ chức dạy và học trường đại học Vinh [H10.10.03.03].

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học còn được quy định rõ trong đề cương học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra, đánh giá. Các lần kiểm tra, đánh giá trong một học kỳ bao gồm: tham dự giờ học, đánh giá thường xuyên, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ [H10.10.03.04]. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của giảng viên đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tiểu luận, tự luận, trắc nghiệm. Chú trọng đánh giá việc đổi mới PPGD và kiểm tra, đánh giá theo hướng hình thành và phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu cho người học nên các tiêu chí trưng cầu ý kiến người học tập trung đánh giá việc áp dụng các PPGD tích cực, các phương pháp kiểm tra, đánh giá hiện đại theo tiếp cận đánh giá quá trình. Đồng thời nhằm kiểm tra mức độ phù hợp và tương thích với CĐR của CTĐT, các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá, Sinh viên năm cuối ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được thực hiện tự đánh giá để kiểm tra năng lực tích lũy kiến thức và kỹ năng theo CĐR [H10.10.03.04].

Để đánh giá quá trình dạy học của giảng viên cũng như quá trình học tập của người học trong hệ thống đào tạo theo CĐR, Trường Đại học Vinh cũng đã sử dụng các phần mềm quản lý đào tạo như: Phần mềm kê khai khối lượng giảng dạy ở công thông tin cán bộ, hệ thống đào tạo trực tuyến E-learning và phần mềm USmart để theo dõi sự tiến bộ của người học trong học tập và rèn luyện, thành lập hội đồng và các quyết định về công tác quản lí người học (công tác hỗ trợ, tư vấn, giám sát người học) [H10.10.03.05].

Ngoài ra việc đánh giá quá trình dạy học, đánh giá chất lượng giảng viên còn được quy định trong Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan [H10.10.03.06].

Việc giám sát hoạt động dạy và học về mặt giờ giấc và tiến độ dạy học được Nhà trường giao cho Phòng Thanh tra - Pháp chế thực hiện dựa vào việc sử dụng phần mềm Hệ thống giám sát giảng dạy và kế hoạch thanh tra hàng năm [H10.10.03.05] [H10.10.03.07]**.** Ngoài ra, một hệ thống camera được lắp đặt trong tất cả các phòng học, các phòng thí nghiệm thực hành đã hỗ trợ tích cực cho việc giám sát hoạt động dạy học đang diễn ra trong lớp [H10.10.03.08].

*Nhà trường và Phòng Đào tạo,* *Khoa Giáo dục Quốc phòng thường xuyên triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong CTĐT để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.*

Hằng năm, Khoa Giáo dục Quốc phòng xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện trao đổi chuyên môn nhằm rà soát, đánh giá công tác dạy và học của GV và sinh viên. Qua các biên bản về việc trao đổi, cho thấy công tác này đã được thực hiện thường xuyên ở từng học kỳ tại Khoa Giáo dục Quốc phòng và những ý kiến đóng góp thực sự hữu ích cho GV khi thực hiện đề cương HP ở cả mặt nội dung, phương pháp giảng dạy, kỹ năng thực hiện bài giảng để hướng đến CĐR của HP và của ngành học [H10.10.03.09]. Khoa Giáo dục Quốc phòng cũng tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên môn, seminar, hội thảo khoa học về việc đổi mới phương pháp dạy học nhằm đạt CĐR môn học và ngành học. Ngoài ra, Hàng năm, Nhà trường tổ chức hội giảng cho GV toàn trường để đánh giá chất lượng giảng viên trong toàn trường [H10.10.03.10]. Đồng thời, nhà trường còn ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai trong quá trình dạy và học [H10.10.03.11].

Để đo lường mức độ đạt CĐR của NH, Nhà trường đã thiết kế lại các Quy trình xây dựng và công bố CĐR; Quy trình xây dựng và ban ban hành CTĐT; Quy trình thẩm định và ban hành CTĐT (đối với ngành xây dựng mới); Quy trình tổ chức, cập nhật và đánh giá, phát triển CTĐT [H10.10.03.12].

Cơ sở dữ liệu theo dõi quá trình học tập của NH trong học tập và rèn luyện, theo dõi tỷ lệ chậm tiến độ, thôi học, tốt nghiệp được quản lý tập trung trên phần mềm quản lý đào tạo (CMC, Trí Nam) [H10.10.03.05], đảm bảo giám sát khối lượng học tập và rèn luyện NH chính xác. Đối với kết quả học tập, khối lượng học tập của NH được thể hiện qua từng kỳ như sau: Số tín chỉ tích lũy, điểm trung bình chung tích lũy, điểm trung bình của kỳ, số tín chỉ tích lũy của kỳ, kết quả học tập của từng học phần,... Mỗi sinh viên được cung cấp tài khoản cá nhân để truy cập vào hệ thống bất kỳ lúc nào để nắm rõ các thông tin cần thiết [H10.10.03.05]. Kết thúc mỗi năm học, Phòng Đào tạo và Trung tâm CNTT thuộc Viện NC&ĐTTT sẽ cung cấp cơ sở dữ liệu theo dõi quá trình học tập của người học trong học tập và rèn luyện. Sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, kết quả học tập và khối lượng học tập của người học được giám sát bởi các bên liên quan. Kết quả học tập của người học được Phòng Đào tạo quản lí giám sát bằng hồ sơ điểm học tập [H8.08.03.13].

Qua các kết quả đánh giá việc đạt CĐR, tiến hành thống kê các kết quả học tập của sinh viên qua từng học kỳ và cuối mỗi năm học [H10.10.03.13], Khoa Giáo dục Quốc phòng có kế hoạch điều chỉnh các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra, đánh giá để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR [H10.10.03.09].

Điểm thi được công bố công khai trên Website của Phòng Đào tạo, hệ thống E-learning, vì vậy mọi sai sót đều được sinh viên phát hiện kịp thời[H10.10.03.14]. BGH đã ban hành chính sách về điều chỉnh điểm: hạn chế sửa điểm quá trình, mọi sự thay đổi điểm quá trình phải trình BGH phê duyệt, … Tất cả GV đều phải công bố điểm quá trình cho sinh viên biết vào buổi học cuối việc này đã giúp cho Nhà trường rà soát chặt chẽ tính chính xác, công bằng các kết quả kiểm tra và thi [H10.10.03.14].

Bên cạnh việc rà soát kết quả thi sau mỗi đợt thi, Phòng Thanh tra - Pháp chế định kỳ mỗi năm đều lên kế hoạch thanh kiểm tra kết quả đánh giá người học, kiểm tra kết quả xét công nhận tốt nghiệp. Việc xét tốt nghiệp được thực hiện bởi phần mềm, vì vậy, để đảm bảo tính chính xác, công bằng cho người học [H10.10.03.07] [H10.10.03.15].

Hằng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của GV, sinh viên và các bên liên quan về quá trình dạy - học và đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Tất cả các kết quả khảo sát được Nhà trường và Khoa Giáo dục Quốc phòng sử dụng để cải tiến chất lượng [H10.10.03.06] [H10.10.03.16].

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường có quy định về việc rà soát, đánh giá thường xuyên quá trình dạy học; việc đánh giá kết quả hoạt động của NH, các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH trong tất cả các CTĐT đang triển khai để đảm bảo sự tương thích với CĐR.

*3. Điểm tồn tại*

Việc triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH chưa được thực hiện một cách đồng bộ.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2024. Khoa và các Bộ môn sẽ triển khai rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá kết quả học tập của NH một cách đồng bộ hơn. để từ đó có biện pháp kiểm soát và cải tiến kịp thời. | Khoa GDQP/Trung tâm ĐBCL | Năm 2024 |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tăng cường rà soát, đánh giá các quy định về chất lượng quá trình dạy, học và đánh giá kết quả học tập của NH. | Khoa GDQP / Trung tâm ĐBCL | Năm 2024 |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học

*1. Mô tả hiện trạng*

Bên cạnh hoạt động dạy và học, NCKH là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cơ bản và quan trọng trong trường Đại học, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. NCKH giúp giảng viên củng cố được kiến thức chuyên môn vừa có điều kiện phát triển kiến thức sâu rộng, liên ngành và chuyên ngành, gắn lý thuyết với thực tiễn. Hoạt động NCKH tại Trường Đại học Vinh được xem là một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học thể hiện qua chiến lược và kế hoạch trong từng giai đoạn, năm học của trường. Để thực hiện được nhiệm vụ NCKH, phát huy vai trò của NCKH trong đào tạo. Trường đại học Vinh đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của BGD&ĐT về lĩnh vực NCKH như: *Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30/5/2011 ban hành Quy định về hoạt động KHCN trong cơ sở GDĐH; Thông tư số 11/2016/TT-BGDĐT ngày 11/4/2016 Quy định về quản lí đề tài KHCN cấp Bộ; Thông tư số 19/2012/TT-BGDĐT ngày 1/6/2012 ban hành Quy định về hoạt động NCKH của SV trong các cơ sở GDĐH; Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT, ngày 17/9/2021 Quy định về hoạt động NCKH của SV trong cơ sở GDĐH* [H10.10.04.01]. Nhà trường đã ban hành các quy định, quy chế, chính sách khuyến khích công tác NCKH của giảng viên và người học [H10.10.04.02] và các văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện triển khai thực hiện đề tài KHCN, trong đó có các đề tài có chất lượng tốt để phục vụ việc dạy và học [H10.10.04.03].

Hằng năm, Khoa Giáo dục Quốc phòng đã xây dựng kế hoạch công tác NCKH đối với đội ngũ CBGV và sinh viên của Khoa thông qua kế hoạch năm học. Trong bản kế hoạch năm học, các giảng viên luôn đề ra những mục tiêu nghiên cứu khoa học cụ thể như tham gia đề tài, dự án, viết bài báo, hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học,…, *trong đó có các đề tài NCKH liên quan đến việc dạy và học.* Nhà trường và Khoa Giáo dục Quốc phòng thường xuyên tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học và các đề tài nghiên cứu về nâng cao chất lượng phương pháp giảng dạy và khơi dậy tinh thần NCKH của giảng viên và người học trong toàn trường, như các hội thảo cấp Trưởng tập huấn về xây dựng và phát triển chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO, Hội nghị trao đổi kinh nghiệm đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá tiếp cận CDIO của Khoa, bộ môn có buổi seminar trao đổi kinh nghiệm giảng dạy [H10.10.04.04]. Hàng năm, hoạt động NCKH của GV và sinh viên của Nhà trường và Khoa Giáo dục Quốc phòng được triển khai thực hiện dưới nhiều hình thức phong phú đa dạng khác nhau: Chủ trì, tham gia các đề tài cấp Bộ, cấp Tỉnh/thành, cấp Trường; viết bài đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước; biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo, tài liệu học tập cho NH; hướng dẫn sinh viên NCKH;… Giảng viên Khoa Giáo dục Quốc phòng luôn tích cực tham gia viết bài cho các hội nghị, hội thảo trong nước về lĩnh vực chuyên môn; tổ chức hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học và tổ chức hội thảo quốc tế nhằm nâng cao tinh thần học hỏi giao lưu giữa các GV cũng như người học trong toàn Khoa với những giảng viên, chuyên gia từ các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước. Các công trình nghiên cứu đề tài các cấp của đội ngũ cán bộ luôn gắn với việc dạy và học. Các hoạt động NCKH được giám sát chất lượng bởi Hội đồng khoa học và đào tạo của Khoa, Trường. Số lượng đề tài các cấp, giáo trình, sách tham khảo và các báo cáo khoa học đăng trên Tạp chí Khoa học chuyên ngành ngày càng tăng. Các sản phẩm NCKH của Khoa là các báo cáo khoa học, các kỷ yếu hội thảo khoa học và nhiều bài báo khoa học được công bố ở trong nước. Nhiều báo cáo khoa học, bài báo khoa học đã trở thành tài liệu tham khảo hữu ích cho việc giảng dạy và học tập các HP. Kết quả và sản phẩm của các công trình NCKH sau khi nghiệm thu và công bố được vận dụng trong thực tế tùy theo từng chuyên môn, lĩnh vực liên quan [H10.10.04.05] [H10.10.04.06].

Số lượng và các loại hình nghiên cứu của GV của Khoa Giáo dục Quốc phòng trong 5 năm học vừa qua thống kê cụ thể như sau:

*Bảng 10.4.1. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học  
công nghệ của đơn vị thực hiện CTÐT được nghiệm thu trong 5 nãm gần đây*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phân loại đề tài** | **Hệ  số\*\*** | **Số lượng** | | | | | |
| **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | Tổng (đã quy đổi) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) |
| 1 | Đề tài cấp NN | 2,0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Đề tài cấp Bộ\* | 1,0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Đề tài cấp trường | 0,5 | 1 | 1 | 1 | 1 | 0 | 2,0 |
|  | **Tổng** |  | **1** | **1** | **1** | **1** | **0** | **2,0** |

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

*\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.*

*\*\* Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số đề tài quy đổi: 2,0

*Bảng 10.4.2. Số lượng bào báo của cán bộ ngành GDQP-AN đăng trong 5 năm gần đây*

| **TT** | **Phân loại tạp chí** | **Hệ  số\*\*** | **Số lượng** | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | **Tổng (đã quy đổi)** |
| 1 | Tạp chí khoa học quốc tế | 1,5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Tạp chí khoa học cấp Ngành trong nước | 1,0 | 9 | 8 | 12 | 14 | 15 | 58 |
| 3 | Tạp chí/tập san cấp Trường | 0,5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | **Tổng** |  | **10** | **12** | **5** | **6** | **19** | **58** |

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): **58**

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,4

Các đề tài NCKH của Khoa Giáo dục Quốc phòng có tính ứng dụng thực tế cao và đã góp phần đáng kể vào quá trình dạy và học của Khoa. Hầu hết các đề tài NCKH của Khoa Giáo dục Quốc phòng đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo. Do vậy, kết quả nghiên cứu của các đề tài khoa học của Khoa đều được ứng dụng vào giảng dạy các học phần lý thuyết cũng như các học phần thực hành, thực tập thực tế của sinh viên [H10.10.04.07].

Các kết quả NCKH được Khoa Giáo dục Quốc phòng áp dụng và chuyển tải thành các nội dung, các chuyên đề giảng dạy trên lớp hoặc thông qua một số hình thức khác như tổ chức seminar, hội thảo, ngoại khóa, cập nhật bổ sung nội dung các HP trong quá trình đào tạo, hướng dẫn sinh viên làm NCKH. Một số các đề tài NCKH tiêu biểu của CB-GV Khoa Giáo dục Quốc phòng được ứng dụng trong hoạt động dạy và học trong những năm gần đây được thể hiện ở bảng biểu thống kê [H10.10.04.08]. Hầu hết các đề tài NCKH của ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đều có liên quan trực tiếp đến nội dung hoặc phương pháp dạy và học ngành học [H10.10.04.09].

  Ngoài ra, NCKH của sinh viên cũng được Khoa đặc biệt quan tâm. Nhiều bài báo khoa học, luận văn tốt nghiệp là sản phẩm của các đề tài NCKH của GV và sinh viên, nhiều đề tài NCKH của sinh viên có tính ứng dụng cao. Trong 5 năm gần đây, Sinh viên của nghành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đã tham gia nghiên cứu và viết đăng ký thực hiện một số đề tài NCKH cấp trường và có các bài báo khoa học được chọn đăng trên các Tạp chí, Kỷ yếu Hội thảo chuyên ngành có uy tín. Các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên đều gắn với ngành học, hoặc gắn với một số HP cụ thể trong CTĐT [H10.10.04.10] [H10.10.04.11].

Các kết quả NCKH của Khoa Giáo dục Quốc phòng đã được sử dụng để cải tiến hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của sinh viên một cách có hiệu quả. Thông qua việc được tham gia nghiên cứu khoa học cùng các CB-GV, sinh viên đã có kỹ năng NCKH tốt và có thêm trải nghiệm thực tế. Nhiều công bố quốc tế của CB, GV trong Khoa, kết quả đề tài nghiên cứu khoa học của GV là sản phẩm của các bài học thực hành mà GV hướng dẫn sinh viên tiến hành các thực nghiệm. Khi thực hiện các đề tài NCKH, GV trong Khoa thường huy động một lực lượng sinh viên tham gia, qua đó không chỉ giúp sinh viên nắm vững kiến thức đã học, mà còn thực hành việc nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực chuyên môn. Ngoài ra, việc cải tiến hoạt động giảng dạy còn thể hiện ở việc cải tiến CTĐT thông qua các đề cương chi tiết học phần nghành Giáo dục Quốc phòng-An ninh [H10.10.04.12].

*2. Điểm mạnh*

- Khoa Giáo dục Quốc phòng có đội ngũ giảng viên có năng lực và tích cực tham gia NCKH, có cơ chế khuyến khích sự tham gia của giảng viên cũng như NH phát huy tinh thần sáng tạo, say mê nghiên cứu khoa học theo hướng ứng dụng, phục vụ công tác dạy và học nghành Giáo dục Quốc phòng-An ninh. Số lượng các công trình nghiên cứu khoa học được công bố trên các tạp chí có xu hướng năm sau cao hơn năm trước.

- Hầu hết các đề tài nghiên cứu khoa học đều gắn kết chặt chẽ với các nhiệm vụ đào tạo và có ý nghĩa thực tiễn; kết quả nghiên cứu của một số đề tài khoa học được ứng dụng vào việc giảng dạy.

*3. Điểm tồn tại*

Hoạt động NCKH của sinh viên chưa được triển khai đồng đều, chưa có kế hoạch chiến lược cụ thể. Đề tài cấp Bộ, cấp tỉnh còn ít. Chính vì vậy, sự đóng góp của NCKH cho hoạt động dạy và học chưa bao phủ đầy đủ các lĩnh vực của ngành nghề.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị/người thực hiện** | **Thời gian**  **thực hiện/**  **hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | - Hình thành các nhóm nghiên cứu theo từng lĩnh vực thuộc ngành đào tạo để tìm kiếm các đề tài NCKH các cấp.  - Xây dựng chiến lược phát triển hoạt động Người học NCKH | - Trường Đại học Vinh,  - Khoa GD QP-AN | Năm 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | - Tiếp tục khuyến khích, tạo động lực trong NCKH đối với các NCKH (viết bài đăng tạp chí Quốc tế có chỉ số WoS/Scopus, hội thảo khoa học bằng tiếng Anh)  - Tăng cường các nghiên cứu ứng dụng, gắn với thực tiễn của địa phương. | - Trường Đại học Vinh,  - Khoa GD QP-AN | Hàng năm |  |

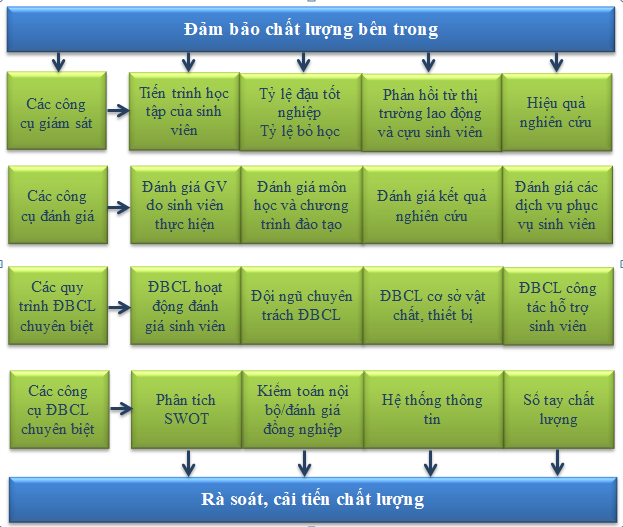
*5. Tự đánh giá:**Đạt (4/7)*

Tiêu chí 10.5 Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

*1. Mô tả hiện trạng*

Hệ thống ĐBCL nội bộ (IQA) của Đại học Vinh được thiết kế, xây dựng, và phát triển nhằm hướng đến liên tục đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải thiện chất lượng của mọi hoạt động chính yếu của nhà trường như đào tạo, NCKH, trong đó có chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác để thực hiện CTĐT. Qua Mô hình hệ thống ĐBCL bên trong của Đại học Vinh được *thể hiện qua hình 10.5.1* dưới đây cho thấy, công cụ đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích của Đại học Vinh được thực hiện bởi các đơn vị chức năng đối với từng mảng hoạt động với các quy định, quy trình rõ ràng và được phân nhiệm rõ trong văn bản quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị [H10.10.05.01].

*Hình 10.5.1.* *Mô hình hệ thống ĐBCL bên trong của Đại học Vinh*

****

Nhà trường đã ban hành văn bản quy định về việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác như Quy định về hoạt động ĐBCL chất lượng giáo dục [H10.10.05.02], Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan [H10.10.05.03], các kế hoạch đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài, các quy trình ISO, Sổ tay Đảm bảo chất lượng [H10.10.05.04], các Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị [H10.10.05.01], …

Nhà trường đã ban hành Quy trình khảo sát ý kiến các bên liên quan với các biểu mẫu rõ ràng để khảo sát ý kiến NH, CB-GV-NV và các bên liên quan khác để đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác [H10.10.05.03].

Trung tâm ĐBCL là đơn vị đầu mối phụ trách chính tổ chức đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác). Hằng năm Trung tâm ĐBCL đều lập kế hoạch đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ tiện ích thông qua kế hoạch năm học, kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học [H10.10.05.05], kế hoạch khảo sát các bên liên quan [H10.10.05.06] và triển khai tới các đơn vị chức năng có liên quan để tiến hành thực hiện.

Tất cả các đơn vị trong toàn trường (trong đó có thư viện, các Khoa/Viện, Trung tâm công nghệ thông tin, Phòng CTCT-HSSV, Phòng ĐT,…) đều triển khai thực hiện theo quy định và kế hoạch đề ra việc đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác (tư vấn NH, công tác NH, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, …) trong xây dựng kế hoạch công tác năm học của đơn vị mình trong đầu mỗi năm học và tự đánh giá trong báo cáo tổng kết năm học vào cuối năm học [H10.10.05.07].

Việc đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ được thực hiện bởi Trung tâm ĐBCL, Phòng CTCT-HSSV, Phòng ĐT,…, và các đơn vị có liên quan:

- Thông qua việc lấy ý kiến NH và CB-GV-NV như: (1) khảo sát ý kiến NH về hoạt động giảng dạy của GV; (2) khảo sát ý kiến NH về các hoạt động Nhà trường; (3) khảo sát sự hài lòng của NH về các đơn vị hành chính và chất lượng đội ngũ NV hỗ trợ , (4) khảo sát ý kiến NH cuối khóa về các hoạt động của Nhà trường; (5) khảo sát ý kiến NH tốt nghiệp; (6) khảo sát ý kiến GV/NH, NTD về CTĐT và CĐR, (7) Khảo sát ý kiến của phụ huynh và học sinh…, trong đó có các nội dung về công tác phục vụ, hỗ trợ và giám sát NH (*tư vấn NH, công tác sinh viên, các hoạt động đoàn thể, hoạt động ngoại khóa, …*); về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng;  về cơ sở vật chất Nhà trường như thư viện, phòng TN/TH, công nghệ thông tin,... [H10.10.05.08].

- Hàng năm, Phòng QT&ĐT thực hiện việc kiểm kê tài sản để đánh giá chất lượng các thiết bị và cơ sở vật chất có đáp ứng được yêu cầu phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường, trên cơ sở đó để có phương án sửa chữa, cải tạo và thay thế trang thiết bị phục vụ cán bộ, giảng viên và NH [H10.10.05.09].

- Trung tâm thông tin thư viện Nguyễn Thúc Hào cũng triển khai thống kê, tổng hợp đánh giá kết quả ý kiến bạn đọc để có phương án bổ sung học liệu và cải tiến hoạt động hỗ trợ cho người đọc [H10.10.05.10].

- Ngoài ra, hàng năm, Nhà trường còn thực hiện tự đánh giá CSGD và các chương trình đào tạo theo kế hoạch và mời các Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục về đánh giá ngoài để kiểm định, đánh giá hệ thống chất lượng Nhà trường, trong báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn đánh giá ngoài có đánh giá mức độ đáp ứng của các dịch vụ hỗ trợ NH [H10.10.05.11].

- Phòng Thanh tra - Pháp chếhàng ngày giám sát, đánh giá các hoạt động dạy học và cơ sở vật chất phục vụ dạy học. Tất cả các bất thường đều được ghi nhận và xử lý kịp thời [H10.10.05.12].

    - Ngoài ra, việc đánh giá tính hiệu quả của các dịch vụ hỗ trợ còn được thực hiện bằng nhiều kênh khác nhau:tiếp nhận góp ý qua điện thoại, email, facebook, qua các cuộc họp giao ban (giao ban Nhà trường, giao ban Khoa,…), qua đối thoại giữa Hiệu trưởng và NH, Hội nghị dân chủ SV, Hội nghị công chức, viên chức …. Ngoài ra, tại mỗi đơn vị chức năng đều có bộ phận trực kỹ thuật mỗi ngày và tại mỗi phòng học đều có số điện thoại của bộ phận này và lãnh đạo Phòng QT&ĐT tiếp nhận những ý kiến phản ánh của GV, sinh viên về những bất thường về CSVC, trang thiết bị để hỗ trợ kịp thời [H10.10.05.13].

    Ở Khoa Giáo dục Quốc phòng, việc hỗ trợ NH cũng được thực hiện bởi cố vấn học tập, trợ lý đào tạo, trợ lý quản lý sinh viên, giáo viên chủ nhiệm. Lịch sinh hoạt lớp và gặp gỡ sinh viên sẽ do Khoa phối hợp với Phòng ĐT tổ chức. Trong buổi sinh hoạt lớp, GV sẽ tham dự, thông báo các thông tin cần thiết, ghi nhận những phản ánh, đóng góp ý kiến của sinh viên về tất cả các vấn đề như học tập, cơ sở vật chất, các vướng mắc… GV sẽ ghi nhận tất cả trong biên bản sinh hoạt lớp và gửi về Khoa, Phòng ĐT. GV hướng dẫn giữ liên lạc thường xuyên với ban cán sự lớp nhằm phát hiện và ghi nhận kịp thời tất cả những tâm tư, nguyện vọng của sinh viên, đề xuất các giải pháp với lãnh đạo khoa, nhà trường. Từ đó có thể góp phần giúp sinh viên yên tâm học tập, nỗ lực rèn luyện bản thân [H10.10.05.14] [H10.10.05.15].

Sau khi tiếp nhận thông tin và các kết quả khảo sát ý kiến các bên liên quan, tất cả các đơn vị thực hiện các dịch vụ hỗ trợ như Thư viện, Trung tâm CNTT, Phòng CTSV-HSSV, Phòng ĐT, Phòng QT&ĐT, Đoàn Thanh niên, ... đều phải thực hiện cải tiến chất lượng các hoạt động dịch vụ hỗ trợ như nâng cấp cơ sở vật chất về hạ tầng công nghệ thông tin [H10.10.05.16], bổ sung nguồn học liệu thư viện [H10.10.05.17],.... Sau mỗi đợt đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài của các Trung tâm Kiểm định giáo dục, Nhà trường và các đơn vị đã thực hiện đánh giá đều xây dựng kế hoạch khắc phục, cải tiến theo khuyến cáo của các đoàn đánh giá ngoài [H10.10.05.18].

*2. Điểm mạnh*

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác luôn được Trường, Khoa Giáo dục Quốc phòng và các đơn vị chức năng giám sát, đánh giá tính hiệu quả và cải tiến thông qua một hệ thống văn bản, quy định, quy trình rõ ràng. Có khảo sát và có dựa trên các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích này.

*3. Điểm tồn tại*

Dữ liệu giám sát, đánh giá quá trình thực hiện hỗ trợ và tiện ích đào tạo chưa được tập hợp theo hệ thống.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | TT.ĐBCL phối hợp với các đơn vị chức năng sẽ tăng cường cải tiến chất lượng dịch vụ hỗ trợ và tiện ích trên cơ sở kết quả giám sát, đánh giá; đồng thời tiến hành tập hợp dữ liệu khảo sát, đánh giá chất lượng dịch vụ hỗ trợ một cách có hệ thống | Trường ĐH Vinh/ Trung tâm ĐBCL | Năm 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tăng cường giám sát, đánh giá tính hiệu quả và cải tiến thông qua một hệ thống văn bản, quy định, quy trình rõ ràng.  Thực hiện tăng số lượng và quy mô đối tượng khảo sát và có dựa trên các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích này. | Trường ĐH Vinh/ Trung tâm ĐBCL | Năm 2024 |  |

*5. Tự đánh giá:* Đạt (5/7)

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến

*1. Mô tả hiện trạng*

Đảm bảo chất lượng là sự cải tiến liên tục, có hệ thống, có cấu trúc đến chất lượngtrong việc duy trì và nâng cao chất lượng. Hệ thống đảm bảo chất lượng bao gồm 02 yếutố: Đảm bảo chất lượng bên ngoài là đề cập đến hệ thống đảm bảo chất lượng được vậnhành bởi các tổ chức ở bên ngoài các cơ sở giáo dục; Đảm bảo chất lượng bên trong đềcập đến hệ thống đảm bảo chất lượng được thiết lập và vận hành bởi chính các cơ sở giáodục đại học. Nói cách khác, cơ sở giáo dục đại học đóng vai trò chính trong hệ thống đảmbảo chất lượng bên trong. Nhưng để đảm bảo chất lượng, một trong những đòi hỏi quantrọng là trường đại học phải xây dựng và phát triển một hệ thống đảm bảo chất lượng bêntrong (Internal Quality Assurance: IQA). Hệ thống ĐBCL bên trong là nhân tố quyết định cho thành công của công tác ĐBCL trong trường. Mọi hoạt động ĐBCL trong Nhà trường đều được thực hiện dựa trên sự hỗ trợ của hệ thống ĐBCL bên trong. Toàn bộ sự tương tác các quá trình chính trong hệ thống ĐBCL bên trong của Trường Đại học Vinh (***thể hiện qua hình 10.5.1 ở tiêu chí 10.5***) cho thấy hệ thống thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi của Nhà trường được thực hiện theo đúng trình tự và khoa học.

***Cơ chế phản hồi của các bên liên quan của Trường Đại học Vinh có tính hệ thống***: từ sự phân nhiệm đến quy trình, phương pháp, công cụ thu thập và xử lý kết quả đến việc phân tích đánh giá đến việc sử dụng kết quả để cải tiến chất lượng.

*Nhà trường ban hành các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của đơn vị/bộ phận chịu trách nhiệm chính trong việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan:*

Để vận hành hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của Trường thống nhất, liêntục và đạt hiệu quả cao, ngay từ năm 2007, Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh đã ký quyết địnhthành lập Trung tâm ĐBCL [H10.10.06.01].Trung tâm có chức năng điều phối, giám sát và thúc đẩy công tác ĐBCL với chức năng và nhiệm vụ rõ ràng, trong đó có chức năng tham mưu cho Nhà trường thực hiện công tác khảo sát, đánh giá chất lượng giáo dục trong nội bộ Nhà trường, giám sát việc sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng Nhà trường. Đồng thời, Trung tâm tham mưu cho Nhàtrường xây dựng và thực hiện cơ chế phản hồi của các bên liên quan thông qua các hìnhthức khảo sát cụ thể. Việc lấy ý kiến các bên liên quan được vận hành liên tục theo định kỳ đảm bảo tínhhệ thống và khoa học trong công tác đảm bảo chất lượng bên trong của Trường [H10.10.06.01].

Bên cạnh TT.ĐBCL là đơn vị đầu mối, Phòng CTCT&HSSV, Phòng đào tạo, Phòng ĐT SĐH, Trung tâm DV, HTSV&QHDN, Trung tâm CNTT-Viện NC&ĐTTT,… cũng là các đơn vị chịu trách nhiệm chính lấy ý kiến các bên liên quan tùy vào mục đích, yêu cầu, đối tượng, hình thức, nội dung khảo sát [H10.10.06.02]. Ngoài ra, Nhà trường còn có một hệ thống các bộ phận ĐBCL ở từng đơn vị chức năng (Phòng/Ban/Trung tâm) và các đơn vị đào tạo (Khoa/Viện) cũng đã được thành lập là Hội đồng ĐBCL với các thành viên kiêm nhiệm là một lãnh đạo đơn vị và mạng lưới ĐBCL là các thành viên phụ trách công tác ĐBCL ở các đơn vị. Bộ phận ĐBCL ở các đơn vị đào tạo và các đơn vị chức năng có trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ, thúc đẩy và triển khai công tác ĐBCL tại các đơn vị trong đó có công tác thu thập các ý kiến các bên liên quan[H10.10.06.03].

*Nhà trường còn ban hành các văn bản quy định/hướng dẫn quy trình, công cụ và phương pháp thu thập, lựa chọn, xử lý, sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan. Cụ thể:*

Nhà trường ban hành quy định/quy trình khảo sát ý kiến các bên liên quan với các biểu mẫu rõ ràng để khảo sát đánh giá và tư vấn cải tiến chất lượng dạy học, dịch vụ hỗ trợ [H10.10.06.04] [H10.10.06.05]. Việc lấy ý kiến các bên liên quan được vận hành liên tục theo định kỳ đảm bảo tính hệ thống và khoa học trong công tác đảm bảo chất lượng bên trong của Trường.

*Đối với sinh viên*, vào đầu học kì/năm học, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch khảo sát các bên liên quan, trong đónội dung khảo sát được thể hiện qua các phiếu khảo sát như: (i) khảo sát ý kiến NH về hoạt động giảng dạy của GV; (ii) khảo sát ý kiến NH về các hoạt động Nhà trường; (iii) khảo sát sự hài lòng của NH về các đơn vị hành chính và chất lượng đội ngũ NV hỗ trợ , (iv) khảo sát ý kiến NH cuối khóa về các hoạt động của Nhà trường; (v) khảo sát ý kiến NH tốt nghiệp; (vi) khảo sát ý kiến GV/NH, NTD về CTĐT và CĐR, (vii) Khảo sát ý kiến của phụ huynh và học sinh,…

*Đối với học viên cao học*, Nhà trường tiến hành khảo sát các nội dung như: Khảo sát NH về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát NH sắp tốt nghiệp về khóa học; khảo sát người học tốt nghiệp; Khảo sát cựu HV cao học về CTĐT và CĐR; khảo sát Giảng viên về CTĐT và hoạt động đào tạo sau đại học; Đánh giá của Nhà tuyển dụng về học viên cao học tốt nghiệp và chương trình đào tạo [H10.10.06.06].

*Ngoài ra, Nhà trường ban hành các quy trình khác như:*

Quy trình xây dựng và phát triển CTĐT bao gồm: Quy trình xây dựng CĐR; Quy trình xây dựng CTĐT; Quy trình thẩm định và ban hành CTĐT mới; Quy trình cập nhật và tổ chức đánh giá, phát triển CTĐT (*trong đó có nhiều biểu mẫu khảo sát ý kiến các bên liên quan để xây dựng, cập nhật và cải tiến CTĐT & CĐR*) [H10.10.06.07].

Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được Khoa, các đơn vị liên quan và Nhà trường thực hiện đúng trình tự, khoa học. Phương pháp sử dụng đa dạng, các công cụ sử dụng có độ tin cậy, đối sánh được ý kiến của các bên liên quan để làm căn cứ cải tiến chất lượng. Các công cụ của từng khảo sát đều đã được ấn định thành các biểu mẫu cụ thể, phục vụ cho từng loại hình khảo sát, do vậy thông tin thu được có thể sử dụng để đối sánh giữa các năm.

*Các hình thức khảo sát đa dạng và có tính hệ thống được thể hiện như*: Khảo sát bằng phiếu hỏi giấy; Khảo sát trực tuyến qua phần mềm; trao đổi trực tiếp qua các cuộc họp giao ban, hội thảo, gặp mặt; các buổi đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo Khoa, Trường với NH tại các hội thảo hội nghị; ngày gặp mặt cựu NH; các báo cáo tổng hợp tại các cuộc hội thảo, hội nghị với chuyên gia; Diễn đàn trao đổi với nhà tuyển dụng tại ngày hội việc làm; các báo cáo khảo sát tại các cuộc thực tập của SV/HV thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; các báo cáo tổng hợp của các diễn đàn của SV/HV như: (*Hội nghị dân chủ sinh viên; Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng và sinh viên; Hội nghị gặp mặt giữa Khoa và NH; Hội nghị công chức, viên chức,…)* [H10.10.06.08]*;* qua các công văn lấy ý kiến cán bộ viên chức trong trường; Khảo sát gián tiếp qua các trang thông tin mạng, điện thoại, đường dây nóng, hòm thư góp ý; ... Các công cụ sử dụng là bộ phiếu khảo sát và các phần mềm hỗ trợ, luôn có độ tin cậy cao.

Hệ thống khảo sát ý kiến các bên liên quan của từng đơn vị chức năng đều tiến hành khảo sát ý kiến các bên liên quan theo quy định chức năng nhiệm vụ của đơn vị để cải tiến công việc. Ví dụ: Phòng CTCT&HSSV khảo sát NH về giảng viên và các hoạt động của Nhà trường; Thư viện tổ chức khảo sát ý kiến bạn đọc về nhu cầu nguồn học liệu; Trung tâm HTSV&QHDN khảo sát cựu NH về việc làm; Phòng đào tạo/Phòng ĐTSĐH khảo sát về CTĐT và CĐR dành cho sinh viên/học viên cao học; Trung tâm CNTT phối hợp với các đơn vị liên quan khảo sát hình thức trực tuyến … Các thông tin thu được, Nhà trường giao trách nhiệm cho từng đơn vị chủ trì xử lý, báo cáo và lưu trữ. Về công tác quản lý, Nhà trường đã phát triển cổng thông tin nội bộ. Tại đây CB-GV-NV sẽ được cấp 1 tài khoản để truy cập thông tin liên quan cá nhân và để truyền đạt thông tin nội bộ của nhà trường đến CB-GV-NV cũng như phản ảnh đóng góp ý kiến cho Khoa, Trường một cách nhanh nhất và chính xác nhất từ đó phục vụ tốt hơn trong công việc [H10.10.06.09].

Ngoài ra, hệ thống ĐBCL của trường là một hệ thống mở, sẵn sàng lắng nghe và khuyến khích sự đóng góp ý kiến của tất cả các bên liên quan như NH, cựu NH, NTD, CB-GV-NV, các đối tác... Mọi hoạt động của trường đều nhằm đáp ứng và đáp ứng tốt yêu cầu của các bên liên quan được thiết kế, kiểm soát từ nhiều góc nhìn khác nhau. Tùy từng trường hợp cụ thể, Nhà trường sử dụng phương pháp phù hợp để đảm bảo sự tiện ích và tính khách quan trong thu thập các thông tin…

Nội dung và kết quả thực hiện các đợt khảo sát bao gồm:

+ Mục đích khảo sát: Khảo sát chuyên gia/nhà sử dụng lao động/người học/cựu người học với mục tiêu nâng cao chất lượng CTĐT.

+ Đối tượng khảo sát: Tham gia khảo sát là chuyên gia/nhà sử dụng lao động/sinh viên/cựu sinh viên, học viên cao học, phụ huynh, học sinh.

+ Phạm vi khảo sát: Nhà sử dụng LĐ trong các DN, trường học,... chuyên gia trong từng lĩnh vực, sinh viên, học viên cao học đang học và cựu sinh viên/học viên…

+ Phương thức khảo sát: Phiếu khảo sát đưa ra các câu hỏi dạng thang đo, câu hỏi ngắn, câu hỏi nhiều lựa chọn…

+ Công cụ khảo sát là: Phiếu giấy, phần mềm quản lý online, khảo sát qua điện thoại,…

***Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được đánh giá***

Sau khi thực hiện các hoạt động khảo sát, Nhà trường đã xem xét, rà soát, đánh giá tính hiệu quả của cơ chế phản hồi từ việc tổ chức thực hiện đến hình thức, nội dung khảo sát nhằm thu được kết quả phản hồi đáng tin cậy, có giá trị từ ý kiến đóng góp của các bên liên quan và thực hiện tiến hành tập hợp, xử lý, phân tích, tổng hợp và đánh giá sơ bộ trong các báo cáo về kết quả khảo sát bao gồm: Báo cáo về việc lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV và các hoạt động của Nhà trường; Báo cáo khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, CĐR, CTDH (qua các hội thảo, hội nghị…); Kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên/học viên cao học tốt nghiệp qua các năm,… Trên cơ sở các báo cáo đã được khảo sát [H10.10.06.06], Tại các cuộc họp giao ban đào tạo, giao ban công tác và họp Khoa Giáo dục Quốc phòng, các ý kiến của các bên liên quan cũng được rà soát, căn cứ vào các dữ liệu của kết quả khảo sát, các đơn vị phân tích, đánh giá và đề xuất những điều chỉnh, cải tiến chất lượng. Các số liệu thống kê về khảo sát qua các năm đã được các đơn vị chức năng tổng hợp và đăng trên trang Ioffice của Nhà trường.

Một số kết quả đánh giá chính trong cơ chế phản hồi:

+ Đối với sinh viên/học viên và cựu sinh viên/cựu học viên: Tỷ lệ phản hồi là tương đối cao. Tuy nhiên, một bộ phận SV/HV chưa nhận thức đầy đủ về quyền lợi và trách nhiệm của việc tham gia đóng góp ý kiến để nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo của Nhà Trường. Các câu trả lời đánh giá của một số SV/HV còn chung chung, chưa cụ thể.

+ Đối với các chuyên gia: Ý kiến của các nhà khoa học rất quan trọng đối với việc điều chỉnh chương trình đào tạo và mục tiêu của chương trình đào tạo. Tuy nhiên, số lượng các nhà khoa học tham gia lấy ý kiến khảo sát vẫn còn ít.

+ Đối với nhà sử dụng lao động: Ý kiến thu thập được từ phía nhà tuyển dụng có ý nghĩa rất lớn giúp cho Nhà trường trong việc điều chỉnh chương trình, nội dung đào tạo nhằm đáp ứng được các yêu cầu của nhà tuyển dụng. Tuy nhiên, số lượng nhà tuyển dụng tham gia vào các đợt khảo sát là không nhiều, tỷ lệ phản hồi không cao.

+ Đối với giảng viên: Các GV đã thực hiện rất nghiêm túc khi được khảo sát. Ý kiến giảng viên giảng dạy cũng rất quan trọng trong việc điều chỉnh nội dung và chương trình giảng dạy [H10.10.06.06].

***Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được cải tiến***

Tiếp thu ý kiến đánh giá về cơ chế phản hồi của các bên liên quan, Nhà trường, Trung tâm ĐBCL và các đơn vị liên quan đã từng bước thực hiện điều chỉnh, cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan, thể hiện qua việc cải tiến từ sự phân nhiệm đến cải tiến quy trình, phương pháp, công cụ, Cụ thể:

+ Về sự phân nhiệm, Việc phụ trách công tác lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan trước đây do các đơn vị liên quan phụ trách xây dựng kế hoạch triển khai và thực hiện, hiện nay do trung tâm ĐBCL chủ trì và phân nhiệm lại cho các đơn vị trực tiếp thực hiện khảo sát.

+ Về quy trình, Năm 2016, Nhà trường mới chỉ ban hành quy trình khảo sát tạm thời (*Quy định tạm thời công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về cán bộ, viên chức và các hoạt động của Trường Đại học Vinh, số 1307/QĐ-ĐHV ngày 01/11/2016*), do phòng CTCT&HSSV soạn thảo. Năm 2022, việc khảo sát các bên liên quan do Trung tâm ĐBCL chủ trì và phân nhiệm đến các đơn vị có liên quan. Nhà trường cũng đã ban hành quy trình khảo sát tất cả các bên liên quan (*Quy định về hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan của Trường Đại học Vinh, số 2786/QĐ-ĐHV ngày 31/10/2022*), do Trung tâm ĐBCL soạn thảo [H10.10.06.04].

+ Việc xây dựng phiếu khảo sát trước đây đều do các đơn vị có liên quan đảm nhiệm tùy theo đối tượng và mục đích khảo sát. Năm 2023, Nhà trường thành lập Ban xây dựng, tổ hỗ trợ xây dựng và nhóm chuyên trách xây dựng Bộ phiếu khảo sát các bên liên quan bao gồm Ban giám hiệu, trưởng các đơn vị có liên quan và các giảng viên có kinh nghiệm trong hoạt động giảng dạy [H10.10.06.05].

+ Đối tượng khảo sát trước đây chủ yếu là sinh viên, sinh viên tốt nghiệp thì hiện nay, Đối tượng khảo sát là tất cả các bên liên quan bao gồm cả sinh viên và học viên cao học, sinh viên tốt nghiệp, cựu học viên cao học, nhà tuyển dụng và các bên liên quan khác.

+ Công cụ khảo sát trước đây chủ yếu là phiếu giấy thì hiện này việc khảo sát đã kết hợp phiếu giấy lẫn khảo sát trực tuyến, số lượng đối tượng khảo sát tăng lên, hoạt động lấy ý kiến khi rà soát, phát triển chương trình đào tạo đã được thực hiện với sự tham gia của nhiều bên liên quan hơn, số cuộc khảo sát qua các năm tăng lên để đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng.

+ Đối với khảo sát các bên liên quan về việc xây dựng và phát triển CTĐT trước đây mới chỉ thể hiện ở các cuộc hội thảo trao đổi thì đến 2019, Nhà trường đã ban hành quy trình xây dựng và phát triển CTĐT đối với trình độ đại học. Năm 2023, ban hành quy trình xây dựng và phát triển CTĐT đối với trình độ đại học (*trong đó có quy trình khảo sát các bên liên quan)* [H10.10.06.07].

+ Mẫu phiếu và câu hỏi khảo sát cũng thay đổi định kỳ cho phù hợp với mục tiêu khảo sát và kết hợp nhiều hình thức lấy ý kiến, trong đó tăng cường các hình thức hội nghị trực tuyến, khảo sát trực tuyến... [H10.10.06.05].

Các kết quả khảo sát ý kiến NH về hoạt động giảng dạy của GV sẽ được Nhà trường gửi đến từng GV và lãnh đạo Khoa Giáo dục Quốc phòng biết để phát huy những mặt mạnh, cải tiến những tồn tại nhằm nâng cao chất lượng hoạt động dạy học. Những GV nào có ý kiến NH hài lòng thấp, Khoa Giáo dục Quốc phòng tổ chức gặp mặt và trao đổi với GV về những ý kiến đóng góp của NH. Lãnh đạo Khoa Giáo dục Quốc phòng sẽ sử dụng kết quả khảo sát này để có kế hoạch phân tiết giảng dạy, hợp đồng mời giảng, xếp loại thi đua hàng năm... [H10.10.06.10]. Đối với các loại khảo sát ý kiến khác, lãnh đạo các đơn vị nhận kết quả khảo sát nhằm hỗ trợ cho việc ra các quyết định cho sự phát triển nguồn nhân lực, vật lực, CTĐT và CĐR, … Sau mỗi học kỳ và cuối năm học, Khoa Giáo dục Quốc phòng và các đơn vị liên quan phải lập một báo cáo về việc sử dụng các kết quả khảo sát để Nhà trường cải tiến hệ thống. Báo cáo việc sử dụng các kết quả khảo sát ý kiến GV, NTD và cựu NH để xây dựng, điều chỉnh CTĐT và CĐR ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh [H10.10.06.11].Trong các giai đoạn điều chỉnh, cập nhật CTĐT, kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh khối lượng kiến thức các HP trong chương trình, điều chỉnh CĐR, ĐCCT HP, Tài liệu học tập, ....

*2. Điểm mạnh*

- Có đầy đủ các văn bản quy định, hướng dẫn về cơ chế phản hồi của các bênliên quan.

*-* Phương pháp lấy ý kiến khảo sát ngày càng đang dạng và có ứng dụng CNTTtrong việc khảo sát lấy ý kiến của các đối tượng.

*-* Đối tượng khảo sát: Đa dạng, đa lĩnh vực, ngành nghề

*-* Có thực hiện đánh giá cơ chế phản hồi của các bên, từ đó có những cải tiếnphù hợp

*3. Điểm tồn tại*

- Số lượng các doanh nghiệp tham gia khảo sát còn ít, các doanh nghiệp chưa tham gia tích cực vào hoạt động khảo sát.

- Một bộ phận sinh viên chưa nhận thức được đầy đủ về quyền lợi và trách nhiệm của việc tham gia đóng góp ý kiến nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo của Trường. Các câu trả lời đánh giá của một số sinh viên còn chung, chưa cụ thể, một số câu trả lời còn bỏ trống.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | -Trong năm 2024, Nhà trường, Khoa và các phòng ban liên quan cần gia tăng số lượng các doanh nghiệp tham gia khảo sát. Tăng nhận thức của sinh viên/học viên về vai trò, lợi ích khi tham gia khảo sát.  -Tăng cường áp dụng CNTT trong việc khảo sát và tổng hợp kết quả khảo sát các bên liên quan. | Khoa GDQP /Trung tâm ĐBCL | Năm 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | - Rà soát các văn bản quy định, hướng dẫn về cơ chế phản hồi của các bênliên quan.  *-* Tăngđối tượng khảo sát: Đa dạng, đa lĩnh vực, ngành nghề  *-* Tiến hành thực hiện đánh giá cơ chế phản hồi của các bên, từ đó có những cải tiếnphù hợp | Khoa GDQP /Trung tâm ĐBCL | Năm 2024 |  |

*5. Tự đánh giá:*Đạt (4/7)

**Kết luận về Tiêu chuẩn 10**

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Nhà trường có hệ thống thu thập ý kiến các bên liên quan với các quy trình và biểu mẫu khảo sát luôn được cải tiến giúp thu thập đầy đủ các dữ liệu cần thiết, khoa học và tin cậy làm căn cứ để Khoa Giáo dục Quốc phòng thiết kế và phát triển CTĐT. Có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ đầy đủ các BLQ (sinh viên, cựu sinh viên, NTD, GV, chuyên gia ngành) để phát triển CTĐT; công tác lưu trữ thông tin được thực hiện một cách hệ thống, tin học hóa, thuận tiện cho việc khai thác dữ liệu thu thập được; các quy trình, biểu mẫu khảo sát được cải tiến qua các năm nhằm giúp công tác thu thập thông tin phản hồi hiệu quả hơn. Có tổng hợp và phân tích các kết quả từ các khảo sát ý kiến các BLQ về CĐR, đối sánh các CTDH, ý kiến đóng góp của các BLQ về CTDH, các kết quả thẩm định; có theo dõi tình trạng sửa đổi CĐR và CTDH.

Nhà trường ban hành quy định về quy trình xây dựng và phát triển chương trình đào tạo gồm 2 phần: (1) Quy trình thiết kế và (2) quy trình phát triển. Việc thiết kế và phát triển CTDH của các Khoa/Viện được kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ và thống nhất. Nhà trường và Khoa Giáo dục Quốc phòng tuân thủ quy trình PDCA trong việc thiết kế và phát triển CTDH. Vì vậy CTDH nghành Giáo dục Quốc phòng-An ninh sau khi được thiết lập, thường xuyên được rà soát, đánh giá và cải tiến trên cơ sở tham khảo ý kiến đóng góp của các bên liên quan.

 Các cơ chế và quy định về việc rà soát, đánh giá và cải tiến chất lượng quá trình dạy, học và đánh giá kết quả học tập của NH được Nhà trường và Khoa Giáo dục Quốc phòng thực hiện rất nghiêm ngặt, có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc, đảm bảo quy trình PDCA nhằm nâng cao chất lượng đào tạo Nhà trường. Việc cải tiến quá trình dạy, học và đánh giá kết quả học tập của NH được Nhà trường và Khoa thực hiện trên cơ sở tham khảo các kết quả khảo sát ý kiến của CB, GV và sinh viên.

  Số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của Khoa Giáo dục Quốc phòng ngày càng tăng. Đa số kết quả của các công trình NCKH của Khoa đều được áp dụng vào việc giảng dạy các HP lý thuyết cũng như các HP thực hành, thực tập, thực tế của sinh viên, đồng thời góp phần cải tiến chất lượng việc dạy và học trong Khoa.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác luôn được Trường, Khoa Giáo dục Quốc phòng giám sát, đánh giá tính hiệu quả và cải tiến thông qua một hệ thống văn bản, quy định, quy trình rõ ràng. Có khảo sát và có dựa trên các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích này.

Việc thu nhận ý kiến các bên liên quan của Khoa Giáo dục Quốc phòng, Trường được thực hiện mang tính hệ thống, khoa học và đa dạng. Có bộ phận chuyên trách về công tác ĐBCL là Trung tâm ĐBCL, với đội ngũ có nhiều kinh nghiệm. Ngoài ra, còn có bộ phận ĐBCL ở trong từng đơn vị chức năng và các đơn vị đào tạo. Có hệ thống văn bản quy định về hoạt động khảo sát các BLQ để điều chỉnh, cải tiến CĐR, CTĐT, chất lượng dạy học và các dịch vụ hỗ trợ. Có sử dụng các phần mềm hỗ trợ xử lý dữ liệu, các công cụ sử dụng có độ tin cậy cao và có đối sánh ý kiến của các BLQ để làm cơ sở cải tiến, có điều chỉnh định kỳ tùy theo mục tiêu khảo sát của năm học. Các kết quả khảo sát được xử lý, đánh giá và làm cơ sở để cải tiến liên tục, thường xuyên tất cả các hoạt động của Trường, của Khoa nhằm duy trì và nâng cao chất lượng CTĐT và các hoạt động dạy học.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Một số sinh viên còn chưa xem trọng việc tham gia trả lời khảo sát, mặc dù Trường đã tuyên truyền,... Mặt khác, việc tiếp cận nhà tuyển dụng chưa được thuận lợi nên số lượng ý kiến khảo sát từ đối tượng này chưa đa dạng và chưa được nhiều.

Chưa tổng hợp các đánh giá mức độ tương thích giữa hoạt động đánh giá kết quả học tập của sinh viên với CĐR một cách đồng bộ.

Việc cải tiến hoạt động dạy-học từ kết quả NCKH được thực hiện chưa đồng bộ giữa các bộ môn và giữa các GV phụ trách chung HP, các sinh viên.

Dữ liệu giám sát, đánh giá quá trình thực hiện hỗ trợ và tiện ích đào tạo chưa được tập hợp theo hệ thống.

Chưa có sự đánh giá đầy đủ của các bên liên quan như nhà tuyển dụng, cựu sinh viên về cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và học tập.

Tiêu chuẩn 11.

KẾT QUẢ ĐẦU RA

**Mở đầu**

Đánh giá chất lượng đầu ra có vai trò quan trọng trong hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường. Trường Đại học Vinh là một cơ sở giáo dục cung cấp nguồn nhân lực bậc cao cho vùng Bắc Miền Trung. Nguồn tuyển sinh đầu vào của ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh nói riêng cũng như của Nhà trường nói chung là các học sinh chất lượng đạt kết quả tốt trong kỳ thi tuyển đại học cũng như kỳ thi THPT quốc gia hằng năm do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức. Sau khi trúng tuyển, SV được đào tạo bài bản, được thực hành, thực tập thực tế có sự đánh giá giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại Trường. Hằng năm Nhà trường và Trung tâm Giáo dục Quốc phòng-An ninh đã thực hiện giám sát việc đạt CĐR, tổ chức thống kê tỷ lệ SV tốt nghiệp, thời gian bình quân để tốt nghiệp, tỷ lệ SV thôi học và cơ hội tìm việc làm của SV làm cơ sở để cải tiến chất lượng.

Các hoạt động NCKH cho SV được quy định với trình tự chặt chẽ, đảm bảo phù hợp với CĐR của CTĐT ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh tập trung nghiên cứu theo định hướng NCKH của Trường, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng-An ninh và ngành học. Trường, Trung tâm Giáo dục Quốc phòng-An ninh cũng đã xây dựng hệ thống thu thập thông tin, phân tích và đo lường sự hài lòng của GV, người học, cựu người học, thị trường lao động và lấy đó làm chuẩn cho việc cải tiến CTĐT, CTDH và phát triển hệ thống ĐBCL.

Tiêu chí 11.1. Tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

1. *Mô tả hiện trạng*

Tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của từng khóa đào tạo được nhà trường coi là những chỉ số cụ thể đánh giá kết quả đầu ra, được xác lập, thường xuyên giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. Để giám sát và cải thiện các chỉ số này, Nhà trường có các phòng chức năng liên quan giúp cho việc xác lập và giám sát tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp bao gồm: Phòng CTCT-HSSV, Phòng Đào tạo, Trung tâm ĐBCL, các đơn vị đào tạo,... [H11.11.01.01]. Nhà trường đã giao cho Phòng CTCT HSSV chịu trách nhiệm quản lý tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp hàng năm; Phòng Đào tạo và các đơn vị đào tạo (khoa/viện) chịu trách nhiệm chính trong giám sát việc đạt được CĐR, xác lập tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn, đồng thời cũng ban hành các quy định về việc đăng ký HP, hủy/rút đăng ký HP, đăng ký lại, học cải thiện điểm, nghỉ học tạm thời, cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học… Phối hợp thực hiện các nhiệm vụ này còn có Trung tâm ĐBCL. Trung tâm ĐBCL chịu trách nhiệm chủ trì và phối hợp với Phòng CTCT HSSV và các đơn vị liên quan khảo sát ý kiến sinh viên, thống kê tình hình tốt nghiệp, khảo sát nhà tuyển dụng về tình hình việc làm sinh viên; tổ chức đánh giá nội bộ; … giám sát, rà soát việc đảm bảo chất lượng trong công tác đào tạo [H11.11.01.02].

Ngoài ra, Ở các đơn vị đào tạo, Nhà trường biên chế trợ lí quản lí SV, trợ lí đào tạo và các cố vấn học tập nhằm thực hiện tốt công tác tổ chức, quản lí, giáo dục và hỗ trợ SV, do một lãnh đạo Khoa/Viện trực tiếp chỉ đạo [H11.11.01.03] [H11.11.01.04].

Ngay từ khi nhập học, mỗi tân SV được cấp một mã số SV và tài khoản truy cập hệ thống thông tin, được quản lí mọi thông tin quá trình đào tạo trên hệ thống phần mềm của Nhà trường. Trong tài khoản cá nhân đó, có đầy đủ thông tin, lịch trình thời khóa biểu học tập. Các kết quả học tập của sinh viên được cập nhật thường xuyên và kịp thời trên hệ thống cũng như qua tài khoản cá nhân để giúp sinh viên theo dõi kịp thời và có kế hoạch cải thiện kết quả học tập. Hệ thống dữ liệu người học thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hàng kỳ học, được theo dõi, quản lý tại Khoa, các phòng/ban đầu mối và trên hệ thống phần mềm quản lý đào tạo (CMC, Trí Nam) [H11.11.01.05] [H11.11.01.06].

*Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp đúng hạn (không kể thời gian kéo dài) được xác lập. Danh sách thôi học, tốt nghiệp được cập nhật hàng năm.*

Hàng năm, dựa trên các Quy định về đào tạo, quy định điều kiện tốt nghiệp, đánh giá kết quả thi tốt nghiệp và thông qua Hội đồng xét, xử lý học sinh, SV thôi học, bỏ học hằng năm Khoa Giáo dục Quốc phòng tiến hành thống kê số lượng sinh viên thuộc diện thôi học, cảnh báo kết quả học tập, được học tiếp để trình Nhà trường phê duyệt [H11.11.01.07] [H11.11.01.08].

Định kỳ, căn cứ vào kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp của Nhà trường, Hội đồng cấp Khoa họp rà soát điều kiện tốt nghiệp cho người học, chuyển kết quả về Phòng Đào tạo; Phòng Đào tạo phối hợp cùng Trung tâm ĐBCL và các đơn vị liên quan tiến hành tổng hợp và trình Hội đồng xét tốt nghiệp cấp Trường [H11.11.01.09] [H11.11.01.10]. Cụ thể, thông tin về tỷ lệ tốt nghiệp và tỷ lệ NH bỏ học của các khóa gần đây được thể hiện qua Cơ sở dữ liệu về người học trong đó có số liệu thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của người học trong 05 năm gần nhất bao gồm: năm nhập học, tổng số người học nhập học, số người học tốt nghiệp trước hạn, đúng hạn, quá hạn (hạn được hiểu là thời gian quy định của khóa học), số người học thôi học được tóm tắt bằng bảng số liệu sau:

*Bảng 11.1.1. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2019 - 2023*

*ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khóa (niên khóa)** | **SL SV**  **nhập học** | **SL SV tốt nghiệp** | **Tỷ lệ (%)** | **Trong đó, tỷ lệ tốt nghiệp (%)** | | | |
| ***Năm***  ***thứ 3*** | ***Năm***  ***thứ 4*** | ***Năm***  ***thứ 5*** | ***Năm***  ***thứ 6 trở đi*** |
| 1 | Khóa 56 (2015- 2019) | 26 | 24 | 92,31% |  | 21 | 1 | 2 |
| 2 | Khóa 57 (2016- 2020) | 23 | 21 | 91,30% |  | 18 | 1 | 2 |
| 3 | Khoá 58 (2017 - 2021) | 19 | 18 | 94,74% |  | 16 | 1 | 1 |
| 4 | Khóa 59 (2018 - 2022) | 14 | 12 | 85,71% |  | 10 | 1 | 1 |
| 5 | Khoá 60 (2019 - 2023) | 10 | 8 | 80% |  | 8 |  |  |
|  | **CỘNG** | **92** | **83** | **90,22%** |  | **64** | **4** | **6** |

*Nguồn: Phòng Đào tạo - Đại học Vinh*

*Bảng 11.1.2. Tỷ lệ sinh viên thôi học giai đoạn 2019 – 2023*

*ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năm tuyển sinh (khóa đào tạo)** | **SL SV**  **nhập học** | **Số lượng SV thôi học** | **Tỉ lệ SV thôi học %** |
| 1 | 2017 (Khóa 58) | 19 | 1 | 5,26% |
| 2 | 2018 (Khóa 59) | 14 | 2 | 14,28% |
| 3 | 2019 (Khóa 60) | 10 | 2 | 20% |
| 4 | 2020 (Khóa 61) | 8 | 1 | 12,50% |
| 5 | 2021 (Khóa 62) | 35 | 5 | 14,28% |
| 6 | 2022 (Khóa 63) | 25 | 0 | - |
| 7 | 2023 (Khóa 64) | 12 | 0 | - |

*Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được đánh giá, phân tích, giám sát*

Sau mỗi năm học, Trợ lý đào tạo và văn phòng Khoa Giáo dục Quốc phòng thống kê tình hình kết quả học tập và số lượng sinh viên thôi học, sinh viên cảnh báo học tập để theo dõi và quản lý chặt chẽ. Định kỳ, Trường tiến hành xem xét và xử lý học vụ, cho thôi học các sinh viên không hoàn thành nhiệm vụ học tập, kéo dài thời gian học tập quá thời hạn quy định. Trước khi xử lý học vụ, Trường ra thông báo danh sách và tiếp nhận thông tin phản hồi từ người học về nguyên nhân không hoàn thành nhiệm vụ. Đồng thời, thông qua các buổi sinh hoạt lớp, cố vấn học tập hoặc giáo viên chủ nhiệm thông báo cảnh báo đến người học và tìm hiểu các đối tượng thôi học, chậm tiến độ; làm rõ các nguyên nhân thôi học, chậm tiến độ đó. Nhà trường đã tiến hành phân tích, tìm hiểu nguyên nhân NH thôi học là do hoàn cảnh kinh tế, kết quả học tập không đạt yêu cầu, không thể hoàn thành chương trình học theo quy định. Đối với những sinh viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp, cố vấn học tập luôn phải báo cáo định kì để Khoa và Nhà trường nắm rõ lí do để tư vấn, hỗ trợ theo dõi các trường hợp này [H11.11.01.08].

*Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được đối sánh để cải tiến chất lượng CTĐT*

Hằng năm, nhà trường đều tiến hành đối sánh về tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp để cải tiến chất lượng CTĐT thông qua các báo cáo tỉ lệ thôi học, tỉ lệ tốt nghiệp; đồng thời đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp của sinh viên Khoa Giáo dục Quốc phòng giữa các năm với nhau được thể hiện ở *bảng biểu 11.1.1; 11.1.2* và với sinh viên các ngành khác của Trường Đại học Vinh [H11.11.01.11].

Thông qua đối sánh tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp hàng năm, Trung tâm và ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh cũng đã có những phân tích, tìm hiểu nguyên nhân sinh viên thôi học, bỏ học và chậm tốt nghiệp để có những phương án hỗ trợ, giúp đỡ sinh viên cũng như ngăn ngừa các hoạt động tiêu cực. Qua các cuộc họp xét tốt nghiệp, Nhà trường và Khoa/ngành cũng đã phân tích nguyên nhân người học tốt nghiệp muộn, thôi học bao gồm cả yếu tố khách quan và chủ quan như hoàn cảnh kinh tế, ốm đau, không thể hoàn thành chương trình học, kết quả học tập không đạt yêu cầu. Nguyên nhân chủ yếu vẫn là không đạt được chuẩn đầu ra về ngoại ngữ B1. Đối với những sinh viên chưa đủ điều kiện tốt nghiệp, cố vấn học tập luôn phải báo cáo định kì để Trung tâm và Nhà trường nắm rõ lí do và hướng giải quyết. Có thể thấy, Nhà trường và Trung tâm có thực hiện giám sát tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hàng năm bằng nhiều hình thức khác nhau, tuy nhiên công tác phân tích dự báo tỷ lệ SV thôi học còn chưa sát với thực tế, để có những cơ chế chính sách hỗ trợ, khích lệ sinh viên thực hiện kết quả đầu ra như mong muốn*.* Ngoài ra, một trong những biện pháp hỗ trợ sinh viên, giúp hạn chế việc giảm tỉ lệ tốt nghiệp đó là Nhà trường rà soát lại tính phù hợp của thời lượng thiết kế CTĐT với thực tế. Các CTĐT đều được thiết kế với thời lượng hợp lý, trang bị đầy đủ kiến thức và phù hợp với sức học của toàn thể sinh viên. Khoa có những điều chỉnh phù hợp khi rà soát điều chỉnh chương trình, lập kế hoạch năm học như điều chỉnh thứ tự môn học, điều chỉnh tên môn học, tăng cường học phần thực tập,… Một số sinh viên chưa đủ điều kiện để xét tốt nghiệp đúng tiến độ, có thể làm đơn xin bảo lưu kết quả và bổ sung điều kiện xét tốt nghiệp trong khoảng thời gian cho phép có quy định.

*2. Điểm mạnh*

Tỷ lệ người học ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh bị buộc thôi học ít, tỷ lệ người học tốt nghiệp ra trường đúng thời hạn cao, do có sự giám sát chặt chẽ của Khoa và Nhà trường.

Nhà trường và Khoa/ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đều có bộ phận chuyên trách giám sát tỉ lệ thôi học/tốt nghiệp của sinh viên, các văn bản thực hiện và các công cụ giám sát được chú trọng. Sinh viên tốt nghiệp và thôi học được cập nhật trên phần mềm hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường nhằm mục đích hỗ trợ xác lập, giám sát tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học để cải tiến chất lượng.

*3. Điểm tồn tại*

Đối sánh tỷ lệ thôi học của sinh viên ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh với các ngành khác ở ngoài trường chưa được thực hiện thường xuyên và liên tục.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Việc đối sánh tỷ lệ thôi học của ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh với các ngành khác phải được thực hiện thường xuyên và liên tục | Khoa GDQP | Hằng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Cố vấn học tập, Trợ lý đào tạo, Giáo viên chủ nhiệm tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của NH | Khoa GDQP | Hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá:*Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường giao cho Phòng Đào tạo và các đơn vị đào tạo (Khoa/Viện) chịu trách nhiệm chính trong việc theo dõi, thống kê, tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên của tất cả các CTĐT của Trường Đại học Vinh. Trong quá trình đào tạo, Khoa Giáo dục Quốc phòng đã thiết kế CTĐT, bố trí các HP một cách hợp lý đảm bảo khối lượng kiến thức và thời gian tốt nghiệp đúng tiến độ cho sinh viên [H11.11.02.01]. Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên trong cùng CTĐT được tính toán đối với tất cả các hệ/hình thức đào tạo trong chu kỳ đánh giá. Theo quy định, ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đào tạo theo hệ thống tín chỉ, với thời gian đào tạo là 4 năm. Tuy nhiên, sinh viên có thể kéo dài tối đa là 6 năm, hoặc tốt nghiệp trước thời hạn, tối thiểu là 3 năm. Phòng Đào tạo là đầu mối giám sát thời gian tốt nghiệp của sinh viên chính quy toàn trường. Trợ lý đào tạo của Khoa Giáo dục Quốc phòng phối hợp cùng với Phòng Đào tạo và các đơn vị liên quan trọng việc thống kê, quản lý sinh viên tốt nghiệp [H11.11.02.02] [H11.11.02.03].

Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng. Nhà trường có quy trình/quy trình thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình [H11.11.02.04]. Hàng năm, Nhà trường có các thông báo về kế hoạch xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên để kịp thời rà soát, hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn. Những thông báo này được gửi cho tất cả các Trung tâm/Khoa/Viện, phòng, ban, các sinh viên và đăng tải trên trang thông tin chính thức của Trường [H11.11.02.05]. Triển khai thực hiện kế hoạch của Nhà trường, mỗi năm Khoa Giáo dục Quốc phòng đều tổ chức xét công nhận tốt nghiệp cho sinh viên, đồng thời, thực hiện giám sát thời gian tốt nghiệp của người học. Trên cơ sở đó, Trường ban hành Quyết định công nhận tốt nghiệp cho sinh viên toàn trường trong đợt xét, trong đó có sinh viên ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh [H11.11.02.06] . [H11.11.02.07].

Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh đã được Khoa thống kê, tính toán và thể hiện ở *bảng biểu 12.1.1.*

*Bảng 11.2.1. Bảng tỉ lệ SV tốt nghiệp giai đoạn 2019-2023 ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh (trong đó có thời gian SV tốt nghiệp trung bình)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Khoá (niên khoá)** | **SL SV nhập học** | **SL SV tốt nghiệp** | **Thời gian TN trung bình (năm)** | **Trong đó, số lượng SV tốt nghiệp (%)** | | | |
| ***Năm thứ 3*** | ***Năm thứ 4*** | ***Năm thứ 5*** | ***Năm thứ 6*** |
| (A) | (B) | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| 1 | Khóa 56 (2015- 2019) | 26 | 24 | 4,20 |  | 21 | 1 | 2 |
| 2 | Khóa 57 (2016- 2020) | 23 | 21 | 4,23 |  | 18 | 1 | 2 |
| 3 | Khoá 58 (2017 - 2021) | 19 | 18 | 4,16 |  | 16 | 1 | 1 |
| 4 | Khóa 59 (2018 - 2022) | 14 | 12 | 4,25 |  | 10 | 1 | 1 |
| 5 | Khóa 60 (2019 - 2023) | 10 | 8 | 4,37 |  | 6 | 1 | 1 |
|  | **CỘNG** | **92** | **83** | **4,23** |  | **71** | **5** | **7** |

Tỉ lệ thôi học của sinh viên cũng được Khoa và Trường tổng hợp hàng năm [H11.11.02.08].

Sau khi có các kết quả thống kê, Khoa Giáo dục Quốc phòng tìm hiểu, phân tích nguyên nhân NH tốt nghiệp muộn để đề xuất các biện pháp hỗ trợ NH giảm tối đa thời lượng học tập. Khoa và các đơn vị có liên quan đã tổng hợp phân tích hồ sơ để tìm hiểu nguyên nhân sinh viên chậm tốt nghiệp để đề nghị Nhà trường đưa ra các giải pháp hỗ trợ NH giảm tối đa thời gian chậm tốt nghiệp [H11.11.02.09]. Sau các cuộc họp rà soát tình hình tốt nghiệp sinh viên năm cuối, Nhà trường và Khoa đã có các kế hoạch cải tiến tích cực nhằm cải tiến thời gian tốt nghiệp của người học:

- Đối với sinh viên chậm tiến độ đồ án tốt nghiệp: Khoa thường xuyên liên hệ và nhắc nhở GV hướng dẫn gặp gỡ trao đổi, hướng dẫn cụ thể để sinh viên có thể hoàn thành đồ án đúng quy định.

- Đối với sinh viên còn nợ chứng chỉ tiếng Anh: Khoa động viên và tư vấn cho sinh viên có phương pháp ôn tập và thi hiệu quả.

Khoa còn tiến hành họp mặt sinh viên đầu mỗi năm học, theo dõi tình hình học tập của sinh viên thông qua GVCN và Ban cán sự lớp. Đối với sinh viên năm cuối, Trưởng Khoa cùng với GVCN họp với lớp, động viên, khuyến khích và hướng dẫn sinh viên thực hiện tốt đề tài tốt nghiệp. Đây là những biện pháp thiết thực nhằm giảm tỉ lệ bỏ học và tốt nghiệp đúng tiến độ của sinh viên [H11.11.02.10].

Ngoài ra, trước khi xét tốt nghiệp, Phòng Đào tạo gửi dữ liệu thông tin sinh viên còn thiếu những điều kiện gì để cảnh báo sinh viên biết, sinh viên có thể bổ sung giấy tờ cần thiết, hoặc nhắc nhở sinh viên đăng ký học trả nợ, học cải thiện,…. Những cảnh báo và thông báo này cũng được gửi tới phụ huynh của sinh viên. Thông qua đó, sinh viên và phụ huynh nắm bắt được thông tin, lên kế hoạch, giải pháp để sinh viên hoàn thành chương trình học đúng thời hạn [H11.11.02.10].

Hàng năm, Khoa Giáo dục Quốc phòng và Trường tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ NH rút ngắn thời gian tốt nghiệp của sinh viên [H11.11.02.11]. Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh của Khoa qua các năm và đối sánh với một số ngành khác trong cùng trường, qua đó đánh giá hiệu quả các biện pháp đã triển khai, rút bài học kinh nghiệm để ngày càng cải tiến tốt hơn tỉ lệ ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh tốt nghiệp đúng tiến độ [H11.11.02.12]. Tuy nhiên, việc tổng kết, đánh giá hiệu quả các biện pháp hỗ trợ người học mới chỉ được Khoa đào tạo chú trọng, các Phòng/Ban của Trường chưa xem đây là một nhiệm vụ mang tính thường xuyên, định kỳ. Khoa và Trường mới chỉ tiến hành đối sánh trong trường chứ chưa tiến hành đối sánh trong nước và quốc tế về thời gian tốt nghiệp trung bình của người học trong cùng một CTĐT, hình thức đào tạo nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo của ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh.

*2. Điểm mạnh*

Thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên được xác lập và giám sát, được đối sánh giữa các khóa đào tạo. Các hoạt động tư vấn, hỗ trợ và giám sát người học được triển khai đồng bộ, kịp thời. Các hoạt động tổng kết, đánh giá hiệu quả hỗ trợ người học hoàn thành chương trình đào tạo đúng thời hạn quy định.

*3. Điểm tồn tại*

- Chưa sử dụng phần mềm, các công cụ hỗ trợ thống kê và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc sinh viên chậm tốt nghiệp.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | - Phân tích, dự báo tỉ lệ tốt nghiệp, báo cáo về tiến độ học tập của sinh viên.  - Rà soát, điều chỉnh CTĐT phù hợp.  - Sử dụng công cụ hỗ trợ thống kê và phân tích nguyên nhân | - Trợ lý đào tạo  - Hội đồng đào tạo khoa  - Phòng Đào tạo | Từ năm 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tiếp tục theo dõi, giám sát chặt chẽ tình hình học tập của người học đảm bảo tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn. | - Trợ lý đào tạo  - Hội đồng đào tạo khoa  - Phòng Đào tạo | Từ năm 2024 |  |

*5. Tự đánh giá:*Mức đạt được của tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 11.3. Tỉ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường có bộ phận thống kê và lưu trữ danh sách NH tốt nghiệp có việc làm, vị trí làm việc, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác và được quy định trong chức năng nhiệm vụ các đơn vị [H11.11.03.01]. Về quy trình thống kê, lưu trữ, Trường Đại học Vinh xây dựng và ban hành quy trình khảo sát việc các bên liên quan, trong đó có quy trình khảo sát việc làm của người học sau khi tốt nghiệp theo từng năm [H11.11.03.02].

Nhà trường phân công các đơn vị: Trung tâm ĐBCL, Trung tâm DV,HTSV&QHDN và các Khoa/Viện  phối hợp theo dõi, liên hệ với người tốt nghiệp, giám sát tỉ lệ có việc làm, vị trí việc làm, mức thu nhập bình quân, đơn vị công tác, … của sinh viên tốt nghiệp hàng năm; Lập thống kê, theo dõi và báo cáo tổng hợp tình hình việc làm của sinh viên sau khi ra trường [H11.11.03.01]. Trường có cơ sở dữ liệu về thông tin sinh viên đã tốt nghiệp hàng năm, [H11.11.03.03]. Các thông tin này là cơ sở để Trường tiến hành khảo sát ý kiến của cựu sinh viên về cơ hội việc làm đã đạt được sau khóa học.

Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm của Trường và ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh thông qua nhiều hoạt động của Trường, trong đó Trung tâm DV,HTSV&QHDN được Nhà trường giao cho là đơn vị trực tiếp thực hiện, để hỗ trợ người học sau tốt nghiệp và có thông tin phản hồi nhằm cải tiến chất lượng [H11.11.03.01]. Đồng thời phân cấp đến Khoa/Viện chỉ đạo trực tiếp các bộ phận chức năng tiến hành thu thập thông tin việc làm của 100% SV sau khi ra trường trong vòng 6 tháng và 1 năm theo quy định. Trên cơ sở thực hiện đúng quy trình khảo sát, Nhà trường và ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh có số liệu tin cậy về tỉ lệ người học có việc làm trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp [H11.11.03.04].

Kết quả khảo sát là các bảng thống kê về số liệu về NH ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh làm việc đúng ngành đào tạo, khu vực làm việc, tiếp tục học, …được thể hiện ở *bảng 11.3.1.*

Qua kết quả khảo sát, có thể thấy tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh có việc chưa cao so với một số ngành trong trường, ở cả hai khu vực Nhà nước và tư nhân [H11.11.03.05].

*Bảng 11.3.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp ngành GDQP&AN*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm tốt nghiệp** | **Số lượng SV phản hồi** | **Số lượng SV TN có việc làm** | **Chưa có việc làm** | **Số lượng**  **tiếp tục học** | **Tỷ lệ (%)** | **Khu vực làm việc** | | | |
| ***Nhà nước*** | ***Tư nhân*** | ***Có yếu tố nước ngoài*** | ***Tự tạo việc làm*** |
| 2017 | 44 | 37 | 6 | 1 | 86.4 | 25 | 1 | 8 | 3 |
| 2018 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2019 | 21 | 15 | 6 | 0 | 71.4 | 7 | 3 | 5 | 0 |
| 2020 | 45 | 43 | 2 | 0 | 95.6 | 33 | 7 | 3 | 0 |
| 2021 | 18 | 11 | 6 | 1 | 66,7 | 5 | 4 | 1 | 1 |
| 2022 | 11 | 9 | 2 | 0 | 81,8 | 3 | 5 | 0 | 1 |

*Nguồn: Trung tâm QHDN&HTSV - trường Đại học Vinh*

Dựa trên kết quả khảo sát, Nhà trường tổ chức thực hiện đối sánh tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm giữa các CTĐT trong Trường với cùng hình thức đào tạo. Cụ thể, Trung tâm DV, HTSV&QHDN đã thống kê tỉ lệ người học tốt nghiệp có việc làm và có sự phân tích, đối sánh giữa các ngành đào tạo trong trường để có kế hoạch cải tiến CTĐT, dữ liệu đối sánh ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được thể hiện ở qua ***bảng biểu đối sánh***[H11.11.03.06]. Ngoài ra, ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh Trường Đại học Vinh cũng đã thực hiện đối sánh với cùng ngành với các cơ sở giáo dục khác và đươc thể hiện qua ***bảng biểu đối sánh*** [H11.11.03.07].

Bên cạnh hoạt động giám sát của Trường về người học sau tốt nghiệp, Khoa/ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh cũng đã thực hiện rất nhiều hoạt động để nắm bắt thông tin về cựu NH nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo của Khoa đáp ứng nhu cầu xã hội như: xây dựng cơ sở dữ liệu về người học sau tốt nghiệp; lập sổ tay nghiệp vụ tìm hiểu nguyên nhân người tốt nghiệp chưa có được việc làm [H11.11.03.08]. Trường còn thành lập Ban liên lạc cựu NH Trường Đại học Vinh để hỗ trợ Trung tâm DV, HTSV&QHDN trong việc khảo sát việc làm của NH tốt nghiệp [H11.11.03.09]. Trợ lý quản lý sinh viên của Khoa Giáo dục Quốc phòng bên cạnh chức năng quản lý người học đang theo học thì còn thực hiện việc kết nối và thống kê đối với người học sau tốt nghiệp [H11.11.03.10].

Trên cơ sở các dữ liệu, đối sánh đã được khảo sát ở trên, Trường đã tổ chức thảo luận, phân tích nguyên nhân, đề xuất các biện pháp khắc phục cũng như đã đề ra các giải pháp nhằm tăng tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm, hoặc tạo cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp,… như rà soát lại hiệu quả đào tạo, các CTĐT; Chủ động thiết lập các mỗi quan hệ hợp tác với các cơ quan, doanh nghiệp, các đơn vị sử dụng lao động, quan tâm kết nối sinh viên với các nhà tuyển dụng; Thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng tổ chức các diễn đàn tư vấn tuyển dụng, hội thảo nghề nghiệp, ngày hội việc làm cho sinh viên [H11.11.03.11]; Phối hợp giới thiệu việc làm cho cựu sinh viên theo nhu cầu của từng đơn vị tuyển dụng; Chú trọng triển khai các chương trình về việc làm bán thời gian cho sinh viên đang học tập tại trường; Ký kết hợp tác chiến lược với các đơn vị có nhu cầu sử dụng lao động lớn [H11.11.03.12]; Tổ chức các khoá học ngoại ngữ nhằm đáp ứng nhu cầu học ngoại ngữ của sinh viên; Triển khai các khoá bồi dưỡng về kỹ năng mềm… Tổ chức các hoạt động phát động sinh viên tham gia khởi nghiệp [H11.11.03.13].

*2. Điểm mạnh*

Trường đã có quy định về đơn vị chuyên trách và quy trình khảo sát tỉ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp cũng như hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp; có sự đối sánh tỉ lệ này giữa các ngành đào tạo trong Trường. Trường và Khoa cũng đã tổ chức nhiều hoạt động nhằm nâng cao tỉ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp.

*3. Điểm tồn tại*

Việc khảo sát nhu cầu của thị trường và khảo sát việc làm của sinh viên tốt nghiệp mới được chú trọng trong những năm gần đây. Trường vẫn chưa xây dựng được dữ liệu đối sánh trong nước/quốc tế về tỷ lệ có việc làm của người học tốt nghiệp cũng như báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về việc làm.

*4. Kế hoạch hành động*

| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | - Xây dựng cơ sở dữ liệu đối sánh tỉ lệ người học có việc làm sau tốt nghiệp với các cơ sở đào tạo trong nước, quốc tế  - Lập báo cáo đánh giá, dự đoán xu thế về việc làm theo từng năm. | Trung tâm DV, HTSV&QHDN, Khoa GDQP | Hàng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tận dụng những kinh nghiệm có được trên cơ sở khảo sát tỷ lệ người học có việc làm và các hoạt động tư vấn, hỗ trợ người học để liên tục đổi mới, cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy. | Trung tâm DV, HTSV&QHDN,  Phòng ĐT | Hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá:*Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 11.4. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

*1. Mô tả hiện trạng*

Bên cạnh hoạt động dạy và học, NCKH là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cơ bản và quan trọng trong trường Đại học, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo. NCKH giúp giảng viên và người học củng cố được kiến thức chuyên môn vừa có điều kiện phát triển kiến thức sâu rộng, liên ngành và chuyên ngành, gắn lý thuyết với thực tiễn. Hoạt động NCKH tại Trường Đại học Vinh được xem là một trong những hoạt động mũi nhọn trong việc nâng cao chất lượng dạy và học thể hiện qua chiến lược và kế hoạch trong từng giai đoạn, năm học của trường. Để thực hiện được nhiệm vụ NCKH, phát huy vai trò của NCKH trong đào tạo. Trường đại học Vinh đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của BGD&ĐT về lĩnh vực NCKH [H10.10.04.01]. Nhà trường đã ban hành các chiến lược và quy định về NCKH của giảng viên và người học [H11.11.04.02] [H11.11.04.03].

Trường Đại học Vinh có phòng KH&HTQT là bộ phận chuyên trách quản lý KHCN và HTQT tham mưu cho Nhà trường xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển KHCN phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ nhân lực hiện có cũng như với sứ mạng phát triển của Nhà trường [H11.11.04.04].

Loại hình và số lượng NCKH của người học được xác lập qua *bảng biểu 11.4.1* thông qua các hoạt động: *(i) Thực hiện đề tài NCKH thuộc lĩnh vực được ĐT và các lĩnh vực khác phù hợp với khả năng của NH; (ii) Tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học, sinh hoạt học thuật, CLB học thuật, hội thi sáng tạo, các giải thưởng KHCN ở trong, ngoài nước và các hình thức hoạt động KHCN khác của NH; (iii) Tham gia triển khai ứng dụng tiến bộ KHCN vào thực tiễn trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội, GD&ĐT; (iv) Công bố các kết quả NCKH* *của người học,…*

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được giám sát. Căn cứ vào nhiệm vụ trong quy định về quản lý các hoạt động KH&CN của Trường Đại học Vinh; Kế hoạch năm học của Nhà trường và của Khoa Giáo dục Quốc phòng hàng năm [H11.11.04.05], Nhà trường đã ban hành các văn bản về việc thực hiện và giám sát hoạt động nghiên cứu khoa học của người học [H11.11.04.03], [H11.11.04.06]. Số lượng, loại hình đề tài NCKH của Khoa và số lượng sinh viên tham gia NCKH của Khoa được Khoa Giáo dục Quốc phòng và Trường thống kê đầy đủ qua các năm [H11.11.04.07].

*Bảng 11.4.1. Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu*

*khoa học của sinh viên ngành GDQP-AN*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình NCKH** | **2019** | | **2020** | | **2021** | | **2022** | | **2023** | |
| ***SL*** | ***SL SV tham gia*** | ***SL*** | ***SL SV tham gia*** | ***SSL*** | ***SL SV tham gia*** | ***SL*** | ***SL SV tham gia*** | ***SL*** | ***SL SV tham gia*** |
| 1 | Đề tài  cấp Trường | 1 | 3 | 1 | 4 | 1 | 5 | 1 | 3 | 0 | 0 |
| 2 | Bài báo  được công bố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Giải thưởng  NCKH | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình nghiên cứu và các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học do các đơn vị chịu trách nhiệm gồm Phòng KH&HTQT, Phòng ĐT, Phòng KHTC, Ban chủ nhiệm, Hội đồng khoa học và đào tạo các Khoa/Viện bao gồm các nội dung: *Các quy định/hướng dẫn đề tài nghiên cứu, nguồn kinh phí đầu tư cho NCKH của NH; hồ sơ theo dõi tiến độ, đánh giá sản phẩm nghiên cứu, hỗ trợ, công bố, ...* Tiến độ các đề tài được quản lý, giám sát; NH phải báo cáo tiến độ từng giai đoạn nghiên cứu. Cụ thể, sau khi Nhà trường ban hành kế hoạch nghiên cứu khoa học của năm, các Khoa/viện triển khai đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học của người học và có trách nhiệm lựa chọn các đề tài phù hợp chuyên ngành và lĩnh vực đào tạo của Khoa. Dựa trên đề xuất của Khoa/viện, Nhà trường ra quyết định giao đề tài nghiên cứu và duyệt kinh phí cho người thực hiện đề tài. Phòng KH&HTQT có nhiệm vụ hướng dẫn, lập hồ sơ theo dõi tiến độ cũng như hỗ trợ người học trong thời gian thực hiện đề tài. Kết thúc thời gian thực hiện đề tài, Nhà trường thành lập hội đồng nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu các đề tài, những đề tài có chất lượng được khen thưởng và in thành kỷ yếu. Toàn bộ quá trình thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học đều được thông báo tới các cá nhân, đơn vị liên quan bằng văn bản, email, website của Nhà trường [H11.11.04.08].Hàng năm, Nhà trường dành một phần kinh phí cho hoạt động NCKH của người học, giao Phòng KH&HTQT chủ trì tham mưu và quản lí các hoạt động khoa học công nghệ toàn trường, trong đó có hoạt động NCKH của người học[H11.11.04.09].

Để nâng cao năng lực nghiên cứu, góp phần giúp sinh viên có kiến thức chuyên sâu, có động lực học tập, có khả năng sáng tạo và khắc phục khó khăn, Khoa Giáo dục Quốc phòng đã thực hiện công tác đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học của ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh với các ngành khác trong trường nhằm nâng cao chất lượng NCKH của người học và mở rộng hoạt động nghiên cứu NCKH của người học và được thể hiện qua ***bảng biểu đối sánh*** [H11.11.04.10].

Để nâng cao chất lượng NCKH của người học phù hợp với yêu cầu thực tiễn, xu thế phát triển và phù hợp với năng lực, nhu cầu người học. Nhà trường đã tiến hành đa dạng hoá loại hình, gia tăng số lượng và phê duyệt kinh phí ở mức độ khác nhau cho các công trình nghiên cứu khoa học của người học và giảng viên như: thành lập các nhóm nghiên cứu liên ngành, thành lập nhóm nghiên cứu mạnh,… Hàng năm, Nhà trường có tổ chức hội nghị khoa học với sự tham gia của các bên liên quan, các phòng chức năng, lãnh đạo Nhà trường và đặc biệt là đại diện các nhóm người học đã và sẽ tham gia nghiên cứu KH. Hội nghị tổng kết công tác NCKH của người học, đồng thời trao đổi và lắng nghe những chia sẻ, đóng góp từ người học và giáo viên hướng dẫn, đại diện lãnh đạo phòng KH&HTQT và từ đó cùng trao đổi giải pháp tháo gỡ khó khăn, nâng cao chất lượng và thu hút đông đảo người học tham gia NCKH**.** Bên cạnh việc tăng cường đối thoại với người học nhằm tìm kiếm giải pháp kịp thời nâng cao chất lượng NCKH. Đối với ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh có đội ngũ giảng viên với chuyên môn vững vàng, tham gia hướng dẫn sinh viên thực hiện tốt hoạt động NCKH, viết các tài liệu tham khảo, bài báo khoa học có sự tham gia của người học. Bên cạnh đó, Khoa Giáo dục Quốc phòng cũng thường xuyên tổ chức các tọa đàm, hội nghị, hội thảo khoa học với sự tham gia của các cán bộ, sinh viên trong Khoa và các chuyên gia [H11.11.04.11].

Trong những năm gần đây, các NCKH của người học thường hướng đến các vấn đề có tính thời sự, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Các nghiên cứu này vừa giúp người học nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học cũng như hiểu biết sâu hơn các hoạt động thực tiễn của bản thân trong tương lai. Từ hoạt động sinh viên NCKH, đã có nhiều sinh viên trưởng thành, tiếp tục con đường nghiên cứu,… [H11.11.04.12].

*2. Điểm mạnh*

Loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học đã được Nhà trường xác lập, theo dõi, giám sát. Bên cạnh đó, Khoa Giáo dục Quốc phòng cũng đã thực hiện việc đối sánh với các ngành khác trong cùng trường về hoạt động nghiên cứu khoa học của người học. Hàng năm, Khoa Giáo dục Quốc phòng có cơ chế khuyến khích NH tham gia NCKH thông qua các hoạt động hỗ trợ như: tổ chức buổi tư vấn đề tài nghiên cứu cho NH, giúp NH định hình hướng nghiên cứu, phân công giáo viên hướng dẫn NH thực hiện đề tài NCKH đạt chất lượng.

*3. Điểm tồn tại*

Tỷ lệ sinh viên ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh tham gia NCKH còn chưa cao. Chưa thường xuyên thực hiện đối sánh hoạt động NCKH của sinh viên với các CTĐT khác của các trường đại học khác trong và ngoài nước.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | - Tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách nhằm động viên, khích lệ sinh viên thực hiện các đề tài NCKH.  - Thường xuyên thực hiện đối sánh loại hình và số lượng hoạt động hàng năm của NH giữa cùng ngành học với các cơ sở đào tạo khác trong nước và ngoài nước. | Phòng KH&HTQT, Khoa GDQP | Từ năm 2024 |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | Tổ chức các nhóm NCKH gồm: GV và sinh viên và đổi mới cơ chế, chính sách động viên khích lệ NH thực hiện các đề tài NCKH. | Phòng KH&HTQT, Khoa GDQP | Từ năm 2024 |  |

*5. Tự đánh giá:*Mức đạt được của tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng

*1. Mô tả hiện trạng*

Nhà trường có Trung tâm ĐBCL là bộ phận chuyên trách về công tác ĐBCL, chịu trách nhiệm chính trong việc xây dựng quy trình, biểu mẫu và tổ chức các loại khảo sát ý kiến các bên liên quan, đánh giá chất lượng giáo dục trong nội bộ Nhà trường, giám sát việc sử dụng các kết quả khảo sát để cải tiến chất lượng Nhà trường. Bên cạnh Trung tâm ĐBCL, Phòng CTCT&HSSV, Trung tâm DV, HTSV&QHDN, Phòng Đào tạo, Trung tâm CNTT-Viện NC&ĐTTT, các bộ phận ĐBCL ở từng đơn vị chức năng (Phòng/Ban/Trung tâm) và các đơn vị đào tạo (Viện/Khoa/Trung tâm) cũng có trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ, thúc đẩy và triển khai công tác ĐBCL tại các đơn vị trong đó có công tác thu thập các ý kiến các bên liên quan để cải tiến chất lượng đơn vị [H11.11.05.01].

Trường đã ban hành quy định/quy trình khảo sát ý kiến phản hồi của các BLQ [H11.11.05.02]. Trong quy định này, việc khảo sát người học và cựu người học được giao cho Trung tâm ĐBCL chủ trì và phân nhiệm đến các đơn vị có liên quan tùy vào mục đích, yêu cầu, đối tượng, hình thức, nội dung khảo sát như: Phòng Phòng Đào tạo, Phòng CTCT&HSSV, Trung tâm DV, HTSV&QHDN, Trung tâm CNTT-Viện NC&ĐTTT, các Khoa/Viện đào tạo,…. Việc khảo sát ý kiến các bên liên quan được triển khai bằng nhiều phương pháp và công cụ khác nhau như: khảo sát online qua trang web của Nhà trường; khảo sát bằng phiếu hỏi; trao đổi trực tiếp qua các cuộc họp, hội thảo, gặp mặt; gián tiếp qua các trang thông tin mạng, điện thoại; …

Đối với sinh viên, Nhà trường tiến hành khảo sát các nội dung như: Khảo sát sinh viên về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát sinh viên sắp tốt nghiệp về khóa học; khảo sát sinh viên về học phần; khảo sát sinh viên về đội ngũ hỗ trợ, về CSVC các hoạt động của Nhà trường; khảo sát Giảng viên về CTĐT và hoạt động đào tạo; [H11.11.05.03]. Khảo sát cựu sinh viên về chương trình đào tạo; Khảo sát cựu sinh viên về việc làm; Đánh giá của Nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp và chương trình đào tạo [H11.11.05.04].

Tất cả các dữ liệu thu được sau các hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan này được Trung tâm ĐBCL và các đơn vị có liên quan thống kê, phân tích, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan (cán bộ nhân viên, GV, NH, NH đã tốt nghiệp, nhà tuyển dụng) về tất cả các hoạt động (như NCKH, dịch vụ hỗ trợ NH, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực, CTĐT và CĐR…), viết báo cáo tổng hợp các kết quả khảo sát và đề xuất các khuyến nghị hướng đến cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng và rút ra những bài học kinh nghiệm hướng tới điều chỉnh, cải tiến chất lượng quy trình, phương pháp khảo sát và chuyển đến các bên liên quan trong Trường nhằm mục tiêu không ngừng cải tiến chất lượng. Dữ liệu về kết quả khảo sát và đối sánh của ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh được thể hiện qua số liệu thống kê ở ***các bảng biểu***[H11.11.05.05].

Ngoài ra, định kỳ hàng năm Nhà trường có nhiều cơ chế và hình thức khác nhau để cán bộ và giảng viên được bày tỏ ý kiến đánh giá của mình về mọi mặt hoạt động của nhà trường và đơn vị, như: hội nghị viên chức đầu năm học, hội nghị tổng kết năm học và xây dựng kế hoạch năm học mới, các buổi sinh hoạt Khoa, các sinh hoạt chi bộ đảng, công đoàn,... được tổ chức thường xuyên và định kỳ [H11.11.05.06]. Kết quả lấy ý kiến phản ánh của cán bộ và giảng viên Nhà trường được tiếp thu và đưa vào các kế hoạch tháng, năm để điều chỉnh việc thực hiện một cách kịp thời.

Đối với các đối tác bên ngoài của Nhà trường và của Khoa Giáo dục Quốc phòng: một hệ thống trao đổi thông tin, tiếp nhận ý kiến được thiết lập qua văn bản, email, điện thoại, trao đổi trực tiếp. Đánh giá của phía nhà tuyển dụng, sử dụng lao động những năm qua chủ yếu là những ý kiến qua các cuộc họp mỗi kỳ thực tập, thực tế, hội nghị, hội thảo hay các buổi làm việc giữa Nhà trường với các đơn vị ngoài trường.

Việc khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan còn được thực hiện với tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục và đã được đánh giá để kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo bộ tiêu chuẩn mới của Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT và đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục [H11.11.05.07]. Từ năm 2018 đến nay, Nhà trường cũng đã có 25 CTĐT trình độ đại học và 05 CTĐT trình độ thạc sĩ đã được kiểm định chất lượng cấp CTĐT theo bộ tiêu chuẩn của Thông tư 04 của Bộ GD&ĐT và bộ tiêu chuẩn của AUN-QA, đã được cấp giấy chứng nhận đạt chuẩn chất lượng CTĐT [H11.11.05.08] . Nhà trường và các CTĐT này đã nhận được sự đánh giá cao của các đánh giá viên về chất lượng của các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường thực hiện việc đối sánh kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan giữa ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh với các ngành khác trong cùng trường theo từng học kì và năm học [H11.11.05.05]. Tuy nhiên, chưa có sự đối sánh với các ngành khác ở cơ sở giáo dục khác.

Kết quả khảo sát mức độ hài lòng và đối sánh của các bên liên quan được thông báo đến các đơn vị trong toàn trường và được sử dụng làm căn cứ để cải tiến chất lượng và điều chỉnh hoạt động của đơn vị trong các năm học kế tiếp [H11.11.05.09]. Ngoài việc căn cứ vào kết quả khảo sát các bên liên quan và đối sánh kết quả khảo sát, việc cải tiến chất lượng của Nhà trường về chương trình đào tạo, về NCKH, về phát triển đội ngũ, về cơ sở vật chất,…còn được thực hiện qua Kế hoạch cải tiến chất lượng cơ sở giáo dục sau đánh giá ngoài Cơ sở giáo dục của Trường Đại học Vinh, qua Kế hoạch cải tiến chất lượng các chương trình đào tạo sau đánh giá ngoài,… [H11.11.05.10].

*2. Điểm mạnh*

Nhà trường đã xác lập một hệ thống khảo sát ý kiến các bên liên quan với các quy trình, biểu mẫu rõ ràng, có bộ phận chịu trách nhiệm chính.

    Thông tin thu nhận được thực hiện bằng nhiều biện pháp khác nhau, có sự hỗ trợ của công nghệ đảm bảo sự tin cậy, khách quan và được thống kê, phân tích, đánh giá hàng năm.

    Các kết quả khảo sát thu được, được Khoa và Trường sử dụng để khai thác, xử lý, đối sánh làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, HV, cơ sở vật chất.

*3. Điểm tồn tại*

Việc khai thác và sử dụng hiệu quả các dữ liệu thu thập được từ kết quả đối sánh với các cơ sở giáo dục khác còn khá hạn chế.

*4. Kế hoạch hành động*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Mục tiêu** | **Nội dung** | **Đơn vị, người thực hiện** | **Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành** | **Ghi chú** |
| 1 | Khắc phục điểm tồn tại | Từ năm 2024, Nhà trường bổ sung vào Quy trình khảo sát ý kiến các bên liên quan nội dung yêu cầu các đơn vị khai thác và sử dụng hiệu quả các dữ liệu thu thập được từ kết quả đối sánh với các cơ sở giáo dục khác để có cơ sở thực tiễn xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động Nhà trường | Bộ phận ĐBCL/Phòng ĐT và Khoa/Viện | Hằng năm |  |
| 2 | Phát huy điểm mạnh | -Rà soát các quy trình, biểu mẫu khảo sát các bên liên quan.  -Tăng cường sự hỗ trợ của công nghệ thông tin đảm bảo sự tin cậy, khách quan và được thống kê, phân tích, đánh giá hàng năm.  -Sử dụng các kết quả khảo sát thu được để khai thác, xử lý, đối sánh làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, sinh viên, cơ sở vật chất. | Bộ phận ĐBCL/Phòng ĐTvà Khoa/Viện | Hàng năm |  |

*5. Tự đánh giá:*Mức đạt được của tiêu chí: Đạt 4/7.

**Kết luận tiêu chuẩn 11**

*Những điểm mạnh nổi bật của tiêu chuẩn:*

Nhà trường và Khoa Giáo dục Quốc phòng đã xây dựng một hệ thống quản lý tỷ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp của NH chặt chẽ và đồng bộ giữa các bộ phận trong Trường, có các biện pháp cải tiến kịp thời giúp giảm thiểu tỷ lệ thôi học, tăng tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn.

Hàng năm, Khoa Giáo dục Quốc phòng và Trường đã tiến hành thống kê, theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh một cách có hệ thống. Phân tích, đối sánh, tìm hiểu nguyên nhân để có nhiều biện pháp đa dạng nhằm hỗ trợ tích cực sinh viên tốt nghiệp đúng tiến độ.

   Nhà trường đã giao cho Trung tâm ĐBCL, Trung tâm DV, HTSV&QHDN và các Khoa/Viện điều tra thống kê, lưu giữ và phân tích thông tin về tình hình việc làm và thu nhập của NH tốt nghiệp.

     Có quy trình, biểu mẫu và hướng dẫn rõ ràng cùng với hệ thống khảo sát online giúp Nhà trường và Khoa Giáo dục Quốc phòng có được những số liệu đáng tin cậy. Có đối sánh và phân tích nguyên nhân đồng thời có nhiều phương án, tìm nhiều giải pháp hỗ trợ giúp sinh viên có những tiến bộ trong kiến thức và kỹ năng, những cải thiện về cơ hội việc làm đã đạt được sau khóa học.

Có xác lập được các hình thức nghiên cứu (trong quá trình học, đồ án) và số lượng các hoạt động NCKH cho NH tương thích với mục tiêu và CĐR của CTĐT. Có hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá hình thức nghiên cứu và các hoạt động NCKH của NH. Có các đề xuất, phê duyệt hướng nghiên cứu phù hợp với sự phát triển của ngành, phù hợp với khả năng của NH.

    Nhà trường đã xác lập một hệ thống khảo sát ý kiến các bên liên quan với các quy trình, biểu mẫu rõ ràng, có bộ phận chịu trách nhiệm chính. Thông tin thu nhận được thực hiện bằng nhiều biện pháp khác nhau, có sự hỗ trợ của công nghệ đảm bảo sự tin cậy, khách quan và được thống kê, phân tích, đánh giá hàng năm. Các kết quả khảo sát thu được, được Khoa Giáo dục Quốc phòng và Trường sử dụng để khai thác, xử lý, đối sánh làm cơ sở để cải tiến chất lượng đào tạo, NCKH, dịch vụ hỗ trợ GV, sinh viên, cơ sở vật chất.

*Những tồn tại cơ bản của tiêu chuẩn:*

Việc tìm kiếm dữ liệu về tỉ lệ tốt nghiệp, thôi học của các trường đại học khác để đối sánh với Ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh của Khoa gặp khó khăn vì vậy việc chọn đối tác để đối sánh chưa rộng và chưa sử dụng tối đa kết quả đối sánh để cải tiến.

Một số sinh viên ngành Giáo dục Quốc phòng-An ninh tốt nghiệp sau thời hạn đa số là do chậm tiến độ làm đồ án tốt nghiệp.

Chưa tiến hành đối sánh tỉ lệ có việc làm trong nước và quốc tế.

Chưa thực hiện đối sánh loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của NH giữa các cơ sở đào tạo khác nhau.

Việc khai thác và sử dụng hiệu quả các dữ liệu thu thập được từ kết quả đối sánh với các cơ sở giáo dục khác còn khá hạn chế.

# PHẦN III. KẾT LUẬN

Trung tâm GDQP&AN, trường Đại học Vinh đã triển khai Tự đánh giá CTĐT ngành KTĐK&TĐH theo bộ tiêu chuẩn ban hành kèm thông tư 04/2016/TT-BGDÐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT. Ý thức rõ tầm quan trọng của hoạt động này Nhà trường đã triển khai đồng bộ và có sự tham gia của tất cả thành viên Hội đồng tự đánh giá, phòng ban chức năng và Trung tâm GDQP&AN. Với mục đích của nhà trường trong lần tự đánh giá này là có được một bức tranh toàn cảnh được đánh giá chân thực về ngành đào tạo GDQP-AN, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng hướng tới đạt được yêu cầu đối với một trường đại học trọng điểm, một trung tâm lớn của quốc gia về đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, hoàn thành trọng trách đối với Đảng, Nhà nước, Bộ GD-ĐT và toàn xã hội.

Trong quá trình thực hiện, Nhà trường và Trung tâm GDQP&AN phụ trách ngành GDQP-AN đã nhận được sự đồng thuận cao từ cán bộ, SV của Nhà trường cũng như tất cả các bên liên quan. Quá trình thực hiện tự đánh giá theo đúng hướng dẫn quy định.

## 1. Những điểm mạnh và những điểm cần phát huy

- Trung tâm GDQP&AN đã xây dựng, định kì rà soát, bổ sung sứ mạng và mục tiêu cho các ngành đào tạo trong đó có ngành DQP-AN, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cung cấp cho khu vực Bắc Trung bộ và cả nước phù hợp với với chức năng, nhiệm vụ của Trường và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước cũng như của các tỉnh Bắc Trung bộ. Mục tiêu của CTĐT được xác định khá rõ ràng, có hướng đến đạt được sứ mạng và tầm nhìn thể hiện trong các văn bản chính thức của nhà trường vàcơ bản phản ảnh được yêu cầu của thị trường lao động. CTĐT có mục tiêu phù hợp với mục tiêu của GDĐH quy định tại Luật Giáo dục đại học. CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT. CĐR của CTĐT đã nêu được cụ thể kiến thức, kĩ năng và triển vọng việc làm trong tương lai. CĐR của CTĐT được xây dựng có sự tham gia và đóng góp ý kiến của các bên liên quan, được rà soát, điều chỉnh hàng năm và được công bố công khai, rộng rãi bằng các hình thức và phương tiện khác nhau.

- Bản mô tả CTĐT có đủ các nội dung, thông tin, được cập nhật và tích hợp những vấn đề mới nhất liên quan ít nhất 2 năm 1 lần. Tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT có đầy đủ thông tin. Đề cương môn học/học phần được định kỳ bổ sung/điều chỉnh/cập nhật, đặc biệt là cập nhật thông tin về nội dung các môn học/học phần, danh mục tài liệu hàng năm. Bản mô tả CTĐT cũng như tất cả đề cương các môn học/học phần trong CTĐT được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau và được công bố công khai bằng nhiều hình thức khác nhau.Các bên liên quan như cơ quan quản lí, nhà sử dụng lao động, giảng viên, người học, cựu người học... đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT và đề cương các môn học một cách dễ dàng và thuận tiện nhất.

- CTĐT ngành GDQP-AN được thiết kế dựa trên 2 khối kiến thức (khối kiến đại cương, khối kiến thức chuyên nghiệp). Chương trình được thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn của giáo viên GDQP-AN, được định kì rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và có sự tham gia của các bên liên quan. Các học phần trong CTĐT ngành GDQP-AN được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết sự phát triển và đánh giá CĐR, kỹ năng. Các học phần trong CTĐT ngành GDQP-AN có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT.

-Triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường được tuyên bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi cho các bên liên quan và người học nắm rõ trên hệ thống website của Nhà trường. Triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của nhà trường được tất cả cán bộ, giảng viên và người học của trường hiểu rõ và thực hiện thông qua việc thay đổi phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận CDIO từ khóa 58 của trường, và từ khóa 62 nhà trường triển khai dạy học theo đồ án một số học phần trong CTĐT và triển khai đánh giá kết quả học tập thông qua điểm đánh giá chuẩn đầu ra năng lực.

- Trung tâm GDQP&AN đã và đang quan tâm rất lớn đến việc học tập của sinh viên như việc thực hành, thực tế, thực tập tại các cơ quan, doanh nghiệp, trại sản xuất bên ngoài. Đội ngũ cán bộ, viên chức của Trung tâm GDQP&AN thường xuyên cập nhập, trau dồi kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm, đạo đức nhà giáo, phương pháp giáo dục đa dạng và phong phú, có nhiều nghiên cứu khoa học ứng dụng cao cho sự phát triển kinh tế, sản xuất nông nghiệp khu vực Bắc Trung bộ, có nhiều buổi sinh hoạt chuyên đề về đổi mới phương pháp giảng dạy tích cực, rút ra được những kinh nghiệm, nâng cao chất lượng dạy và học để đạt được CĐR của CTĐT.

- Các hoạt động dạy và học, các chương trình hoạt động của Trường và Trung tâm GDQP&AN đưa ra đã tạo động lực cho sinh viên ngành GDQP-AN rèn luyện các kỹ năng, giúp sinh viên có thói quen độc lập suy nghĩ, giải quyết vấn đề trong học tập, tự tin trong việc lựa chọn nghề nghiệp của mình. Giảng viên đã sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, thiết kế các hoạt động học tập trải nghiệm, thực hành, thực tế, thực tập tại cơ sở sản xuất, doanh nghiệp hàng đầu về ngành nghề nhằm rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và nâng cao khả năng học tập suốt đời.

- Việc đánh giá kết quả học tập của ngành GDQP-AN đảm bảo tính phù hợp với CĐR của học phần cũng như CĐR của CTĐT. Những kiến thức, kỹ năng cần thiết trong thực tiễn công việc được giảng dạy, kiểm tra, đánh giá và đồng thời có sự điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tiễn của người học sau khi tốt nghiệp. Kế hoạch và các quy định về kiểm tra đánh giá kết quả người học theo CTĐT ngành GDQP-AN rõ ràng, đúng kế hoạch và thông báo tới người học. Công tác đánh giá kết quả học tập của người học được thực hiện theo đúng quy trình. Phương pháp đánh giá, các quy trình đánh giá được thiết kế khoa học dựa theo CĐR, dựa trên các tiêu chí đánh giá theo tiếp cận năng lực nhằm đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và hướng tới sự công bằng.

- Công tác kế hoạch/quy hoạch cán bộ giảng viên được tiến hành bài bản, ngắn hạn và trung hạn nhằm chủ động về công tác cán bộ. Nhà trường luôn chú trọng công tác đo lường, giám sát cả về khối lượng lẫn chất lượng công việc của GV theo định kỳ, làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học phục vụ cộng đồng.

- Nhà trường đã ban hành các tiêu chí đánh giá cụ thể về năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên. Đồng thời, hoạt động đánh giá được tổ chức thường xuyên (hàng năm) dựa trên các tiêu chí có sẵn. Như vậy, năng lực đội ngũ giảng viên được xác định rõ ràng, nhất quán, công bằng. Việc thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng hoàn thiện và nâng cao về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lí có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp. Trung tâm GDQP&AN và Nhà trường đã có cơ chế hỗ trợ, khuyến khích GV tham gia các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ, thực tập sinh, các khóa đào tạo ngắn hạn (giảm giờ dạy, hỗ trợ kinh phí đào tạo….)

- Trường có quy hoạch đội ngũ nhân viên đáp ứng yêu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng, phù hợp với điều kiện phát triển của Nhà Trường; Trường có kế hoạch tuyển dụng và bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CBVC, NV theo từng năm, từng giai đoạn rõ ràng, cụ thể đáp ứng yêu cầu công việc. Quy chế về công tác cán bộ, quy định tuyển chọn viên chức, quy định bổ nhiệm của Nhà trường được xác định và phổ biến công khai. Đội ngũ nhân viên của Viện được tuyển dụng, bổ nhiệm theo đúng quy định về công tác cán bộ của Trường Đại học Vinh.

- Trường Đại học Vinh có bề dày kinh nghiệm tuyển sinh và công tác tuyển sinh của Nhà trường, Viện được thực hiện theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT; mục tiêu đào tạo được công khai các chính sách tuyển sinh ngành GDQP\_AN được xác định rõ ràng và cập nhật thường xuyên, cập nhật trên website và các phương tiện thông tinđại chúng tạo điều kiện thuận lợi cho thí sinh đăng ký xét tuyển có đầy đủ thông tin để lựa chọn ngành học. các hình thức quảng bá tuyển sinh phù hợp và hấp dẫn đối với thí sinh đã được công nhận trúng tuyển vào Trung tâm GDQP&AN.

- Hệ thống kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, được thực hiện nhiều lần, giúp GV, cố vấn học tập nắm bắt kịp thời sự tiến bộ trong học tập, rèn luyện của người học. Các hoạt động tư vấn học tập được Trung tâm GDQP&AN triển khai cụ thể và sát sao với quá trình học của sinh viên; bên cạnh đó các hoạt động thi đua và hoạt động ngoại khóa được sinh viên ngành GDQP-AN tham gia, hưởng ứng tích cực; giúp sinh viên phát huy được các kỹ năng, kiến thức và thái độ trong quá trình rèn luyện và học tập tại trường.

- Người học được học tập, NCKH và phát triển đầy đủ cả về thể chất cũng như tinh thần trong môi trường đào tạo thuận lợi về an ninh, an toàn, xanh, sạch đẹp. Có hệ thống thao trường, bãi tập, phòng thực hành luyện tập kỹ năng quân sự cho sinh viên ngành GDQP-AN, đủ số phòng học hiện đại, giảng đường lớn, các phòng chức năng phù hợp, phục vụ cho việc giảng dạy, đáp ứng yêu cầu đào tạo và NCKH của ngành GDQP-AN.

-Thư viện, cơ sở vật chất, vũ khí, trang bị, thiết bị của Trung tâm GDQP&AN Trường ĐH Vinh ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của công tác đào tạo ngành GDQP-AN và hoạt động NCKH. Thư viện của Trường được quản lí bằng phần mềm và mạng máy tính, Nhà trường đã xây dựng thư viện điện tử, người học ngành GDQP-AN có thể tra cứu tài liệu trực tuyến, truy cập và download cơ sở dữ liệu của Nhà trường, các thư viện trong và ngoài nước. Hệ thống mượn trả sách tự động 24/7 tạo điều kiện cho bạn đọc chủ động về thời gian.

- Hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường được trang bị đầy đủ, đồng bộ, duy tu sữa chữa và cập nhật thường xuyên đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của giảng viên và người học.

- Trường có bộ phận vệ sĩ và các biện pháp hữu hiệu để đảm bảo an ninh, trật tự, tài sản cho cán bộ, viên chức Nhà trường và cho người học, có hệ thống camera theo dõi tại các điểm trọng yếu trong khuôn viên Nhà trường tại các cơ sở.

- Trường có Trạm y tế đảm bảo về cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế và nhân lực đáp ứng yêu cầu về chăm sóc sức khỏe cho giảng viên và sinh viên ngành GDQP-AN nói riêng và toàn trường nói chung.

- Hoạt động lấy ý kiến sinh viên về quá trình đào tạo được triển khai rộng rãi hàng năm. Viện đã có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ sở thực tập và nhận được ý kiến phản hồi thường xuyên về công tác thực tập của sinh viên. Trường đã thực hiện hoạt động lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT bằng nhiều hình thức khác nhau. Nhà trường có sử dụng thông tin phản hồi để xây dựng và điều chỉnh CTĐT.

- Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các chuyên gia, các cán bộ quản lý, giảng viên, nhà tuyển dụng, cựu sinh viên và sinh viên. CTDH được thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh và cải tiến nhằm nâng cao chất lượng tính chủ động, sáng tạo của cả giảng viên và người học.

- Trường Đại học Vinh, Trung tâm GDQP&AN chủ trương tăng cường và thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn phương pháp giảng dạy cho các giảng viên của Trung tâm GDQP&AN đã tổ chức thao giảng, dự giờ thăm lớp của các giảng viên để góp ý nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy.

- Trung tâm GDQP&AN đã đẩy mạnh hoạt động NCKH, chủ động triển khai các hoạt động NCKH gắn kết với quá trình đào tạo. Hầu hết giảng viên tham gia hoặc chủ trì các đề tài NCKH các cấp, 100% đề tài hoàn thành đúng thời hạn, có nhiều đề tài có chất lượng khá, tốt và xuất sắc. Hàng năm, số bài báo công bố quốc tế của Khoa đều tăng. Đồng thời, thông qua hoạt động NCKH và phát triển công nghệ, năng lực của cán bộ, giảng viên được nâng cao.

- Trường có đơn vị chuyên trách về hoạt động hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp; tổ chức nhiều hoạt động hỗ trợ, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học..

- Các ý kiến phản biện từ các bên liên quan được Trung tâm GDQP&AN và Nhà trường nghiêm túc tiếp thu và thực hiện phân tích, đối sánh để có những đánh giá, điều chỉnh, bổ sung và cải tiến CTĐT và CĐR của ngành GDQP-AN.

**2. Những điểm tồn tại và những vấn đề cần cải tiến chất lượng của chương trình đào tạo**

- Việc khảo sát các bên liên quan về mục tiêu CTĐT còn hạn chế. Quá trình khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CĐR còn chưa thường xuyên đầy đủ.

- Quá trình cập nhật CTĐT có tham chiếu và đối sánh với các CTĐT trong nước chưa nhiều và thường xuyên, dữ liệu phản hồi từ các bên liên quan làm cơ sở cho việc cập nhật chưa thực sự phong phú. Việc tiếp nhận và phản hồi thông tin về bản mô tả CTĐT của các bên liên quan như nhà quản lý, doanh nghiệp vẫn chưa thực sự được chú ý và quan tâm để góp ý cho cải tiến CTĐT.

- Do CTDH mới được xây dựng theo tiếp cận năng lực (CDIO) từ khóa 62 nên vẫn còn có sự chồng chéo về kiến thức một số môn để đáp ứng CĐR. Một số môn học phục vụ đánh giá cho quá nhiều CĐR và cũng có một số CĐR có ít môn học đảm nhận đánh giá.

- Công tác quảng bá, truyền thông về triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường, của Trung tâm GDQP&AN đôi khi chưa hiệu quả tới các bên liên quan. Sinh viên tham gia vào quá trình học còn có thói quen học tập theo tiếp cận nội dung thay vì tiếp cận năng lực, đây là điểm cần hoàn thiện và cải tiến hơn nữa về phương pháp dạy và học.

- Chưa tổ chức khảo sát và đánh giá một cách toàn diện về việc áp dụng các loại hình kiểm tra, đánh giá đối với từng học phần để có thể phân tích mức độ phù hợp với đặc thù từng ngành học.

- Việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao năng lực ngoại ngữ cho cán bộ giảng viên, nghiên cứu khoa học ứng dụng thực tiễn vùng miền còn chưa thực sự có hiệu quả.

- Nhà trường, Trung tâm GDQP&AN chưa thực sự mô tả cụ thể vị trí việc làm; rà soát tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc và tăng cường bồi dưỡng kỹ năng mềm cho đội ngũ nhân viên.

- Trường Đại học Vinh, Trung tâm GDQP&AN cần tăng cường triển khai nhiều hoạt động cho cán bộ, giảng viên, sinh viên tại cơ sở 2 của Nhà trường.

- Hệ thống thiết bị, máy móc, dụng cụ thực hành thí nghiệm cần bổ sung, sữa chữa thường xuyên; số lượng các tạp chí ISI, Scopus ở thư viện chưa nhiều, đường truyền mạng internet chưa đủ nhanh tại một số thời điểm đăng ký học.

- Một số hình thức lấy ý kiến phản hồi chưa được đánh giá, phân tích về mực độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin. Một số người học chưa ý thức được trách nhiệm, quyền lợi của mình khi thực hiện lấy ý kiến người học nên chưa thực hiện (hoặc thực hiện với tư tưởng đối phó).

- Trường và Trung tâm GDQP&AN chưa có một kế hoạch tổng thể để phân tích cả chu kỳ cải tiến chất lượng, chưa có phân tích dự báo tỷ lệ SV thôi học của ngành sát thực tế để có chính sách hỗ trợ phù hợp. Một số sinh viên chưa chủ động lập kế hoạch học tập của cá nhân, nhất là điều kiện để đạt CĐR ngoại ngữ B1. Tỷ lệ sinh viên tham gia NCKH chưa cao, chưa tương xứng với tiềm năng của ngành.

## 3. Tóm tắt các kế hoạch cải tiến chất lượng

Khắc phục những tồn tại ở trên nhằm cải tiến chất lượng CTĐT ngành GDQP-AN thì cần thiết phải thực hiện một số nội dung sau:

-Tiến hành khảo sát các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT một cách rộng rãi, toàn diện hơn đối với các bên liên quan.

- Lấy ý kiến phản hồi thường xuyên và đầy đủ các bên liên quan về CTĐT, CĐR, bản mô tả để xây dựng báo cáo phân tích dữ liệu phục vụ rà soát, điều chỉnh CTĐT.

- Thường xuyên cập nhật các chương trình tiên tiến ở trong và ngoài nước và chỉnh sửa bổ sung các học phần trong CTĐT cần có sự tham gia của các bên liên quan;

- Thường xuyên điều chỉnh, cập nhật đề cương học phần để đảm bảo tính thống nhất, đầy đủ của bản đề cương nhằm cải tiến chất lượng;

- Triển khai hoạt động xây dựng và đánh giá học phần theo chuẩn đầu ra năng lực, đề xuất giải pháp cải tiến thích hợp.

- Cần tổ chức các buổi tập huấn, hội nghị/hội thảo, tọa đàm về phương pháp giảng dạy và học tập cho giảng viên, SV;

- Tăng cường cơ sở hạ tầng, hệ thống mạng đảm bảo thuận lợi cho giảng viên, sinh viên tra cứu, phản hồi trong giảng dạy, học tập, nghiên cứu;

- Nghiên cứu xây dựng cơ chế chính sách hỗ trợ thu nhập cho đội ngũ nhân viên theo vị trí việc làm, đặc biệt là cán bộ làm ở các cơ sở 2 của Nhà trường.

- Cần thường xuyên có sự công khai quy hoạch các vị trí việc làm trong toàn trường để có tạo điều kiện cho các cán bộ có sự phát triển năng lực hướng tới.

- Thực hiện đối sánh tỉ lệ tốt nghiệp và tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỉ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. Phân tích dự báo, báo cáo tiến độ học tập của SV ngành GDQP-AN

- Tiếp tục đầu tư xây dựng thêm hệ thống thao trường, bãi tập, mua sắm thêm các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động học tập, rèn luyện các kiến thức kỹ năng quân sự cho sinh viên ngành GDQP-AN.

- Tăng cường khảo sát sự hài lòng đối với nhà sử dụng lao động và cựu sinh viên, thực hiện thống kê, phân tích và báo cáo các kết quả khảo sát cho Trung tâm GDQP&AN, các đơn vị liên quan để nâng cao chất lượng.

## 4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT

*Nghệ An, ngày 30 tháng 6 năm 2024*

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS. TS. Nguyễn Huy Bằng**

**Phụ lục 6a. Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo**

*(Theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, Thông tư số 02/2020/TT-BGDĐT, Thông tư số 39/2020/TT-BGDĐT)*

Tên cơ sở giáo dục: Trường Đại học Vinh

Mã: TDV

Tên CTĐT: Giáo dục Quốc phòng – An ninh

Mã CTĐT: 7140208

| **Tiêu chuẩn, tiêu chí** | **Thang đánh giá** | | | | | | | **Tổng hợp theo tiêu chuẩn** | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chưa đạt | | | Đạt | | | | Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%) |
| □ | □ | □ | □ | □ | □ | □ |  |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 1*** |  | | | | | | | 5,00 | 3 | 100% |
| Tiêu chí 1.1 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 1.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 1.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 2*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5,00 | 3 | 100% |
| Tiêu chí 2.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 2.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 3*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 4,33 | 3 | 100% |
| Tiêu chí 3.2 |  |  |  | 4 |  |  |  |
| Tiêu chí 3.3 |  |  |  | 4 |  |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 4*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5,00 | 3 | 100% |
| Tiêu chí 4.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 4.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 5*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 4,60 | 5 | 100% |
| Tiêu chí 5.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 5.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 5.4 |  |  |  | 4 |  |  |  |
| Tiêu chí 5.5 |  |  |  | 4 |  |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 6*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 6.1 |  |  |  |  | 4 |  |  | 4,43 | 7 | 100% |
| Tiêu chí 6.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 6.3 |  |  |  | 4 |  |  |  |
| Tiêu chí 6.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 6.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 6.6 |  |  |  | 4 |  |  |  |
| Tiêu chí 6.7 |  |  |  | 4 |  |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 7*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 7.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 5,00 | 5 | 100% |
| Tiêu chí 7.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 7.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 7.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 7.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 8*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 8.1 |  |  |  | 4 |  |  |  | 4,60 | 5 | 100% |
| Tiêu chí 8.2 |  |  |  | 4 |  |  |  |
| Tiêu chí 8.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 8.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 8.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 9*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tiêu chí 9.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 4,80 | 5 | 100% |
| Tiêu chí 9.2 |  |  |  | 4 |  |  |  |
| Tiêu chí 9.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 9.4 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 9.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 10*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 10.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 4,67 | 6 | 100% |
| Tiêu chí 10.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 10.3 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 10.4 |  |  |  | 4 |  |  |  |
| Tiêu chí 10.5 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 10.6 |  |  |  | 4 |  |  |  |
| ***Tiêu chuẩn 11*** |  | | | | | | |  |  |  |
| Tiêu chí 11.1 |  |  |  |  | 5 |  |  | 4,40 | 5 | 100% |
| Tiêu chí 11.2 |  |  |  |  | 5 |  |  |
| Tiêu chí 11.3 |  |  |  | 4 |  |  |  |
| Tiêu chí 11.4 |  |  |  | 4 |  |  |  |
| Tiêu chí 11.5 |  |  |  | 4 |  |  |  |
| **Đánh giá chung CTĐT** | | | | | | | | **4,68** | **50** | **100%** |

*Nghệ An, ngày 30 tháng 6 năm 2024*

**HIỆU TRƯỞNG**

**GS. TS. Nguyễn Huy Bằng**

# 

# PHẦN IV. PHỤ LỤC

CƠ SỞ DỮ LIỆU

KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Thời điểm báo cáo: tính đến 30/6/2024

**I.Thông tin chung về cơ sở giáo dục**

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

* Tiếng Việt: Trường Đại học Vinh
* Tiếng Anh: Vinh University

1. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

* Tiếng Việt: TDV
* Tiếng Anh: VinhUni

1. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Vinh
2. Cơ quan/Bộ chủ quản: Bộ GD&ĐT
3. Địa chỉ: 182 Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
4. Thông tin liên hệ: Điện thoại 0238 3855 452 (số máy lẻ 238) Số fax: 038 3855 269
5. E-mail: vinhuni@vinhuni.edu.vn Website: [www.vinhuni.edu.vn](http://www.vinhuni.edu.vn)
6. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 1959
7. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1959
8. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1961
9. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập  Bán công  Dân lập  Tư thục

**II.Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Vinh (Trung tâm GDQP&AN) là đơn vị trực thuộc Trường Đại học Vinh, được thành lập theo Quyết định số 2685/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 13/6/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tên gọi: Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Vinh.

Tên tiếng Anh: Vinh University Center for National Defense and Security Education.

Tên giao dịch: Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh Trường Đại học Vinh.

Địa chỉ: Xã Nghi Ân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 038.3563332; Fax: 038.3855269;

Email: ttgdqpanvinh@vinhuni.edu.vn

Website: http://www.vinhuni.edu.vn

**III. Giới thiệu khái quát về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

Ngày 13/6/2003, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 2685/QĐ-BGD&ĐT-TCCB thành lập Trung tâm Giáo dục quốc phòng Vinh trên cơ sở Quyết định số 07/2003/QĐ-TTg ngày 9/01/2003 của Thủ tướng chính phủ phê duyệt hệ thống Trung tâm Giáo dục Quốc phòng sinh viên giai đoạn 2001 - 2010. Tiền thân của Trung tâm Giáo dục quốc phòng Vinh là Khoa Quân sự Trường Đại học Vinh, được thành lập ngày 06/06/1983 trên cơ sở Tổ Quân sự của Trường Đại học Vinh.

Ngày 15/02/2017, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 435/QĐ-BGDĐT đổi tên Trung tâm Giáo dục quốc phòng Vinh thành Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Vinh.

**Cơ cấu tổ chức của Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh Trường Đại học Vinh bao gồm:**

- Ban giám đốc

- Hội đồng Khoa học và Đào tạo

- Hội đồng Thi đua, Khen thưởng

- Khoa Giáo dục quốc phòng:

+ Tổ Đường lối quân sự

+ Tổ Kỹ - Chiến thuật

- Tổ Đào tạo và Quản lý sinh viên gồm:

+ Trợ lý đào tạo

+ Cán bộ khung quản lý sinh viên.

- Tổ Hành chính, Tổ chức:

+ Tổ trưởng

+ Nhân viên văn phòng, QLSV, y tế.

- Tổ Hậu cần, Kỹ thuật, Tài chính:

+ Tổ trưởng

+ Nhân viên thủ kho, kế toán, điện - nước, bảo vệ.

- Tổ chức Đảng và các đoàn thể.

+ Chi bộ Trung tâm trực thuộc Đảng uỷ Trường Đại học Vinh có 18 đảng viên, Chi uỷ gồm 3 đồng chí

+ Công đoàn bộ phận Trung tâm trực thuộc Công đoàn Trường Đại học Vinh có 18 đoàn viên.

+ Liên chi đoàn Trung tâm trực thuộc Đoàn Trường Đại học Vinh, Liên chi hội sinh viên Trung tâm thuộc Hội Sinh viên Trường Đại học Vinh.

Tổng số giảng viên của Trung tâm hiện có 19 người, trong đó:

- Giảng viên là Sĩ quan biệt phái gồm 8 người: trong đó Thượng tá: 02; Trung tá: 05; Thiếu tá: 01 (Theo Quyết định số 237/QĐ-TL của Tư lệnh Quân khu 4)

- Giảng viên được Trường Đại học Vinh tuyển dụng gồm 10 người: trong đó 9 người được đào tạo tại Trường Đại học Vinh và 1 người được đào tạo tại Trường Sĩ quan Lục quân 1.

Về trình độ đào tạo, giảng viên của Trung tâm có 1 tiến sĩ, 11 thạc sĩ và 6 cử nhân.

Tổng số cán bộ của Trung tâm hiện nay gồm có 19 người, trong đó có 18 giảng viên; 01 cán bộ hành chính

**Một số kết quả thực hiện nhiệm vụ đào tạo giáo viên, giảng viên GDQP-AN**

Trung tâm GDQP&AN hiện nay, trước đây là khoa GDQP của Trường ĐH vinh là 1 trong những đơn vị đầu tiên được Bộ GD&ĐT giao nhiệm vụ đào tạo GV GDQP, bắt đầu từ đào tạo cấp chứng chỉ GVGDQP (6 tháng) theo chỉ thị số 08/2002/CT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 20 tháng 3 năm 2002. Từ năm 2002 đến 2014 đã tổ chức đào tạo và cấp chứng chỉ 18 khoá giáo viên GDQP-AN hệ ngắn hạn, với tổng số 1.102 giáo viên được đào tạo; trong đó Nghệ An có 241 người, Thanh Hoá có 234 người, Quảng Bình có 112 người; Hà Tĩnh có 98 người; số còn lại là các địa phương khác.

Năm 2004 Nhà trường mở mã ngành đào tạo ghép môn Cử nhân s­ư phạm Giáo dục thể chất-Giáo dục quốc phòng; Giáo dục chính trị-Giáo dục quốc phòng. Cho đến nay nhà trường đã tuyển sinh đào tạo và tốt ngiệp ra trường 354 sinh viên.

Từ năm 2011 bằng sự nỗ lực cố gắng nhà trường đã xây dựng chương trình và được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép mở mã ngành đào tao Cử nhân sư phạm ngành GDQP-AN -4 năm (là trường đầu tiên trong cả nước có mã ngành này).

Thực hiện Quyết định số 472/QĐ-TTg ngày 12/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo giáo viên GDQP-AN cho các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp và trung cấp nghề giai đoạn 2010-2016”; và Công văn số 1801/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 05 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cử giáo viên đi đào tạo Văn bằng 2 GDQP-AN;

Bắt đầu từ Năm học 2013-2014 Trường Đại học Vinh đã tiến hành tuyển sinh đào tạo Văn bằng 2 GDQP-AN từ các đối tượng theo quy định trên địa bàn được phân công, đến nay nhà trường đã tuyển sinh đào tạo được 3 khóa với 145 SV. Hiện nay, đã có 2 khóa với 123 sinh viên tốt nghiệp ra trường, trong đó: Sở GD & ĐT Nghệ An: 20 người; Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Tĩnh: 25 người; Sở Giáo dục và Đào tạo Nam Định: 42 người; ĐHTDTT Đà Nẵng: 02 người; ĐH Hồng Đức:1 người; ĐH Kinh tế Nghệ An: 2 người; CĐSP Nghệ An: 2 người và Quảng Ngãi: 1 người;

Đối với đào tạo Đại học chính quy ngành GDQP-AN hệ 4 năm, đến nay Trung tâm GDQP&AN Trường ĐH Vinh đã tuyển sinh đào tạo 11 khóa. Từ năm 2021 dưới sự chỉ đạo của nhà trường Trung tâm GDQP&AN thành lập nhóm nghiên cứu đề tài trong điểm cấp Trường tiến hành nghiên cứu đề tài “Nghiên cứu đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá CTĐT ngành Giáo dục quốc phòng - an ninh theo tiếp cận CDIO” và đào tạo theo tiếp cận CDIO đã được áp dụng giảng dạy từ khóa tuyển sinh khóa 62 của ngành GDQP-AN

23. Cơ cấu tổ chức hành chính của cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT

**SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

Diagram

Description automatically generated

**SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC**

**BAN GĐ TRUNG TÂM**

**(Giám đốc và các phó giám đốc)**

Khoa GDQP

Tổ **Đường lối quân sự**

Tổ

**Kỹ - Chiến thuật**

Tổ

**Đào tạo và QLSV**

Tổ

**Hành chính- Tổ chức**

Tổ

**Hậu cần, Tài chính, Kỹ thuật**

**Các lớp sinh viên chuyên ngành GDQP-AN**

**Các Đại đội sinh viên học GDQP&AN, BDKTQPAN**

**TRUNG TÂM GDQP&AN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**

24. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT

(*Riêng Ban lãnh đạo đơn vị thực hiện CTĐT ghi đầy đủ cả cấp trưởng, phó, còn lại các bộ phận khác chỉ ghi cấp trưởng*).

| TT | **Các bộ phận** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Học vị, chức danh, chức vụ** | **Điện thoại** | **Email** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| I. | **Ban lãnh đạo Trường Đại học Vinh** | | | | | |
| 1 | Chủ tịch HĐ Trường | Nguyễn Ngọc Hiền | 1975 | TS | 091359796 | [hiennn@vinhuni.edu.vn](mailto:hiennn@vinhuni.edu.vn) |
| 2 | Hiệu trưởng | Nguyễn Huy Bằng | 1977 | GS.TS | 0383733888 | [bangnh@vinhuni.edu.vn](mailto:bangnh@vinhuni.edu.vn) |
| 3 | Phó Hiệu trưởng | Trần Bá Tiến | 1972 | PGS.TS | 0943299777 | [tientb@vinhuni.edu.vn](mailto:tientb@vinhuni.edu.vn) |
| 4 | Phó Hiệu trưởng | Nguyễn Thị Thu Cúc | 1978 | PGS.TS | 0238.3855452 | cucntt@vinhuni.edu.vn |
| 5 | Chủ tịch Công đoàn | Phạm Thị Bình | 1971 | TS | 0983551387 | [binhpt@vinhuni.edu.vn](mailto:binhpt@vinhuni.edu.vn) |
| II | **Trung tâm GDQP&AN** |  |  |  |  |  |
| II.1 | **Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị** |  |  |  |  |  |
| 1 | Giám đốc TT | Nguyễn Huy Bằng | 1977 | GS.TS | 0383733888 | [bangnh@vinhuni.edu.vn](mailto:bangnh@vinhuni.edu.vn) |
| 2 | Phó Giám đốc TT- Trưởng khoa GDQP | Trần Văn Thông | 1973 | Thượng tá ThS | 0989640989 | [thongtv@vinhuni.edu.vn](mailto:thongtv@vinhuni.edu.vn) |
| 3 | Phó Trưởng khoa GDQP | Nguyễn Đình Lưu | 1975 | Thượng tá ThS | 0986608954 | [luund@vinhuni.edu.vn](mailto:luund@vinhuni.edu.vn) |
| II.2 | **Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội** | | | | | |
| 1 | Bí thư Chi bộ | Trần Văn Thông | 1973 | Thượng tá ThS | 0989640989 | [thongtv@vinhuni.edu.vn](mailto:thongtv@vinhuni.edu.vn) |
| 2 | CT Công đoàn | Nguyễn Thế Tiến | 1989 | ThS | 0972195710 | [tiennt@vinhuni.edu.vn](mailto:tiennt@vinhuni.edu.vn) |
| 3 | Liên chi đoàn | Nguyễn Minh Quyết | 1991 | ThS, Bí thư Đoàn | 0987257019 | [quyetnm@vinhuni.edu.vn](mailto:quyetnm@vinhuni.edu.vn) |
| 4 | Liên chi hội SV | Cao Viết Toàn | 2001 | LCH trưởng | 0398043308 | caoviettoan@gmail.com |
| **II.3** | **Trợ lý, Trưởng Bộ môn** | | | | | |
| 1 | Trợ lý đào tạo | Nguyễn Đình Phi | 1986 | ThS | 0973672683 | [phind@vinhuni.edu.vn](mailto:phind@vinhuni.edu.vn) |
| 2 | Trợ lý QLSV – Văn phòng Viện | Đinh Thị Hải | 1995 | ThS | 0394962557 | [haidt@vinhuni.edu.vn](mailto:haidt@vinhuni.edu.vn) |
| 3 | Trợ lý ĐBCL | Trần Văn Long | 1989 | ThS | 0349744645 | [longtv@vinhuni.edu.vn](mailto:longtv@vinhuni.edu.vn) |
| 4 | Trưởng bộ môn | Lê Duy Hiếu | 1987 | ThS | 0977150397 | [hieuld@vinhuni.edu.vn](mailto:hieuld@vinhuni.edu.vn) |
| 5 | Trưởng bộ môn | Phạm Thế Dũng | 1975 | Trung tá CN | 0988823518 | [dungnt@vinhuni.edu.vn](mailto:dungnt@vinhuni.edu.vn) |

25. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (Trung tâm GDQP&AN): 1 chuyên ngành đào tạo trong đó có 01 chuyên ngành đào tạo đại học (GDQP-AN)

26. Số lượng chuyên ngành đào tạo tiến sĩ: 0

27. Số lượng chuyên ngành đào tạo thạc sĩ: 0

28. Số lượng ngành đào tạo ĐH: 01

29. Số lượng ngành đào tạo cao đẳng: 0

30. Số lượng ngành (chuyên ngành) đào tạo khác (đề nghị nêu rõ): 0

31. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

Có Không

Chính quy  

Không chính quy  

Từ xa  

Liên kết đào tạo với nước ngoài  

Liên kết đào tạo trong nước  

32. Tổng số các ngành đào tạo : 1

**IV.Cán bộ, giảng viên, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

33. Thống kê số lượng cán bộ, GV và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phân loại** | **Nam** | **Nữ** | **Tổng số** |
| I | Cán bộ cơ hữu[[1]](#footnote-1)  *Trong đó:* | 16 | 3 | 19 |
| I.1 | Cán bộ trong biên chế | 8 | 2 | 10 |
| I.2 | Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn | 8 | 0 | 8 |
| II | Các cán bộ khác  Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng[[2]](#footnote-2)) | 0 | 1 | 1 |
|  | **Tổng số** | **14** | **3** | **19** |

*(Đơn vị thực hiện CTĐT cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ của đơn vị, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin trên).*

34. Thống kê, phân loại giảng viên

| **TT** | **Trình độ, học vị, chức danh** | **Số lượng GV** | **Giảng viên cơ hữu** | | | **GV thỉnh giảng trong nước** | **GV quốc tế** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy** | **GV hợp đồng dài hạn[[3]](#footnote-3) trực tiếp giảng dạy** | **GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** | **(8)** |
| 1 | Giáo sư, Viện sĩ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Phó Giáo sư | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Tiến sĩ khoa học | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tiến sĩ | 1 | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Thạc sĩ | 11 | 9 | 0 | 2 | 0 | 0 |
| 6 | Đại học | 6 | 6 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7 | Cao đẳng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8 | Trình độ khác | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | **Tổng số** | **18** | **16** | **0** | **2** | **0** | **0** |

*(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những GV vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)*

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) - cột (8) = 18 người

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 18/18 = 94,73%

35. Quy đổi số lượng giảng viên của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (nếu đơn vị có giảng viên có trình độ TSKH nhưng không có học hàm thì tính ngang với Phó Giáo sư theo thứ tự như cột 3 trong bảng 32).

Số liệu bảng 32 được lấy từ bảng 31 nhân với hệ số quy đổi (*Ví dụ đối với trường đại học, học viện)*.

| **TT** | **Trình độ, học vị, chức danh** | **Hệ số quy đổi** | **Số lượng GV** | **GV cơ hữu** | | | **GV thỉnh giảng** | **GV quốc tế** | **GV quy đổi** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy** | **GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy** | **GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý** |
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** | **(8)** | **(9)** | **(10)** |
|  | Hệ số quy đổi |  |  | 1,0 | 1,0 | 0,3 | 0,2 | 0,2 |  |
| 1 | Giáo sư, Viện sĩ | 5,0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | 0 | 0 |
| 2 | Phó Giáo sư | 3,0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | 0 | 0 |
| 3 | Tiến sĩ khoa học | 3,0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  | 0 | 0 |
| 4 | Tiến sĩ | 2 | 1 | 1 | 0 | 0 |  | 0 | 2 |
| 5 | Thạc sĩ | 1 | 11 | 9 | 0 | 2 | 1 | 0 | 9,8 |
| 6 | Đại học | 0,5 | 6 | 6 | 0 | 0 |  | 0 | 3 |
|  | Tổng |  | **18** | **16** | **0** | **2** | **1** | **0** | **14,8** |

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\*cột 8 + 0,2\*cột 9)

36. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

| **TT** | **Trình độ/học vị** | **Số lượng** | **Tỷ lệ**  **(%)** | **Phân loại theo giới tính (ng)** | | **Phân loại theo tuổi (người)** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nam** | **Nữ** | **< 30** | **30-40** | **41-50** | **51-60** | **> 60** |
| 1 | Giáo sư, Viện sĩ | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** | **0** |
| 2 | Phó Giáo sư | ... | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Tiến sĩ khoa học | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| 4 | Tiến sĩ | 1 | 5,6 | ... | 1 |  |  | 1 | 0 | 0 |
| 5 | Thạc sĩ | 11 | 61,1 | 9 | 2 |  | 9 | 2 | 0 | 0 |
| 6 | Đại học | 6 | 33,3 | 6 | ... |  | 0 | 6 | 0 | 0 |
|  | **Tổng** | **18** | **100** | **15** | **3** |  | **9** | **9** | **0** | **0** |

36.1. Tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: **38 tuổi**

36.2. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **5,56%**

36.3. Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **66,67%**

37. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tần suất sử dụng** | **Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học** | |
| **Ngoại ngữ** | **Tin học** |
| 1 | Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc) | 0 | 0 |
| 2 | Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc) | 0 | 80 |
| 3 | Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc) | 0 | 20 |
| 4 | Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc) | 0 | 0 |
| 5 | Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc) | 100 | 0 |
|  | **Tổng** | **100** | **100** |

1. **Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)**

38. Người học bao gồm học sinh, sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh.

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

| **Năm học** | **Số thí sinh đăng ký vào CTĐT**  **(người)** | **Số  trúng tuyển**  **(người)** | **Tỷ lệ cạnh tranh** | **Số nhập học thực tế**  **(người)** | **Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm** | **Điểm trung bình của SV được tuyển** | **Số lượng SV quốc tế nhập học (người)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2017-2018 | 52 | 25 | 0,48/1 | 19 | 15,5 | 17,5 | 2 |
| 2018-2019 | 68 | 25 | 0,37/1 | 14 | 17 | 20,6 | 0 |
| 2019-2020 | 48 | 20 | 0,41/1 | 10 | 18 | 21,5 | 0 |
| 2020-2021 | 55 | 20 | 0,36/1 | 8 | 18,5 | 21,2 | 0 |
| 2021-2022 | 82 | 42 | 0,51/1 | 35 | 19 | 22,1 | 0 |
| 2022-2023 | 100 | 35 | 0,35/1 | 25 | 19 | 21,5 | 0 |
| 2023-2024 | 96 | 22 | 0,23/1 | 12 | 25,5 | 25,8 | 0 |

39. Thống kê, phân loại số lượng người học theo học CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

*Đơn vị: người*

| **Các tiêu chí** | **2019-2020** | **2020-2021** | **2021- 2022** | **2022- 2023** | **2023- 2024** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. Nghiên cứu sinh | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2. Học viên cao học | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3. SV đại học  Trong đó: | 141 | 120 | 201 | 233 | 183 |
| Hệ chính quy (***tính tất cả các khóa đang học tập trong 1 năm***) | 67 | 51 | 68 | 78 | 80 |
| Hệ không chính quy | 74 | 69 | 133 | 155 | 103 |
| 4. SV cao đẳng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6. Khác… | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

40. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

| **Các tiêu chí** | **Năm học** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2019-2020** | **2020-2021** | **2021- 2022** | **2022- 2023** | **2023- 2024** |
| Số lượng (người) | 2 | 2 | 2 | 2 | 0 |
| Tỷ lệ (%) trên tổng số người học | 3,17% | 2,56% | 3,17% | 3,9% | 0% |

41. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **2019-2020** | **2020-2021** | **2021- 2022** | **2022- 2023** | **2023- 2024** |
| 1. Tổng diện tích phòng ở (m2) | 2520 | 2520 | 2520 | 2520 | 2520 |
| 2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người) | 63 | 78 | 63 | 51 | 72 |
| 3. Người học được ở trong ký túc xá (người) | 63 | 78 | 63 | 51 | 72 |
| 4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m2/người) | 5 | 5 | 5 | 5 | 5 |

42. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Năm học** | | | | |
| **2019-2020** | **2020-2021** | **2021- 2022** | **2022- 2023** | **2023- 2024** |
| Số lượng (người) | 3 | 4 | 5 | 3 | 0 |
| Tỷ lệ (%) trên tổng số SV | 5 | 5,1 | 7,9 | 5,8 | 0 |

43. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

*Đơn vị: người*

| **Các tiêu chí** | **Năm tốt nghiệp** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** |
| 1. NCS bảo vệ thành công luận án tiến sĩ | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2. HV tốt nghiệp cao học | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3. SV tốt nghiệp ĐH  Trong đó: |  |  |  |  |  |
| Hệ chính quy | 24 | 21 | 18 | 12 | 8 |
| Hệ không chính quy | 69 | 25 | 46 |  |  |
| 4. SV tốt nghiệp cao đẳng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 6. Khác… | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

*(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)*

44. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

| **Các tiêu chí** | **Năm tốt nghiệp** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** |
| 1. Số lượng người học tốt nghiệp (người). | 24 | 21 | 18 | 12 | 8 |
| 2. Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%). | 92,31% | 91,30% | 94,74% | 85,71% | 80% |
| 3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:  A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này  chuyển xuống câu 4  B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này  điền các thông tin dưới đây: | B | B | B | B | - |
| 3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%). | 100 | 100 | 100 | 100 | - |
| 3.2. Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%). | 0 | 0 | 0 | 0 | - |
| 3.3. Tỷ lệ người học trả lời *không* học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp | 0 | 0 | 0 | 0 | - |
| 4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:  A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này  chuyển xuống câu 5  B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này  điền các thông tin dưới đây: | B | B | B | B |  |
| 4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%). | 72 | 81,1 | 78,6 | 95,2 | - |
| 4.2. Tỷ lệ người học có việc làm khác ngành đào tạo (%). | 14 | 0 | 17,9 | 4,8 | - |
| 4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm. (triệu/người/tháng) | 15 | 15 | 15 | 15 | - |
| 5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:  A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này  chuyển xuống kết thúc bảng này.  B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này  điền các thông tin dưới đây: | A | A | A | A | - |
| 5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%). |  |  |  |  |  |
| 5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%). |  |  |  |  |  |
| 5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%). |  |  |  |  |  |

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

**VI. NCKH và chuyển giao công nghệ**

45. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phân loại đề tài** | **Hệ  số\*\*** | **Số lượng** | | | | | | |
| **2018** | **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | **Tổng (đã quy đổi)** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| 1 | Đề tài cấp NN | 2,0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Đề tài cấp Bộ\* | 1,0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Đề tài cấp tỉnh | 1,0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Đề tài cấp trường | 0,5 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 | 3 |
|  | **Tổng** |  | **1** | **1** | **1** | **1** | **1** | **1** | **3** |

Cách tính: Cột 10 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

*\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.*

*\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).*

Tổng số đề tài quy đổi: 3

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT: **0,17.**

46. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

| **TT** | **Năm** | **Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)** | **Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)** | **Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu**  **(triệu VNĐ/ người)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 2019 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | 2020 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | 2021 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | 2022 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | 2023 | 0 | 0 | 0 |

47. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

| **Số lượng đề tài** | **Số lượng cán bộ tham gia** | | | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đề tài cấp NN** | **Đề tài cấp Bộ\*** | **Đề tài cấp trường** |
| Từ 1 đến 3 đề tài | 0 | 0 | 1 |  |
| Từ 4 đến 6 đề tài | 0 | 0 | 0 |  |
| Trên 6 đề tài | 0 | 0 | 0 |  |
| Tổng số cán bộ tham gia | 0 | 0 | 1 |  |

*\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước*

48. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

| **TT** | **Phân loại sách** | **Hệ  số\*\*** |  | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2018** | **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | **Tổng (đã quy đổi)** |
| 1 | Sách chuyên khảo | 2,0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Sách giáo trình | 1,5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Sách tham khảo | 1,0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Sách hướng dẫn | 0,5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Tổng |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): **10**

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **0,35**

49. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lượng sách** | **Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách** | | | |
| **Sách chuyên khảo** | **Sách giáo trình** | **Sách tham khảo** | **Sách hướng dẫn** |
| Từ 1 đến 3 cuốn sách | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Từ 4 đến 6 cuốn sách | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Trên 6 cuốn sách | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tổng số cán bộ tham gia | 0 | 0 | 0 | 0 |

50. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

| **TT** | **Phân loại tạp chí** | **Hệ  số\*\*** | **Số lượng** | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | **Tổng (đã quy đổi)** |
| 1 | Tạp chí khoa học quốc tế | 1,5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước | 1,0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Tạp chí / tập san của cấp trường | 0,5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Tổng |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): **0**

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **0**

51. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí** | **Nơi đăng** | | |
| **Tạp chí khoa học quốc tế** | **Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước** | **Tạp chí /tập san cấp trường** |
| Từ 1 đến 5 bài báo | 6 | 5 | 6 |
| Từ 6 đến 10 bài báo | 0 | 20 | 0 |
| Từ 11 đến 15 bài báo | 0 | 0 | 0 |
| Trên 15 bài báo | 0 | 0 | 0 |
| Tổng số cán bộ tham gia | **6** | **25** | **6** |

52. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Phân loại hội thảo** | **Hệ  số\*\*** | **Số lượng** | | | | | |
| **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | **Tổng (đã quy đổi)** |
| 1 | Hội thảo quốc tế | 1,0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Hội thảo trong nước | 0,5 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Hội thảo cấp trường | 0,25 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Tổng |  | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

*(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)*

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): **0**

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: **0**

53. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

| **Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo** | **Cấp hội thảo** | | |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hội thảo quốc**  **tế** | **Hội thảo  trong nước** | **Hội thảo ở trường** |
| Từ 1 đến 5 báo cáo | 0 | 0 | 0 |
| Từ 6 đến 10 báo cáo | 0 | 0 | 0 |
| Từ 11 đến 15 báo cáo | 0 | 0 | 0 |
| Trên 15 báo cáo | 0 | 0 | 0 |
| Tổng số cán bộ than gia | 0 | 0 | 0 |

*(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của trường)*

54. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (lưu ý ngành GDQP-AN đánh giá từ 2017 – 2021)

|  |  |
| --- | --- |
| **Năm học** | **Số bằng phát minh, sáng chế được cấp**  **(ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)** |
| 2017 -2018 | 0 |
| 2018-2019 | 0 |
| 2019-2020 | 0 |
| 2020-2021 | 0 |
| 2021-2022 | 0 |

55. NCKH của người học

55.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lượng đề tài** | **Số lượng người học tham gia** | | | **Ghi chú** |
| **Đề tài cấp NN** | **Đề tài cấp Bộ\*** | **Đề tài cấp trường** |
| Từ 1 đến 3 đề tài | 0 | 0 | 1 |  |
| Từ 4 đến 6 đề tài | 0 | 0 | 0 |  |
| Trên 6 đề tài | 0 | 0 | 0 |  |
| Tổng số người học tham gia |  |  |  |  |

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

55.2. Thành tích NCKH của SV:

*(Thống kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)*

| **TT** | **Thành tích NCKH** | **Số lượng** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2019** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** |
| 1 | Số giải thưởng NCKH, sáng tạo | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Số bài báo được đăng, công trình được công bố | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

**VII. Cơ sở vật chất, thư viện**

56. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục (tính bằng ha): 44,12 ha

57. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT (tính bằng m2): 180 m2

58. Diện tích sử dụng cho một số hạng mục (tính bằng m2):

- Nơi làm việc: 3.266 m2

- Phòng học: 51.054 m2

- Xưởng thực tập, thực hành: 8.368 m2

- Phòng thí nghiệm: 10,143 m2

- Phòng thực hành CNTT, ngoại ngữ, nhạc họa…: 7,886 m2

- Thư viện: 9,952 m2

- Sân chơi, bãi tập: Diện tích sân tập, thi đấu TDTT 26,823 m2: Diện tích nhà thi đấu đa năng: 2,766 m2

- Ký túc xá: 48,799 m2

59. Diện tích phòng học (tính bằng m2)

- Tổng diện tích phòng học: 51.054 m2

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,6 m2/1 sv

60. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Trung tâm Thông tin - Thư viện: 1.793 đầu sách

61. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 330 bộ cho toàn trường (Số máy tính dùng cho hệ thống văn phòng khoa: 06 bộ)

- Dùng cho người học học tập: 1.116 bộ cho toàn bộ SV chính quy của trường

- Tỷ số số máy tính dùng cho người học/người học chính quy: 0,057 máy tính/ 1 người học chính quy

**VIII.Tóm tắt một số chỉ số quan trọng**

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 18

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 94,73%

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 5,56 %

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT (%): 66,67%

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 80

Tỷ số người học chính quy trên GV: 5,4

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): trên 80 %.

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 85,2%

Tỷ lệ người học trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 4,1%.

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%): trên 90%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%): 10%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm (triệu VNĐ): 15 triệu đồng/tháng

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%):

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,7

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 62,10 triệu đồng/1 cán bộ

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,36

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 3,9

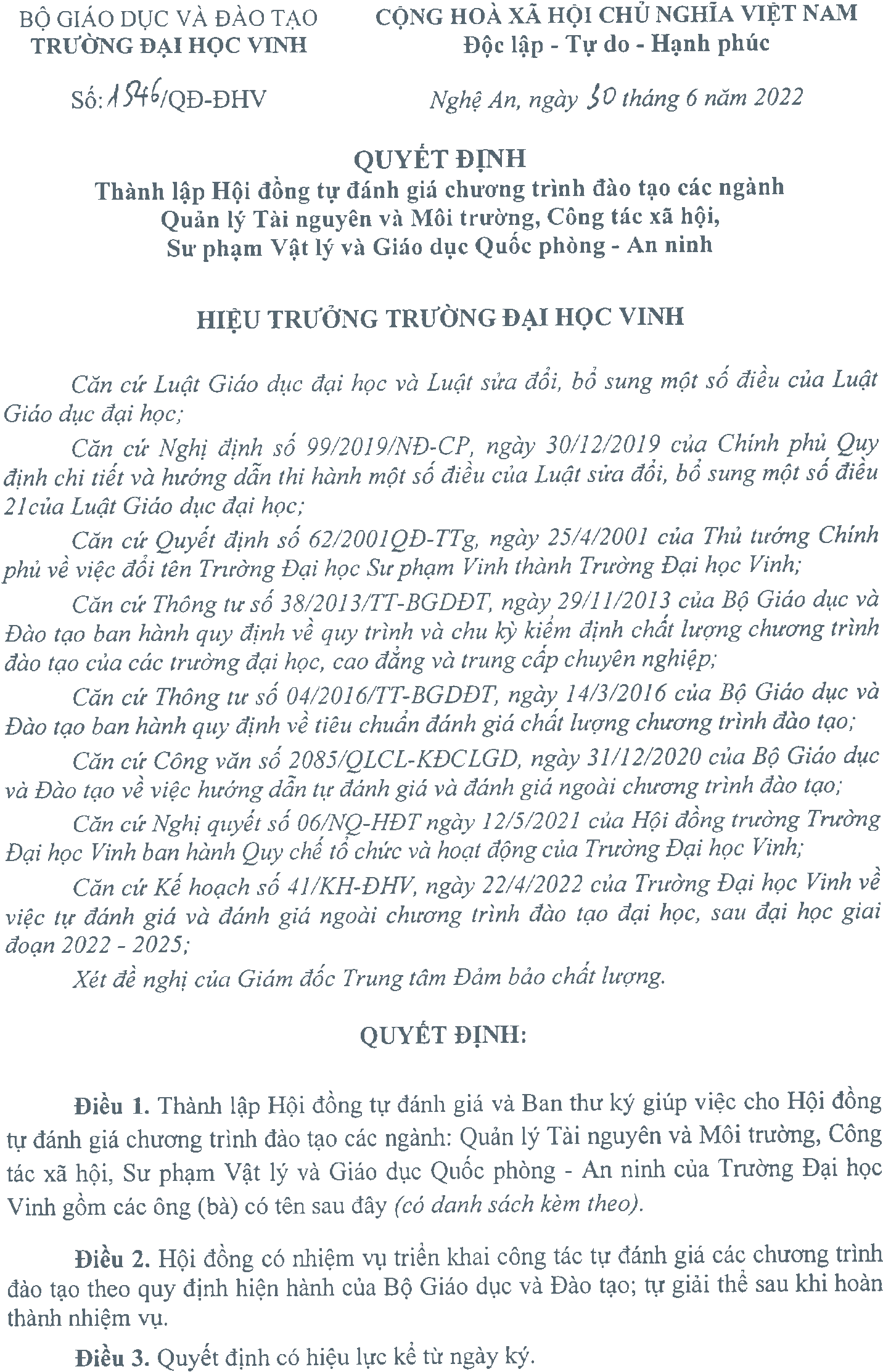
Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 0,72

7. Cơ sở vật chất:

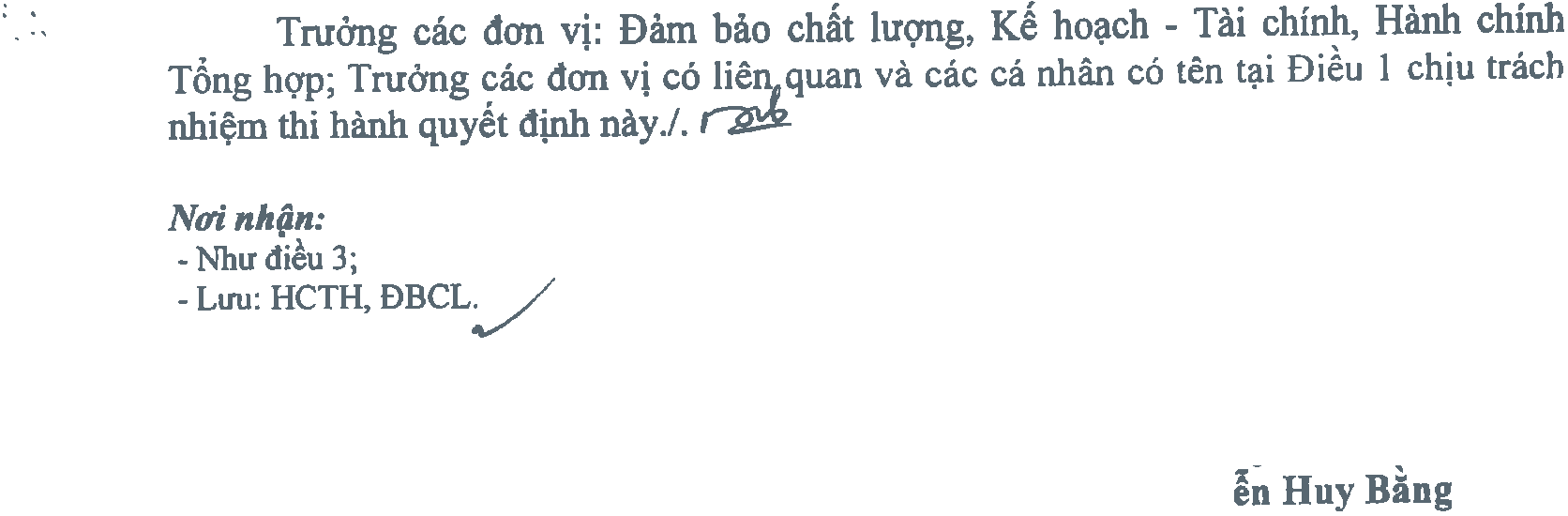
Tỷ số máy tính dùng cho người học trên người học chính quy: 0,06.

Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 2,6 m2

Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 3,8 m2

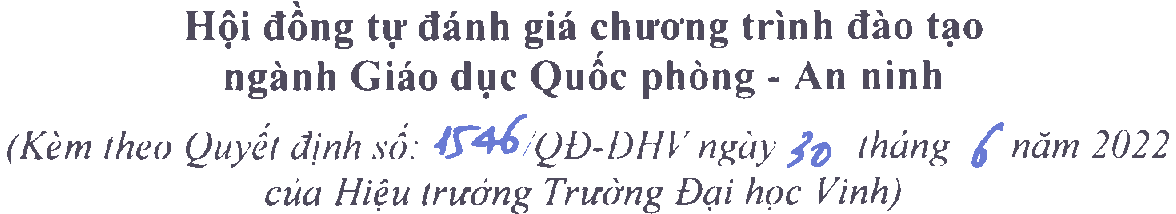


Ảnh có chứa văn bản, hình vẽ, bản phác thảo, Tác phẩm nghệ thuật của trẻ con

Mô tả được tạo tự động

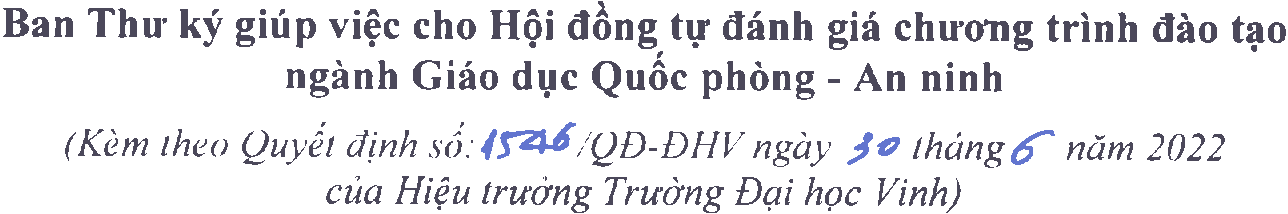
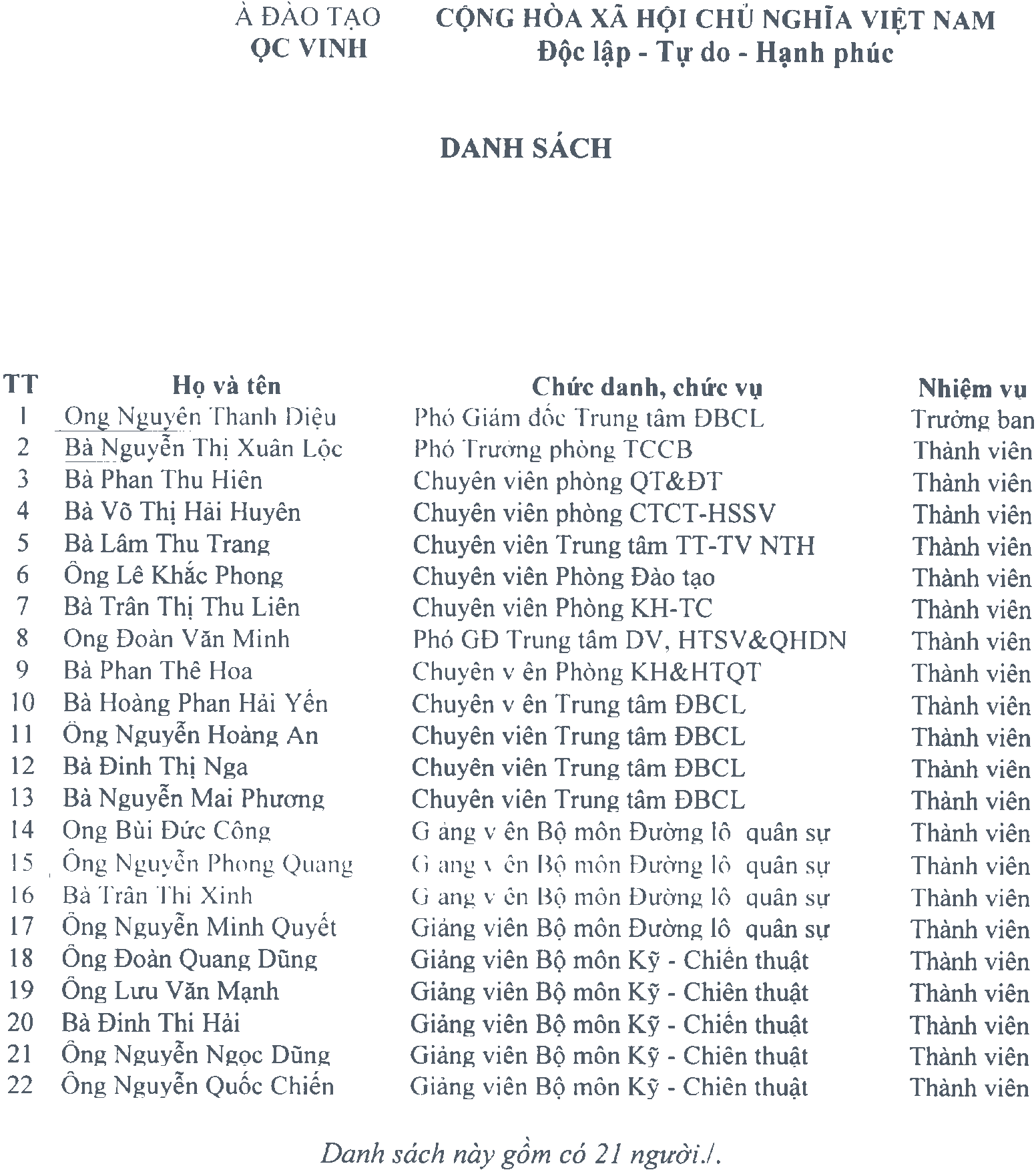
Ảnh có chứa văn bản, chữ viết tay, Song song, biểu đồ

Mô tả được tạo tự động



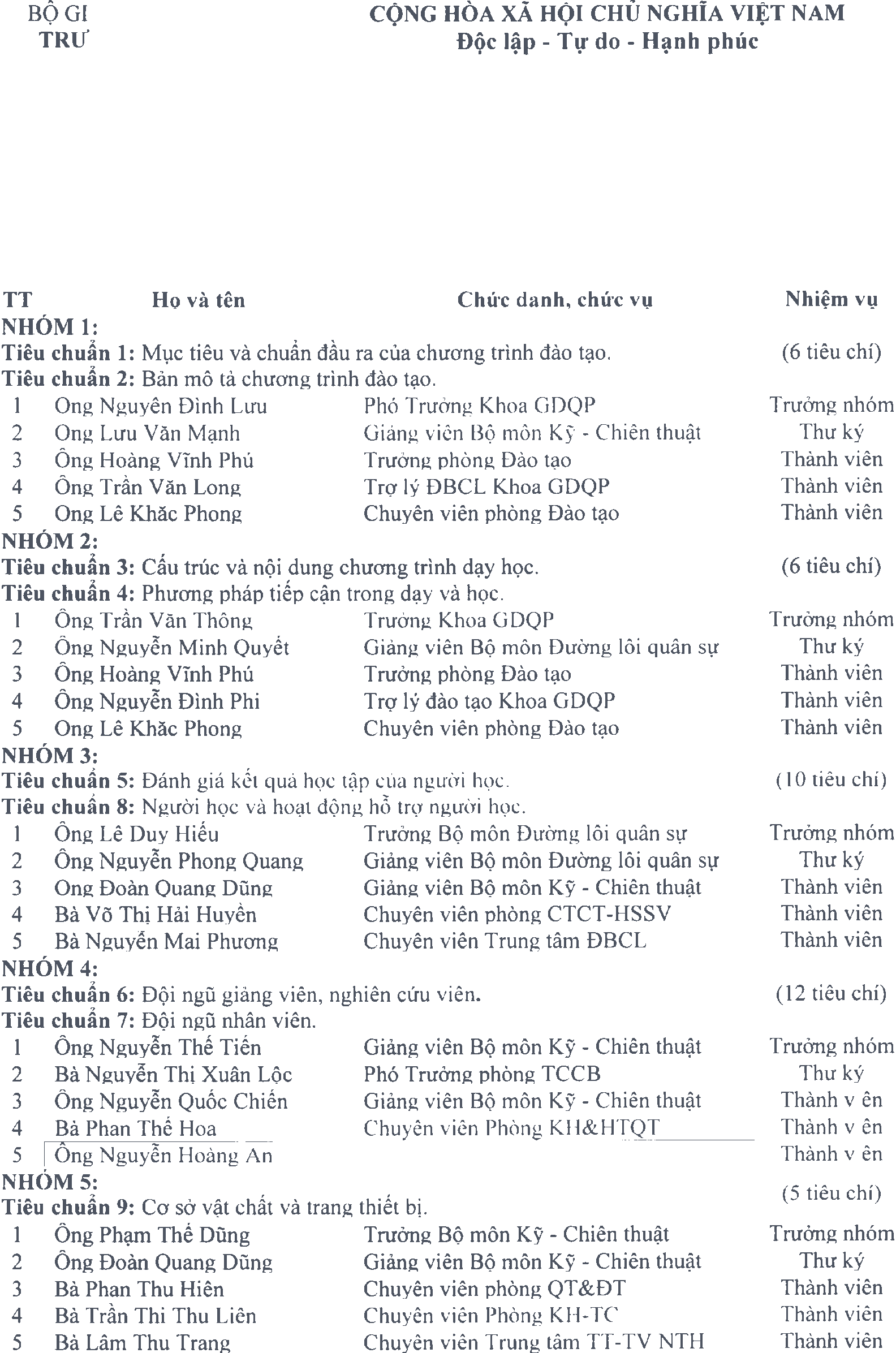
Ảnh có chứa văn bản, chữ viết tay, biên lai, tài liệu

Mô tả được tạo tự động



Ảnh có chứa văn bản, chữ viết tay, tài liệu, số

Mô tả được tạo tự động

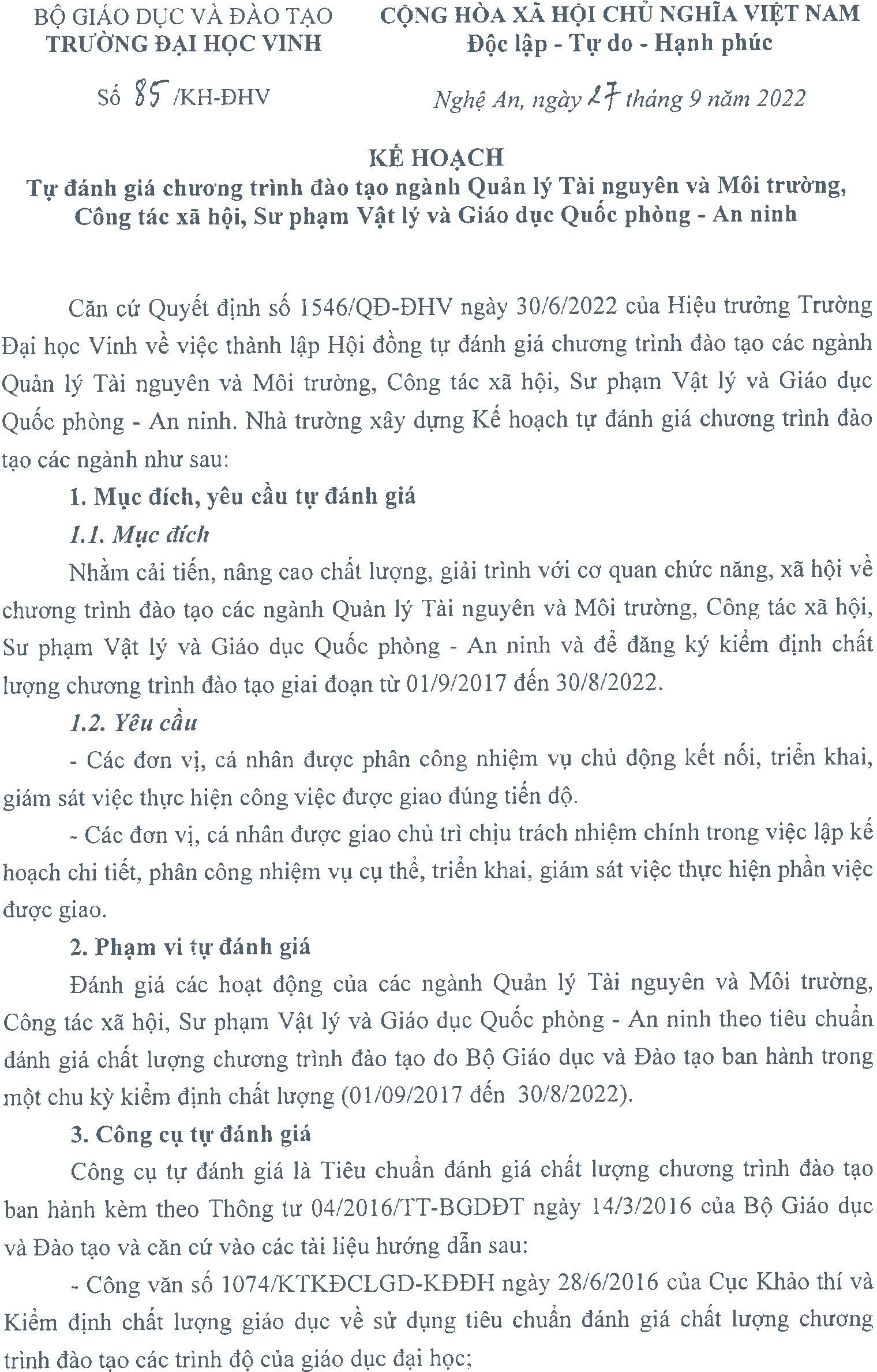


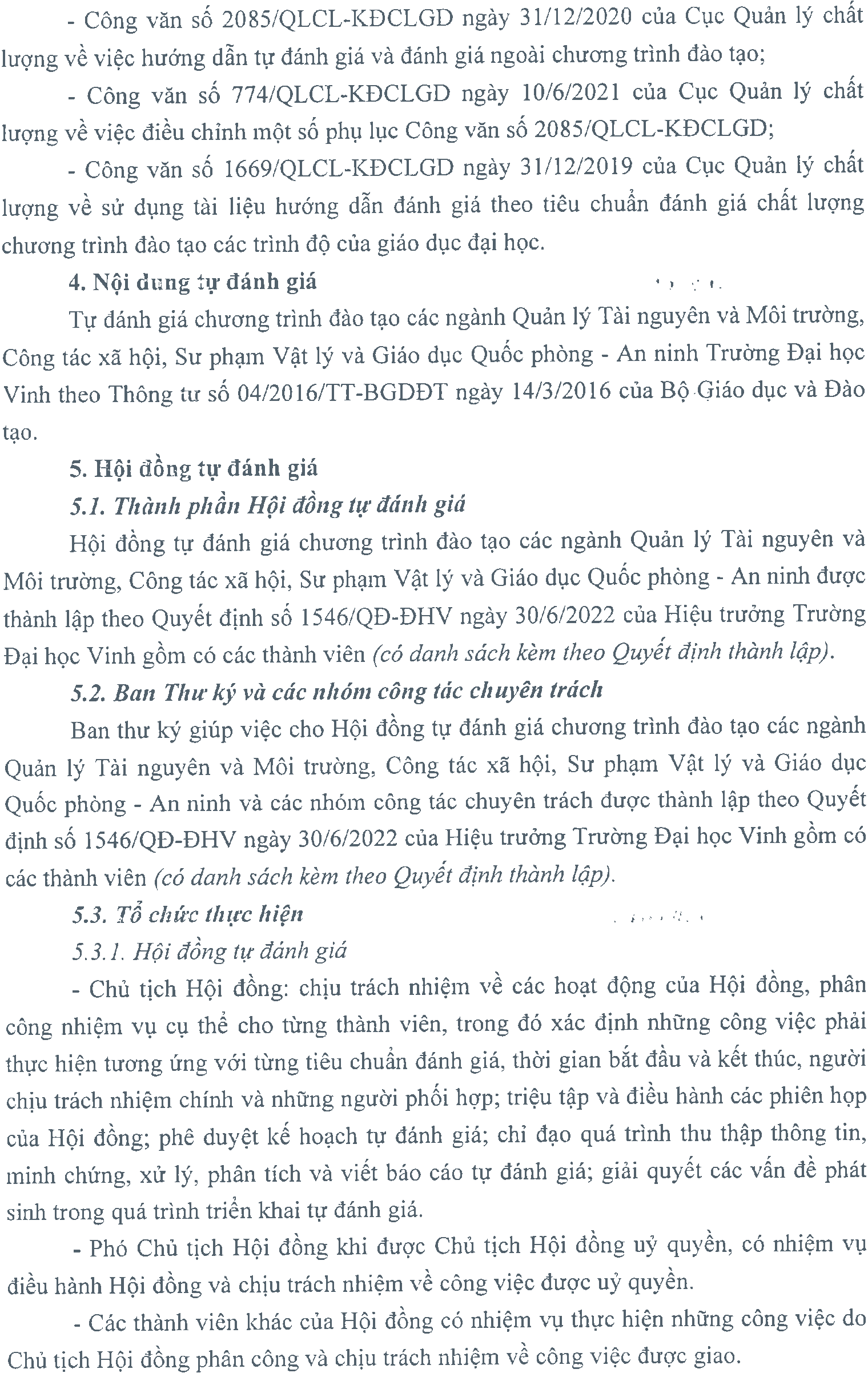
Ảnh có chứa văn bản, biên lai, bản phác thảo, chữ viết tay

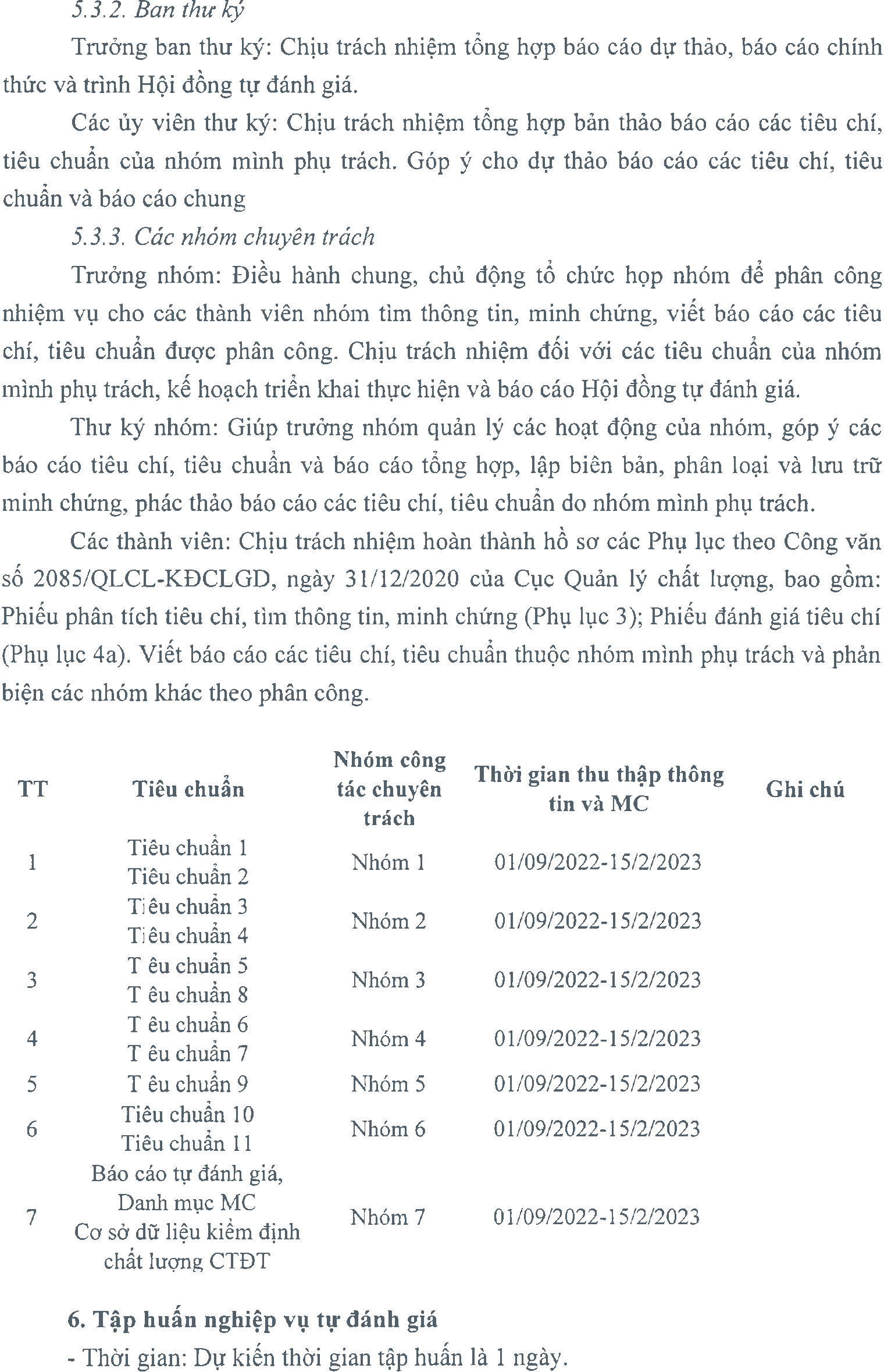
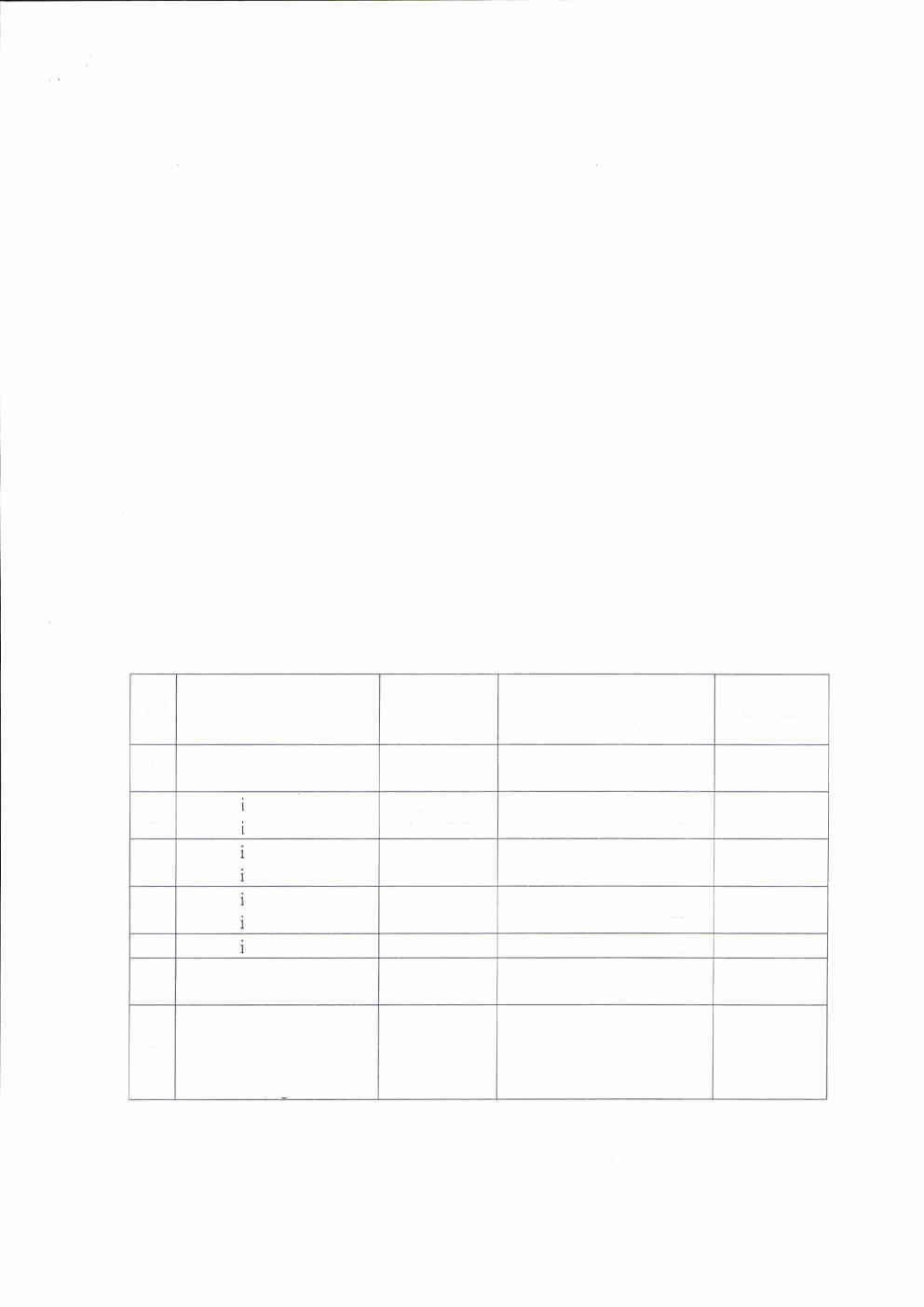
Mô tả được tạo tự động

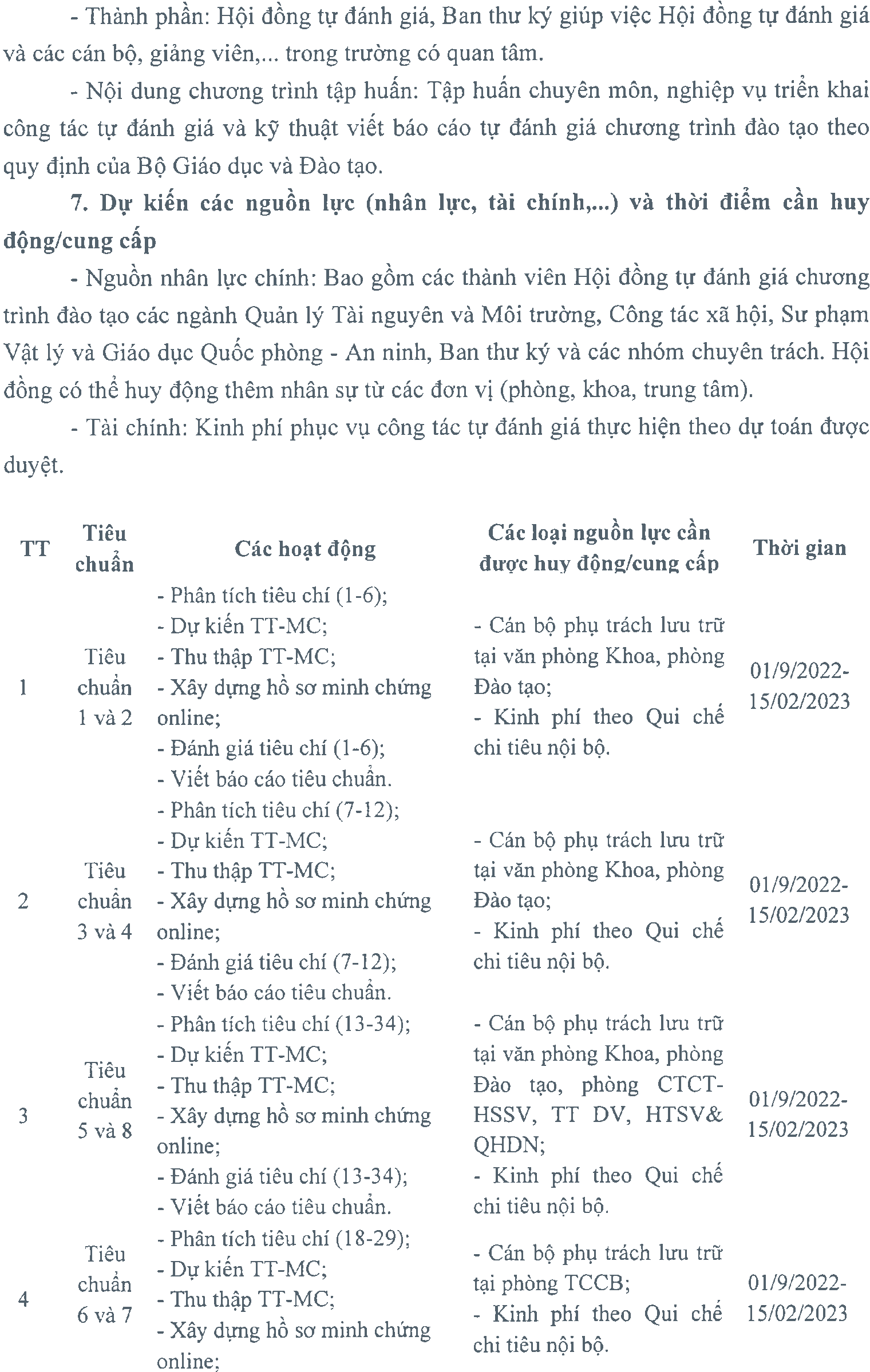
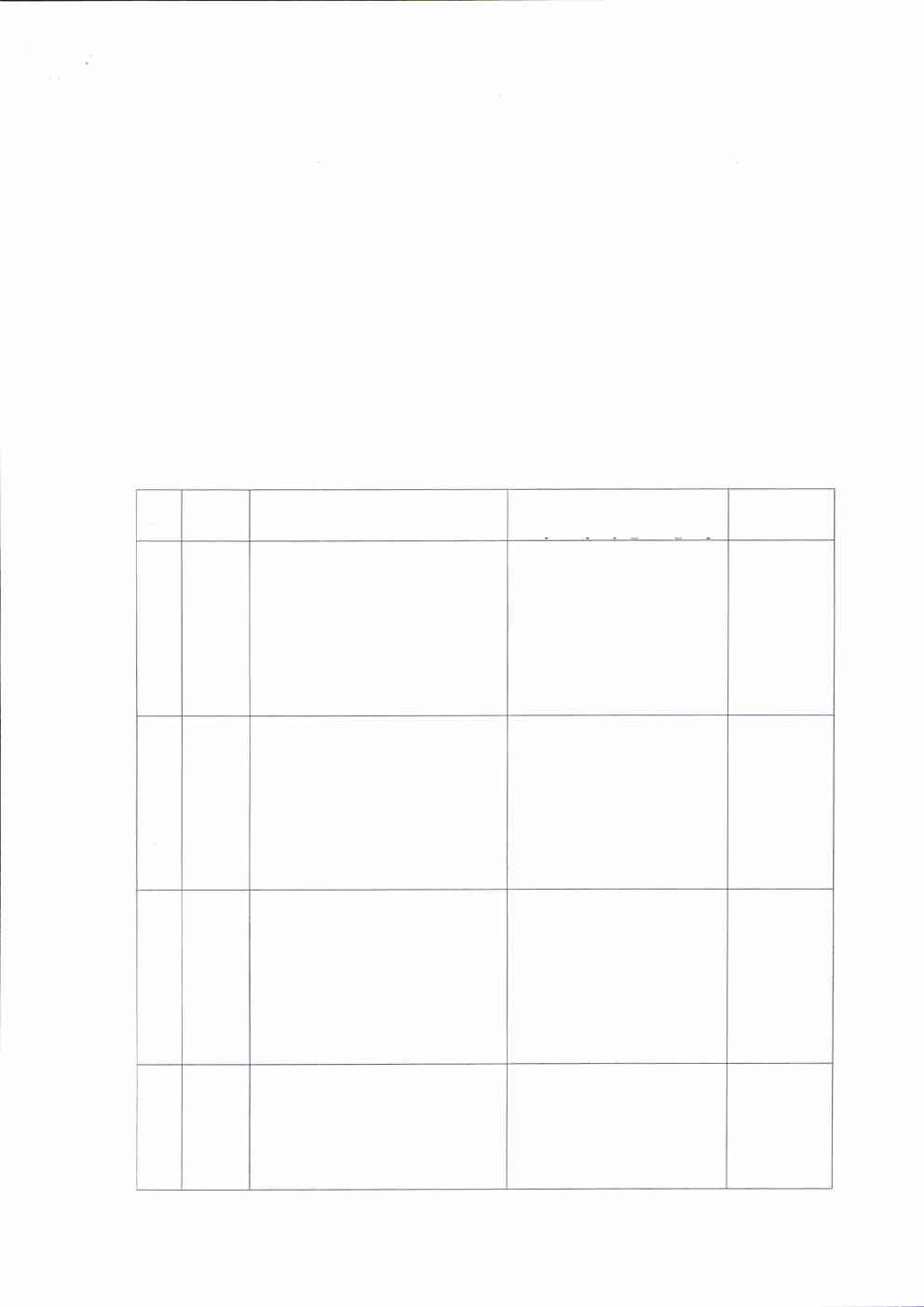
Ảnh có chứa văn bản, ảnh chụp màn hình, Phông chữ

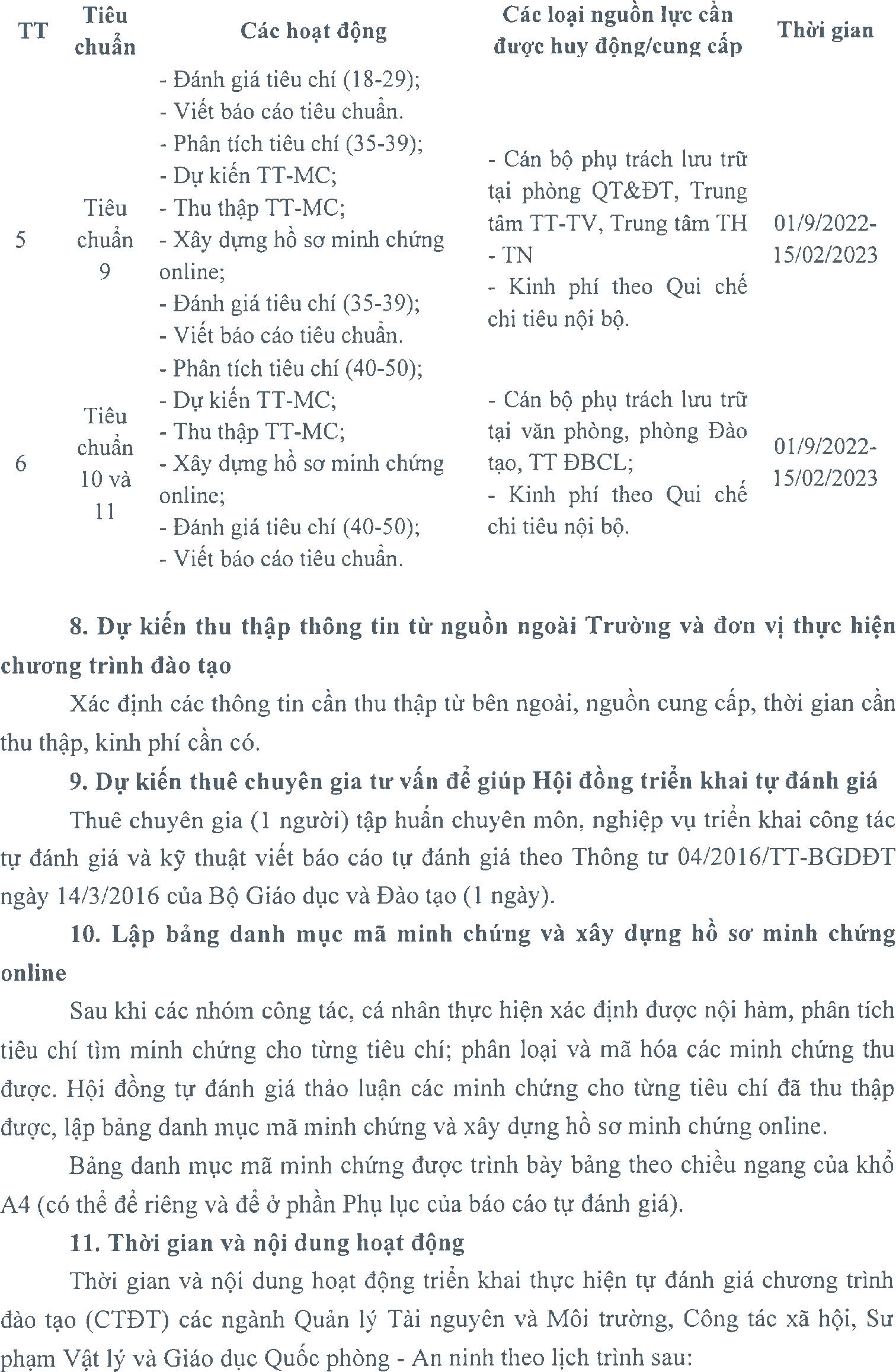
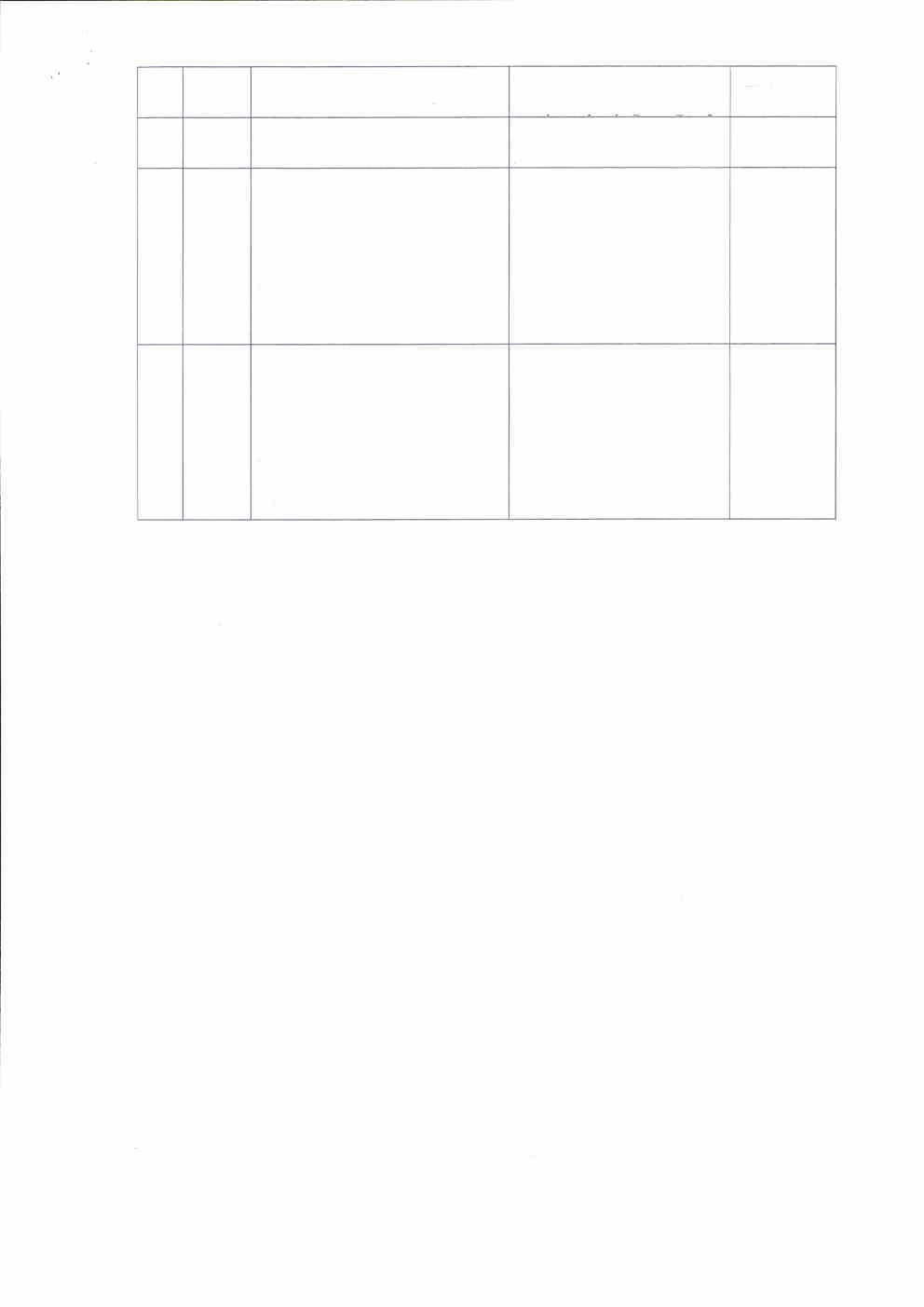
Mô tả được tạo tự động

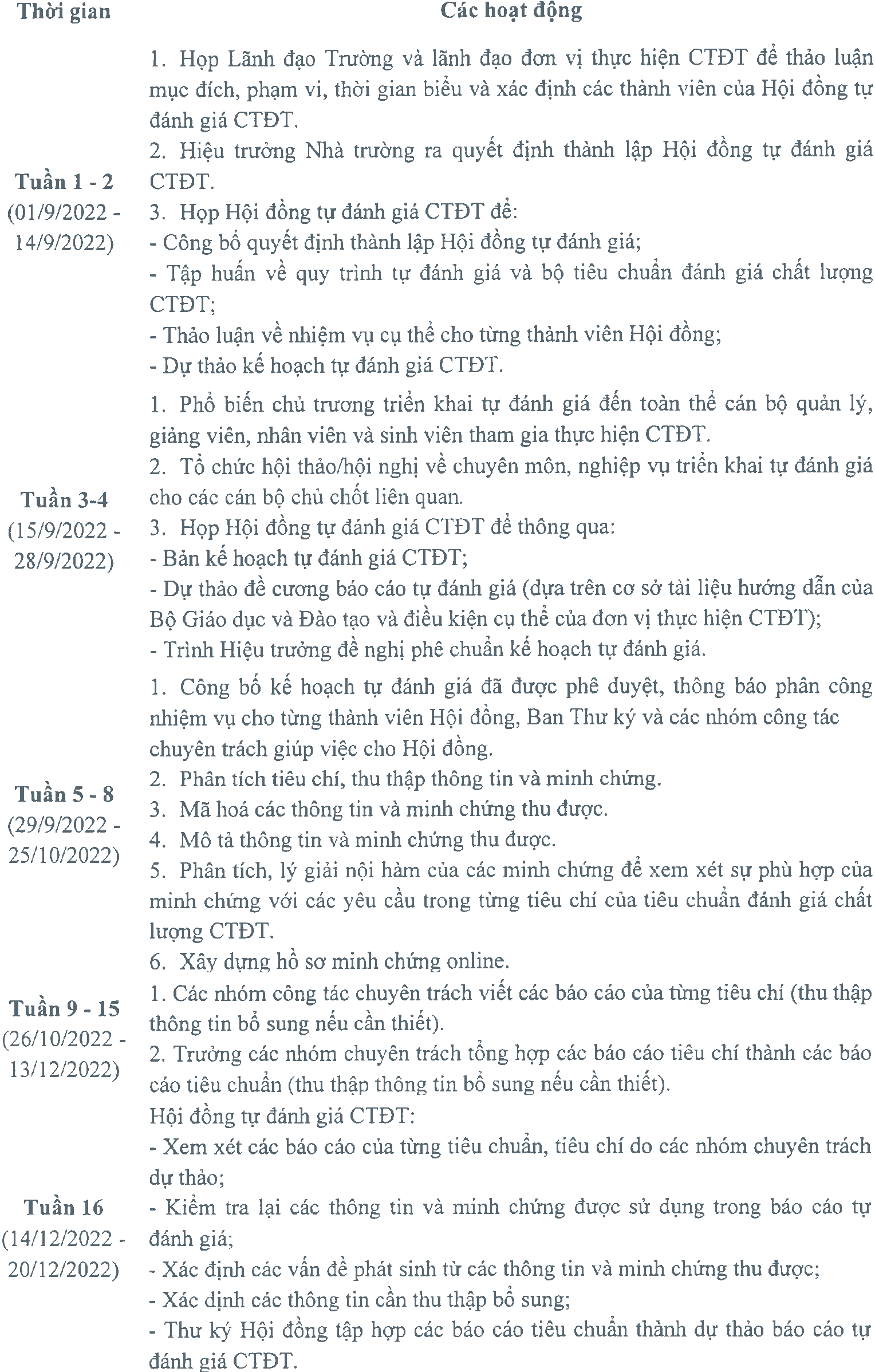
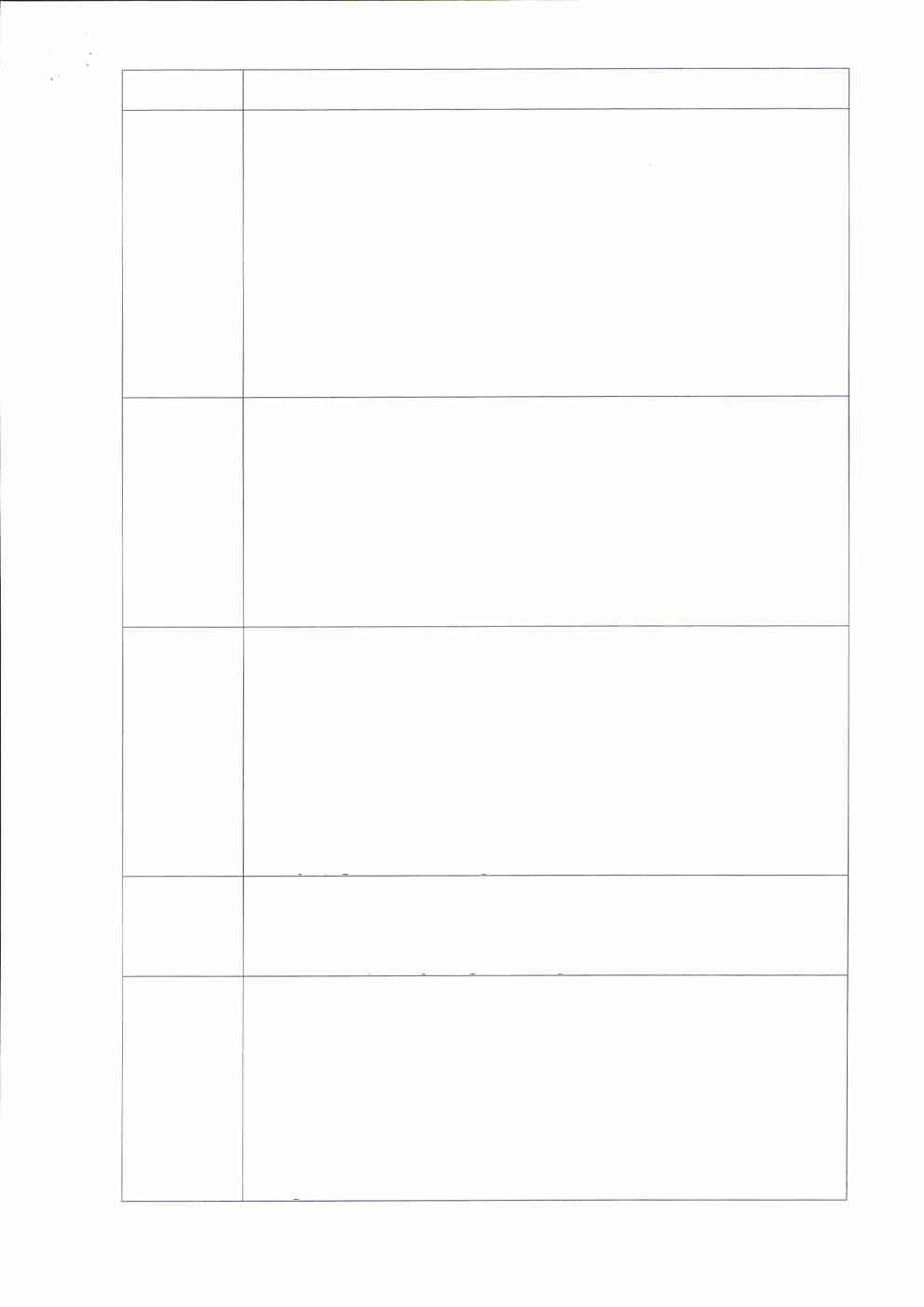


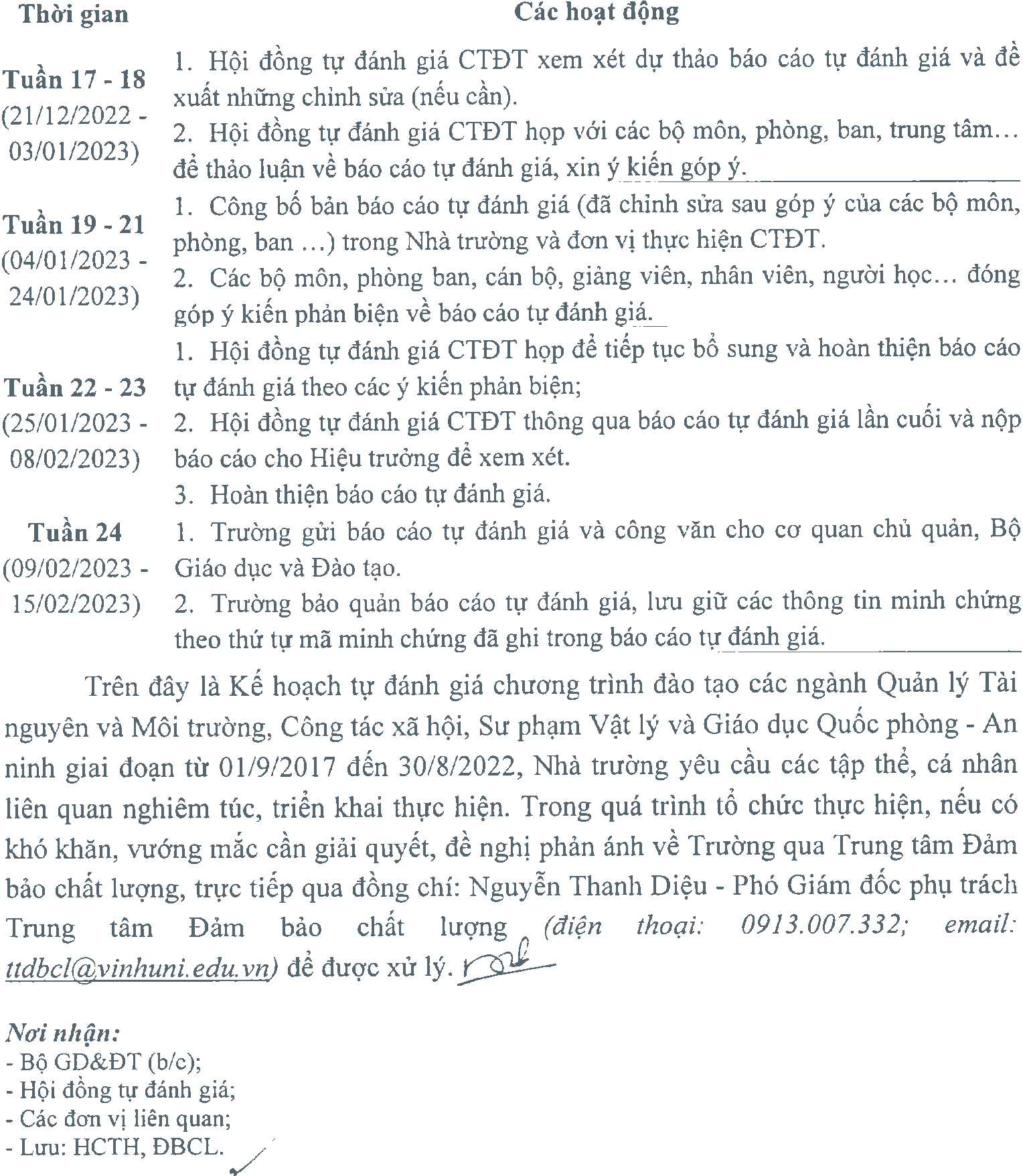
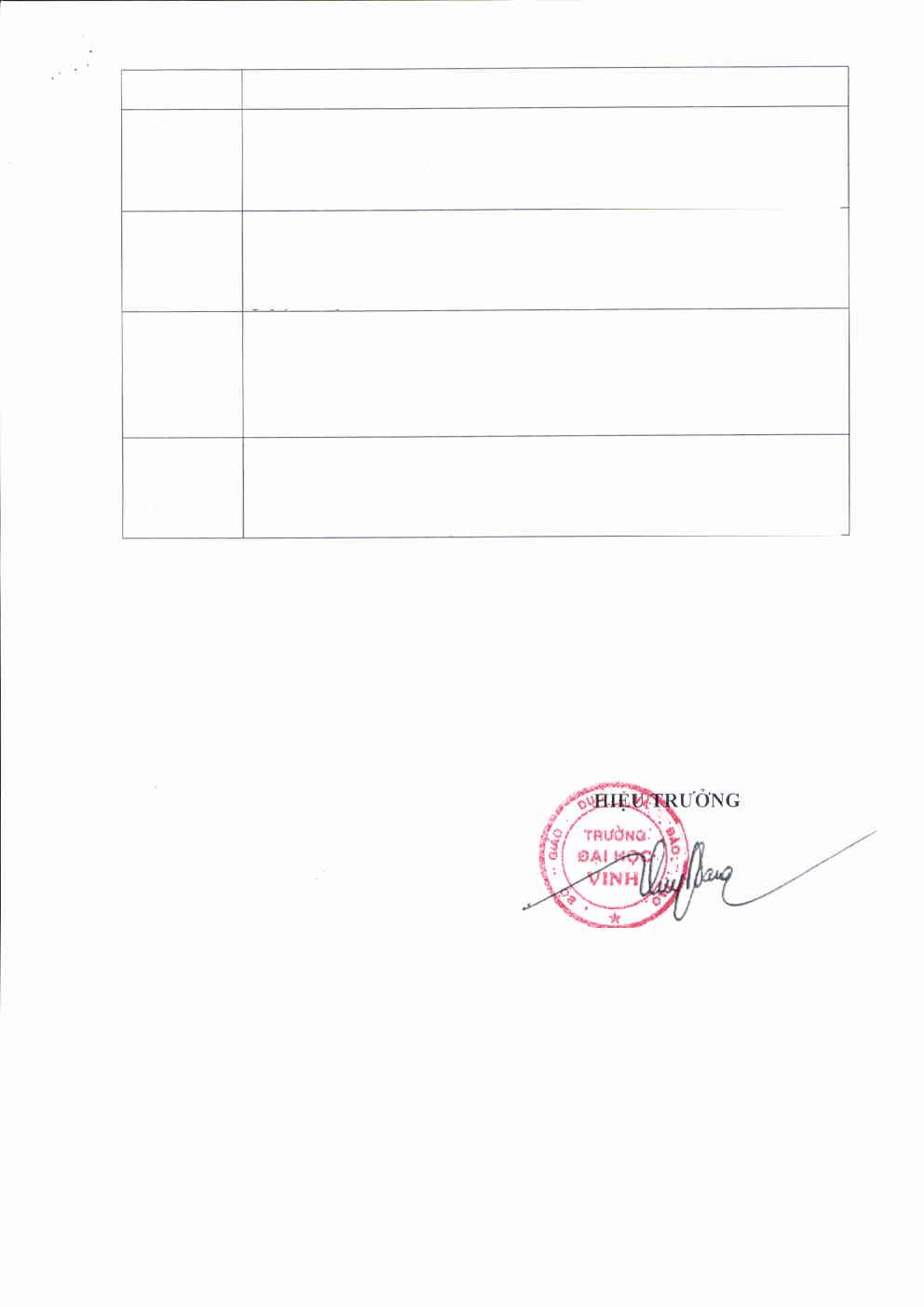














1. Cán bộ cơ hữu là cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên trong biên chế và cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) hoặc cán bộ hợp đồng không xác định thời hạn theo quy định của Luật lao động sửa đổi. [↑](#footnote-ref-1)
2. Giảng viên thỉnh giảng là cán bộ ở các cơ quan khác hoặc cán bộ nghỉ hưu hoặc diện tự do được đơn vị thực hiện chương trình đào tạo mời tham gia giảng dạy theo những chuyên đề, khoá học ngắn hạn hoặc theo các học phần, thông thường được ký các hợp đồng thời vụ, hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) theo quy định của Luật lao động sửa đổi. [↑](#footnote-ref-2)
3. Hợp đồng dài hạn (sử dụng ở đây) bao gồm hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn. [↑](#footnote-ref-3)